NĂM THỨ MƯỜI BA • # 145 • MAY 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

MỘT PHIÊN TÒA **VÕ DOÃN NHẪN**

TẶNG VẬT **NGUYỄN VĂN THÀ**

TRỊNH CÔNG SƠN **NHIỀU TÁC GIẢ**

Cơ Hội Ngàn Vàng Lại Đến Với Qúy Bạn!

KHÔNG LẼ BẠN BỎ LỠ CƠ HỘI KHÔNG GIA NHẬP MỘT CƠ SỞ VỚI 155 NĂM KINH NGHIỆM VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIÚP BẠN NÂNG CAO TAY NGHỀ MÀ CÒN ĐƯỢC THÊM VÔ SỐ LỢI NHUẬN HẤP DẪN KHÁC NỮA SAO?

New York Life. Thành lập từ năm 1845, New York Life là một trong những cơ sở bảo hiểm và dịch vụ tài chánh hàng đầu tại Hoa Kỳ ngày nay. New York Life hiện đang tuyển mộ những vị đại diện có tài tháo vát và nhiệt tình để bổ sung vào lực lượng rao hàng của chúng tôi. Hiện nay, cơ hội ngàn vàng lại đến với qúy bạn. Hãy gia nhập ngay đội ngũ của một hãng uy tín nhất có khả năng đem lại cho qúy bạn không những tay nghề cao mà còn nhiều dịch vụ đầy lợi lộc hấp dẫn khác nữa!

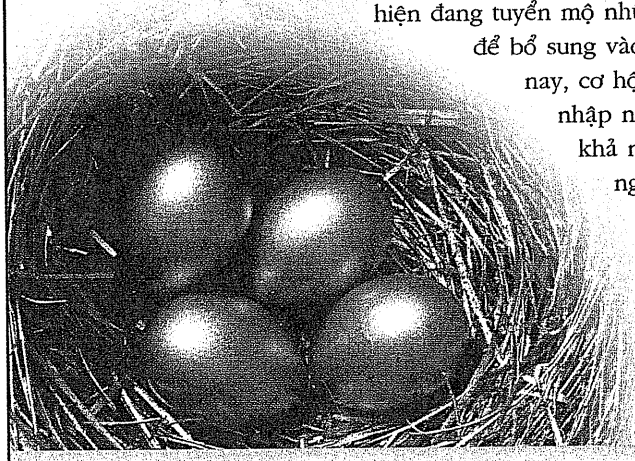

Còn chần chờ gì nữa?
Gọi ngay cho chúng tôi!

EOE M/F/D/V

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

MỘT CHƯƠNG TRÌNH VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH

ĐẦY MÀU SẮC, GỢI NHỚ CẢ MỘT KHUNG TRỜI KỶ NIỆM

VIDEO Paris by Night 58

Chủ Đề:

NHỮNG SẮC MÀU TRONG KỶ NIỆM

* Trên một sân khấu huy hoàng, màu sắc rực rỡ, ánh sáng đẹp mắt

* Mỗi bài hát đều được viết từ kỷ niệm của đời người, của cuộc tình

* Tất cả khán giả dự kiến đều hài lòng, thỏa mãn trước công trình nghệ thuật giá trị mà mọi người cho là tuyệt vời hơn cả Show Long Beach 2000

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt ĐẶC BIỆT của 2 Nhạc Sĩ:
CUNG TIẾN & TỪ CÔNG PHỤNG

KHÁNH LY - KHÁNH HÀ - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - LOAN CHÂU - NGỌC ÁNH - CHÂU NGỌC
PHI NHUNG - TRÚC LINH - TRÚC LAM - BẢO HÂN
LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG DIỄM HẠNH
NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ
MẠNH QUỲNH - ĐON HỒ - THẾ SƠN - TOMMY NGÔ
QUỐC HÙNG - LAY MINH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT
Ban nhạc LIBERTY & vũ đoàn PARIS BY NIGHT

Vở hài kịch đặc biệt: ĐAM MÊ SÂN KHẤU
do Nhóm Kịch Thúy Nga trình diễn bởi:
Hồng Đào, Trang Thanh Lan, Quang Minh và Chí Tài.
Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

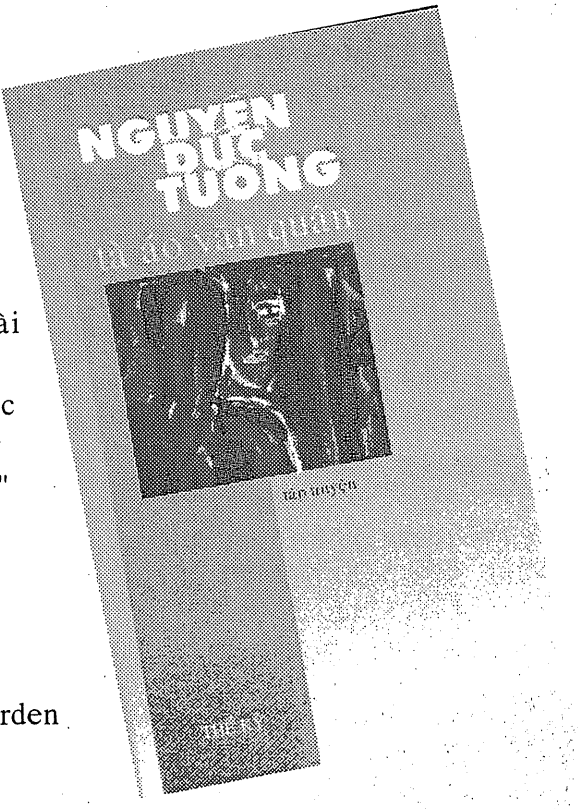

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...
Tình chập chờn như tà áo bay.
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá US$16.00

THẾ KỶ
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 - USA
Tel: (714) 839-8746.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

CHIÊU NIỆM VĂN CHƯƠNG
Vũ Hoàng Chương, Lịch sử Thơ
của **VIÊN LINH**
Đây là cuốn I của một bộ gồm nhiều cuốn viết về các nhà văn, nhà thơ, văn nghệ sĩ, trí thức Việt Nam đã bỏ mình vì chế độ cộng sản độc tài. Giá 10 Mỹ kim

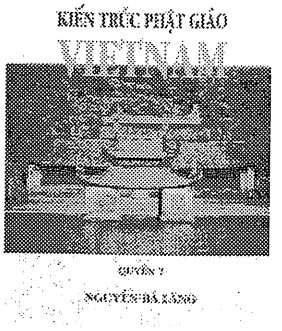

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(quyển 2)
của **NGUYỄN BÁ LĂNG**
Sách khổ lớn, nghiên cứu với nhiều hình ảnh kiến trúc của tất cả các chùa chiền Việt Nam.. Giá 15 Mỹ kim

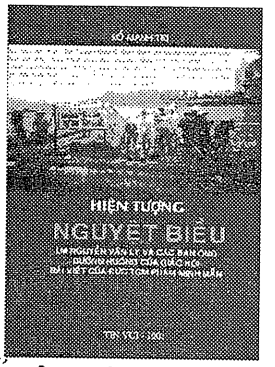

HIỆN TƯỢNG NGUYỆT BIỂU
của **Giáo sư ĐỖ MẠNH TRI**
Hồ sơ, tài liệu và nhận định đầy đủ nhất về cuộc tranh đấu của Linh mục Nguyễn Văn Lý và giáo dân tại giáo xứ Nguyệt Biểu. Giá 10 Mỹ kim

NHỮNG NỖI ĐAU ĐỜI
Tập truyện của **THANH THƯƠNG HOÀNG**
Những truyện ngắn và cực ngắn hầu hết được viết khi tác giả còn ở trong nước, sau mười năm ở tù cải tạo. *"... nó là chứng tích, là nỗi đau đến chết chẳng rời, đã và đang bám chặt lấy mỗi thân phận..."* (Tạ Tỵ). Giá 14 Mỹ kim

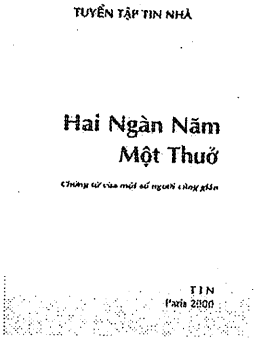

HAI NGÀN NĂM MỘT THUỞ
Chứng từ của một số người Công giáo Mười lăm trí thức Công giáo đã trình bày cái nhìn của mình về nhược điểm và ưu điểm của giáo hội Công giáo, về trách nhiệm người Công giáo đối với đất nước Việt Nam, các ưu tiên để phục vụ quê hương và giáo hội v.v... Giá 10 Mỹ kim

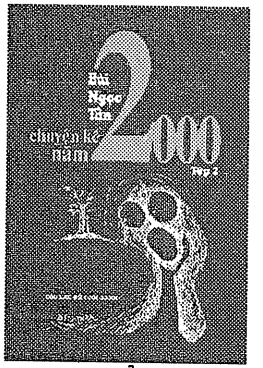

CHUYỆN KỂ NĂM 2000
Tiểu thuyết của **BÙI NGỌC TẤN**
Vừa mới ra mắt, cuốn sách này đã được nhiều nhà phê bình văn học so sánh với các tác phẩm cùng loại đoạt giải thưởng Nobel, và cho thấy nó không hề thua kém. Đây là một bùng nổ lớn nhất của văn học Việt Nam vào cuối thế kỷ 20.
Trọn bộ hai cuốn. Giá mỗi cuốn 14 Mỹ kim.

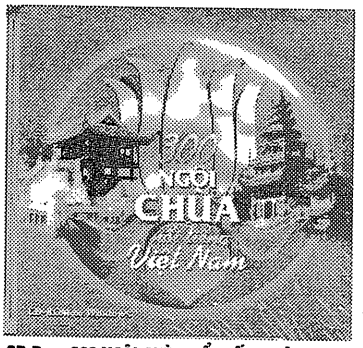

CD-Rom 300 NGÔI CHÙA NỔI TIẾNG VIỆT NAM
Hình ảnh và tóm tắt lịch sử 300 ngôi chùa nổi tiếng nhất. Niên đại và sự hình thành các ngôi chùa. Hơn 2200 ảnh màu. Âm thanh tự động, rõ ràng.

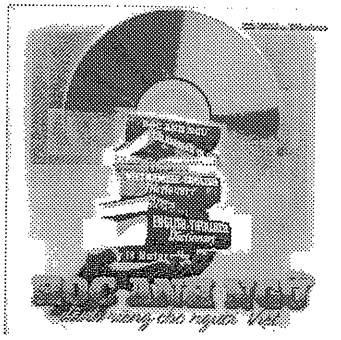

CD-Rom HỌC ANH NGỮ
Dành riêng cho Người Việt. Luyện nghe tiếng Anh theo giáo trình Headway. Luyện nghe tiếng Mỹ theo New American Streamline. Có hướng dẫn trên cùng màn ảnh (Online Help). Giá 10 Mỹ kim

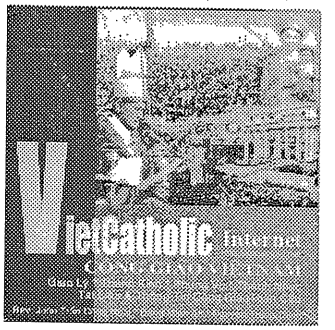

VIETCATHOLIC - Đĩa CD của Rev. **JOHN TRẦN CÔNG NGHỊ, ĐẶNG MINH AN, NGUYỄN TRUNG THÀNH**
Giáo lý * Thánh Kinh * Phụng Vụ * Thánh Nhạc Tài Liệu & Thông Tin Công Giáo Toàn Cầu. Giá 5 Mỹ kim

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Cuốn tiểu thuyết dịch hay nhất năm 2000:

BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

Nguyên tác: **THÂM HÀ** của nhà văn **ENDO SHUSAKU**, người được đề nghị giải Nobel và đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương cao quý của Nhật Bản.
Dịch giả: **NGUYỄN VĂN THỰC** (dịch trực tiếp từ bản Nhật ngữ, với một văn phong rất Việt Nam).
Đọc **Bên Giòng Sông Hằng,** bạn sẽ tìm gặp chính mình hay bạn bè, người thân trong những câu chuyện hấp dẫn mang các chủ đề lớn:
- Chuyện Sống Chết (trong nhà thương hay trên đường rút quân)
- Vấn đề tâm linh của đôi tình nhân trẻ hay cặp vợ chồng đã xế chiều
- Vấn đề tái sinh (trong tín ngưỡng của người Á châu hay Phòng Nghiên cứu Nhân cách của Đại học Virginia, Hoa Kỳ).
- Có nên "địa phương hóa" Đức Tin Thiên Chúa giáo để thích hợp với tâm thức của từng dân tộc?

Mỗi người đều tìm được giải đáp cho mình theo lối riêng, sau khi tới *bên giòng sông Hằng* linh thiêng của xứ Ấn...
Đọc **Bên Giòng Sông Hằng,** quý bạn còn có cơ hội để hiểu hơn về xứ Ấn Độ huyền bí cùng các tôn giáo lớn của họ.
Một độc giả viết cho nhà xuất bản: "Truyện quá sức hay! Lần đầu tiên trong đời, tôi phải thức gần trọn hai đêm để đọc cho hết!"

NHỮNG CUỐN SÁCH HAY NHẤT CỦA ĐẠT LAI LẠT MA thứ 14
do Chân Huyền dịch thuật

1. "TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY"

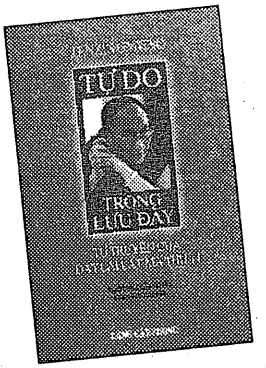

Đọc Tự Do Trong Lưu Đày, quý vị sẽ biết về cuộc đời ly kỳ và biến động của Đạt Lai Lạt Ma, đồng thời được giải đáp về rất nhiều vấn đề liên quan tới Phật Giáo (Mật tông) Tây Tạng: chuyện Hóa thân; chuyện Tái sanh, ông Đồng bà Cốt... nhìn dưới con mắt khoa học và hết sức cởi mở của tác giả.

2. SỐNG HẠNH PHÚC, CHẾT BÌNH AN

Đạt Lai Lạt Ma chỉ dạy cho chúng ta cách Sống vui - Chết đẹp - với văn phong giản dị và dễ hiểu, đặc điểm của con người đạo hạnh và khiêm cung nhất thế giới hiện nay. Ai đã đọc đều muốn tặng cho bà con thân hữu đọc.

Cả ba cuốn trên đều đã phát hành rộng rãi. Ngoài các tiệm sách, quý vị có thể mua sách tại **VinaMall.com** trên mạng lưới điện toán toàn cầu, hoặc mua qua đường Bưu điện, với giá *kể luôn cước phí trong nội địa Hoa Kỳ* như sau:
Bên Giòng Sông Hằng: **16US$**; Tự Do Trong Lưu Đày: **17US$**;
Sống Hạnh Phúc Chết Bình An: **12US$**. Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 3$ cho mỗi cuốn.

Thư từ, tiền bạc xin liên lạc: YEN TRAN,
9702 Bolsa Ave. # 112, Westminster CA 92683 - USA Tel: (714) 839-8746.
E-mail: theky21@kicon.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Huỳnh Thượng Chí**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thá i Hò a, Đinh Cườ ng**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 145 . Tháng Năm 2001

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ - KINH TẾ
17 CSVN giữa Liên Xô và Trung Quốc - **Lê Mạnh Hùng**
26 30-4 - **Lạc Lang Liêu**
28 Thương ước Việt Mỹ... - **Nguyễn Quốc Khải**
32 Sông Mekong trước nguy cơ - **Ngô Thế Vinh**

PHỎNG VẤN
37 Phỏng vấn nhà văn Dương Thu Hương - **Little Saigon Radio**
41 Phỏng vấn Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận - **Thanh Thảo**

TƯỞNG NIỆM TRỊNH CÔNG SƠN
56 Trịnh Cung nói về Trịnh Công Sơn
60 Một cái chết làm sống lại một thời - **Phan Thanh Tâm**
62 Thương nhớ Trịnh Công Sơn - **Vũ Thư Hiên**
63 Xin gạt nước mắt cho người lính - **Bùi Xuân Quang**
64 Cát bụi - **Bùi Bích Hà**
66 Trịnh Công Sơn và chiến tranh - **Phạm Xuân Đài**

VĂN
71 Một phiên tòa - **Võ Doãn Nhẫn**
78 Quê nghèo - **Vũ Thụy Hoàng**
84 Tặng vật - **Nguyễn Văn Thà**
91 Quê hương và một cõi đi về - **Nguyễn Văn Tuấn**
97 Người Mỹ tự hào - **Hoàng Ngọc Lễ**
100 Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời - **Lan Hương**

THƠ
73. Thơ tình viết trong tháng Tư - **Đức Phổ. 76.** Khi tiếng hát ngừng nơi dấu lặng - **Cổ Ngư. 80.** Mùa xuân và thơ Thanh Tâm Tuyền - **Trần Mộng Tú. 83.** Tự tình - **Hồng Khắc Kim Mai. 87.** Ca khúc, Cội nguồn đã tỏ - **Hoàng Xuân Sơn. 93.** Ruồi và em - **Tạ Ký. 103.** Tuyết - **Khánh Hà. 109.** Chén rượu đầy rót lên mộ thi nhân - **Thế Hồng Lam. 113.** Ngày trở lại quê nhà - **Phan Xuân Sinh**

MỤC THƯỜNG LỆ
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
12 Tin Việt Nam
43 Sổ tay - **Vương Hữu Bột**
48 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Đỗ Thông Minh, Trần Quán Niệm**
105 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Ngọc Anh**
110, 115 Sách báo trong tháng - **Trần Phong Vũ, Hoàng Khởi Phong**

Sử gia Nga và báo Thế Kỷ 21

Kính gửi Ban biên tập Tạp chí Thế kỷ 21

Thưa các bạn kính mến,

Tôi là Anatoli Sokolov, nhà sử học người Nga, đang nghiên cứu về lịch sử Việt Nam tại Vietnam Center at Texas Tech University.

Tôi đã đọc bài báo "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ" (tác giả - Trần Anh Tuấn), số 143 tháng Ba 2001. Bài này rất hay có nhiều tư liệu và chi tiết rất quan trọng có liên quan việc hình thành ngành Việt Nam học trong Mỹ.

Xin phép hỏi các bạn: những bài trước (tức là bài 1-7) đã công bố bao giờ và có thể tìm được chúng như thế nào?

Mong đợi nhận được bức thư trả lời của các bạn.

Chúc các bạn khỏe mạnh và may mắn.

Trân trọng,

Dr. Anatoli Sokolov *(Internet)*

Chúng tôi xin trả lời ông bằng thư riêng. TS

Báo chí hải ngoại quá "yếu kém và Hận thù"?

TK 21 tháng February 2001 có đăng bài "Năm con Rắn và Thế Kỷ 21" của tác giả Nguyễn Văn Tuấn. Trong đoạn đầu của bài viết, tác giả "bốc thơm" tờ TK 21, và một tờ nữa ở Canada, mà tác giả kể tên. Đối với ông Nguyễn Văn Tuấn, chỉ có vài tờ báo kể trên được ông gọi là "nghiêm trang." Còn hàng trăm tờ báo khác ở hải ngoại, bị ông chỉ trích, chê bai một cách khá khắt khe. Ta hãy xem ông Tuấn viết ,(trang 35): "... hàng trăm tờ báo lớn nhỏ, nhưng số lượng ít khi nào đi theo tỷ lệ thuận với chất lượng. Phần đông báo chí Việt ngữ hải ngoại có thể nói là có phẩm chất kém và thiếu đứng đắn."

Thường thường trong sự xét đoán "tốt xấu" về một tờ báo, yếu tố "chủ quan" của mỗi người đọc cũng dự phần nhiều lắm. Nhưng thôi, cứ cho là cái "chủ quan" của ông Tuấn được nhiều người đồng ý đi. Nhưng ta không rõ ông Tuấn làm cách nào, và có đủ thì giờ, để đọc hết các báo Hải ngoại (mà số lượng theo ông nói là "hàng trăm tờ, chỉ riêng vùng Little Saigon"), để đi đến kết luận bằng sự kết án nặng nề như vậy. Tuy vậy, cũng tạm cho là ông có phép lạ để "điểm " hết các báo Hải ngoại trên khắp Năm châu này. Và ta tiếp tục đọc kỹ thêm để xem lý do nào đã khiến ông Tuấn "đập" các báo hải ngoại nặng nề thế. Thì ta tìm thấy một trong vài lý do chính, được ông nêu ra sau đây, để phê phán: *"...Có nhiều tờ báo lấy tin từ VN, rồi thêm thắt, soạn lại với những lời lẽ nặng nề cảm tính, xúc động, lờ đi sự thật để nuôi dưỡng những hận thù vô lý."*

Người đọc hiểu ý ông Tuấn muốn nói trong đoạn này là: "vì hận thù, nên có những sự thật 'tốt' ở VN, bị nhiều báo hải ngoại lờ đi, có những tin "tốt" bị xuyên tạc (vì nếu "xấu" thì đâu có bị lờ, bị xuyên tạc?)

Và mặc dù trong câu này, ông Tuấn không nêu rõ "hận thù vô lý" đối với ai, mọi người cũng đều hiểu là hận thù đối với Chế độ CS, chứ không ai kém thông minh đến độ nghĩ là hận thù "dân." Để khỏi mang tiếng "chụp mũ" ông Tuấn, ta thử cố gắng tìm xem, ngoài chế độ CS, còn đối tượng nào khác ở trong nước, mà có thể ông Tuấn ám chỉ "đừng nuôi dưỡng hận thù vô lý." Nhưng tìm không ra. Thành thử, mặc dù ông Tuấn khôn khéo, kín đáo không nhắc đến hai chữ Cộng Sản, ta hiểu ông Tuấn muốn gửi thông điệp:" Đừng nuôi dưỡng những hận thù vô lý với chế độ Cộng sản, vì ở VN có những cái tốt." Thông điệp này gây cho ta một cảm giác quen quen, như đã nghe qua, khi đọc báo chí của "Nhà nước" ở VN.

Người viết thư này hy vọng rằng khi dẫn giải như trên, đã không mang tiếng "chụp mũ" cho ông Tuấn. Và nghĩ rằng độc giả cũng phán xét như vậy.

Tuy nhiên, nói về "hận thù," thì không biết giữa Hà Nội và Hải Ngoại, bên nào thực sự "nuôi dưỡng hận thù" nặng hơn, mà không thấy ông Tuấn cho ý kiến? Không biết ông Tuấn có thấy tờ "báo Đảng" nào nói "tốt" cho Hải ngoại? Trong nước, có tờ báo Hải ngoại nào được công khai lưu hành, kể cả các tờ báo "nghiêm trang"? Có tiếng nói chỉ trích, phê bình nào mà không bị Công An tới hỏi thăm? Trong khi đó thì, tại Hải ngoại, tất cả các ý kiến, các lập luận, kể cả những lập luận như của ông Tuấn, lại càng được những tờ báo... "nghiêm trang" sẵn sàng đăng tải!

Nguyễn Gia Tiến *(Switzerland)*

Sông cạn đá mòn

Thế Kỷ 21 đã có nhã ý giới thiệu cuốn Tổ Quốc Ăn Năn trong hai số báo tháng 3 và tháng 4-2001. Tôi càng hân hạnh vì cuốn sách khiêm nhường này đã được sự chú ý cuủa các cây bút uy tín như Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Xuân Đài, Vương Hữu Bột, Nhật Tiến cùng với một tác giả mới là Không Không mà tôi chưa được biết nhưng có caủm tưởng là một người còn giàu vốn thời gian qua những nhận xét phóng khoáng, giản dị, thành thực nhưng nhiều trọng lượng.

Tôi đã đón nhận với lòng trân trọng mọi nhận xét của quí vị và đặc biệt cảm động trước những tình caủm được diễn tả giữa những dòng chữ.

Vì lòng quí trọng đặc biệt tôi vẫn dành cho ông Vương Hữu Bột, tôi xin được minh xác một điều, trong nhiều điều khác, có thể đã làm ông Vương Hữu Bột không vui lòng lắm khi đọc Tổ Quốc Ăn Năn. Đó là đoạn ông Vương Hữu Bột nhận xét tôi đã hiểu sai câu nói của ông Hồ Chí Minh: *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý ấy không thể nào thay đổi."* Tôi trích câu nói đó để chứng tỏ ý chí theo đuổi chiến tranh đến cùng, bất chấp mọi tàn phá mà đất nước phải chịu đựng. Ông Vương Hữu Bột cho đó là một sự hiểu lầm vì thành ngữ "sông cạn đá mòn" vốn chỉ là để nói lên một sự thủy chung rất lãng mạn giữa trai gái.

Sự thực ông Hồ Chí Minh đã nói (gần như) nguyên văn như sau: *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý ấy không thể nào thay đổi. Đế quốc Mỹ có thể gia tăng ném bom tiêu diệt nhiều thành phố nhưng sẽ không lay chuyển được quyết tâm của quân và dân Việt Nam chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước."*

Rõ ràng đó là một lời tuyên chiến, quyết đánh đến cùng, không có gì là thơ mộng cả. Ông Hồ Chí Minh đã nói như vậy trong bài diễn văn đọc trước Hội Nghị Hiệp Thương Chính Trị Trung ương ngày 17-7-1967. Vì câu nói hơi dài nên tôi đã cắt đi đoạn sau. Như đã trình bày trong phần ghi chú về tài liệu tham khảo, vì hoàn cảnh khó khăn trong lúc viết tôi đã không thể liệt kê những tài liệu tham khảo, tuy vậy vẫn cố để viết theo tinh thần trung thực mà những độc giả nghiêm chỉnh như ông Vương Hữu Bột chờ đợi.

Vậy xin ông Vương Hữu Bột và độc giả thứ lỗi cho sự thiếu sót phần liệt kê tài liệu. Và cũng xin các thanh niên nam nữ cứ yên tâm thề thốt "sông cạn đá mòn" với nhau. Đây là một thành ngữ rất đẹp của tiếng Việt mà Tản Đà đã còn làm cho đẹp hơn qua bài thơ Thế Non Nước:

Dù cho sông cạn đá mòn
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa.

Nguyễn Gia Kiểng *(Paris)*

Gửi ông Nguyễn Văn Thà

Đọc truyện NTNV của ông trong TK21 số 142 tôi thấy rất lạ và độc đáo. Thật ra cách viết của ông chỉ mới đối với cách nhìn quá cổ điển và nề nếp, nhưng không mới đối với trào lưu văn học đương đại. Cái gì mới và lạ vượt ra khỏi nề nếp thường không được sự chấp nhận của TẤT CẢ.

Nhưng nghệ thuật nếu không có sự đột phá và sáng tạo là nghệ thuật chết. Ngày xưa cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều cũng bị các nhà nho đả kích, mãi đến một thời gian sau này mới được đánh giá cao về giá trị. Tôi rất yêu mến nữ sĩ Hồ Xuân Hương, có lẽ vì cùng phái nữ, và một cá tính khác trong con người của bà là sự can đảm nói lên những điều rất thật, rất tự nhiên trong ước mơ, rất "người" của người phụ nữ sống trong một xã hội bị bủa vây bằng những bức tường nho giáo. Tôi không ngạc nhiên mấy khi bức tường kia vẫn còn đâu đó trong cách nhìn Nghệ thuật ngày nay.

Tôi còn nhớ mang máng bài thơ của thi sĩ Phùng Quán, bài thơ đã khiến ông bị cộng sản đưa vào bóng tối, đại khái là: người cầm bút không nói yêu thành ghét, không nói ghét thành yêu (nếu có quý vị nào thuộc thì chép ra giùm). Nói ra ngoài văn học, nếu mọi người VN chúng ta đều có thể cởi bỏ những xiềng xích không hợp thời về cách nhìn nghệ thuật, xã hội, chính trị, văn hóa... thì tương lai VN chúng ta còn nhiều hi vọng. Chúc ông vững ngòi bút của mình.

Lê Thị Thu Ba *(San Diego)*

Biết ơn độc giả

Xin quý báo vui lòng cho chuyển tới độc giả Lê Mộng Lan lời cám ơn chân thành sâu xa của người viết bài "Sự quan hệ giữa luật pháp và văn học nghệ thuật" về sự phê bình tế nhị, sâu sắc và xây dựng (*Thế Kỷ 21* số 142 Tân Niên). Được phê bình trên một tạp chí có giá trị,

người viết thực tình rất thích thú và hãnh diện đón nhận sự sơ sót để sửa chữa cũng như vô cùng hân hoan ghi nhận lời khen tặng đầy khích lệ không thể quên được trong cái thú viết lách.

Với sự hiểu biết hạn hẹp, người viết sẽ cố gắng trình bày đề tài pháp luật theo như yêu cầu của đọc giả. Xin độc giả Lê Mộng Lan nhận ở nơi đây sự ngưỡng mộ và lòng quí mến của người viết.

Nguyễn Văn Thành
(Arlington VA)

Thiếu tự tin

Chưa ai viết về dân tộc Việt Nam như ông Nguyễn Gia Kiểng trong cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* của ông. Như nhiều người khác khi đọc cuốn sách này, thoạt tiên tôi có một cảm giác "không chịu nổi," và tôi có cảm tưởng tác giả cuốn sách không được bình thường.

Tình cờ cách đây mấy hôm đọc trên Internet bài nói chuyện "Tư cách chính thống của trí thức Việt Nam" của Phạm Thị Hoài do nhóm Cánh Én ở Đức phổ biến, tôi thấy lối nhìn đất nước của nữ tác giả này có phần tương tự ý tưởng của ông Nguyễn Gia Kiểng. Bài của bà có những câu:

Về chủ quan, người Việt Nam không có truyền thống đem cả một dân tộc ra mà tự phê bình. Lý do vì sao lại làm như vậy? Cũng là ở chỗ khi người ta đã suốt một số phận luôn luôn là đội sổ rồi thì lòng tự tin chẳng còn gì là lớn lắm. Đấy là tôi muốn nói đến một lòng tự tin thực sự, chứ không phải cái thứ tin theo kiểu "vừa đánh võ mồm vừa run trong lòng," hoặc là thứ tự tin lưu manh, cứ kích nhau lên để nhằm vụ lợi cho mình. Rõ ràng là tự phê bình đòi hỏi một cái lòng tự tin lớn. Tôi cứ nhìn cái cách tự tra vấn mình, tự hành hạ, tự truy tội, tự xỉ vả mình của một dân tộc như dân tộc Đức này mà phải nhận ra rằng: Đó là một dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu đến mức nào mới làm cái việc rất ư là quý phái là tự phê bình mình như vậy.

Đọc bà Hoài tự nhiên tôi thấy hiểu mình hơn. Thì ra từ trong não trạng của mình, tôi đã từ chối việc tự phê bình. Thấy ai nói động đến các điều tiêu cực của dân hay đất nước Việt Nam thì phản ứng đầu tiên là cảm thấy bị xúc phạm và vội vã biến cuộc đối thoại thành đấu trường, không cần cả xem xét lý lẽ người kia nói gì. Đó là một thói quen rất phổ biến của người Việt Nam, mà lý do, theo bà Hoài, là do thiếu tự tin. Thiếu tự tin thì hành xử không trưởng thành, thường nương theo một thứ cảm tính, xin lỗi quý vị, hơi trẻ con, chứ không dựa vào bản lãnh của mình.

Sửa đổi một thói quen tâm lý như thế có lâu không? Và hơn nữa: có thể sửa chữa được hay không?

Kim Đằng *(Internet)*

Hai chuyện trong tháng

Tháng này tôi có hai chuyện góp cùng các bạn trên mục này.

Thứ nhất, thương tiếc Trịnh Công Sơn.

Như kiếp con tằm nhả tơ, cuộc đời Trịnh Công Sơn là một cuộc đời dành cho tình yêu và quê hương. Tâm hồn và tài năng anh thể hiện qua những dòng thơ đã vượt lên trên tất cả những phong ba bão táp của thời đại để đưa tình yêu đến con người.

Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ. Có người xem anh như một nhạc sĩ tình yêu, có người xem anh là nhạc sĩ của chiến tranh, có những người nghĩ rằng Trịnh Công Sơn không thể tách rời hai yếu tố Khánh Ly và chiến tranh. Nhưng theo tôi, anh phải là người nhạc sĩ tình yêu vĩ đại nhất của thế kỷ 20, một thế kỷ chìm đắm trong chiến tranh.

Thứ đến là cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" của Nguyễn Gia Kiểng.

Đọc cuốn sách của Nguyễn Gia Kiểng, tôi e rằng có nhiều độc giả sẽ cảm thấy nhột nhạt khó chịu và muốn "xăn tay áo" làm ra lẽ với tác giả họ Nguyễn một chuyến chứ không đùa! Tôi gặp vài người cũng nhắc đến cuốn sách "nóng hổi" ấy! Họ cho tôi biết họ muốn mua nhưng sách đã hết. Thật là một chuyện hiếm hoi trong cộng đồng khi mà hàng đống sách báo cứ ế thiu ế chẩy không ai mó đến trong những tiệm sách.

Riêng tôi, tôi rất phục những bài phê bình trong cuốn Thế Kỷ 21 của các ông Vương Hữu Bột, Nhật Tiến, Phạm Xuân Đài. Bài của các ông viết bình tĩnh, giải thích rõ ràng phân minh, làm sáng tỏ nhiều vấn đề, đem lại những thông cảm cần thiết giữa người đọc và người viết, và giúp những độc giả nào chưa đọc sẽ có những chuẩn bị tinh thần khi đọc một cuốn sách có thể gây những cú shocks như vậy. Với những người đã đọc như tôi, tôi thấy những bài điểm sách của các ông là những cải chính, phản ứng, cũng như giới thiệu cần thiết để cho những cuốn sách "gây vấn đề" như thế không

bị độc giả vô tình ngộ nhận. Nhìn sâu vào ngõ ngách vấn đề, các ông đã biết mổ xẻ, tranh luận về những điểm giá trị của một cuốn sách quan trọng.

Đó là những công việc có tính chất văn hóa rất có ý nghĩa và cần thiết.

Nguyễn Hùng Vũ
(Chino Hills CA)

Lại số đào hoa

Góp ý với ông Lê Văn Hùng trong bức thư Số Đào Hoa (mục Bạn Đọc Viết số 144):

Theo nhận xét của tôi, chẳng có mẫu mực gì cho một người đàn ông đào hoa. Những hệ số toán học về nét hấp dẫn lại càng không có. Cái điều khiến đàn bà mê đàn ông nó bí ẩn hơn là đàn ông mê đàn bà vốn hầu hết là do yếu tố sắc đẹp và vẻ hấp dẫn do các "vòng" 1, 2, 3 (chứa đựng yếu tố sinh sản) đem lại.

Người đàn ông hấp dẫn phụ nữ có phải hoàn toàn do những yếu tố bẩm sinh? Phụ nữ không ưa những người đàn ông "có tính đàn bà" mà phải có nhiều "nam tính," những điều này thật là khó định nghĩa cho dứt khoát: bao nhiêu phần trăm nam tính là do cơ thể, bao nhiêu là do tính tình? "Đẹp trai" là một yếu tố hấp dẫn, nhưng hình như mỗi bà có một cái nhìn khác nhau về một người đàn ông gọi là đẹp trai, do vẻ mặt, do dáng người, do cái "duyên" v.v...

Thật là khó làm các công thức toán học cho các chuyện yêu đương, vốn là một trong những cái rắc rối nhất trong cõi trần ai này.

Kim Trọng
(Internet)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau: Lý Thừa Nghiệp, Hồng Khắc Kim Mai, Đức Phổ, Đạm Thạch, Miên Du, Lê Mạnh Hùng, Trần Yên Hòa, Thuận Văn, Kim Việt, Nguyễn Văn Thành, Trần Phong Giao, Ngô Thế Vinh, Lạc Lang Liêu, Đỗ Hậu, Đỗ Thông Minh, Bùi Bích Hà, Phan Thanh Tâm, Bùi Xuân Quang, Vũ Thư Hiên, Cổ Ngư, Hoàng Ngọc Lễ, Vũ Thụy Hoàng.

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Truong Van Manh (Alexandra VA), Nguyen Huu Phuoc (Manville NJ), Hoang Cam (Jacksonville FL), Do Nguyen Thai (Tulsa OK), Tran Cong Nghi (CANADA), Tra Lu (CANADA), Vu Ngo Quy (CANADA), Phan Cong Linh (East Hartford CT), Le Duy Thong (Pinole CA), Ho Tan Mot (Seatle WA), Dang Thi Ly (Dallas TX), Trang Hong Nguyen (Everett MA), Nguyen Trong Hoi (Manhattan Beach CA), Phan Manh Luong (Lake Forest CA), Dang Hieu Kinh (Herndon VA), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose CA), Phan Nguyen (San Diego Ca), Nguyen Van Huan (GERMANY),Hoang Van Loi (GERMANY), Dan Dinh Can (Winnetka CA), DR.Pham Huu Thanh (FRANCE), Nguyen Thi Chan Quynh (FRANCE), Uyen Jackson (Diamond Bar CA), VH: Nguyen Van Thuc (NORWAY), Christiane Piselli (Spain), Don Tan Huynh (Long Beach CA), Huynh Huu Uy (Garden Grove CA),Thao Thi Doan (San Jose CA), Nguyen Van Trung (CANADA), Francois T. Nguyen (Flemington NJ), Lan Nguyen (Dale City VA), Doan Van De (Sacramento CA), Tran Duc Thuan (Hayward CA), Nguyen Cong Dinh (Hayward CA),Lib: Oslo Kretsfengsel (Norway), Ho Lan Anh (Fullerton CA), Ngo Thanh Tung (Arlington VA), Vinh Van Luu (Eldridge CA), Bui Ha (Mclean VA), Nguyen Van Khoa (Phoenix AZ), Nguyen Thi Minh Hien (St. Anthony MN), Nguyen Viet Son (San Francisco CA), Diep Van Phan (San Francisco CA), Hanh Tran (San Jose CA),Tu Tam Nguyen (Pennsauken NJ), Vu Phan Cuong (Gaithersburg MD), Nguyen Thu Giao (Modesto CA), Lien Huong Hanon (Pearland TX), Cao Hoang (Seatle WA), Vu Duy Luong (Tulsa OK), Hoang Thanh Tam (GERMANY), Ly Huynh Ba (GERMANY), Nguyen Van Huan (GERMANY),Vu Ngoc Co (Westchester OH), Vu Hang Hoang (Westminster CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Nguyen Cong Dinh (Hayward CA), Bkstore: Minh Van (Fall Church VA), Huynh Van Tinh (Rochester MN).●

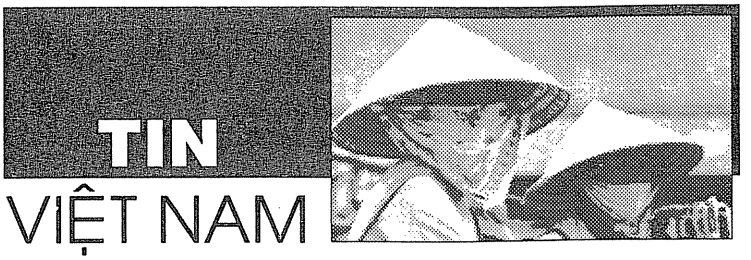

Nông Đức Mạnh được chọn làm Tổng bí thư

HÀ NỘI 18-4 (AFP).- Sau nhiều tháng đấu đá kịch liệt, cuối cùng, Trung Ương Đảng CSVN đã chọn một nhân vật không đứng hẳn về một phe quá khích nào là chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh vào chức vụ tổng bí thư, đồng thời trao cho nhiều quyền hành hơn người tiền nhiệm vừa bị đá ra, nguồn tin nội bộ họp đảng tiết lộ như vậy trong ngày Thứ Tư 18-4-01.

Nông đức Mạnh, năm nay 60 tuổi, đã được đề cử bằng cách giơ tay trong cuộc họp kín của 150 đảng viên thuộc Trung Ương Đảng CSVN thu gọn hôm 17-4.

Việc đặt Mạnh vào ghế Tổng bí thư chấm dứt cuộc đấu đá kéo dài nhiều tháng qua trong cuộc tranh dành quyền lực giữa các phe nhóm trong nội bộ đảng hầu tìm một người có thể được đa số chấp thuận thay thế Lê Khả Phiêu trước khi đại hội đảng khởi sự vào ngày Thứ Năm này để "nhất trí" chấp nhận lãnh tụ mới.

Tuy nhiên, việc đấu đá chỉ coi như chấm dứt có hai ngày trước khi diễn ra đại hội đảng và chỉ sau khi Phiêu vận động suốt 11 tiếng đồng hồ để ngồi lì lại, nhân vật dấu tên nói.

Lúc đầu Nông Đức Mạnh đã từ chối sự đề cử và chỉ chịu nhận ghế tổng bí thư sau khi có sự nhượng bộ của các phe phái một số chuyện trong đó sẽ hủy bỏ chức cố vấn của bộ ba Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt.

Ba tay này lâu nay được coi như lực lượng hậu trường đã kéo đổ Lê Khả Phiêu, một kẻ bảo thủ quá khích, và đồng thời cũng thường tạo áp lực đối với Phan Văn Khải.

Phiêu đã phạm sai lầm đưa đến việc mất ghế tổng bí thư khi có ý định dẹp bỏ chức vụ cố vấn của Mười, Anh, Kiệt hồi cuối năm ngoái dù Mười và Anh là thầy đỡ đầu đã đưa Phiêu lên. Cay cú vì thái độ phản thùng, Mười, Anh, Kiệt đã mở chiến dịch hất cẳng tên đàn em cho bõ ghét.

Nông Đức mạnh, trong cuộc bỏ phiếu, đã được dưới 60% số đảng viên ủng hộ trong khi chủ tịch nước Trần Đức Lương được ít hơn 10% phiếu và Nguyễn Văn An, trưởng ban tổ chức đảng, được gần 35% phiếu ủng hộ. Điều này khiến Mạnh sợ rằng đám đông đảng viên vây quanh Nguyễn Văn An sẽ là cái gai đâm vào hông tân tổng bí thư, nhất là những kẻ đó lại phần đông của đám công an và tình báo thuộc phe cánh các cố vấn Mười và Anh, nguồn tin trên cho biết.

Một trong những sự kể tội Phiêu được nêu ra là từ lâu nay, y đã chỉ huy và phát triển một mạng lớn lưới tình báo quân sự để theo dõi hoạt động của các đối thủ trong nội bộ đảng.

Nông Đức Mạnh nay là người thuộc sắc tộc thiểu số duy nhất được đưa ra làm tổng bí thư CSVN. Thống kê nói Việt Nam có 54 sắc tộc thiểu số khác nhau.

Mạnh thuộc sắc tộc Tày ở tỉnh Bắc Cạn, đỗ kỹ sư lâm sản ở Nga, lâu nay có nhiều đồn đãi nói là con rơi của Hồ chí Minh. Mạnh được coi như ba phải trong cuộc tranh dành quyền lực giữa các phe phái quá khích bảo thủ cũng như phe cấp tiến.

Vừa dọa vừa vuốt để thông qua thương ước

HÀ NỘI 20-4 (TH).- CSVN sẽ xét lại qui chế tối huệ quốc đối với hàng Hoa Kỳ nhập vào Việt Nam nếu bản thương ước song phương ký hồi tháng 7 năm ngoái không được quốc hội Mỹ thông qua sớm.

Bộ trưởng thương mại Vũ Khoan nói với ký giả bên lề đại hội Đảng CSVN hôm thứ sáu: "Bất cứ mối quan hệ nào cũng xây dựng trên căn bản bình đẳng."

"Chúng tôi linh động để Hoa Kỳ hưởng qui chế tối huệ quốc dù thương ước chưa được thông qua. Nếu bản thương ước không được thông qua, chúng tôi sẽ phải xét lại vấn đề này."

Vũ Khoan, những tin tức mấy ngày qua nói sẽ được cử vào Ban Bí Thư (thay thế Bộ Chính Trị) và được nâng lên làm phó thủ tướng trong kỳ đại hội đảng lần này.

Quốc hội Hoa Kỳ dự trù thảo luận và thông qua thương ước Việt Mỹ mùa xuân năm nay nhưng chính phủ Bush có ý gói chung nó với những thỏa hiệp với các nước khác, mà người ta đoán thủ tục có thể kéo dài đến hai năm.

"Nhập chung (thương ước ký với Việt Nam) với các thỏa ước ký với các nước khác là một cách rất xấu để đối phó với nước chúng tôi" Khoan nói "Bất cứ mối quan hệ nào cũng phải xây dựng trên căn bản bình đẳng và lợi ích của cả đôi bên. Cột chung thương ước Việt Mỹ với các thỏa hiệp khác không phải là cách tốt nhất giúp phát triển sự

hợp tác giữa đôi bên."

Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam năm 1994 nhưng hàng hóa Việt Nam xuất cảng sang Hoa Kỳ vẫn phải chịu thuế quan rất nặng nên CSVN rất trông mong bản thương ước được thông qua.

Hôm Thứ Năm, Bộ trưởng Kế Hoạch và Đầu Tư Trần Xuân Giá nói Việt Nam sẽ quay sang điều đình với Châu Âu và các nước Á Châu khác nếu bản thương ước không được thông qua sớm.

Trước đó một ngày, Lê Đăng Doanh, chủ tịch Viện Quản Lý Kinh tế Trung Ương của CSVN cũng nói đến thái độ tương tự.

Cũng trong cuộc tiếp xúc với báo chí ngoại quốc, Vũ Khoan nói rằng Việt Nam có ý muốn gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) nhưng lại không biết phải bao lâu nữa Việt Nam mới vào được tổ chức này. Khoan nói cần phải thảo luận với 30 tới 40 nước khác trước khi gia nhập WTO dù rất muốn hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Vũ Khoan mong những lời chỉ trích từ phía Mỹ về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam không làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa hai nước. Khoan nói: "Tôi hy vọng những chuyện nhân quyền không ảnh hưởng đến quan hệ song phương nhất là sau khi đã đạt được một số bước tiến quan trọng trong tiến trình bình thường hóa."

Tuy nhiên thái độ của Khoan cho thấy CSVN có vẻ mềm dẻo hơn và báo hiệu có sự thay đổi trên đề tài này sau nhiều chỉ trích, lên án dữ dội từ phía Hoa Kỳ cũng như những nước khác trên các diễn đàn quốc tế. "Bây giờ thế giới tiến đến cởi mở hơn nên chúng tôi sẽ sẵn sàng đối thoại với thiện chí (về vấn đề nhân quyền và sắc tộc)." Khoan nói.

Cả 24 người Thượng đã sang Mỹ

NAM VANG 20-4.- Cao Ủy Tị Nạn LHQ phối hợp với nhà cầm quyền Cam Bốt hôm thứ sáu 20-4 đã hoàn tất việc định cư 24 người Thượng bị bắt giữ ở nước này sau khi chạy trốn cuộc ruồng bắt của CSVN.

Om Yin Tieng, cố vấn cao cấp của thủ tướng Hun Sen xác nhận là cả 24 người Thượng kể trên đã rời Nam Vang.

Nhóm người chót có sáu người ra đi hôm Thứ Sáu là những người cuối cùng kẹt lại để chữa trị một số bệnh.

CSVN hai lần đòi Cam Bốt trả các người Thượng kể trên, coi họ là những người vượt biên bất hợp pháp. Tuy nhiên, Cao Ủy LHQ xác nhận những người này hội đủ tiêu chuẩn tị nạn chính trị.

Họ băng rừng chạy từ Việt Nam sang Cam Bốt và bị nhà cầm quyền tỉnh Mondulkiri bắt giữ cuối tháng trước gồm 23 người đàn ông và một phụ nữ.

Giới đầu tư ngoại quốc phản đối chế độ thuế tại Việt Nam

HÀ NỘI 20-4 (NV).- Giới đầu tư ngoại quốc phản đối chế độ thuế khóa đánh trên lợi tức và các loại thuế khác liên hệ đến nhân viên, đặc biệt các chuyên viên nước ngoài, làm cho chi phí đầu tư tại Việt Nam lên quá cao.

Điều này có thể giải thích như một trong những lý do khiến Việt Nam không thu hút được các dự án đầu tư lớn bên cạnh những lý do khác như luật lệ tròng tréo phức tạp và nạn tham nhũng cửa quyền tràn lan từ trên xuống dưới.

Tuần báo Viễn Đông Kinh Tế (FEER) số mới nhất tuần này nói rằng Diễn Đàn Đầu Tư Khu Vực Tư, một tổ chức của các nhà đầu tư ngoại quốc tại Việt Nam, hồi đầu tuần này đã gửi một văn thư đến nhà cầm quyền Hà Nội phản đối một sắc lệnh mới khiến gánh nặng thuế khóa của họ nặng thêm.

Ngày 6 tháng Ba vừa qua, Hà Nội ra một nghị định tăng thuế rất nặng đối với các nhân viên ngoại quốc, thường là giới chuyên viên hay cấp chỉ huy, các sắc thuế liên hệ đến thuế lợi tức như thuế trường học, bảo hiểm y tế, vé máy bay về nước v.v...

Bức văn thư phản đối viết rằng: "Nghị định mới làm tăng phí tổn thuê mướn nhân viên lên quá cao." Các thứ phí tổn này làm cho họ kinh hoàng.

Giữa tháng Ba khi đến Singapore dự một cuộc hội luận nhằm thu hút giới đầu tư ngoại quốc đến Việt Nam, nhất là giới doanh nhân Tân Gia Ba, Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng CSVN trách nhiệm về các vấn đề kinh tế tài chính và đầu tư, tuyên bố rằng: "Chúng tôi đang cố vượt qua một hệ thống luật lệ về đầu tư ngoại quốc đã khiến cho giới đầu tư sợ hãi, trong khi sự thi hành luật lệ thì lỏng lẻo và các thủ tục, sự ngăn cấm thì lại cồng kềnh, tròng tréo."

Dịp này, Nguyễn Tấn Dũng còn nói thêm qua một người thông dịch viên rằng Việt Nam đang có các biện pháp nhằm thu ngắn cách biệt trong sự đối xử của nhà nước với các công ty trong nước và công ty ngoại quốc. Những gì viết trên cái nghị định ban hành ngày 6 tháng Ba, mà giới đầu tư ngoại quốc thấy kinh hoàng cần phải phản đối, ngược hẳn với những lời tuyên bố khuyến dụ của Nguyễn tấn Dũng.

Một công ty kế toán quốc tế phỏng định, theo nghị định

mới kể trên, các xí nghiệp ngoại quốc tại Việt Nam phải tốn thêm từ 60,000 đô đến 70,000 đô cho mỗi đầu người (chuyên viên hay cấp chỉ huy người ngoại quốc), dựa trên tiêu chuẩn người đó có gia đình và hai đứa con và hàng năm có một thời gian về thăm nhà.

Theo chế độ thuế mới, một người ngoại quốc có lương hàng năm 100,000 đô la sẽ phải nộp 78,000 đô la thuế. Thuế lợi tức tại Việt Nam đối với người ngoại quốc thuộc loại cao nhất ở khu vực.

Bên cạnh thuế đánh vào người ngoại quốc quá đáng như vậy, thuế mà các xí nghiệp ngoại quốc phải trả cho các nhân viên người bản xứ cũng rất kinh hoàng. Hãng ngoại quốc phải trả 8,900 đô la thuế cho một viên quản lý người Việt Nam có lương tháng 2,000 đô la.

Hai năm 1999 và 2000 là các năm có số đầu tư ngoại quốc trực tiếp vào Việt Nam xuống thấp nhất với 2.28 tỉ và 2.398 tỉ.

Năm ngoái nếu không có thỏa hiệp khai thác khí đốt Nam Côn Sơn với 1.5 tỉ mỹ kim đầu tư (điều đình dằng dai hơn bốn năm trời) thì chẳng có gì đáng kể. Giới đầu tư ngoại quốc bỏ chạy sang các nước khác trong khu vực sau khi so sánh hơn thiệt.

Hồi giữa tuần, Andrew Steer, giám đốc Ngân hàng Thế Giới chi nhánh Hà Nội, nói "CSVN trong mọi cấp chính quyền phải thay đổi thái độ đối với khu vực tư doanh" nếu muốn nước này thoát cảnh nghèo khó và muốn phát triển.

Charlene Barshefsky, đại diện thương mại Hoa Kỳ dưới thời TT Clinton, cảnh cáo giới đầu tư Mỹ sau khi ký kết thương ước song phương với Hà Nội rằng phải rất thận trọng khi đem tiền đến đầu tư ở Việt Nam vì xứ đó không dễ làm ăn.

Hàng ngàn người ở tỉnh Gia Lai đang bị đói

HÀ NỘI 16-4 (Reuters).- Khoảng 60,000 người ở trong một tỉnh khu vực tây nguyên đang phải đối diện với nạn đói khi mà vụ mùa họ đang chờ để thu hoạch thì chưa tới, một tờ báo của nhà nước tường thuật như vậy hôm thứ hai 16-4-01.

Báo *Nông Thông Ngày Nay* cho hay nhà cầm quyền tỉnh Gia Lai đã xuất từ ngân quĩ tỉnh 410 triệu đồng (khoảng 28,186 đô la) để mua thực phẩm cho khoảng 10,000 gia đình. Những người này cư ngụ tại tám trong số 11 huyện trong tỉnh.

Tỉnh Gia Lai là một trong ba tỉnh có hàng ngàn đồng bào Thượng đi biểu tình chống nhà cầm quyền CSVN để đòi quyền tự do tôn giáo cũng như đòi lại các khu vực trồng cấy truyền thống nhiều thế kỷ qua đã bị chế độ tịch thu và phân phát cho những người di dân mới được đưa vào từ miền Bắc.

Một viên chức tại Bộ Phát Triển Nông Nghiệp nói những người bị đói có cả người kinh lẫn người Thượng. Một viên chức khác tại đây nói việc thu hoạch vụ mùa đông xuân còn đang tiếp diễn cho đến đầu tháng Năm. Khi được hỏi lại để phối kiểm, các viên chức tỉnh Gia Lai từ chối bình luận.

Vì là tỉnh đồi núi không có nhiều diện tích thích hợp cho việc trồng lúa nước, đất đai phần lớn ở đây đã được khai thác để trồng cà phê và một phần là mía. Tuy nhiên, giá cà phê ngày càng giảm sút nhanh chóng trên thị trường thế giới. Cơ quan thu mua độc quyền của đảng bóp giá khiến giới nông dân lỗ vốn xiếng liểng mà nạn đói nếu xảy ra là điều dễ hiểu.

Sứ quán CSVN tại Cộng Hòa Czech (Tiếp) buôn lậu

PRAHA 13-4.- Tại Cộng Hòa Czech tuần qua dư luận báo chí và cộng đồng người Việt đã bàn tán nhiều xung quanh việc mới đây Tổng cục hải quan Cộng Hàn Czech ra thông báo về việc một số Tòa đại sứ nước ngoài tại Cộng Hòa Czech lợi dụng Hiệp Định Wiena về ngoại giao để nhập cảng một số lượng lớn rượu mạnh và thuốc lá mà không phải đóng thuế nhập cảng lẫn thuế tiêu dùng.

Hầu hết các ngoại giao đoàn đều nêu ra lý do là sử dụng số lượng hàng này vào mục đích của ngoại giao đoàn. Theo con số chính thức mà Tổng cục hải quan Czech cho công bố thì chỉ tính riêng trong năm ngoái Ngoại giao đoàn Việt Nam đã uống hết 250 nghìn lít rượu mạnh và hút hết 68 triệu điếu thuốc lá, tương đương vào khoảng ba triệu rưỡi bao thuốc.

Theo lời bà Ivana Bednarova, phát ngôn viên của Tổng cục hải quan Czech thì số lượng thuốc và rượu trên khi được tính ra có nghĩa là mỗi một thành viên của Ngoại giao đoàn Việt Nam, trong đó tính cả gia đình lẫn trẻ em, thì cứ một phút là hút hết bốn điếu thuốc lá và mỗi giờ uống hết một lít rượu mạnh.

Từ những con số vừa kể trên, người ta có thể nhận thấy rằng, số lượng thuốc và rượu này đã hoàn toàn được sử dụng cho những mục đích không đúng như sự trình bày của Ngoại giao đoàn Việt Nam.

Vẫn theo lời bà Bednarová, rằng số thuốc lá mà Ngoại giao đoàn Việt Nam nhập cảng cho Tòa đại sứ là loại thuốc không có tem được lưu hành tại Cộng Hòa Czech, vì vậy nếu những bao thuốc lá

và rượu mạnh không có tem mà lại đưa ra khỏi khuôn khổ của Ngoại giao đoàn Việt Nam tức là đã phạm pháp.

Nếu tính theo giá thị trường chỉ riêng số lượng thuốc lá mà Ngoại giao đoàn Việt Nam nhập vào Cộng Hòa Czech trị giá lên đến 3.5 triệu đôla, nếu chỉ tính giá 10 đôla/1cây thuốc trong khi giá thị trường là 15 đôla/1 cây. Một viên chức trong Tòa đại sứ Việt Nam yêu cầu không nêu tên đã nói rằng, số lượng thuốc nói trên đã đem về cho Ngoại giao đoàn Việt Nam ít nhất là một triệu đôla tiền lời khi bán đổ ra thị trường. Vẫn theo lời viên chức này nếu tính cả số rượu mạnh và thuốc lá thì tiền lời thu về cũng xấp xỉ vào khoảng gần ba triệu đôla cho những thành viên của Ngoại giao đoàn Việt Nam.

Theo tin tức mà các nhật báo Czech loan đi thì số rượu mạnh và thuốc nói trên khi tung ra không chỉ lũng loạn thị trường Czech mà còn làm cho chính phủ Czech thất thu hàng triệu dollar tiền thuế.

Tình trạng nhập thuốc lá và rượu mạnh với số lượng quá lớn của Ngoại giao đoàn Việt Nam đã được các văn phòng hải quan địa phương tại Czech lưu ý, và tình trạng này không những không giảm mà ngày một gia tăng đến mức báo động và để Tổng cục hải quan Czech bắt đầu một chiến dịch theo dõi Ngoại giao đoàn Việt Nam. Những Ngoại giao đoàn hiện đứng đầu trong danh sách bị theo dõi là Việt Nam, Mông Cổ và Bắc Triều Tiên.

Chỉ riêng trong năm ngoái lượng thuốc lá mà Tòa đại sứ Việt Nam nhập vào Cộng Hòa Czech để "tiêu thụ trong nội bộ" cũng đã gấp đôi số lượng thuốc lá nhập lậu mà Cục hải quan Czech bắt giữ được trên toàn bộ các vùng biên giới của Cộng Hòa Czech.

Việc các Ngoại giao đoàn nhập hàng hóa từ nước mình để tiêu dùng nội bộ là chuyện rất bình thường và được cả hai phía chấp thuận, thế nhưng với số lượng hàng hóa mà Ngoại giao đoàn Việt Nam nhập vào để tiêu dùng nội bộ đã làm cho người ta nghi ngờ tới mức không bình thường.

Về phía mình, Tổng cục hải quan Cộng Hòa Czech đã thông báo và xin ý kiến của Bộ ngoại giao để rồi cuối cùng đi đến quyết định kể từ tháng 4 năm nay, sẽ giới hạn một số lượng nhất định rượu mạnh và thuốc lá với Ngoại giao đoàn Việt Nam. Và Hải quan Czech còn nhấn mạnh là điều luật này chỉ được áp dụng riêng với Ngoại giao đoàn Việt Nam mà thôi.

Việt Nam: Rất nhiều trẻ con nhiễm HIV không được chữa trị

HÀ NỘI 13-4 (NV).- Hàng trăm nếu không muốn nói là cả ngàn hoặc nhiều hơn nữa các trẻ sơ sinh hay mới được một vài tuổi bị nhiễm HIV đã không được chữa trị và trong rất nhiều trường hợp đã bị cha mẹ bỏ rơi ở chỗ công cộng.

Một bài báo từ báo trong nước được phổ biến trên mạng lưới thông tin toàn cầu cho hay như vậy và nói rằng thường những đứa trẻ này chết vì các thứ bệnh nhiễm trùng thông thường (vì cơ thể đã mất hết sức đề kháng chống lại sự xâm nhập của vi trùng) trước khi chết vì sự phát tác của siêu khuẩn AIDS. Theo các con số thống kê chính thức của nhà nước Hà Nội, số trẻ con nhiễm bệnh HIV ở nhóm tuổi từ sơ sinh đến dưới 13 tuổi khoảng 0.4% tổng số những người bị bệnh.

Cuối năm 2000, con số chính thức là 27,290 người được cơ quan y tế thống kê là nhiễm HIV/AIDS. Trung bình mỗi ngày có thêm 33 người "bị phát hiện". Theo đó, đến nay phải trên 30,000 người bị bệnh trên giấy tờ.

Nhà nước thì nhìn nhận khoảng trên 80,000 người bị nhiễm HIV/AIDS trên thực tế trong khi Cơ quan Y Tế Liên Hiệp Quốc phỏng đoán với con số cao hơn, với khoảng 107,000 người. Các chuyên viên trong ngành thường lấy con số chính thức được thống kê nhân lên 10 lần để có con số thực tế.

Trên lý thuyết, thời gian một đứa trẻ thơ từ khi bị nhiễm bệnh HIV cho tới khi bị phát tác mạnh hơn thường kéo dài khoảng hai năm. Khi được sinh ra, đứa trẻ đã có dấu hiệu yếu ớt, èo uột, và vì cơ thể đã mất đi khả năng chống đỡ đối với sự xâm nhập của vi trùng, chúng bị chết vì các chứng bệnh nhiễm trùng thông thường như tiêu chảy, sưng phổi v.v...

Vì nhiều lý do, cha mẹ các đứa trẻ nhiễm HIV thường che dấu bệnh trạng của con mình cũng như của chính mình.

Doãn huy Chung, trưởng khoa Truyền Máu bệnh viện Nhi Đồng phụ trách Tư Vấn Phòng Chống HIV/AIDS cho trẻ em nói rằng: "Các bà mẹ khi biết con mình nhiễm HIV thường có hai thái cực. Lẳng lặng chấp nhận, đưa con về sống trong cộng đồng. Hoặc là bỏ rơi đứa trẻ một cách có chủ định. Không muốn quăng con ra đường, họ thường mang con đến các cơ sở y tế, đặc biệt là các bệnh viện lớn với hy vọng đứa trẻ sẽ được chăm sóc."

Theo bài báo này, tình trạng bỏ con bắt đầu xảy ra nhiều từ những năm 1997, 1998 và "càng ngày càng có dấu hiệu gia tăng. Và cũng không chỉ bỏ con ở bệnh viện,

họ đã bỏ con ở cả những nơi công cộng."

Những đứa trẻ bị bỏ rơi chỉ bị khám phá là đã nhiễm HIV khi có người muốn nhận làm con nuôi đưa đi thử máu.

Theo bài báo này "Tình trạng chung của những đứa trẻ nhiễm HIV hiện nay tại Việt Nam là không được quản lý, không giám sát và không thuốc điều trị đặc hiệu, không thuốc điều trị các bệnh nhiễm trùng thông thường... và dĩ nhiên, không có cả tương lai." Bài báo trên kết luận, những đứa trẻ bị nhiễm HIV được sinh ra như những đứa trẻ con khác "không có tội tình gì ngoài bản án mà người lớn đã kết cho chúng."

VN: 11 triệu người bệnh tâm thần

HÀ NỘI 6-5 (TH).- Việt Nam, theo thống kê của nhà nước, có 10 loại bệnh tâm thần mà số người bị bệnh "chiếm gần 15% số dân," một con số khổng lồ tính ra phải trên 11 triệu người.

Trong phiên họp "nhân ngày sức khỏe tâm thần thế giới" được tổ chức ở Hà Nội hôm 5-4- 01 vừa qua, các viên chức cao cấp của chế độ nêu ra các con số thật lớn về số người mắc bệnh tâm thần tại Việt Nam, trong đó có rất nhiều người mắc các trường hợp bệnh nặng, đã không được chữa trị. Nếu lấy tổng số dân giới hạn ở khoảng 77 triệu người, 15% bị bệnh tâm thần phải là 11,550,000 người có bệnh trạng ở nhiều cấp độ nặng nhẹ khác nhau.

Bệnh tâm thần ảnh hưởng tới sinh hoạt của toàn xã hội từ đời sống gia đình đến nơi làm việc, trường học, đám đông.

Qua bản tin đăng tải trên tờ Nhân Dân ngày 6-4-01, dựa vào "các cuộc điều tra ở phạm vi hẹp" của các cơ quan y tế, cả nước "hiện có khoảng 398,000 người bị bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) (chứng bệnh tưởng, cho rằng có người nào đó nói vào tai mình điều gì đó như nói xấu, xúi giục làm việc gì ... nhưng thật ra không có), trong đó có 6,000 trường hợp đang được chữa trị tại các cơ sở y tế."

Như vậy, chỉ riêng loại bệnh nặng "tâm thần phân liệt," có ít ngàn người được điều trị, còn lại "hàng trăn nghìn người bị tâm thần phân liệt đang sống tại cộng đồng hoặc lang thang đây đó." như lời tường thuật của tờ Nhân Dân. Theo thống kê hiện tại, Việt Nam chỉ có một bác sĩ ngành tâm thần lo sức khỏe cho 150,000 người mà hầu như những người này chỉ ở các đô thị lớn, trong khi 80% dân chúng sống tại các khu vực nông thôn.

Năm ngoái, báo đảng có viết một bài mô tả các nỗi khó khăn kinh tế xã hội của dân chúng mỗi ngày một gia tăng, đặc biệt là các khó khăn trong đời sống gia đình, là cỗi rễ của các sự khủng hoảng tinh thần tại Việt Nam.

Vụ kiện buôn người trên đảo Samoa

QUẬN CAM 3-4(NV).- Tất cả các công nhân người Việt làm cho công ty may mặc Daewoosa trên đảo Samoa nếu không muốn trở về Việt Nam đã được đưa đến Honolulu hoặc các nơi khác trên lục địa Hoa Kỳ.

Đây là tin được ông Luis De Baca, viên chức Bộ Tư Pháp Liên Bang Hoa Kỳ cho hay trong cuộc họp ở quận Cam, California, buổi tối ngày Thứ Hai 1-4-01 tại văn phòng luật sư Nguyễn Quốc Lân.

Con số những người không muốn quay lại Việt Nam, chưa được xác nhận chắc chắn nhưng ở khoảng giữa 150 đến 170 người trong tổng số 251 nhân công được các hãng quốc doanh CSVN đưa đến từ Việt Nam theo hợp đồng bán sức lao động với hãng thầu may quần áo Daewoosa của chủ Đại Hàn Kil Soo Lee. Họ sẽ là nhân chứng trong vụ kiện hãng vừa kể về tội thông đồng với nhà cầm quyền Hà Nội buôn người lao động.

Trong dịp đến Quận Cam họp với tổ chức thiện nguyện LAVAS của LS Nguyễn Quốc Lân để phối hợp công tác giữa các cơ quan chính phủ Hoa Kỳ và các tổ chức thiện nguyện tư nhân, ông De Baca đã có cơ hội gặp các người thợ may Việt Nam gầy còm, hậu quả của nhiều tháng trời họ bị bóc lột ở Samoa. Ông nói ông mong họ sẽ nói hết sự thật của một vụ buôn người và bóc lột lao động quốc tế.

Trong vụ này, chủ chốt là Kil Soo Lee và đồng phạm bị liên đới không ai khác hơn nhà nước Hà Nội qua hai cơ quan buôn người Công Ty Du Lịch 12 (Bộ Thương Mại) và công ty quốc doanh xuất khẩu lao động IMS.

Tại Hoa Thịnh Đốn, phía CSVN phản đối chính phủ Hoa Kỳ về việc đưa các người công nhân Việt Nam ra khỏi Samoa coi như một cách bôi nhục chế độ Hà Nội. CSVN đòi gặp mặt các người thợ Việt rời Samoa nhưng không quay lại Việt Nam. Theo ông De Baca, các người này có quyền cho đại diện CSVN gặp họ hay từ chối. Hoặc đại diện CSVN có thể nói chuyện với luật sư của họ. Trong những ngày họ còn trên đảo Samoa và công ty Daewoosa đã bị đóng cửa, nhà cầm quyền Hà Nội gần như bỏ rơi họ trong khi họ không tiền lo việc cơm ăn, chỗ ở. Họ viết thư cầu cứu gửi chính phủ Hà Nội xin giúp khẩn cấp để đưa họ về Việt Nam nhưng đã không được đáp ứng, ngoài một số nhỏ.●

VÁN BÀI TAY BA:

CỘNG SẢN VIỆT NAM GIỮA LIÊN SÔ VÀ TRUNG QUỐC

QUAN HỆ GIỮA CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI CỘNG SẢN TRUNG HOA VÀ LIÊN SÔ TRONG HƠN 50 NĂM QUA

LÊ MẠNH HÙNG

Trong suốt những năm từ 1945 đến 1949, chính quyền Cộng Sản của Việt Minh có thể nói là bị mất hẳn mọi liên lạc trực tiếp với Moscow và Diên An. Tuy nhiên không phải vì vậy mà không có những đường dây liên lạc gián tiếp.

Ngay từ những ngày đầu năm 1946, tình báo Pháp đã biết Liên Sô có những đường dây liên lạc trực tiếp với Việt Minh qua ngả toà đại sứ Liên Sô tại Paris. Tháng 8 năm 1946, một phúc trình của tổ chức tình báo Mỹ, OSS, tiền thân của CIA hiện nay, cho biết Liên Sô theo dõi chặt chẽ và nhận được đầy đủ tin tức về Hội Nghị Fontainebleau lúc đó hiện đang diễn ra giữa chính phủ Hồ chí Minh và Pháp. Báo cáo cho biết:

"Liên Sô đặt một mức quan trọng tối cao cho sự thành công của chính phủ Hồ chí Minh và muốn Hồ lãnh đạo một đất nước Việt Nam thống nhất bao gồm cả ba kỳ trong đó lực lượng quân sự Việt Nam có thể tạo ra một đe doạ đối với miền Nam Hoa trong trường hợp một cuộc chiến xảy ra giữa Liên Sô và Mỹ tại Viễn Đông trong đó lực lượng của Tưởng Giới Thạch có thể sẽ tham gia về phía Mỹ." (1)

Việc thống nhất ba kỳ chính là cơ sở căn bản của lập trường Việt Minh tại hội nghị Fontainebleau. Cũng theo tài liệu của OSS, Moscow ra lệnh cho đảng Cộng Sản Pháp phải yểm trợ tối đa cho Hồ trong lúc hội nghị; tổ chức một chiến dịch thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng và cung cấp những tin tức về chính trị cho phái đoàn Việt Minh. Tháng 11 năm 1946, vào lúc Pháp pháo kích Hải Phòng và quan hệ Việt Pháp đến lúc căng thẳng, đại sứ Liên Sô tại Paris, Bogomolov, tiếp một đại diện của Việt Minh tại Paris và, sau đó theo tin tình báo Pháp, một đường dây liên lạc thường xuyên giữa Liên Sô và Việt Minh được mở ra dưới sự chủ trì của tham vụ báo chí toà đại sứ Liên Sô tại Pháp.

Tuy nhiên những tiếp xúc này không mang lại kết quả bao nhiêu vì lúc đó, Stalin, chủ tịch Liên Sô, cũng giống như Tổng thống Truman của Mỹ tập trung mọi cố gắng vào Âu châu nhằm tranh thủ Pháp nghiêng về phía mình. Chính vì thế khi đại sứ Nga tại Paris A.E Bogomolov, trong một bức thư gởi cho các cấp trên đề nghị không nên ủng hộ việc tái lập chế độ thuộc địa của Pháp tại Đông Dương thì nhận được lệnh không được chống lại chính phủ Pháp trong vấn đề này (2). Trong những năm tháng về sau, chính quyền Hồ Chí Minh cũng đã có những cố gắng khác nhằm kéo Liên Sô ủng hộ cho cuộc tranh đấu của mình, nhưng đều không được kết quả. Tháng 7 năm 1947, Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam gởi Phạm Ngọc Thạch sang Âu châu nhằm vận động sự ủng hộ chính trị. Sau khi gặp các đại diện của đảng Cộng Sản Pháp trong đó có cả Jacques Duclos và Maurice Thorez, Thạch đến Berne và tiếp xúc với Koujalenko phái viên đặc biệt của Liên Sô tại Thụy Sỹ và yêu cầu Koujalenko kiếm cách gởi mình sang Moscow.

Chuyến đi này không thành (3). Thất bại trong việc tìm cách kiếm viện trợ tại phương Tây và Liên Sô, buộc Việt Minh phải tập

trung vào các quan hệ của họ với các nước châu Á, nhất là Trung Quốc.

Căng thẳng gia tăng giữa Liên Sô và Mỹ từ cuối năm 1946 đến 1947, thúc đẩy Stalin và các lãnh tụ Sô Viết lúc đó đẩy mạnh sử dụng các đảng Cộng Sản địa phương vào mục tiêu chiến lược của họ. Sự kiện nổi bật nhất có lẽ là việc thành lập Phòng Thông Tin Cộng Sản Quốc Tế (Kominform) vào tháng 9 năm 1947 trong đó Zhdanov đọc bài diễn văn nổi tiếng phân chia thế giới thành hai phe đối nghịch và đưa ra một chính sách mới tích cực đẩy mạnh tranh đấu "chống đế quốc chủ nghĩa." Các đảng Cộng Sản, nhất là các đảng tại Á châu được khuyến khích tăng cường đấu tranh giải phóng dành độc lập. Tuy rằng Liên Sô không chính thức trợ giúp bằng ngoại giao, nhưng việc trợ giúp tài chánh là một điều có thể thực hiện được.

Kominform nhắm chính đến việc kiểm soát các đảng Cộng Sản tại Âu châu, việc theo dõi và kiểm soát các đảng Cộng Sản tại Á châu đi theo một con đường khác trong đó đảng Cộng Sản Liên Sô dành cho đảng Cộng Sản Trung Quốc một vai trò quan trọng. Ngay từ tháng 5 năm 1946, một tổ chức tương tự như Kominform đã được thành lập cho Á châu, "Văn phòng hoạt động cách mạng quốc tế" thay thế cho "Viễn Đông Vụ" của Quốc Tế Cộng Sản ngày trước, được thành lập với trụ sở tại Vladivostok. Lý Lập Tam, một cựu tổng bí thư đảng Cộng Sản Trung Quốc được giao chức vụ chủ nhiệm văn phòng này. Tuy nhiên, vai trò trực tiếp của đảng Cộng Sản Liên Sô và nhà nước Xô Viết không phải là không quan trọng.

Ngay từ cuối năm 1946, Liên Sô đã bắt đầu gởi một số phái bộ thương mại và điệp viên sang Đông Nam Á. Tháng 10 năm 1946 một phái bộ do một đại tá "Dubrovin" cầm đầu đến thăm Sài Gòn rồi sau đó đến Calcutta. Tháng giêng 1947, Liên Sô mở văn phòng đại diện thương mại tại Hồng Kông và Singapore. Theo tình báo Anh, tổ chức này được coi như là một cơ sở của tình báo Nga và một trong những người lãnh đạo cơ quan này tại Hồng Kông vốn trước đó đã là người cầm đầu tình báo kinh tế của Liên Sô tại Thượng Hải (4).

Cũng vào đầu năm 1947, Liên Sô thiết lập quan hệ ngoại giao với Thái Lan và thành lập tòa đại sứ tại Bangkok. Tầm quan trọng của tòa đại sứ tại Bangkok này đối với Liên Sô ra sao có thể hiểu được qua sự kiện là Liên Sô chỉ chấp nhận cho Thái vào Liên Hiệp Quốc khi nước này chấp nhận cho Liên Sô mở tòa đại sứ. Khi tòa đại sứ này khai trương vào năm 1947, nó đã có một số nhân viên quá lớn so với tầm mức của một tòa đại sứ bình thường, và các cơ quan tình báo phương Tây đã mau chóng xác định được rằng đây là tiêu điểm liên lạc giữa đảng Cộng Sản Liên Sô và các đảng Cộng sản khác tại Đông Nam Á trong đó có cả Việt Nam.

Văn phòng đại diện thương mại của Liên Sô tại Singapore và Hồng Kông trở thành một trung tâm kinh tài giúp cho các đảng Cộng sản tại Á châu. Các hoạt động đó trở nên công khai đến nỗi Bộ Ngoại Giao Anh vào năm 1950 có phiên họp tính chuyện đóng cửa các văn phòng này, nhưng quyết định này đã bị Guy Burgess, một gián điệp Nga nằm vùng trong bộ ngoại giao Anh chặn lại. Guy Burgess chính là người chủ trì phiên họp (5).

Cuối năm 1947 một hội nghị các đảng Cộng Sản Á châu được tổ chức tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin), Mãn Châu trong đó theo tin tình báo của Pháp, Moscow tìm cách *"tổ chức, phát triển và phối hợp các hoạt động lật đổ trên khắp Đông Nam Á"* và đảng Cộng Sản Trung Quốc được giao trách nhiệm thảo kế hoạch khuyến khích các hoạt động du kích tại Đông Nam Á qua văn phòng Nam Dương vụ của Đảng này. Cũng theo tin tình báo của Pháp, Phái đoàn Việt Minh tham dự hội nghị Cáp Nhĩ Tân do Phạm Ngọc Thạch cầm đầu (6).

Tiếp sau Hội Nghị Cáp Nhĩ Tân, đảng Cộng Sản Trung Quốc đã càng ngày càng trở nên tích cực hơn trong việc mở rộng mặt trận du kích tại vùng Nam Hoa nhất là tại Quảng Đông. Những hoạt động này phản ảnh một chính sách mới của Đảng Cộng Sản Trung Quốc nhằm bắt liên lạc và thắt chặt hơn quan hệ với các đảng Cộng Sản tại Đông Nam Á, đặc biệt là tại Việt Nam.

Quan hệ giữa Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Trung Quốc vốn đã khắng khít từ trước. Năm 1938 khi Hồ chí Minh từ Liên Sô trở về Viễn Đông, Hồ đã từng ghé lại Diên An và điều đình để Cộng Sản Trung Quốc giúp Cộng Sản Việt Nam. Nhưng sau năm 1945, giữa Diên An và Hà Nội liên lạc trở nên khó khăn vì bị ngăn cách bởi toàn bộ đất nước Trung Quốc vẫn còn nằm trong tay Quốc Dân Đảng, trong khi ngay chính miền Bắc Việt Nam cũng nằm trong sự kiểm soát của quân đội Tưởng. Những quan hệ này vì vậy chỉ được giữ qua

các hoạt động bí mật cả từ hai phía. Trong những năm bị cách ly này, liên lạc giữa Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Trung Quốc hầu hết đều được thực hiện qua ngả Bangkok tuy rằng cũng có những liên hệ trực tiếp với Trung Ương đảng Cộng Sản Trung Quốc và những lực lượng du kích quân Trung Cộng tại Hoa Nam.

Các nguồn tin tình báo của các nước phương Tây cho ta thấy một số chi tiết về những hoạt động của đảng Cộng Sản Trung Quốc trong quan hệ đối với Việt Nam và đảng Cộng Sản Đông Dương. Theo tài liệu của tình báo Mỹ, các tổ chức đầu tiên của Cộng Sản Trung Quốc bắt lại quan hệ với Hà Nội phát xuất từ Bangkok (7). Theo tin của Pháp, việc tái xuất hiện của các nhân vật đảng Cộng Sản Trung Quốc tại miền Bắc Việt Nam bắt đầu vào tháng 3 năm 1946. Đến đầu tháng 5, khi quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa bắt đầu triệt thoái về nước thì một phái bộ nghiên cứu do Ủy Ban Thường Vụ Hoa Kiều vụ [Nam Dương địa khu (8)] có trụ sở tại Bangkok được gởi sang Hà Nội (9). Sau đó, các điệp viên của Trung Cộng tại Bangkok được gởi đến Sài Gòn. Ngoài ra một trung tâm tình báo quan trọng cũng được thành lập tại Phnom Penh.

Phái bộ nghiên cứu này do "Khen Khy" cầm đầu từ Bangkok đến Hà Nội vào ngày 15 tháng 5. Khi đến nơi thì được Nguyễn Lương Bằng và Trần Huy Liệu đón tiếp và che dấu khỏi tai mắt của Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Hai ngày sau đó Khen Khy gặp Lỗ Minh, một đại diện của đảng Cộng Sản Trung Quốc từ lục địa gởi sang. Tin tức cho biết trong lúc ở Hà Nội, Lỗ Minh đã gặp Hồ chí Minh và các các nhân vật trong Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam, sau đó rời Hà nội vào ngày 25 tháng 5. Những gì thảo luận trong những buổi gặp gỡ này hiện chưa được biết rõ, nhưng chính trong lúc Lỗ Minh có mặt tại Hà Nội thì Việt Minh lần đầu tiên tổ chức rầm rộ ngày 19 tháng 5 như ngày sinh nhật Hồ chí Minh. Ngày này sau đó trở nên đặc biệt quan trọng trong bối cảnh quan hệ Việt Trung.

Khi phái bộ nghiên cứu này trở về lại Bangkok, họ để lại một tiểu tổ thường trực ở Hà Nội làm nhiệm vụ liên lạc thường xuyên giữa chính quyền Hồ chí Minh và các tổ chức Trung Cộng tại Đông Nam Á. Theo tình báo Pháp, qua các phái đoàn này, Trung Cộng đã gởi một số cố vấn giúp cho Hà Nội trong các ngành Giáo dục, Thông tin và Công an, tuy nhiên những tin tức này không được xác nhận.

Đến cuối tháng năm, 1946, một phái bộ khác do Hoàng Sĩ Ngô cầm đầu cũng từ Hoa Lục đến Hà Nội. Phái đoàn này được coi là do chính Trung Ương đảng Cộng Sản Trung Quốc gởi sang. Các hoạt động của phái đoàn này tại Việt Nam hiện chưa được rõ, nhưng theo tin của tình báo Pháp, họ đã xuống Hải Phòng và thành lập một chi bộ đảng tại đó.

Cần lưu ý là thời gian mà các phái bộ này được cử sang Việt Nam là một điều đáng để tâm. Lúc đó, không những các lực lượng Quốc Dân Đảng Trung Hoa bắt đầu rút ra khỏi Việt Nam mà cũng chính là lúc giới lãnh đạo Việt Minh quyết định lợi dụng tình thế này để thanh toán các đảng phái quốc gia. Đầu tháng 6 năm 1946 chính là lúc các lực lượng của Võ Nguyên Giáp, với sự đồng tình của Pháp bắt đầu tiến công vào các căn cứ của Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng như của Đại Việt. Không rõ là các cố vấn Trung Cộng, nếu có, đã đóng góp đến mức nào vào quyết định này cũng như vào các cuộc hành quân của Việt Minh chống lại các đảng phái quốc gia (10). Tuy nhiên, các tài liệu tình báo cho thấy, hầu hết các hoạt động của cán bộ Trung Cộng tại Đông Nam Á lúc đó là nhằm chống lại các hoạt động của Quốc Dân Đảng Trung Hoa hơn là nhằm lũng đoạn chính quyền các nước này.

Một cuộc chiến tranh bí mật đã diễn ra một cách gay gắt giữa tổ chức tình báo và các cơ sở đảng của hai phe. Tháng 6 năm 1946 "Khen Khy" và một cán bộ Trung Cộng khác, Lý Phúc San, bị tình báo Quốc Dân Đảng Trung Hoa bắt cóc tại Bangkok và đưa về Nam Ninh. Đến tháng 7 năm 1946, quân đội Quốc Dân Đảng tại Hải Phòng bắt giữ 132 người Hoa mà trong đó có 15 người bị truy tố là "cán bộ Cộng Sản vừa mới tới." (11)

Tại miền Nam, lúc đó một phần lớn đã nằm trong tay người Pháp, các hoạt động của Cộng Sản Trung Quốc có một sắc thái khác. Theo một tài liệu của tình báo Mỹ, Trung Cộng bắt đầu gởi cán bộ vào miền Nam từ đầu năm 1946. Một số những cán bộ này là những người Cộng Sản Hoa kiều cũ tại Chợ Lớn vốn tham gia vào cuộc nổi dậy Nam Kỳ khởi nghĩa vào năm 1940 và phải chạy sang Thái Lan lánh nạn sau khi cuộc nổi dậy này thất bại. Sau chiến tranh họ trở lại Sài Gòn và đến tháng 3 năm 1946, thành lập một tờ báo lấy tên là *Việt*

Nam Nhật Báo (12).

Người cầm đầu tổ chức của Trung Cộng tại Sài Gòn là Lâm Tường Quan. Lâm là một gián điệp nhị trùng. Chính thức, Lâm làm việc cho "Sở Nghiên Cứu và Thống Kê" và "Đông Dương Vụ" của "Cục Hoa Kiều Hải Ngoại" của Trung Hoa Quốc Dân Đảng (13). Lâm là một cán bộ Trung Cộng đã sống tại Việt Nam từ trước năm 1945 và đã có những quan hệ mật thiết với các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam như Hoàng Quốc Việt hoặc Cao Hồng Lãnh. Ngoài Lâm ra, mật thám Pháp cũng đã nhận diện một số cán bộ Trung Cộng khác vốn đã từng sống ở Việt Nam như Tăng Cẩm Tài, Diệp Quốc Tuấn, Lưu Vĩnh Phước và Lương Ước.

Tuy nhiên, các cố gắng chính của đám cán bộ này tập trung vào cộng đồng Hoa Kiều tại Chợ Lớn trong cuộc chiến tranh dành ảnh hưởng với Quốc Dân Đảng. Trong các năm 1946-1947, họ đã tạo ra được một số những tổ chức bề mặt như "Liên Minh Dân Chủ," "Liên Đoàn chống chủ nghĩa đế quốc Anh Pháp," "Nhóm Nghiên Cứu Giáo Dục người Hoa" (14). Những tổ chức này đã khiến cho chính quyền Pháp lo ngại. Cuối năm 1947, Pháp tung ra một đợt đàn áp các hoạt động này và trục xuất một số cán bộ Trung Cộng. Một số trong nhóm này đã chạy sang vùng Việt Minh kiểm soát, và họ đã thành lập cùng với cán bộ Việt Minh "Hội Hoa Kiều Giải Phóng." Theo các tài liệu của Pháp, lãnh đạo của tổ chức này hầu hết là cán bộ Trung Cộng và có những quan hệ mật thiết với mạng lưới Cộng Sản Quốc tế cũ tại Đông Nam Á.

Cũng trong tháng 6 năm 1946 cuộc chiến Quốc Cộng tại Trung Quốc bùng nổ dữ dội. Tưởng Giới Thạch cử hai lộ quân thứ 46 và 64 đến Quảng Đông và Quảng Tây để tảo thanh lực lượng du kích của Trung Cộng tại hai tỉnh này. Trước sự tấn công của quân đội Quốc Dân Đảng, đảng ủy Quảng Đông của Trung Cộng phái Bàng Tư và Chu Lan Thanh, hai cán bộ có nhiều quan hệ với Việt Nam sang Hà Nội cầu cứu và yêu cầu Hà Nội cho phép Đệ Nhất Trung Đoàn chủ lực địa phương của Quảng Đông được tỵ nạn tại Việt Nam (15). Bàng và Chu bắt liên lạc với Hoàng Văn Hoan. Hoàng Văn Hoan với tư cách là đại biểu liên lạc với Trung Cộng đã đứng ra tổ chức để tiếp nhận đám Cộng quân chạy sang Việt Nam này. Trung đoàn này do trung đoàn trưởng Hoàng Kính Văn và chính ủy Đường Khai Vũ chỉ huy gồm khoảng 1000 người chạy sang Việt Nam vào tháng 3 năm 1946 và được Việt Minh đón tiếp nồng hậu. Chính quyền Hồ chí Minh không những cung cấp đủ lương thực và tiếp liệu cho quân Trung Cộng mà còn cung cấp cả các thuốc kiết lỵ và sốt rét vốn đang khan hiếm tại Việt Nam để chữa trị cho các thương bệnh binh của Trung đoàn này.

Tháng sáu 1946, đảng bộ Hồng Kông của đảng Cộng Sản Trung Quốc gởi Chu Nam, phó trưởng ban tổ chức đảng ủy Quảng Đông sang Hà Nội làm đại diện của Trung Cộng tại Việt Nam. Theo các tài liệu sau này được tiết lộ từ phía Trung Cộng, thì phía Việt Minh yêu cầu Chu Nam giúp phối hợp tổ chức cả Hoa Kiều tại Việt Nam và trung đoàn Quảng Đông đang có mặt trên đất Việt tham gia vào cuộc chiến chống Pháp. Đặc biệt họ muốn Trung Cộng giúp tổ chức huấn luyện các sĩ quan quân đội và giúp thành lập một tổ chức tình báo.

Sau khi bàn luận với Hoàng Kính Văn, Đường Khai Vũ và Lâm Trọng, bí thư Đảng Ủy đảng Cộng Sản Trung Quốc vùng biên giới Quảng Tây Việt Nam, Chu Nam đưa ra một kế hoạch trợ giúp cho Việt Minh. Kế hoạch này bao gồm việc gởi người đến trường huấn luyện lục quân và trường cán bộ của Việt Minh tại Thái Nguyên để cố vấn và huấn luyện; thu nhận sĩ quan của Việt Minh tham gia vào hoạt động của trung đoàn Quảng Đông và thành lập một tổ chức tình báo cho Bộ Quốc Phòng của chính phủ Hồ chí Minh. Ngoài ra một trung đoàn gồm toàn Hoa Kiều tại Việt nam cũng được thành lập dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Trung Cộng và sáp nhập vào quân đội Việt Minh. Đến tháng 7 năm 1947, đã có 830 sĩ quan Việt Minh được nhóm Trung Cộng này huấn luyện. Trung đoàn Quảng Đông này của Trung Cộng còn ở lại Việt Nam chiến đấu cạnh quân đội Việt Minh cho đến tháng 8 năm 1949 trước khi trở về Trung Quốc tham gia những trận đánh cuối cùng giữa hai phe Quốc Cộng tại đó (16).

Việt Minh không những chỉ nhận trợ giúp của Trung Cộng về phương diện quân sự. Ngay từ những ngày đầu năm 1946, tình báo Mỹ và Pháp đã khám phá ra rằng chính quyền Hồ chí Minh nhận được trợ giúp tài chánh và về tuyên truyền của Liên Sô và Trung Cộng. Trợ giúp tài chánh của Liên Sô được chuyển qua đường Bangkok trong khi của Trung Cộng chính là qua ngả Hồng Kông. Người cầm đầu

tổ chức của Trung Cộng tại Hồng Kông vào năm 1946 là Kiều Quán Hoa bí danh là Kiều Mục và vợ là Khổng Băng, cả hai đều là những người thân tín của Chu Ân Lai và có nhiều quan hệ trước đó với Hồ Chí Minh. Theo tình báo Anh, Kiều và Khổng được cử từ Thượng Hải xuống Hồng Kông để thành lập một chi cục của Tân Hoa Xã. Chi cục này được coi như là trung tâm chính để thu thập các tài liệu tình báo về các nước Đông Nam Á (17).

Có lẽ giúp đỡ quan trọng nhất của Trung Cộng đối với Việt Minh trong giai đoạn này là về kinh tế. Trợ giúp tài chánh của Trung Cộng cho Việt Minh qua ngả Hồng Kông không nhiều và bất thường nhưng những tổ chức của Trung Cộng đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động buôn lậu và kinh tài của Việt Minh. Hồng Kông là trung tâm chính của đường dây buôn lậu vũ khí phế thải của Mỹ từ Phi Luật Tân sang Việt Nam qua nẻo Hải Nam. Vũ khí phế thải của Mỹ bỏ lại tại Phi

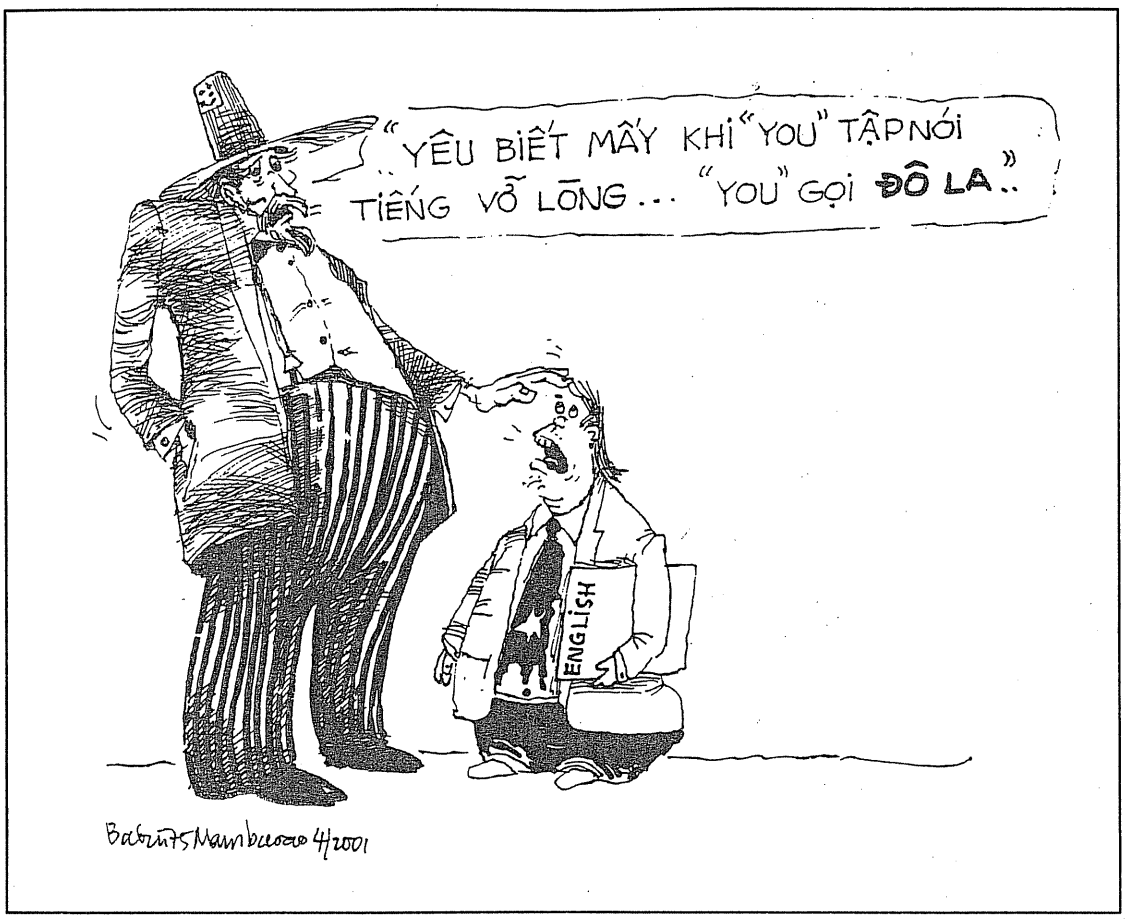

Đến cuối năm 1946, theo các nguồn tin tình báo Mỹ, các cán bộ Trung Cộng tại Hồng Kông đã có những liên hệ trực tiếp với Cộng Sản Việt Nam tại miền Bắc qua các đường tầu thủy nối Hồng Kông với Hải Phòng (18). Tình báo Pháp dẫn một nguồn tin đáng tin cậy nói rằng Khổng Băng đóng vai trò cố vấn cho Việt Minh về mặt tuyên truyền và nói thêm *"người ta cho rằng việc khả năng dùng mìn của Việt Minh khá hơn nhiều cho thấy rằng những tin tức có cán bộ Trung Cộng đóng vai cố vấn cho Việt Minh có thể là có thật."* (19)

Luật Tân được bán qua các băng đảng người Hoa chở đến đảo Hải Nam; từ đó chuyển vào thuyền buồm và chở đến Vinh.

Tại Hồng Kông, một trong những cơ quan kinh tài chính của Việt Minh là Nam Wa Co (Nam Hoa Công ty), Đại diện cho Việt Minh trong năm 1948 tại công ty này là Hoàng Văn Xuân, sau này phụ trách tiếp liệu cho Việt Minh tại Quảng Châu sau năm 1950. Qua công ty này, Việt Minh đã mua được một số lượng vũ khí và dược phẩm quan trọng. Nam Hoa công ty hoạt động cho đến cả sau năm

1950 khi viện trợ của Trung Cộng bắt đầu được giao trực tiếp cho Việt Minh qua ngả Cao Bằng, Lạng Sơn. Ngoài việc buôn bán vũ khí, Hồng Kông còn là nơi Việt Minh tổ chức việc chuyển ngân tam giác: đồng Đông Dương - quan Pháp và đô la Mỹ hoặc đô la Hồng Kông. Ngân Hàng chính mà họ sử dụng là ngân hàng United Chinese Bank (20). Trong những năm từ 1945 cho đến 1953, chính phủ Pháp định tỷ giá đồng bạc Đông Dương ngang với 17 quan Pháp, trong khi tại thị trường tự do, nhất là tại Hồng Kông, một đồng Đông Dương chỉ tương đương với 10 quan Pháp mà thôi. Điều này đã dẫn đến một tình trạng buôn lậu phổ biến đồng Đông Dương mà hầu hết giới tư bản Pháp cũng như Việt Nam đều lợi dụng để làm giầu. Cách thức thông thường nhất là xin một giấy phép chuyển tiền chính thức từ Việt Nam về Pháp. Sau đó dùng đồng quan thu được này mua đô la Mỹ tại Paris mang lậu về Hồng Kông để bán lại lấy tiền Đông Dương mang về Việt Nam. Mỗi vòng như vậy, người buôn lậu có thể kiếm lời được đến 50% (21). Qua tai mắt của họ tại các thành phố như Sài Gòn và Hà Nội, Việt Minh đã sử dụng việc buôn lậu này như là một phương tiện kinh tài chính của họ.

Hồng Kông giúp cho sự liên lạc giữa Việt Minh và Trung Cộng được cải thiện, và điều này đã khiến cho Việt Minh có nhiều cơ hội hơn trong việc quan hệ với các đại diện của Liên Xô cũng như các đảng Cộng Sản khác tại Đông Nam Á. Bangkok chính là nơi tập trung quan trọng nhất của mạng lưới hoạt động Cộng Sản quốc tế trong giai đoạn này. Không những thủ đô của Thái Lan rất thuận tiện về mặt địa lý mà bầu không chính trị của Thái Lan lúc đó dưới trào thủ tướng Pridi Banomyang cũng rất thuận tiện cho các hoạt động của cán bộ Cộng Sản. Theo tài liệu của tình báo Anh, đầu năm 1947, một ủy ban phối hợp bao gồm đại diện các đảng Cộng Sản Thái, Miến Điện, Việt Nam, Mã Lai, Indonesia và có thể cả Ấn Độ được thành lập dưới sự chủ trì của một người Nga. Trung Cộng không có mặt trong ủy ban này. Tuy nhiên như đã nói ở trên, Trung Cộng có cơ sở riêng hoạt động tại Bangkok và có thể rằng có những liên lạc giữa hai phe (22).

Các hoạt động tuyên truyền đối ngoại chính của Việt Minh tập trung tại Bangkok nơi họ được sự yểm trợ của tòa đại sứ Liên Sô. Một tài liệu của Pháp cho cho thấy Bangkok là cơ sở chính của hoạt động đối ngoại của Việt Minh và xác định hai nhân vật chính chỉ huy cơ sở này vào đầu năm 1947, là "Hoàng" (có lẽ là Hoàng Văn Hoan) và Nguyễn Đức Quý. Sau khi bỏ học năm 1941, Quý bắt đầu tham gia hoạt động Cộng Sản. Trở thành đảng viên năm 1942, Quý tiếp tục hoạt động và trở thành bí thư riêng cho Võ Nguyên Giáp vào cuối cuộc chiến tại Thái Bình Dương. Đầu năm 1946 khi Hồ Chí Minh còn đang ở Pháp lo điều đình hội nghị Fontainebleau, Quý được Giáp cử sang Thái Lan đại diện cho Việt Minh (23).

Cùng đi với Quý sang Thái Lan là Phạm Ngọc Thạch. Thạch, người Rạch Giá, tốt nghiệp trường trung học Albert Sarrault và trường Y Khoa Hà Nội sau đó sang Pháp tốt nghiệp Tiến sỹ Y khoa rồi trở về Việt Nam sống ở Rạch Giá. Thạch có vợ người Pháp, gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương vào đầu những năm 1940. Nhờ người vợ đầm, Thạch đã trở nên rất thân thiết với Minoda một quan chức Nhật mà sau này trở thành thống đốc Nam Kỳ khi Nhật đảo chính Pháp qua đó Minoda cho phép Thạch tổ chức phong trào Thanh Niên Tiền Phong tại miền Nam. Tháng 11 năm 1945, khi Pháp bắt đầu chiến dịch tái chiếm lại Đông Dương, Thạch được gọi ra Hà Nội và bổ nhiệm làm cố vấn riêng cho Hồ Chí Minh. Nhờ nói giỏi tiếng Pháp và tiếng Anh, Thạch được chính quyền Hà Nội gởi ra nước ngoài với tư cách thứ trưởng ngoại giao có tư cách đặc mệnh toàn quyền thương thuyết với chính phủ các quốc gia khác. Trong những năm từ 1946 đến 1948, hầu hết tất cả các hội nghị có Việt Minh tham dự đều có sự hiện diện của Thạch (24). Một nhân vật khác hoạt động tại Bangkok là Trần Văn Giàu. Nhờ quen biết cũ với các lãnh tụ chính trị Thái Lan đương thời như Pridi Banomyong và Khuang Aphaiwong từ khi họ cùng học chung tại Pháp, Giàu đã được Pridi dành cho mọi sự dễ dãi trong các hoạt động của mình trên đất Thái. Ngoài việc liên lạc với các tổ chức cánh tả tại Thái Lan, Giàu còn chỉ huy một toán đặc công chuyên chống phá các cơ sở chống Cộng của người Việt tại Thái. Năm 1947 toán này đã sát hại năm cán bộ Cao Đài tại Bangkok. Các cơ sở khác của Việt Minh tại Thái còn có chi nhánh của Thông Tấn Xã Việt Nam do Lê Hy điều hành và Ủy Ban Tiếp Tế Nam Bộ dưới sự điều khiển trực tiếp của Trần Văn Giàu.

Chiến dịch Léa của quân đội Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn và đánh lên Cao Bằng, Lạng

Sơn vào cuối năm 1947 tuy không thành công trong việc bắt được chính quyền Hồ Chí Minh nhưng đã có một hệ quả lớn là cắt đứt các đường tiếp tế trên bộ giữa vùng Việt Bắc và miền Nam Hoa. Trong khi đó các hoạt động phong tỏa bờ biển của Hải quân Pháp cũng làm giảm thiểu việc tiếp tế bằng đường biển giữa đảo Hải nam và vùng biển các Liên Khu IV và V. Các đường liên lạc cũ với Trung Quốc bị cắt đứt khiến Việt Minh phải tìm cách mở những đường liên lạc mới. Và con đường qua ngả Thái Lan được coi là quan trọng nhất. Ngoài ra một loạt các cuộc hành quân cảnh sát của Anh tại Hồng Kông cũng đã làm đứt đoạn các liên lạc giữa Việt Minh và Trung Cộng qua ngả này.

Nhưng cuộc đảo chính tại Thái của Pibul Songram vào tháng 10 năm 1947 đã thay đổi hẳn bầu không khí chính trị tại Thái và đe dọa cắt đứt các hoạt động của Việt Minh tại Bangkok. Để đối phó với nguy cơ này, đảng Cộng Sản Việt Nam quyết định gởi Hoàng Văn Hoan sang Thái Lan. Trên danh nghĩa Hoàng được gởi sang để thay thế Nguyễn Đức Quý làm đại diện bán chính thức của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa tại Thái Lan, nhưng trên thực tế vai trò chính của Hoàng Văn Hoan là sửa soạn cho các cơ sở của Việt Minh tại Thái đi vào hoạt động bí mật khi tình hình tại Thái thay đổi cũng như để tiếp xúc với các cơ sở của Trung Cộng tại đây nhằm mở một đường dây liên lạc mới với Trung Cộng cũng như là với Liên Sô. Hoàng được cử sang Thái Lan, không những với tư cách là "Đặc phái viên chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa ở hải ngoại" mà còn là "Đặc phái viên của Trung Ương đảng Cộng Sản Đông Dương" lo tất cả chính sách đối ngoại của Việt Minh tại Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ và Tiệp Khắc (25). Hoàng Văn Hoan đến Thái Lan vào đầu năm 1948. Sang đến Thái, Hoàng thấy các tổ chức Việt Minh tại đây đã hoạt động quá công khai khiến cho chính phủ Thái có thể có lý do e ngại và quyết định cải tổ lại các tổ chức này. Đặc biệt Hoàng chỉ trích một số đại diện của Việt Minh đã tìm cách tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản. Trong hồi ký, Hoàng Văn Hoan đã nhắc đến một *"đồng chí"* tại Bangkok mà *"đi đâu cũng nói chủ nghĩa Mác,"* có lẽ ám chỉ Trần Văn Giầu (26). Trước tình hình đó Hoàng Văn Hoan quyết định cải tổ lại cơ cấu các tổ chức Việt Minh tại Thái Lan để đưa tất cả các tổ chức này nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ hơn của đảng Cộng Sản.

Với sự đồng ý của trung ương đảng Cộng Sản Đông Dương, Hoàng thiết lập một tổ chức mới, "Ban Cán Sự Trung Ương ở Hải Ngoại" của đảng Cộng Sản để nắm chặt toàn bộ các hoạt động của Việt Minh tại đây. Văn Phòng đại diện của Nguyễn Đức Quý nay chỉ còn vai trò ngoại giao thông thường. Đặc biệt Trần Văn Giầu bị loại ra khỏi mọi hoạt động của tổ chức mới này.

Trong việc tổ chức lại cơ cấu của các tổ chức Việt Minh tại Thái, Hoàng Văn Hoan được sự giúp dỡ của Cao Hồng Lãnh và Phan Duy Chương tức Nguyễn Trọng Duy. Cao Hồng Lãnh là người Minh Hương, thành viên cả của đảng Cộng Sản Trung Quốc lẫn đảng Cộng Sản Đông Dương. Lãnh được huấn luyện tại Quảng Châu từ những năm 20 và đã cộng tác chặt chẽ với Hoàng tại miền Nam Hoa cũng như tại Thái Lan trong những năm 30. Sau năm 1945, Lãnh là một trong những người tổ chức đường dây buôn lậu tiếp tế vũ khí cho Việt Minh tại miền Nam từ Thái Lan. Phan Duy Chương cũng là một cán bộ Cộng Sản kỳ cựu từ những năm 1930 và 40. Cả hai đều có những quan hệ mật thiết với đảng Cộng Sản Trung Quốc.

Sau khi giúp Hoàng Văn Hoan cải tổ lại tổ chức ở Thái Lan, Lãnh và Chương tiếp tục đi sang Hồng Kông. Theo hai bức thư của hai người này gởi về bị tình báo Pháp bắt được thì mục tiêu chính của chuyến đi này là tìm cách bắt liên lạc lại với hệ thống của đảng Cộng Sản Trung Quốc tại Hồng Kông. Lãnh được trao nhiệm vụ tìm cách mở một đường dây liên lạc bằng tầu thủy giữa Hồng Kông và Sài Gòn và một đường nữa giữa Đà Nẵng và Bangkok, trong khi Chương có nhiệm vụ thiết lập một văn phòng đại diện tại Hồng Kông. Cũng theo Chương thì họ đã bắt lại được liên lạc với *"các đồng chí Trung Quốc"* tại Thái Lan.

Năm 1948 như vậy có thể nói là năm mà Việt Minh bị cô lập nhất. Chính vì vậy mà họ đã phải hết sức để tìm cách kiếm những sự giúp đỡ của khối các nước vừa độc lập không Công Sản trong đó quan trọng nhất là Ấn Độ. Tuy nhiên những cố gắng của Việt Minh nhằm được sự ủng hộ ngoại giao của Ấn đã không thành công vì những nghi ngờ của Nehru về tính chất Cộng Sản của chính quyền Hồ Chí Minh.

Thất bại trong việc ve vãn những chính

quyền không Cộng Sản tại Á châu, Hà Nội đã đổi chính sách và tìm cách thúc đẩy một cuộc nổi dậy của các đảng Cộng Sản tại các nước Á châu khác. Điều này đã được thấy rõ tại Hội Nghị Thanh Niên tại Calcutta tổ chức từ ngày 19 đến ngày 26 tháng 2 năm 1948.

Tại Calcutta, phái đoàn Việt Minh đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra bầu không khí của hội nghị. Cầm đầu bởi Nguyễn Đức Quý, trong phái đoàn Việt Minh còn có Nguyễn Duy Cương và Lê Tâm, một người được báo chí mô tả là một kỹ sư tốt nghiệp trường École Nationales des Ponts et Chaussées và giám đốc một công binh xưởng quan trọng của Việt Minh (27). Trong ngày đầu của hội nghị, Lê Tâm đã đọc một bài tham luận về *"cuộc tranh đấu của thanh niên Việt Nam chống lại chủ nghĩa đế quốc Pháp"* (28). Bài tham luận chỉ trích các nước tư bản phương Tây đã bóc lột các nước Đông Nam Á và cảnh cáo về nguy cơ của các tập đoàn tư bản tài chánh phối hợp với việc sử dụng võ lực để tái lập lại chính quyền thuộc địa. Tâm lớn tiếng khoe là *"tại Việt Nam và Indonesia, cuộc đấu tranh của thanh niên cho độc lập và dân chủ đã đến mức cao nhất của đấu tranh vũ trang"* và đã mô tả dài dòng các hoạt động chiến đấu của *"dân quân và du kích"* tại Việt Nam. Sau cùng Tâm đã lớn tiếng kêu gọi thanh niên các nước khác tại Đông Nam Á, hãy nổi dậy và sử dụng các phương pháp du kích như của Việt Minh trong cuộc chiến chống Pháp, *"Dân chúng và thanh niên Đông Nam Á đã nhận thức được rằng chỉ độc lập dân tộc mới tạo ra được các điều kiện thuận lợi cho việc phát triển toàn diện của đất nước. Để đạt được những mục tiêu đó, chiến đấu là một điều không thể tránh khỏi. Với vũ khí trong tay chúng ta hãy quyết tâm ra trận."* (29)

Cũng tại Calcutta, ta thấy có những dấu hiệu đầu tiên về sự khác biệt đường lối giữa Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Trung Quốc. Trong khi những bài tham luận của phái đoàn Việt Minh đi theo rõ rệt đường lối bạo động của Cominform và Zhdanov mà bài diễn văn vừa được truyền đến Á châu đúng vào lúc hội nghị Calcutta bắt đầu khai mạc thì phái đoàn Trung Cộng chỉ nhấn mạnh đến vai trò của thanh niên và sinh viên trong chiến dịch giải phóng dân tộc chứ không nói gì đến sự quan trọng của việc này. Những bài tham luận của phái đoàn Trung Cộng cũng không hề nhắc tới việc nổi dậy cho toàn vùng. Và thay vì kêu gọi hủy bỏ sự bóc lột của chế độ tư bản, Trung Cộng nhấn mạnh đến việc rằng tại *"Trung Quốc các thanh niên nam nữ đang đấu tranh cho một chính phủ* liên hiệp *cách mạng và dân chủ"* (30). Sự tập trung vào các vấn đề nội bộ của Trung Quốc như vậy là trái hẳn với đường lối chung của Cominform, nhưng lại theo đúng đường lối mà Mao đề ra trong hội nghị trung ương của đảng Cộng Sản Trung Quốc vào tháng 12 năm 1947.

Phải đến giữa năm 1948 thì các mối liên lạc bình thường giữa hai đảng Cộng Sản Việt nam và Trung Quốc mới bắt đầu nối lại được. Theo Võ Nguyên Giáp thì đại diện của Trung Cộng là Trang Điền được Châu Ân Lai gởi sang để liên lạc và yêu cầu Việt Nam giúp đỡ du kích quân Trung Cộng đang bị khó khăn vì các cuộc hành quân của quân đội Quốc Dân Đảng tại Hoa Nam (31). Tuy những lời này không được các tài liệu khác xác định, nhưng theo các tài liệu của tình báo Anh thì cũng đúng vào lúc này Trung Cộng quyết định tăng cường các hoạt động vũ trang chống lại các lực lượng Quốc Dân Đảng Trung Hoa tại Hoa Nam thành ra việc phối hợp hoạt động giữa hai phe Cộng Sản này rất có thể xảy ra.

Ngoài ra, cũng đúng vào giai đoạn này, Trung Cộng cũng gia tăng các hoạt động tại các vùng Đông Nam Á. Theo tài liệu của Cảnh sát Anh - ngành đặc biệt (Special Branch) tại Hồng Kông thì bắt đầu từ tháng 5 năm 1948, sự quan tâm của đảng Cộng Sản Trung Quốc vào vùng Đông Nam Á được thể hiện một cách cụ thể qua việc thành lập "Quốc Tế Tân Xã" một chi nhánh của Tân Hoa Xã dưới sự chỉ đạo của Kiều Mục (tức Kiều Quán Hoa). Thông Tấn Xã này xuất bản những bản tin *"tập trung vào các nước Đông Nam Á"* và *"thu thập những tin tức về các nước này."* Những quan hệ giữa các tổ chức Trung Cộng và Việt Minh tại Hồng Kông lúc đó chắc hẳn cũng được chặt chẽ tuy rằng hiện ta chưa có một tài liệu nào nói về chuyện này cả. Các tin tức tình báo Anh tại Hồng Kông cho biết là vào tháng 4 năm 1948 có ít nhất là tám cơ sở Việt Minh tại Hồng Kông mà trong số những người có mặt có Hoàng Văn Đức được mô tả là *"Một kỹ sư Hà Nội được nhiều người biết đến. Đức là một trong những lãnh tụ của cuộc nổi dậy vào ngày 19 tháng 12 năm 1946."* (32)

Nói chung những trợ giúp cho Cộng Sản Việt Nam của Cộng Sản Liên Sô và Trung Quốc trong những năm từ 1945 đến 1949 hãy

còn giới hạn. Mao cho đến năm 1948 còn bận rộn lo chiến đấu chống lại Tưởng tại Hoa Bắc, trong khi Stalin thì quan tâm nhiều đến châu Âu và việc trợ giúp cho đảng Cộng Sản Pháp để đảng này có thể tham gia chính quyền tại Pháp hơn là cho Hồ. Nhưng cũng phải nói những trợ giúp giới hạn này đã cho đảng Cộng Sản Việt Nam một ưu thế trong cuộc tranh chấp với các đảng phái chính trị không Cộng sản cũng như trong việc tồn tại qua những ngày đầu của cuộc chiến chống Pháp.●

Chú thích

1. Service de Documentation Extérieur et Contre Espionage (SDECE) *Renseignement 2005/236* 28/11/1946 trong văn khố Bộ Ngoại Giao Pháp - Asie-Océanie 1944-1955 Vol 174: L'Indochine; CIA Report to State Department "*Liaison between Communist and Annamite Groups in France*" 851G.00G/2-1947 17/2/1947.

2. Bukharin *Kremli va Ho Chi Minh* t.4 Dẫn trong Goscha, C *Le Contexte asiatique de la guerre franco vietnamienne: Réseaux, relations et économie*, Luận án tiến sỹ Écoles Pratiques des Hautes Études, 2000, t.665.

3. Journal de l'envoyé spécial de l'URSS en Suisse, Mr Koujalenko 16/9/1947 Dẫn trong Goscha, *C Op.cit*

4. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Anh. PRO FO/371/66377/N9578/300/38

5. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Anh PRO FO/371/86778/NS1123/1

6. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Pháp Asie-Océnie 1944-1955 Vol 174: Indochine p.80 Note pour Mr le Conseiller Diplomatique, Haut Commisssariat de France pour l'Indochine, Saigon No CP/2 Tháng 12 1947.

7. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 851G.003B/3/747 Enclosure Nỏ.3 Saigon to Secretary of State No.196 7/3/1947

8. Nam Dương địa khu theo phân phối của Trung Cộng bao gồm Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia, Miến Điện, Malaya và Đông Dương.

9. Các tin tức này được Phủ Cao Ủy Pháp tại Đông Dương thông báo cho Bộ Ngoại Giao Mỹ và được thâu tóm trong tài liệu Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 851G.003B/3/747 Enclosure No. 3 Saigon to Secretary of State No.196 7/3/1947

10. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 751G.001/10-1151 Saigon to State Department Enclosure No.208 11/10/1951

11. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 851G.003B/3/747 Enclosure No. 3 Saigon to Secretary of State No.196 7/3/1947

12. Văn Khố Quân Đội Pháp SHAT 10H4358 Rapport sur l'activité des Chinois à Cholon

13. Văn Khố Hải Ngoại Pháp CAOM SD5 d.108 Actitivités en Indochine du Parti Communiste Chinois 3/5/1949

14. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 751G.001/7-3151 Saigon to State Department Enclosure No.56 31/7/1951

15. Qiang Zhai *China and the Vietnam Wars 1950-1975* Chapel Hill, 2000 t.11

16. Qiang Zhai *China and the Vietnam Wars 1950-1975* Chapel Hill, 2000 t.11-12

17. Văn Khố Bộ Thuộc Địa Anh PRO FO/37192192/FC1015/5 Hong Kong to Colonial Office 21/12 1950. và Văn khố Bộ Thuộc Địa Anh PRO CO 537/6075 Hong Kong Police - Special Branch Summary 6/1950

18. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 851G.001/1-647 Hanoi to Secretary of State Enclosure No 5, 6/1/1947

19. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ 851G.001/1-2247 Hanoi to Secretary of State Enclosure No 23, 22/1/1947

20. Văn Khố quân đội Pháp SHAT 10H2952 Traffic Viet Minh entre Hong Kong et l'Indochine CCFAEO, EM/2B No. 3644/FAEO/2S

21. Despuech, J. *Le traffic de la piastre*

22. Văn Khố Bộ thuộc địa Anh PRO CO 537/2638 Fifth Fortnightly Review of Communism in the Colony 30/7/1948

23. Văn Khố Hải Ngoại Pháp CAOM CD d.106 "Organisation des Rebelles indochinois au Siam" 2/1949

24. Văn Khố Quân Đội Pháp SHAT 10H620 Organisation de l'authorité politico-militaire adverse en Indochine 8/1948 t.38

25. Hoàng Văn Hoan *Giọt Nước trong Biển Cả* t.281-82. Sở dĩ Hoàng Văn Hoan phụ trách cả về Tiệp Khắc vì lúc đó tại Tiệp vừa có đảo chính lật đổ chính quyền Liên Hiệp và Tiệp trở thành khuynh hẳn về khối Cộng. Việt Minh hy vọng qua Tiệp có thể kiếm được thêm sự trợ giúp của Liên Sô.

26. Hoàng Văn Hoan *Giọt Nước trong Biển Cả* t.300

27. Bangkok Post 18/2/1948

28. Star of India (Calcutta) 20/2/1948

29. Star of India (Calcutta) 23/2/1948

30. Star of India (Calcutta) 21/2/1948

31. Võ Nguyên Giáp *Chiến Đấu Trong Vòng Vây* t.348

32. Văn Khố Bộ Ngoại Giao Anh PRO FO/371/69654/F6229/255/86 ●

30-4

LẠC LANG LIÊU

Ngày xửa ngày xưa, cách không lâu sau ngày 30.4.1975, nhà nước CHXHCN Việt Nam quyết định điều tra về vụ "CIA hóa" một trường đại học tư cũ ở miền nam Việt Nam (nghĩa là sự tham gia lũng đoạn của CIA trong hoạt động của trường đó). Một chuyên viên từ Bộ Giáo dục về điều tra những giảng viên cũ của trường. Sau khi điều tra rất kỹ, chuyên viên nọ đi đến một kết luận trong trường hợp một giảng viên cũ của trường về quan hệ với CIA của người đó rằng: *Anh không làm việc cho CIA nhưng có nguy cơ bất cứ lúc nào anh cũng có thể làm việc cho CIA.* Cựu giảng viên này phải vào tù ba năm lần đó vì kết luận trên. Thật may! Không chỉ riêng cho anh mà còn cho bao người Việt Nam khác rằng những chuyên viên đó không điều tra về án mạng và đã không đi đến kết luận tương tự về nguyên tắc: *Anh/chị chưa giết người nhưng có nguy cơ bất kỳ lúc nào anh/chị có thể giết người.* Thật may! Vì như thế họ sẽ không được ngồi tù ba năm, có thể họ sẽ bị kết án tử hình. Tôi thấy sợ.

Ngày xửa ngày xưa, cách không lâu sau ngày 30.4.1975, bố mẹ tôi ở miền bắc rất mừng vì mua được ba lạng thịt phiếu sau khi xếp hàng vất vả từ suốt năm giờ sáng đến gần trưa. Họ cực khổ như bao người cán bộ nhà nước khác. Mỗi người hàng ngày phải đi làm bằng xe đạp (rất may là họ có xe đạp) rất xa. Hàng tháng cả hai chỉ được phân phối tổng cộng hơn 20 kg gạo và tùy hoàn cảnh độn ngô, mỳ hạt hay sang trọng hơn là bột mỳ. Còn thịt thì thường phải xếp hàng rất lâu, rất sớm và rất nhiều lần trước cửa hàng thực phẩm, sau đó phải rất lịch sự và lễ độ với các cô bán hàng (kể cả người già, trẻ đều phải gọi bằng chị xưng em hay bằng cô xưng cháu) để được mua một vài lạng.

Vì sự hy sinh của bố mẹ nên chúng tôi không bị chết đói, bị suy dinh dưỡng mặc dù luôn thèm thịt, thèm đường... Nhưng cả hai đều không biết kêu ca, vì họ không biết rằng có thể kêu ca và kêu ai. Hơn nữa mọi người luôn tự an ủi nhau và cả chúng tôi rằng như thế này là sướng hơn thời chiến tranh trước đó rồi, không phải lo sợ chết chóc hay liên tục chạy xuống hầm mỗi khi còi báo động. Bố mẹ tôi luôn tin rằng chẳng bao lâu nữa, sau thời gian ngắn khắc phục chiến tranh, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng và nhà nước thì cuộc sống sẽ sung sướng hơn. Mọi người tin tưởng chắc chắn rằng tương lai sẽ tươi đẹp hơn, cuộc sống sẽ đầy đủ hơn và tự do hơn. Chúng tôi cũng được dạy ở trường, được nghe ở nhà và cũng tin vậy.

Ngày nay, vài ngày trước 30.4.2001, CHXHCN Việt Nam vẫn thuộc vào trong số mười lăm nước nghèo nhất thế giới. Hàng chục ngàn người chết vì các vụ án chính trị (theo thống kê của *National Reseach Foundation* thì trong những năm 80 đã xảy ra ít nhất 65.000 các án tử hình mang tính chính trị). Hàng triệu người dính líu đến kẻ thù cũ (chế độ Miền nam cũ) đã "được" qua các trải cải tạo (theo báo cáo của đảng cộng sản). Hàng triệu người (khoảng trên 1,5 triệu) đã di tản ra nước ngoài bằng các con đường khác nhau. Trong nước, hàng ngàn người Thượng ở Tây Nguyên biểu tình phản đối về những mâu thuẫn đất đai do việc nhà nước chuyển dân di cư vào Tây Nguyên đã đẩy họ trở thành nhóm thiểu số trên chính quê hương mình. Cuộc biểu tình xung đột đã được dẹp bằng sự giúp đỡ của máy bay trực thăng, của cảnh sát chống bạo loạn, đạn khói hơi và hàng trăm nhân viên an ninh vào tham gia nằm vùng. Hàng trăm người dân tộc Sơn La đã đến biểu tình (khiếu kiện tập thể) trước lăng Hồ Chí Minh ở Hà Nội đòi giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến đất đai và những gì khác mà người ta không biết.

Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt trước khi về hưu đã ký quyết định cho phép quản thúc tất cả những ai có dấu hiệu, hành động chống lại chế độ. Đương kim Thủ tướng Phan Văn Khải lại ký quyết định cấm biểu tình cho đến sau khi đại hội Đảng lần thứ 9 kết thúc. Nhà nước CHXHCN Việt Nam vẫn nghĩ rằng luôn có mọi quyền hành tự nhiên can thiệp, chụp mũ, bắt bớ, quản thúc... và làm bất kỳ mọi điều điều họ coi là "hợp lý" với người dân của mình (tất nhiên không loại trừ việc kết án tù dựa trên những kết luận như đã xảy ra với cựu giảng viên nọ ngày nào). Tôi thấy sợ.

Ngày nay, vài ngày trước 30.4.2001, trong suốt hơn một tiếng bữa ăn trưa mà bố tôi nói không ít hơn 20 lần là rất chán cơ quan và công việc, con người ích kỷ, cơ chế mục ruỗng và ông thấy rất tiếc thời gian qua đã làm việc một cách không công, bị bóc lột và lừa dối như vậy. Mặc dù đến cuối đời do có thay đổi ông cũng đã tiết kiệm, vay tiền chật vật xây được một cái nhà để ở - may mắn hơn nhiều người khác. Em tôi chỉ cười mỗi khi mẹ tôi bảo nó nên phấn đấu vào đảng để lên làm trưởng phòng, để cho khỏi bị những người khác dốt hơn, kém hơn luôn lãnh đạo. Nó thường trả lời rằng lúc nào không kiếm được tiền nữa nó sẽ xin vào đảng. Tôi an ủi một bạn gái tôi phải đi làm xa, vất vả và không được trọng dụng rằng nếu cố thật giỏi thì họ sẽ cần và sẽ không còn phải vất vả. Cô nổi cáu: "Không ai cần mình giỏi. Chỉ cần có 50 triệu /khoảng 3000 USD/." Một số ít bạn bè tôi xin đi làm việc ở nước khác để lo cứu bản thân bế tắc (không chỉ kinh tế) của mình. Bạn bè khác của tôi vẫn tiếp tục chửi, phê phán cơ chế nhà nước mà họ đang làm đồng thời vẫn "nịnh thối" các sếp của mình mỗi khi họp cơ quan (đặc trưng cho trí thức Việt Nam). Thậm chí họ vẫn thường xuyên khen nịnh bợ các sếp (mà họ thường chửi khi khác) trắng trợn khi cả cơ quan cùng đi hát karaoke. Tôi băn khoăn, họ trả lời: "Cứ về Việt Nam ở một thời gian sẽ quen." Tôi thấy sợ.

Ngày nay, vài ngày trước 30.4.2001 người giảng viên cũ của trường đại học tư nọ sau nhiều lần, nhiều năm ở tù đã được thả tự do và đoàn tụ với gia đình. Hơn thế ông còn được mời vào ban giám khảo của liên hoan phim tài liệu về nhân quyền tổ chức ở Praha dưới sự bảo trợ của tổng thống CH Séc Václav Havel. Nhưng còn bao người khác đang bị tù hay luôn chuẩn bị đi tù hay bị quản thúc chỉ vì nói lên những gì khác với chính sách của nhà nước, của đảng. Tất nhiên những người đó thường bị quy những tội rất khó chứng minh như tiết lộ bí mật nhà nước hay phản bội quyền lợi dân tộc!?

Nhưng đáng sợ hơn khi nhiều người Việt Nam vẫn nghĩ rằng họ là dân Do Thái của châu Á (tôi được nghe chính từ một người đang đấu tranh cho dân chủ ở ngay trong lòng Việt Nam). Còn nhiều người vẫn muốn tin rằng người Việt tài giỏi, chỉ đang tạm chịu đựng một thời gian cho hết kiếp khổ rồi sẽ phát triển bùng lên. Rất mừng là có ít nhất một vài người Việt Nam đã biết yêu cầu mình và cả "Tổ quốc ăn năn" và hiểu rằng nếu chưa biết mình, biết nhìn thẳng vào sự kém cỏi ngu muội của chính bản thân thì sẽ không thể đi lên được. Nhưng có bao nhiêu người biết điều đó? Có bao nhiêu người dám nhìn và công nhận điều đó - dám phủ nhận chính phần nào bản thân mình? Nghĩ đến đây tôi thấy sợ.

Ngày 30.4 của thiên niên kỷ mới này tôi sẽ thắp một nén hương cho những người Việt đã chết, dù vì bất kỳ lý tưởng nào hay vì bất kỳ sự ngu xuẩn nào. Tôi cũng nghĩ như nhà văn Trần Ngọc Tuấn, khi anh đã trả lời câu hỏi của một phóng viên Mỹ: "Anh nghĩ gì về những người lính cộng hoà đã chết?" rằng: "Nước mắt của bà mẹ nào khóc con cũng mặn. Tôi sẽ thắp hương cầu nguyện cho linh hồn họ." Chúng ta hãy cùng thắp hương cầu nguyện cho tất cả những người Việt, dân thường, lính giải phóng hay cộng hoà, những người phía này, phía kia đã chết và những người sẽ chết cho Việt Nam. Mong rằng tất cả người Việt Nam, dù ở trong nước, ở Đông Âu, ở Tây Âu, ở "Hải ngoại" hay ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới sẽ hiểu rằng họ xuất phát từ cùng một gốc, cùng chung một nòi giống và cùng từ một truyền thống cha ông nói dối bằng những huyền thoại hư cấu lịch sử từ ngàn xưa... và có thể đến tận nay rằng họ là "con rồng, cháu tiên." Tôi vẫn chưa hết sợ.

Phải chăng đã đến lúc những người thật sự quan tâm đến số phận của một nước Việt Nam đã nên hiểu rằng họ sẽ không sống mãi. Phải chăng đã đến lúc những người khác nhau nhưng cùng tâm niệm và cùng chung nguồn gốc của "lũ" sinh ra từ "trăm trứng" của Lạc Long Quân và Âu Cơ nên tìm đến nhau và bắt đầu làm điều gì đó nghiêm túc để khỏi ân hận trước khi sang thế giới bên kia. Tôi thấy buồn! Nhưng nghĩ: Chắc chưa muộn.●

THƯƠNG ƯỚC VIỆT-MỸ SẼ ẢNH HƯỞNG TỚI CƠ CHẾ KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO?

NGUYỄN QUỐC KHẢI

(Tiếp theo)

Thương Mại Dịch Vụ có những thay đổi đặc biệt nào?

Dịch vụ là một khu vực kinh tế quan trọng của cả hai nước Việt-Nam và Hoa-Kỳ nói riêng và của đa số các nước trên thế giới hiện nay nói chung. Khu vực dịch vụ của Việt-Nam trung bình chiếm 43 phần trăm tổng sản lượng nội địa trong những năm 1994-1998 so với 31 phần trăm đối với khu vực kỹ nghệ và 26 phần trăm đối với nông nghiệp . Hai quy chế quan hệ thương mại bình thường và đối xử quốc gia áp dụng cho hàng hóa đã đề cập ở phần trên cũng được áp dụng cho các dịch vụ. Trong lãnh vực thương mại dịch vụ, hai quốc gia thỏa thuận cho phép việc độc quyền cung cấp một số dịch vụ. Tuy nhiên những doanh nghiệp có độc quyền cung cấp dịch vụ không được lạm dụng tính cách độc quyền trong trường hợp có những hoạt động thương mại khác bên ngoài phạm vi độc quyền.

Việt-Nam cho phép công dân và xí nghiệp Hoa-Kỳ được đầu tư vào mọi ngành dịch vụ tại thị trường Việt-Nam: tài chánh (ngân hàng và bảo hiểm), viễn thông, phân phối, dịch vụ thính thị, pháp lý, kế toán, kỹ thuật, máy điện toán và dịch vụ liên hệ, nghiên cứu thị trường, xây cất, giáo dục, y tế và các dịch vụ liên hệ, và du lịch. Việt-Nam sẽ thực hiện những cam kết này tiêu biểu trong vòng từ ba đến năm năm. Đối với tất cả các ngành dịch vụ, những điều khoản sau đây sẽ được áp dụng, tuy nhiên có những ngoại lệ cho một số ngành. Các công ty Hoa-Kỳ được đầu tư dưới nhiều hình thức: hợp đồng hợp tác kinh doanh (business cooperation contract viết tắt là BCC), xí nghiệp liên doanh (joint-ventures), xí nghiệp 100% vốn Hoa-Kỳ, xây-hoạt động-chuyển giao (build-operation-transfer viết tắt là BOT), và xây-chuyển giao-hoạt động (build-transfer-operation viết tắt là BTO). Việt-Nam chưa được cam kết cho các công ty Hoa-Kỳ cho phép lập chi nhánh vì Việt-Nam còn đang soạn thảo luật lệ về vấn đề này. Việt-Nam thỏa thuận cho các công ty Hoa-Kỳ được đặt các văn phòng đại diện. Tuy nhiên những văn phòng này không được có những hoạt động thu lợi nhuận. Về ngành giáo dục, chính phủ Việt-Nam cho phép mở trường với 100% vốn, nhưng chỉ cho phép những nhà đầu tư ngoại quốc hoạt động trong lãnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên, và công nghệ mà thôi. Những ngành khác như xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá đều không được chấp thuận. Bảng 2 đính kèm tóm tắt một số luật lệ đầu tư liên quan đến một số dịch vụ quan trọng của Việt-Nam.

Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Sẽ Được Bảo Đảm Như Thế Nào?

Việt Nam đồng ý theo các tiêu chuẩn của WTO để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Hoa-Kỳ trong vòng 18 tháng và những tín hiệu từ vệ tinh trong thời hạn 30 tháng. Cũng theo Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt, mỗi nước quy định các thủ tục tố tụng hình sự và hình phạt để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của nước kia bao gồm cả những trường hợp làm giả nhãn hiệu và xâm phạm quyền tác giả. Trong trường hợp có tranh tụng và có sự khác biệt giữa những điều khoản của Hiệp Ước Thương Mại Mỹ-Việt và những điều khoản trong Hiệp Ước về Quyền Tác Giả mà hai nước đã ký kết vào ngày 27.6.1997, thì các điều khoản trong hiệp ước mới này sẽ được hai bên áp dụng. Trong trường hợp Việt-Nam được gia nhập WTO trước khi kết thúc thời hạn thi hành những biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ quy định trong thỏa ước thương mại, Việt-Nam đồng ý sẽ theo luật của WTO đã được các nước hội viên chấp thuận từ năm 1994. Tuy nhiên, theo tốc độ làm việc của nhà nước hiện nay, Việt-Nam khó có thể vào được WTO trong vòng ba năm tới.

Chính sách đầu tư ngoại quốc phải được cải thiện ra sao?

Việt-Nam cam kết thực hiện một số biện pháp sau đây để cải thiện môi trường đầu tư. Thứ nhất là áp dụng chế độ đăng ký để xin giấy phép đầu tư (registration regime for investment licensing) thay thế chế độ thẩm định để cấp giấy phép đầu tư (evaluation regime for investment licensing) cho những trường hợp sau đây: 1.- trong hạn hai năm đối với những dự án trong các khu kỹ nghệ và các khu chế biến xuất cảng, hoặc các dự án có tỉ lệ xuất cảng ít nhất 50%, hoặc có vốn đầu tư dưới $5 triệu; 2.- trong thời hạn sáu năm cho tất cả các dự án chế biến với vốn đầu tư dưới $20 triệu; và 3.- trong thời hạn chín năm cho tất cả những dự án khác ngoại trừ một số lãnh vực sẽ đề cập tới trong đoạn kế tiếp. Chế độ đăng ký chỉ đòi hỏi một số chi tiết căn bản về nhà đầu tư và dự án đầu tư. Thứ hai là Việt-Nam cho phép áp dụng phương pháp trọng tài để giải quyết những vụ tranh tụng tại một quốc gia thứ ba như đã nói ở trên. Thứ ba là Việt-Nam sẽ hủy bỏ những biện pháp đầu tư liên quan đến mậu dịch trái nghịch với những những nguyên tắc của WTO. Những đòi hỏi về tỉ lệ địa phương đối với những nhà biến chế và tỉ lệ xuất cảng sẽ được bãi bỏ ngay lập tức. Những biện pháp đầu tư liên quan đến mậu dịch sẽ được loại bỏ dần trong vòng năm năm ngoại trừ đối với một số sản phẩm sau đây, tỉ lệ xuất cảng vẫn được duy trì ở mức 80% trong vòng bảy năm: xi măng, đồ sứ, PVC, quần áo, giầy dép, thuốc lá rượu, và giấy. Thứ tư là trong vòng bốn năm, Việt-Nam sẽ hủy bỏ chế độ hai giá mang tính chất kỳ thị những người ngoại quốc, kể cả đối với lệ phí quảng cáo và điện nước (6).

Việt-Nam có thể duy trì chế độ thẩm định để cấp giấy phép đầu tư trong nhiều lãnh vực như phát thanh, truyền hình; sản xuất, xuất bản và phân phối các sản phẩm văn hóa; du lịch; ngân hàng; bảo hiểm; kinh doanh chứng khoán; chuyên chở; xây dựng và vận hành các hải cảng và không cảng; xây dựng và vận hành các phương tiện viễn thông; phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, chế xuất, và công nghệ cao; ngư nghiệp. Điều này cho thấy là cả Hoa-Kỳ lẫn Việt-Nam đều coi thông tin là một trong những hoạt động quan trọng về phương diện kinh tế. Thêm vào đó, nó còn có ảnh hưởng mạnh mẽ về phương diện chính trị. Chính vì vậy mà chính phủ Hà-Nội muốn kiểm soát chặt chẽ, qua quy chế thẩm định, những dự án đầu tư về ngành thông tin. Đồng thời dành cho những xí nghiệp quốc doanh độc quyền nhập cảng các ấn phẩm, phim ảnh, v.v. như đã nói ở trên.

Những cải tổ kinh tế mạnh mẽ đi kèm với hiệp ước thương mại Việt-Mỹ sẽ đảo ngược tình hình đầu tư ngoại quốc. Hiệp ước thương mại với Hoa-Kỳ cũng sẽ giúp Việt-Nam mở mang thị trường ở Mỹ nhờ vào thuế nhập cảng thấp và hạn ngạch nhập khẩu vào Mỹ được nâng cao. Vì vậy chính hiệp ước thương mại cũng đủ sức thu hút được một số nhà đầu tư ngoại quốc muốn sản xuất hàng tại Việt-Nam và trực tiếp xuất cảng qua thị trường tiêu thụ rộng lớn Hoa-Kỳ.

Tự Do Kinh Tế và Tự Do Chính Trị liên hệ với nhau như thế nào?

Hiệp ước thương mại Việt-Mỹ sẽ mang lại một điều lợi đáng kể là khu vực tư sẽ được tự do phát triển hơn trước đây vì nhà nước không còn chiếm độc quyền làm kinh tế cho cả nước và chỉ cho tư nhân cơ hội tự do buôn bán lặt vặt như từ 1986 đến nay. Tư nhân sẽ được tự do hơn để định đoạt đời sống kinh tế của mình. Bà Đại Sứ Ngoại Thương của Hoa-Kỳ Charlene Barshesky từng tuyên bố: *"Những điều khoản trong hiệp ước mậu dịch này sẽ có ảnh hưởng vượt hẳn ra ngoài những thỏa thuận thương mại song phương đã được điều đình trong quá khứ để chấm dứt những hạn chế của Tu Chính Án Jackson - Vanik có ảnh hưởng trên một số quốc gia. Khi hoàn tất, hiệp ước mậu dịch sẽ vạch ra một đường hướng đưa tới sự cởi mở hơn, giảm bớt sự kiểm soát kinh tế của chính phủ, và cuối cùng làm cho người dân Việt-Nam được tự do hơn để kiếm việc làm và tự quyết định lấy tương lai của mình."* Tại buổi lễ tại Tòa Nhà Trắng vào ngày 13/7 Tổng Thống Clinton đã tuyên bố rằng: *"Hiệp ước thương mại sẽ đem lại nhiều thay đổi tốt đẹp về tự do và nhân quyền cho nhân dân Việt-Nam, trong một nền kinh tế phồn thịnh hơn..."*

Thương ước Việt-Mỹ, với những điều khoản buộc giải tỏa nền kinh tế chỉ huy như đã trình bầy ở trên, sẽ phân tán quyền lực hiện nay tập trung hết trong tay nhà nước. Khu vực kinh tế tư sẽ ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách quốc gia, trực tiếp hay gián tiếp. Như vậy, điều kiện này sẽ tạo ra một môi trường thích hợp cho nền dân chủ được phát triển (7). Hiệp ước thương mại không có điều khoản nào nói về nhân quyền. Tuy nhiên hiệp ước đòi hỏi các luật lệ, tự do thông tin trong lãnh vực kinh tế phải có sự trong sáng. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến quyền tự do báo chí. Một khi người dân đã có quyền tự do

kinh tế, có một mức sống cao hơn, không còn phải lo miếng cơm manh áo hàng ngày thì không còn gì ngăn cản họ đòi hỏi được hưởng các quyền tự do ngoài phạm vi thuần túy kinh tế, nhất là khi người dân đã được tiếp xúc với những người thuộc các nước có chế độ tự do dân chủ, ngoại quốc cũng như người Việt khắp nơi trở về. Một đòi hỏi kế tiếp và tự nhiên của người dân trong nước sẽ là một chế độ tự do, dân chủ và tiến bộ theo đúng trào lưu văn minh của nhân loại. Tuy nhiên phải mất bao lâu mới thực hiện được ước vọng mãnh liệt đó, đến nay không ai có câu trả lời chắc chắn cả.

Kinh nghiệm cho thấy chính sách cấm vận đã được các quốc gia sử dụng tối đa trong các thập niên trước đây đã không có hiệu quả để đánh đổ các chế độ độc tài và áp bức trên thế giới. Thí dụ như trường hợp Cuba, Bắc Hàn, Iraq và Việt-Nam (1975-1994). Ngày nay, các cường quốc chủ trương bình thường hóa liên hệ ngoại giao và thương mại với các chế độ độc tài như trường hợp Hoa-Kỳ với Việt-Nam. Chính sách này đã mang lại cho những người dân ở dưới chế độ độc tài áp bức một đời sống kinh tế dễ thở hơn so với thời kỳ cấm vận, nhưng "cả hai chính sách cấm vận và bình thường hóa thương mại đều không có một liên hệ vững chắc và trực tiếp đối với vấn đề dân chủ hóa" (8). Tuy nhiên, "không có dân chủ nếu không kinh tế tự do. Với tự do kinh tế, có thể có dân chủ" (9). Nói một cách khác "kinh tế thị trường là một điều kiện cần nhưng không đủ cho sự phát huy nền dân chủ" (10). Chúng ta "không thể tiên đoán chắc chắn và dễ dàng được sự liên hệ giữa thị trường và dân chủ" (11).

Trong trường hợp có tự do kinh tế, dân chủ sẽ phát triển với ba điều kiện: 1.- Quyền tự do được bảo đảm bởi hiến pháp và môi trường chính trị; 2.- Nền kinh tế thị trường đem lại sự thịnh vượng; 3.- Không có liên minh mạnh mẽ của quần chúng chống lại phong trào dân chủ hóa. Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-Nam thỏa mãn điều kiện 1.- trên lý thuyết, nhưng trên thực tế nhà nước không thi hành. Thương Ước Việt-Mỹ sẽ mở rộng thị trường và cho phép người dân có quyền tự do làm ăn buôn bán dễ dàng hơn. Kinh tế sẽ phồn thịnh hơn so với thời kỳ chỉ huy. Mặt khác, số công ty quốc doanh sẽ phải giảm thiểu tối đa hoặc sẽ phá sản. Tại Việt-Nam, không có phong trào của quần chúng chống lại tự do dân chủ. Trái lại quần chúng mong muốn có tự do dân chủ. Do đó, Việt-Nam có cơ hội dân chủ hóa. Cơ hội đó đến sớm hay muộn tùy thuộc công sức bỏ vào nhiều hay ít của những người dân ở trong nước, những nhân vật lãnh đạo cấp tiến trong đảng Cộng Sản và sự hiểu biết của chính quyền Hà-Nội, sự hữu hiệu của phong trào yểm trợ của người Việt ở hải ngoại và những áp lực mạnh mẽ của quốc tế.

Kinh nghiệm cho thấy kinh tế phát triển không chắc chắn và tự động đem lại tự do dân chủ, nhưng lại giúp hợp pháp hóa và củng cố những chế độ độc tài trong đoản kỳ. Ngược lại, lịch sử cũng đã chứng minh rằng kinh tế khủng hoảng sẽ không đủ để làm nhiều chế độ độc tài sụp đổ, mặc dù có làm cho những chế độ này yếu đi (12). Tuy nhiên những cuộc khảo cứu cống phu và sâu rộng đã cho thấy rằng cải thiện mức sống (đo bởi tổng sản lượng nội địa đầu người, tử số của trẻ em mới sinh, số học sinh) của các nước sẽ đem lại tự do và dân chủ trong trường kỳ (13). Trong các thập niên 1980 và 1990, trào lưu dân chủ hóa nổi dậy khắp nơi trên thế giới. Nhiều quốc gia biến đổi từ chế độ độc tài qua chế độ dân chủ theo một trong ba khuynh hướng sau đây 14: 1.- Thay đổi thể chế chính trị trước, cải tổ kinh tế sau. Đó là trường hợp của các nước Đông Âu, Nga Sô, và nhiều nước Châu Mỹ Latin; 2.- Cải tổ chính trị và kinh tế hỗn hợp; và 3.- Cải tổ kinh tế trước, thay đổi thể chế chính trị sau. Đây là trường hợp của Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Mexico, Chile và cũng rất có thể của Việt-Nam và Trung Quốc. Vào đầu thập niên 1940, cả thế giới chỉ có khoảng trên 10 nước, khoảng dưới 1% của tổng số các quốc gia, có tự do dân chủ. Ngày nay chúng ta con số này đã lên tới 62% và đặc biệt là một số các nước cựu cộng sản nay đã trở thành những nước tự do dân chủ nhất thế giới: Czech Republic, Estonia, Poland, Hungary, Slovakia, và Slovania.

Kết Luận

Những cuộc cải tổ kinh tế do Thương Ước Việt-Mỹ đòi hỏi gián tiếp hay trực tiếp sẽ đem lại những kết quả sau đây: 1.- Khu vực tư doanh sẽ mở rộng. Tư nhân sẽ được tự do làm ăn buôn bán quy mô; 2.- Khu vực quốc doanh sẽ thâu hẹp tối đa; 3.- Ngoại thương sẽ được bành trướng mạnh mẽ; 4.- Khu vực đầu tư của nước ngoài sẽ mở rộng; 5.- Kinh tế Việt-Nam sẽ phát triển và sẽ liên hệ trực tiếp đến kinh tế toàn cầu nhiều hơn. Hiện nay, khu vực nhà nước và sản xuất tập thể quá lớn, chiếm khoảng 48% tổng sản lượng nội địa, bao gồm trong đó là xí nghiệp quốc doanh chiếm khoảng 30%, sản xuất tập thể 9%, hành

chánh, quốc phòng và chương trình an sinh của nhà nước 3.1% 15. Trong khi đó hai khu vực tư doanh và đầu tư nước ngoài lại quá nhỏ, chiếm khoảng 4% và 11%. Một cuộc cải tổ kinh tế thiết yếu là phải đảo ngược được tình trạng này. phát triển khu vực tư doanh và đầu tư nước ngoài, đồng thời thu hẹp khu vực nhà nước lại, từ 39% xuống còn 10% - 15%.

Các vấn đề thông tin, phân phối, di chuyển, cư trú, thuê mướn nhân công sẽ được bảo đảm tự do hơn chiếu theo Thương Ước. Pháp luật sẽ phải minh bạch hơn, trước hết là luật thương mại và công pháp quốc tế. Với sự phát triển của công nghệ tin học, với báo chí, đài phát thanh, truyền hình, mạng lưới Internet được hoạt động ngay trong nước, chế độ kiểm duyệt báo chí, ngăn cản tin tức chuyển về từ nước ngoài sẽ trở thành vô hiệu. Với các đại học với vốn và ban giảng huấn ngoại quốc cùng với các trường học dân lập và số sinh viên xuất ngoại trở về, tư tưởng tự do tiến bộ sẽ phát triển trong giới trẻ tại Việt-Nam. Thế lực của giai cấp cầm quyền sẽ suy giảm. Giai cấp trung lưu sẽ lớn mạnh. Các tổ chức bất vụ lợi và phi chính phủ sẽ sinh sôi nẩy nở mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Một môi trường như vậy sẽ rất thích hợp cho một chế độ tự do và dân chủ phát triển.

Vào cuối năm 1986, các nhà lãnh đạo Hà-Nội đã đợi chờ cho 60 triệu dân bị đe dọa trầm trọng vì nạn đói mới chịu cởi trói cho dân làm ăn và trong hoàn cảnh đó chính sách "Đổi Mới" được ra đời. Chỉ vài năm sau, Việt-Nam trở thành nước xuất cảng thực phẩm. Chính sách kinh tế sai lầm của nhà nước đã làm cho nhân dân trong một quốc gia giầu tài nguyên trở thành nghèo đói. Hơn 14 năm sau, kinh tế Việt-Nam lại đi vào chỗ bế tắc. Mức tăng trưởng từ 9 phần trăm tụt xuống còn 4.2 % và đầu tư ngoại quốc đang đổ vào Việt-Nam từ khoảng 2 tỉ Mỹ kim xuống còn 700 triệu Mỹ kim trong năm 1999. Các nhà lãnh đạo Hà-Nội lại vẫn chần chờ không chịu thi hành những biện pháp cải tổ kinh tế trong năm năm qua, vì muốn duy trì sự ổn định chính trị mặc dù biện pháp này chỉ có tính cách tạm thời. Cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu làm cho nền kinh tế suy sụp rõ ràng hơn. Một lần nữa đến phút chót những nhà lãnh đạo Hà-Nội mới chịu ký Thương Ước Việt - Mỹ vào tháng 7 năm vừa qua. Thương ước đòi hỏi nhiều biện pháp cải tổ kinh tế đi kèm. Đó là niềm hi vọng lớn lao của những người ủng hộ sự cải tiến về liên lạc thương mại giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam.●

February 4, 2001

Chú thích

6. Vào cuối tháng 8 vừa qua được biết chính phủ Hà-Nội vừa ra một thông tư liên bộ số 10/2000/TTLT (*Vietnam Business Journal,* "This Week in Vietnam, August 28 - September 2, 2000"). Theo đó kể từ nay Việt Kiều và những người đầu tư ngoại quốc hiện đang sinh sống tại Việt-Nam sẽ trả cùng một giá như những người địa phương về thuê đất, nguyên liệu, nhiên liệu, và một số dịch vụ khác như du lịch, khách sạn, y tế, viễn thông, giáo dục, huấn luyện, điện nước. Đây là một biện pháp đã được nhiều người nói đến từ lâu, nay mới được nhà nước thi hành để thu hút vốn đầu tư. Thông cáo này không đề cập gì đến quyền mua nhà của Việt kiều và những người đầu tư ngoại quốc. Đồng thời quyền lợi của những người ngoại quốc thông thường cũng không được nói tới trong thông tư này.

7. Một chế độ dân chủ là một thể chế chính trị có những đặc tính sau đây: chính quyền cai trị dân bằng luật pháp; quyền hành của nhà nước bị giới hạn; có sự hiện hữu của xã hội dân sự; dân chúng có thể ảnh hưởng đến chính sách của nhà nước bằng nhiều phương cách hợp pháp; tự do báo chí.

8. David Hendrickson, "*Constructive Engagement and Economic Sanctions: The Debate over Intervention for Democracy*" Rowman & Littlefield Publishers, Inc.: Lanham, Maryland, 1998.

9. David D. Finley, "*Market Leberation and Democratic Politics: Perspectives from the Russian Experience*" Rowman & Littlefield Publishers, Inc.: Lanham, Maryland 1998.

10. Nguyễn Cao Quyền, "*Dân Chủ và Kinh Tế Thị Trường: Ưu Tiên Nào Lựa Chọn*" tháng 3, 1999.

11. Jorge I. Dominguez, "*Market Economics and Political Change: A Historical and Theoretical Examination*" Rowman & Littlefield Publishers, Inc.: Lanham, Maryland, 1998.

12. Stephan Haggard and Robert R. Kaufman, "*The Political Economy of Democratic Transitions*" in "*Transitions to Democracy,*" edited by Lisa Anderson, Columbia University Press: New York, 1999.

13. Ethan B. Kapstein and Dimitri Landa, "*Democracy and the Market: The Case of Globalization,*" Freedom House website, 2001.

14. Stephan Haggard and Robert R. Kaufman, "*Economic Adjustments and the Prospects for Democracy,*" in the Politics of Economic Adjustment, edited by the same authors, Princeton: Princeton University Press, 1992.

15. IMF, "*Vietnam: Selected Issues,*" Staff Country Report No. 99/55, July 1999 and "*Vietnam: Statistical Appendix and Background Notes,*" Staff Country Report No. 00/116,Washington, DC: August 2000.

THÊM CON ĐẬP MẸ XIAOWAN
SÔNG MEKONG TRƯỚC NGUY CƠ

NGÔ THẾ VINH

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

Khi được hỏi về mối quan tâm của các quốc gia hạ nguồn về ảnh hưởng khai thác sông Mekong của Trung Quốc, thì Wang Xiaodong chuyên viên Viện Nghiên Cứu Hoa Lục thản nhiên đáp: "Đó là đất và là nước của chúng tôi. Đó là quyền của chúng tôi muốn làm gì thì làm."(2)

LẠI THÊM MỘT CON ĐẬP MẸ KHỔNG LỒ

Theo tin Asian Pulse, Côn Minh 04/12/2001: Li Jiating tỉnh trưởng Vân Nam thông báo là trong năm nay Trung Quốc đang rộn rịp chuẩn bị khởi công xây con đập vĩ đại Xiaowan chỉ đứng thứ hai sau con đập Tam Giáp [Three Gorges Dam] lớn nhất thế giới trên sông Dương Tử. (1)

Đập Xiaowan được xây nơi khúc giữa con sông Lan Thương Giang [Lancang Jiang, tên Trung Hoa của con Sông Mekong chảy qua Vân Nam]. Đây là đập thủy điện thứ tư nhưng lại là lớn nhất trong chuỗi bảy con đập bậc thềm Vân Nam [Mekong Cascades] của Trung Quốc trên dòng chính sông Mekong tiếp theo sau ba con đập Manwan 1500 MW (hoàn tất 1993), Đại Chiếu Sơn / Dachaoshan 1350 MW (khởi công 1996) và Cảnh Hồng / Jinhong 1500 MW (khởi công 1998).

Đập Xiaowan sẽ có bốn đơn vị phát điện với công suất lên tới 4200 MW [gần bằng tổng số công suất cả ba con đập Manwan, Đại Chiếu Sơn và Cảnh Hồng] (Hình 1).

Xiaowan sẽ như một con khủng long trên thượng nguồn sông Mekong, chỉ riêng những con số cũng đã gây mối quan tâm lo ngại cho các nhà bảo vệ môi sinh và năm quốc gia nơi hạ nguồn.

Đây sẽ là một con *"đập cao nhất thế giới"* 292 mét tương đương tòa nhà chọc trời cao 100 tầng. Và theo Kou Wei giám đốc thủy lợi sông Mekong thì hồ chứa đập Xiaowan sẽ là *"Con Đập Mẹ / Mother Dam"* dung lượng lên tới 15 tỉ mét khối nước lấy từ con sông Mekong - bằng tổng số dung lượng tất cả các hồ chứa tỉnh Vân Nam. Tổn phí để xây con đập Xiaowan lên tới trên 4 tỉ $US [32 tỉ Yuan] cũng là tổn phí cao nhất cho tất cả các dự án Vân Nam trong nửa thế kỷ qua. Nhiều chục ngàn công nhân đã được điều động tới để xây dựng cầu đường và các dự án yểm trợ cho đại công trình. Dự trù đập Xiaowan sẽ bắt đầu hoạt động vào năm 2010 và đạt toàn công suất năm 2013, mỗi năm sản xuất 18.9 tỉ kilowatt/giờ , phân nửa lượng điện ấy sẽ được chuyển qua Quảng Đông và các tỉnh cận duyên.

Xiaowan nằm trong chiến lược sản xuất điện của Trung Quốc nơi vùng Tây Nam nghèo khó chưa phát triển nhưng lại rất giàu nguồn *"than trắng."* Số lượng điện hiện nay đã dư dùng cho thủ phủ Côn Minh và các khu kỹ nghệ Vân Nam và đã có thể chuyển sang các tỉnh thiếu điện miền đông như Thượng Hải, Quảng Đông... Chỉ riêng năm nay Vân Nam đã cung cấp cho tỉnh Quảng Đông 900 000 kilowatt/giờ và dự trù sẽ cung cấp 15 triệu kilowatt/giờ trong vòng 15 năm tới.

Mặt trời nhỏ trên sông Mekong

Các dự án khai thác sông Mekong của Trung Quốc đã có từ thập niên 70 trong thời kỳ còn bức màn sắt cô lập đất nước này với thế giới bên ngoài. Kể từ khi Trung Hoa bắt đầu mở cửa mãi tới năm 1989 người ta chỉ

mới được biết sơ qua các dự án thủy điện Vân Nam qua một cuốn sách duy nhất của nhà xuất bản Vân Nam Nhân Dân Thư Xã ấn bản tiếng Trung Hoa dày hơn 600 trang nhan đề *"Lan Thương Giang: Tiểu Thái Dương / Lancang Jiang: Xiao Taiyang"* gồm 45 bài viết về các đề tài khác nhau nhưng tựu chung là *chỉ đề cập tới những lợi lộc về thủy điện và nguồn nước của chuỗi bảy con đập bậc thềm (dĩ nhiên trong đó có con Đập Mẹ Khổng Lồ Xiaowan) trên sông Mekong tỉnh Vân Nam* với tổng số công suất lên tới 15400 Megawatt tổn phí dự trù là 7.7 tỉ $US.

Do con sông Mekong từ Tây Tạng xuống Vân Nam chảy rất siết [nên có tên Lan Thương Giang / Con Sông Xanh Cuộn Sóng] với rất nhiều ghềnh thác có nơi cao hơn 600 mét. Với độ dốc ấy, dòng chảy siết ấy được coi là lý tưởng cho việc xây cất một chuỗi những con đập khổng lồ, lại trên vùng thưa dân nên không phải tốn kém trong việc tái định cư các nạn nhân trong vùng xây đập.

Tuy đã có kế hoạch khai thác sông Mekong từ những năm 70 nhưng vì thiếu ngân sách nên mãi tới năm 80 con đập Manwan đầu tiên cao 99 mét với bức tường thành cao 35 tầng mới được khởi công và 13 năm sau mới xây xong và ngay sau đó cảnh thiếu điện tối tăm của Vân Nam và thủ phủ Côn Minh đã trở thành quá khứ. Khi hoàn tất chuỗi các con đập Vân Nam này, Trung Quốc sẽ dư khả năng điện khí hóa toàn các tỉnh phía nam và phía đông cận duyên của Trung Hoa; riêng điện từ đập Cảnh Hồng để xuất cảng sang Thái Lan. Cuốn sách cũng đề cập tới tiềm năng con sông Mekong như một thủy lộ đi về phương nam. Nhưng điều đáng nói là cả cuốn sách không có bài viết nào nghiên cứu về hậu quả *"có thể chấp nhận được hay không"* của chuỗi các con đập ấy đối với năm nước vùng hạ lưu là Miến, Thái, Lào, Cam Bốt và Việt Nam.

Trung Quốc thì luôn luôn giấu kín nhẹm các kế hoạch khai thác sông Mekong của mình - như một thứ bí mật quân sự. Lê Quang Minh, Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ Đồng bằng Sông Cửu Long đã phải than thở: *"Thật khó để có được thông tin từ phía Trung Quốc. Điều ấy khiến chúng tôi thật sự lo ngại."* (4) Thản hoặc nếu có chút hé mở ra thì Bắc Kinh chỉ toàn nói tới những điều tốt đẹp các khía cạnh màu hồng với hiệu quả tích cực của các con đập *"mang tính giai thoại - anecdotal"* chứ không phát xuất từ một cuộc nghiên cứu nghiêm chỉnh nào.

Chẳng hạn theo họ thì chỉ với ba con đập đầu tiên Manwan, Đại Chiếu Sơn và Cảnh Hồng có thành vách cao với các *hồ chứa theo mùa / seasonal reservoirs*, lấy nước tối đa trong mùa mưa và xả nước trong mùa khô sẽ có tác dụng chống lũ lụt và chống hạn cho các quốc gia dưới nguồn.

Nhưng những người Cam Bốt hiểu biết thì thấy ngay rằng nếu không còn con lũ hàng năm từ thượng nguồn đổ về để tạo dòng chảy ngược từ con sông Tonlé Sap vào Biển Hồ [như trái tim và sự sống của Cam Bốt] thì rõ ràng đó là tương lai của một Biển Hồ chết . Riêng với Đồng Bằng Sông Cửu Long nam Việt Nam thì các con sông sẽ không chỉ không còn phù sa (nguồn phù sa chủ yếu từ thượng nguồn bị giữ lại trong các hồ chứa Vân Nam) mà cả cạn nguồn nước ngọt để thay thế bằng một biển mặn vì lòng sông thấp hơn mặt biển và rồi ra sẽ chẳng còn đâu vựa lúa nuôi sống cả nước và không còn đâu cả một *Nền Văn Minh Miệt Vườn*. Trung Quốc đang ngang ngược và độc quyền khai thác con sông Mekong bằng cái giá của hạnh phúc an sinh và cả sống còn của hàng trăm triệu cư dân nơi các quốc gia hạ nguồn.

Vẫn một khuôn mẫu lý lẽ của kẻ mạnh

Khi đề cập tới biến cố máy bay Mỹ Hoa đụng nhau mới đây (04/01) đưa tới việc bắt giữ phi hành đoàn Mỹ trên đảo Hải Nam, Wang Xiaodong, chuyên viên thuộc Viện Nghiên Cứu Trung Hoa đã tuyên bố hung hăn rằng: *"Chỉ có một ngôn ngữ mà người Mỹ hiểu được là sức mạnh quân sự."*

Theo tấm bản đồ ấn hành lần đầu tiên năm 1989 của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, thì Biển Đông (mà họ gọi là Nam Hải / South China Sea) là thuộc *"Vùng Đặc Quyền Kinh Tế - Exclusive Economic Zone"* của họ. Điều đó có nghĩa là họ khẳng định các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa [vốn của Việt Nam] với nguồn dầu khí khổng lồ đương nhiên thuộc chủ quyền của Trung Quốc mà chẳng cần phải thương thảo [Sic]. Máy bay hay tàu chiến dù là của siêu cường Mỹ vào Biển Đông có nghĩa là đã vi phạm chủ quyền lãnh thổ Trung Hoa.

Như vậy ngay sang năm đầu của Thế kỷ 21, đã không còn giới hạn trong *"tranh chấp vùng"* giữa Trung Quốc và các nước nhỏ Đông Nam Á, Bắc Kinh nay đã ngang nhiên đối đầu với

Mỹ khi khẳng định Thái Bình Dương phải là vùng ảnh hưởng của Hoa Lục và yêu cầu Đệ Thất Hạm Đội Mỹ phải rút đi. Vẫn trong cùng một *"mẫu hay mô thức - pattern"* dựa trên lý lẽ của kẻ mạnh ấy, người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Trung Quốc không chỉ thường xuyên lấn át thô bạo cả bằng quân sự các quốc gia láng giềng trên Biển Đông mà họ còn tự cho là có độc quyền và toàn quyền khai thác con sông Mekong với thế thượng phong là quốc gia thượng nguồn chiếm lĩnh suốt nửa chiều dài dòng sông. Trung Quốc luôn luôn tỏ ra chuyên quyết trong các kế hoạch tận khai thác một con sông Mekong mà chẳng kể gì tới tới mối quan tâm lo lắng về một thảm họa môi sinh do họ gây ra cho các quốc gia dưới nguồn.

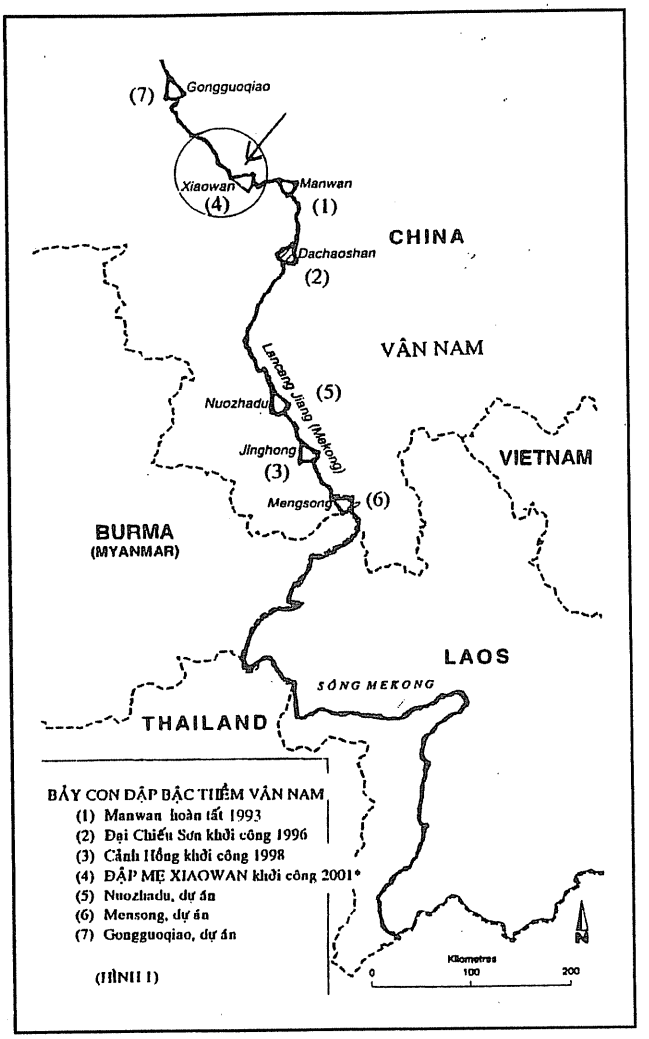

Après nous le déluge

Năm 1995 Bắc Kinh đã dứt khoát từ chối tham gia Ủy Hội Sông Mekong để vẫn là một nước Trung Hoa "ngoài vòng kiêm tỏa" tự do muốn làm gì thì làm. Ủy Hội Sông Mekong không có Trung Quốc tham gia và hợp tác sẽ trở thành một tổ chức vô hiệu và tê liệt.

(Tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc về lịch sử hình thành Ủy Hội Sông Mekong. Năm 1957, Ủy Ban Sông Mekong / MRC Mekong River Committee được Liên Hiệp Quốc thành lập bao gồm bốn nước Thái, Lào, Cam Bốt và Việt Nam với trụ sở đặt tại Bangkok để có kế hoạch khai thác con sông Mekong không phải chỉ có tiềm năng thủy điện mà còn cả về phát triển thủy lợi, canh nông, ngư nghiệp và giao thông. Nhưng do chiến tranh Việt Nam lan rộng mọi nên kế hoạch thủy điện trên dòng chính sông Mekong phải đình hoãn. Đến tháng 4 năm 1995, bốn nước lại nhóm họp để thành lập Ủy Hội Sông Mekong / MRC Mekong River Commission trong kế hoạch hợp tác và phát triển bền vững nhưng với điều thay đổi cơ bản là không nước hội viên nào có quyền phủ quyết / veto power).

Đến năm 1997, cho dù Liên Hiệp Quốc đã phê chuẩn công ước liên quan tới vấn đề hợp tác phát triển bền vững và sử dụng nước trên các con sông quốc tế nhưng cũng chính Trung Quốc đã lại bỏ phiếu chống.

Tháng 08 năm 2000 có thêm một Hội Nghị *"ASEAN Plus Three"* họp tại vương quốc Brunei, ngoài các nước thuộc Hiệp Hội Quốc Gia Đông Nam Á, còn có thêm ba nước Trung Quốc, Nhật Bản và Nam Hàn nhưng do thái độ ngang ngạnh của Bắc Kinh nên cũng không đưa tới một kết quả cụ thể nào, phá tan niềm hy vọng hợp tác của các nước hạ nguồn với Trung Quốc trong kế hoạch phát triển Sông Mekong. (4)

Trong khi đó Trung Quốc vẫn không ngừng *"xây thêm - xây thêm"* những con đập Vân Nam [với điện khí hóa, kỹ nghệ hóa gây ô nhiễm]. Trung Quốc đã tự do lấy nước vào các hồ chứa khổng lồ, làm cạn dòng sông, ngăn chặn nguồn phù sa, hủy hoại nguồn cá, với tác hại lâu dài trên toàn hệ sinh thái ảnh hưởng tới đời sống của hàng trăm triệu cư dân dưới nguồn. Xa hơn nữa họ còn có khả năng đổi dòng sông

Mekong để có nước tưới cho những vùng đất mênh mông khô hạn của Trung Quốc và cả dùng chất nổ phá vỡ những khối đá trên sông để mở thủy lộ giao thông đi về phương nam.

Trong chuyến đi khảo sát thực địa bên Lào mới đây (12/00) chúng tôi đã tận mắt chứng kiến sự suy thoái của con sông Mekong đang cạn dần - một cách tệ hại và nhanh hơn cả những dự đoán bi quan nhất. Nhưng với Wang Xiaodong chuyên viên nghiên cứu người Hoa thì không có gì để phải bận tâm, bởi vì theo Wang thì *"Đó là đất và là nước của chúng tôi. Đó là quyền của chúng tôi muốn làm gì thì làm."* Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi một giáo sư am hiểu tình hình Trung Quốc đã đưa ra nhận xét là trong bang giao quốc tế "Trung Quốc chưa hề có một hồ sơ theo dõi tốt - *good track records."*

Con sông quốc tế

Wang Xiaodong như một chuyên viên nghiên cứu người Hoa ở cái tuổi 45 [một nguồn chất xám / *think tank* của Hoa Lục] đang biểu trưng cho một tinh thần quốc gia cực đoan và bá quyền của giới lãnh đạo Trung Quốc. Hiển nhiên Wang Xiaodong không thể không biết con sông Mekong hội đủ định nghĩa *"địa dư chính trị / geopolitics"* của một *"con sông quốc tế - international river"* bao gồm những đặc tính: (a) con sông chảy qua hai hay nhiều quốc gia [Tây Tạng, Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Thái, Cam Bốt, Việt Nam], hoặc (b) con sông tiêu tưới cho lưu vực [drainage basin] của hai hay nhiều quốc gia [Vân Nam/Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan, Lào Cam Bốt và Đồng bằng Sông Cửu Long/Việt Nam] hoặc (c) con sông liên quan tới vấn đề biên giới thuộc lãnh vực công pháp quốc tế [sông Mekong như một ranh giới thiên nhiên giữa Thái Lan và Lào], hay (d) con sông là phương tiện giao thông đi lại bằng một thỏa thuận quốc tế nhưng trong thực tế khi chảy vào nội địa một quốc gia thì quyền ấy vẫn có thể bị hạn chế hay bị tước đoạt tùy theo cách diễn dịch của quốc gia liên hệ. Hội đủ tất cả những đặc tính ấy, Mekong đúng nghĩa là một con sông quốc tế. Biết rõ điều ấy mà vẫn đưa ra những lý lẽ cực đoan dựa trên sức mạnh trong khung cảnh một thế giới bước vào *"toàn cầu hóa / globalization,"* làm sao lục địa Á Châu có thể có được một tương lai hòa bình.

Trung Quốc nắm mọi con bài

Con sông quốc tế lớn thứ 12 thế giới và lớn thứ ba Châu Á ấy đang đứng trước những nguy cơ. Không có kế hoạch nghiên cứu về những bước phát triển bền vững, không có sự hợp tác tin cậy giữa các quốc gia, chỉ có những bước phát triển tự phát bừa bãi dẫn tới từng bước hủy hoại toàn hệ sinh thái vô cùng phong phú của con sông [chỉ đứng thứ hai sau con sông Amazon]. Phá rừng tự sát [từ Trung Quốc xuống tới Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam] vẫn đang tiếp tục ngốn nốt những khu Rừng Mưa / Rainforest còn sót lại, giết nốt những loài thú hiếm. Không còn những khu Rừng Mưa như những tấm bọt biển khổng lồ giữ nước trong Mùa Mưa và nhả ra trong Mùa khô đưa tới hậu quả cực đoan là lụt lớn ngay Mùa Mưa và hạn hán trong Mùa Khô mà điển hình là vụ lũ lụt khủng khiếp năm vừa qua ở Cam Bốt và Việt Nam làm chết 500 người, trôi nhà cửa, ruộng vườn và vô số gia súc.

Đánh cá bằng lưới lớn theo lối lùng và diệt với mỗi mẻ lưới lên tới cả trăm ngàn con bất kể lớn nhỏ đã làm suy giảm nguồn cá một cách đáng lo ngại chưa kể nguy cơ tận diệt một số giống cá hiếm như Pla Beuk, cá Dolphins... chỉ còn lại một số rất ít trên con sông Mekong.

Nhưng thảm họa lớn nhất cho con sông là những đập thủy điện không ngừng được xây thêm - xây thêm trên dòng chính và cả các phụ lưu sông Mekong. Đáng kể nhất là những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam. Từng khúc sông bị bóp nghẽn không chỉ ngăn chặn các đoàn đi ngư bơi lên thượng nguồn để sinh sản [như cá Pla Beuk mỗi năm vượt mấy ngàn Km từ hạ nguồn để lên hồ Đại Lý đẻ trứng] còn làm thay đổi nhịp độ dòng chảy gây ô nhiễm nguồn nước làm ảnh hưởng trên toàn sinh cảnh của dòng sông và tác hại trên hàng trăm triệu cư dân sống hai bên bờ con sông ấy.

Witoon Permpongsachareon, chủ tịch nhóm bảo vệ môi sinh *TERRA (Towards Ecological Recovery & Regional Alliance)* có văn phòng ở Bangkok phát biểu: "Những con đập là mối đe dọa lớn nhất đối với con sông Mekong và sự trong lành của môi sinh. Xây một con đập thì cũng giống như kẹp một động mạch trên một cơ thể khỏe mạnh. Nếu máu không lưu thông chắc chắn cơ thể ấy sẽ bị tổn hại" (3). Cũng lại chính Witoon tiếp: "Chúng ta phải cùng nhau hợp tác khai thác con sông Mekong như một toàn thể và không để cho bị chia cắt bằng những hàng rào chánh trị." (4) Đó chỉ là tiếng kêu cứu trong sa mạc bởi vì trớ trêu thay, tất

cả mong ước ấy có thành tựu được hay không lại hoàn toàn do Bắc Kinh định liệu.

James Sasser, cựu đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh khi được hỏi về phương hướng giải quyết vụ đụng độ Mỹ Hoa trên đảo Hải Nam đã phát biểu là *"Trung Quốc nắm trong tay mọi con chủ bài - China held all the cards."* Phát biểu đó cũng hoàn toàn đúng trong vụ tranh chấp khai thác con sông Mekong. Và khi mà những con đập thủy điện Vân Nam được coi như yếu tố tích cực tạo sức bật cho các bước canh tân nhảy vọt của Trung Quốc thì theo Dai Qing nhà hoạt động môi sinh nổi tiếng đã có nhận định là *"Trung Quốc sẽ không có một thay đổi nào trong kế hoạch khai thác sông Mekong của họ cho dù ảnh hưởng tác hại ra sao đối với các quốc gia dưới nguồn"* (3). Bắc Kinh đã hành động như chính mình đã sở hữu toàn 4500 Km suốt chiều dài của dòng sông - vốn là một con sông quốc tế.

Chiến tranh môi sinh và nhân quyền

Phải làm gì khi mà thế liên minh của các quốc gia Đông Nam Á thực sự là chia rẽ và suy yếu. Các nước nhỏ ấy có thể làm khó gây thương tích cho nhau (*self-inflicted injury*) nhưng lại có chung một thái độ cam chịu trước sự hoành hành của nước lớn Trung Quốc. Mà Trung Quốc thì bao giờ cũng theo chánh sách chia để trị và chỉ chấp nhận những cuộc thương thảo song phương trong các vụ tranh chấp và hiển nhiên không có một nước nào có đủ sức mạnh và tư thế ngoại giao [diplomatic leverage] để khiến Trung Quốc phải lắng nghe tiếng nói của mình.

Trước âm mưu không chỉ *Tây Tạng Hóa Biển Đông* mà còn *Độc quyền Khai Thác Với Từng Bước Hủy Hoại Con Sông Mekong* ảnh hưởng tác hại trên sự sống còn của các quốc gia nơi hạ nguồn, thì chỉ còn một đường sống cho các nước nhỏ Đông Nam Á là đoàn kết trong bình đẳng và tin cậy để có thể hành động phối hợp trong một thế trận chung về kinh tế, quân sự và nhất là chính trị ngoại giao để có đủ sức mạnh đương đầu với con mãnh hổ Trung Quốc.

Rõ ràng Trung Quốc đang từng bước phát triển hủy hoại con sông Mekong, về lâu dài sẽ ảnh hưởng tới từng ngụm nước uống, chén cơm, nồi cá... hàng ngày của mỗi cư dân sống hai bên bờ con sông Mekong, tác hại trên quyền sống của hàng trăm triệu cư dân sống trong lưu vực nơi hạ nguồn (và cũng là điều bi thảm khi chính những nạn nhân ấy - điển hình là hàng triệu nông dân ngư dân sống nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long rất cô đơn bị lãng quên, không hề được thông tin lại bị bóp nghẹt tiếng nói nhưng đồng thời họ vẫn bị bóc lột và khai thác bởi một chế độ toàn trị).

Trước mắt, việc đưa Trung Quốc ra trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc về thái độ độc quyền khai thác con sông Mekong như một con sông quốc tế mà bất kể tới hậu quả nơi các quốc gia hạ nguồn sẽ như một báo động cảnh giác ít ra cũng khiến Trung Quốc và cả những đại công ty tư bản tài trợ cho các dự án thủy điện ấy biết là thế giới đang theo dõi họ khiến ở một chừng mực nào đó họ phải làm việc với những phương thức công khai minh bạch và hành sử một cách có trách nhiệm hơn thay vì với thái độ cao ngạo và trịch thượng *Sống chết mặc bay* như hiện nay.

Với một cái nhìn toàn cảnh trong mối tương quan địa dư chánh trị của toàn vùng, thì việc tiếp tục xây thêm những con đập trên dòng chính sông Mekong - điển hình là việc khởi công xây thêm con đập mẹ khổng lồ Xiaowan, phải được xem là một hành động thù nghịch, tuy chưa có tiếng nổ của súng đạn nhưng chính đó là một cuộc chiến tranh môi sinh không tuyên chiến của Trung Quốc. Đây cũng là *"một vi phạm nhân quyền / human right violation trên quy mô lớn nhất."*

04/20/01

Tham Khảo:

1. China Prepares For Major New Power Station. Asia Pulse Pte Limited. Apr 12, 2001.

2. China's Dated Perspective Lingers, Turning Encounters Into Crisis. Karby Leggett, Peter Wonacott, Ian Johnson. Wall Street Journal, Apr 6, 2001.

3. Strangling the Mekong. Ron Moreau, Richard Ernsberger Jr. Newsweek International Mar 19, 2001

4. The Mekong Choke Point. Shawn W. Crispin, Margot Cohen, Bertil Lintner. Far Eastern Economic Review, Oct 12, 2000.

5. Development Dilemmas in the Mekong Subregion. Bob Stensholt. Workshop Proceedings, Oct 1-2, 1996. Melbourne. Monash Asia Institute. VIC 3168, Australia.

6. Lessons Unlearned: Damming the Mekong River. Rothert Steve. International River Network, Working paper 6, Oct 1995.

PHỎNG VẤN NHÀ VĂN DƯƠNG THU HƯƠNG

LITTLE SAIGON RADIO thực hiện

Hai mươi sáu năm trước, khi cuộc chiến Việt Nam chấm dứt trưa ngày 30 tháng Tư năm 1975, những người đầu tiên thuộc đội quân chiến thắng đặt chân vào Sài Gòn, hầu hết đều bị chóa mắt bởi cuộc sống sung túc của người dân miền Nam. Dương Thu Hương là một trường hợp hãn hữu. Nhà văn nữ này sau đó công khai bầy tỏ rằng, tháng Tư năm 75, bà đã ngồi trên lề đường của Sài Gòn ôm mặt khóc vì khám phá ra rằng, chế độ thắng cuộc chiến chẳng qua chỉ là một thể chế man rợ. Từ đó, bà chọn cho mình một hướng đi riêng, là đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do - dân chủ.

Nhà văn Dương Thu Hương

Dương Thu Hương, nổi tiếng không những về những tác phẩm như Những Thiên Đường Mù, Bên Kia Bờ Ảo Vọng, Khải Hoàn Môn, *mà còn do thái độ can đảm và thẳng thắn phê bình giới lãnh đạo Hà Nội. Bà từng bị chế độ giam giữ gần một năm và công an còn đe dọa nghiền nát bà như tương. Hiện nay, Dương Thu Hương sống đơn độc tại Hà Nội, hầu như không giao du với ai, và bị công an theo dõi thường xuyên. Bà không được phép xuất ngoại, và mọi giao tiếp của bà đều bị kiểm soát gắt gao.*

Nhân dịp kỷ niệm 26 năm, ngày đất nước bị những người cộng sản quy về một mối, và cũng là dịp Đảng Cộng Sản Việt Nam khai mạc Đại Hội 9, nhà văn Dương Thu Hương dành cho Đinh Quang Anh Thái của Little Saigon Radio cuộc phỏng vấn đặc biệt, mà sau đây là một số câu chính yếu:

*

Little Saigon Radio: *Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ chính thức khai mạc Đại Hội 9 vào ngày 19 tháng Tư này tại Hà Nội, là một người sống ngay tại thủ đô và là người luôn trăn trở đối với tình hình của đất nước, bà có nhận xét gì về Đại hội này?*

Dương Thu Hương: Nếu bảo rằng nhận xét thì tôi không dám nhận xét, bởi vì mấy năm nay tôi không theo dõi sinh hoạt của đảng Cộng sản, mà tôi cũng không đọc báo. Nói chung, hoạt động của đảng Cộng sản thì nó rất nhàm chán nên tôi không theo dõi. Nhiều người cũng thờ ơ nhưng người ta không dám nói như tôi (cười ...) Tính tôi vốn dĩ nghĩ gì nói nấy nên thành thật thưa với quý Đài là tôi không chú ý tới Đại hội của họ. Nhưng mà tôi biết có một số người chú tâm tới những cuộc đấu đá giữa những phe phái trong đảng Cộng sản, xem là kẻ nào ngã ngựa, kẻ nào thì lên ngựa, đại khái như thế.

LSR: *Bà là người mang nhiều trăn trở về tình trạng tụt hậu hiện nay của đất nước và con người Việt Nam, theo nhận định của bà, làm sao để có được một bước đột phá nhằm đưa đất nước đến một cơ chế dân chủ tự do như ước vọng chung của mọi người, khi mà giới lãnh đạo tại Hà Nội lúc nào cũng khăng khăng là Việt Nam phải nhất quyết tiến lên Xã Hội Chủ Nghĩa, phải đeo đuổi chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh?*

D.T.Hương: Tất cả những lời lẽ của giới lãnh đạo vừa ngu xuẩn vừa dối trá. Bản thân họ biết sự dối trá đó. Tất cả những kẻ mở mồm nói Xã Hội Chủ Nghĩa thì con cái chúng nó đều buôn bán, đều làm mọi cách tận thu, tận dụng, ăn cắp thật là nhiều tiền và trở thành những thằng tư bản. Chúng nó phát huy

tối đa khả năng ăn cắp, ăn cướp, biến tất cả tiền tài, của cải của nhân dân trở thành vốn liếng riêng của chúng nó, hoặc là gởi tiền ra nước ngoài để sau này họ chuồn, hoặc là nếu tình hình còn thuận tiện thì họ sẽ ở lại trong nước để giữ một vốn liếng to lớn trực tiếp lấy từ xương máu của dân chúng. Như thế có nghĩa là không biết bao thế hệ nữa của con cháu chúng tôi, nhất là con cháu của hơn 60 triệu nông dân phải trả nợ cho hành động những lạm của bọn chúng.

Còn về Xã Hội Chủ Nghĩa thì những người nào không ngu lắm thì họ cũng đều biết rằng chủ nghĩa này chỉ là câu nói đầu lưỡi. Tại sao giới lãnh đạo đảng nói thế? Họ nói thế vì họ dựa vào sự hèn hạ, sự hèn nhát của dân chúng. Dân chúng sợ hãi họ vì bản thân của chế độ này là chế độ dựa trên nòng súng theo đúng nguyên tắc của Lênin, cho nên người dân vì sợ hãi mà phải hèn nhát cúi đầu, cho dù dân chúng biết rằng, cả người nói và người nghe đều biết những điều ấy là những điều giả dối. Người nói thì trơ tráo vô liêm sỉ, còn người nghe thì vì sợ hãi nên đành nuốt nước bọt thôi. Tôi nghĩ rằng ai cũng biết, toàn thành phố Hà Nội này người ta biết từng con cái đám lãnh đạo, con "thằng" Phan Văn Khải thì thế nào, con rể "thằng" Đỗ Mười thì như thế nào v.v... dân chúng người ta biết từng chi tiết một. Tóm lại, không có gì đáng bàn về cái thứ Chủ Nghĩa Xã Hội, tất cả chỉ là trò lừa bịp của danh từ và sự lừa bịp này còn tồn tại vì nó dựa trên hai vế. Vế thứ nhất, kẻ cầm quyền thì dùng sức mạnh và bạo lực đàn áp dân chúng, còn vế thứ hai là dân chúng cam phận, hèn nhát vì sợ bạo lực và vì tinh thần nô lệ nó đã tẩm nhiễm quá lâu rồi.

LSR: *Hình ảnh đất nước và con người Việt Nam như bà vừa phát biểu ảm đạm và u tối quá. Bản thân bà, bà có tin tưởng vào tương lai của Việt Nam không?*

D.T.Hương: Có lẽ nếu không có một chút niềm tin nào thì chẳng ai sống nổi. Theo tôi, dân tộc ta là dân tộc nhỏ, nên năng động hơn những nước lớn như nước Tầu. Nhưng mà tôi không biết đến hết năm nay, dân tộc ta đã hết vận số tận cùng dưới đáy chưa. Còn những năm vừa qua thì quá tăm tối. Cứ nhìn mặt những người lãnh đạo thì cũng đủ thấy nhục nhã và đau đớn như thế nào cho 80 triệu dân. Tôi không phải là nhà tiên tri nên tôi không biết bao giờ thì cuộc hạnh ngộ với tương lai mới đến với dân tộc chúng ta. Nếu chúng ta có sự thay đổi thì tôi cho rằng vì là dân tộc nhỏ nên chúng ta sẽ thoát khỏi quá khứ một cách gọn nhẹ hơn. Đó là điều hy vọng của tôi cho tương lai.

LSR: *Chúng ta đang ở thời điểm tháng Tư năm 2001. Hai mươi sáu năm trước, khi cuộc chiến Việt Nam chấm dứt ngày 30 tháng Tư năm 1975, lúc đó bà ở đâu, đang làm gì và có cảm tưởng gì?*

D.T.Hương: Lúc đó tôi ở Quảng Bình, và một vài tuần sau đó thì tôi tìm cách vượt qua cầu Hiền Lương để vào Sài Gòn với mục đích thăm những người thân và tìm hiểu xem người dân miền Nam sống như thế nào. Trong suốt một tuần lễ đi đường, tâm trạng của tôi là cả một mớ hỗn độn. Bởi vì một khi thông tin có quá nhiều thì nó trở thành hiện tượng bị nhiễu trắng. Còn về cảm tưởng khi nghe chiến tranh chấm dứt thì khó nói vắn tắt lắm, nhất là cuộc chiến quá dài. Nhưng khi tham dự cuộc chiến chống Mỹ, tôi nghĩ rằng đây là cuộc chiến chống xâm lược, tôi đã từ bỏ cuộc sống ở hậu phương mà tôi cho là hèn hạ, hoặc đi ra nước ngoài là hèn hạ, để rồi tôi dấn thân vào chốn chông gai như thế. Nhưng mà sau khi vào Sàigòn, thì tôi biết rằng một cuộc chiến tranh khác lại nẩy nở trong tôi. Tôi nghĩ là cuộc chiến tranh trong lòng tôi nó lâu dài và khốc liệt hơn, vì lúc bấy giờ, khi người khác vui sướng nhất thì tôi hiểu rằng tôi hoàn toàn lầm lạc. Theo tôi, đây là cuộc chiến tranh giữa hai phe và người Việt Nam đã chia ra thành hai đội quân đánh thuê cho hai phe và dù gì chăng nữa thì cái mô hình xã hội của cái miền đất bại trận mới chính là mô hình của nền văn minh, và chúng tôi là người trong đội ngũ chiến thắng thì thực ra chúng tôi đã chiến đấu cho một mô hình xã hội man rợ. Và điều đó khiến tôi hết sức cay đắng. Tất nhiên ngay lúc ấy cảm tưởng nó còn mù mờ, nhưng sau này, càng ngày thì sự hồ nghi của tôi nó càng rõ rệt hơn, cho nên tôi phải nói thật là trong ngày 30 tháng Tư, cái khoảnh khắc vui sướng như mọi người qua đi rất nhanh, nhưng đối với tôi thì trong nội tâm đã xẩy ra một cuộc chiến mới và nó đã kéo dài mãi cho đến 10 năm sau đó thì nó mới biến chuyển hoàn toàn và khiến tôi trở thành một người "dissident" quyết liệt như vậy.

LSR: *Tâm trạng của bà có phổ biến trong hàng ngũ những người chiến thắng không ạ?*

D.T.Hương: Tôi chắc là nếu tâm lý của tôi mà phổ biến quá trong hàng ngũ đó thì chế độ

này đã bị lật đổ từ lâu rồi. Vì họ cũng nhìn rõ như tôi thì không thể tồn tại mãi cái chính quyền dựa trên nòng súng như thế này được. Tôi không khinh bỉ con người đâu, có điều là con người ta nói chung, thường an phận và có lẽ bản chất con người bao giờ cũng nương theo phe mạnh, bản chất con người bao giờ cũng tìm những lý lẽ để bào chữa cho mình để được sống còn, cho nên không phải là ít người đã nhìn ra cái khía cạnh phi lý của cuộc chiến tranh, không phải là ít người đã khám phá ra chế độ cộng sản là chế độ man rợ và phi nhân đâu, nhưng nói chung con người là hèn yếu, gió chiều nào che chiều ấy. Cho nên để nói ra miệng thì cũng khó, nhất là người Việt Nam hay nghĩ vụng, nghĩ lén, chứ bảo họ nghĩ thẳng thắn thì cũng khó.

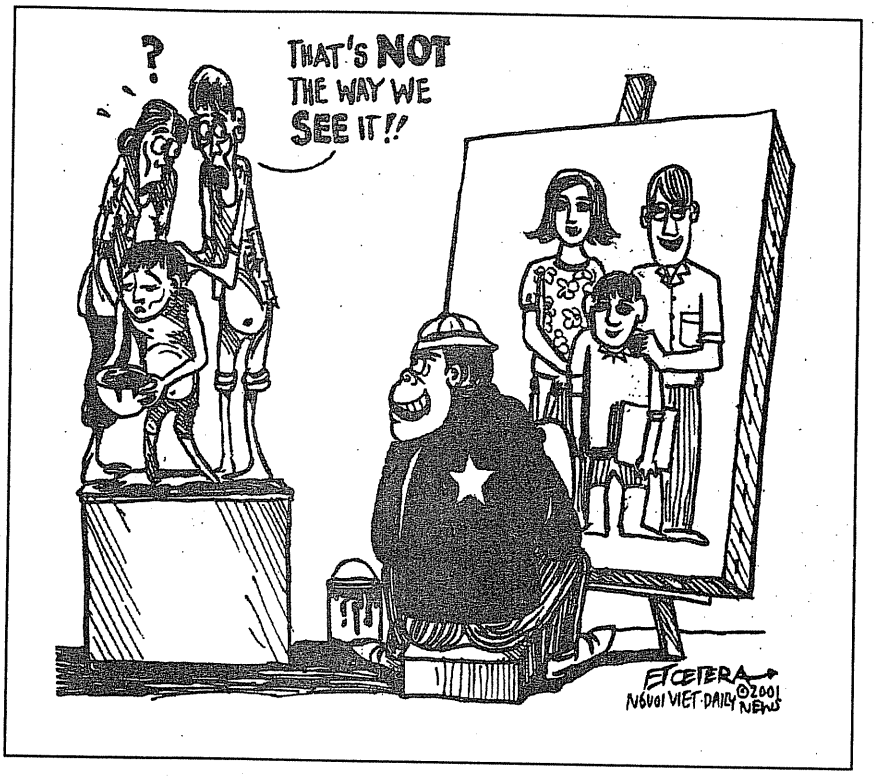

LSR: *Cũng vào dịp 30 tháng Tư năm 1999, bà viết một bài tựa đề là Tiếng Vỗ Cánh Của Bầy Quạ Đen, bà nhận định rằng các nhà Việt Nam học thường băn khoăn trước một nghịch lý là tại sao một dân tộc dũng cảm biết bao trong chiến tranh như dân tộc Việt Nam mà lại tỏ ra hèn mọn như thế trong cuộc sống thời bình. Bà có lý giải được hiện tượng này không?*

D.T.Hương: Điều thứ nhất, cuộc chiến tranh vừa rồi nó quá khốc liệt, người chết quá nhiều, chết vì bom đạn, vì đói ăn, chết vì căn bệnh tâm thần v.v... Khi nó quá khốc liệt thì nó như một cái lò làm cho nhiều thế hệ tan chẩy trong đó. Con người là hữu hạn, cuộc đời là hữu hạn và sức lực của con người cũng hữu hạn, lòng can đảm của con người cũng hữu hạn. Tóm lại, con người là một thực thể rất dễ giao động, vì thế khi đã ra khỏi lò lửa chiến tranh thì rất dễ nẩy sinh ra tâm lý đầu sao thì sống vẫn hơn chết. Người Việt Nam mình, nghĩa là cả tôi lẫn cả ông nữa, dũng cảm bao nhiêu trong chiến tranh thì hèn nhất bấy nhiêu khi hòa bình, đó cũng là tâm lý dễ hiểu. Là vì họ đã khổ đau, họ đã lội qua địa ngục rồi nên thà họ cam chịu sự thống trị của một chính quyền hà khắc để còn được tồn tại, còn ăn được miếng cơm với nước mắm hơn là chết.

Người Việt Nam dễ hài lòng, và vẫn chưa ý thức được quyền sống, chưa ý thức về nhân phẩm, chúng ta không thể đòi hỏi những người quá nghèo khổ có ý thức được về quyền tự do, một thứ quyền xa xỉ phẩm mà phải ở cấp độ nào đó người ta mới yêu được tự do, còn khi người ta đói quá thì người ta chỉ cần một bát cơm chan nước mắm cua hoặc một tý muối ớt, một tý mỡ ngoáy vào cơm là đủ qua ngày rồi. Người Việt Nam trong suốt cuộc chiến tranh đã sống cùng khổ như thế cho nên là khi đã lội qua địa ngục thì phải rất lâu người ta mới phục hồi lại cuộc sống bình thường như là các dân tộc khác. Đấy là mặt tâm lý.

Điều thứ hai, đất nước chúng ta chịu chiến tranh liên miên nên nó sản sinh ra hai loại tâm lý con người. Tâm lý của lớp tướng và tâm lý của lớp quân sĩ. Chiến tranh dạy cho con người ta tâm lý tuân lệnh. Thái độ tuân lệnh là một gông cùm đào tạo ra phẩm chất nô lệ.

Cho nên sau khi hòa bình, lập tức người lính rất ngoan cường trong chiến tranh đã trở thành những công dân hèn nhát. Họ chưa có khái niệm về quyền công dân, chưa có tri thức để làm một công dân như công dân của các nước tự do.

Điều thứ ba là thói quen tuân lệnh, tuân lệnh và tuân lệnh đã tẩm nhiễm vào tâm hồn họ rồi cho nên họ chỉ trở thành những người lính trong thời bình, nghĩa là những kẻ hèn, chỉ biết cúi đầu tuân lệnh mà thôi. Những người lính này sẽ lại ra lệnh cho con cái của họ, hoặc những kẻ yếu thế hơn họ. Nói cách khác, tâm lý đó là, hoặc là làm xếp của những người bên dưới, hoặc là làm con ở, đầy tớ cho những thằng bên trên. Một dân tộc mà mang cái tâm lý song trùng đó thì rất là khó trở thành một dân tộc có tự do - dân chủ, bởi vì muốn có tự do - dân chủ thì xã hội phải hình thành được những người công dân tự do, biết quyền của mình, biết mình được hưởng những gì và như thế họ phải có ý thức về quyền công dân đã. Và lúc đó họ mới khao khát làm công dân.

LSR: *Trong một bài viết khác của bà tựa đề là Tự Do-Ảo Khoảng Sinh Tồn Của Ngòi Bút, bà thiết tha cho rằng không có khát vọng nào phải trả giá đau đớn cho bằng khát vọng tự do, cũng như không có thách thức nào khắc nghiệt hơn là tự do. Cho tới nay đã 26 năm kể từ ngày 30 tháng Tư năm 1975, bà có lạc quan về tương lai tự do của dân tộc mình không?*

D.T.Hương: Tôi cũng không dám lạc quan lắm. Bởi vì dân tộc ta gần 90% là dân cầy, cho nên không thể đòi hỏi những người nông dân một sớm một chiều có ý thức về quyền công dân được. Tất cả mọi việc đều phải cần thời gian. Những người nông dân chỉ đòi hỏi một lãnh chúa, một minh chúa thôi. Còn muốn dân chủ thì cần có tri thức về xã hội, về quyền sống của con người và tri thức về quyền công dân. Chúng ta phải tập, phải chờ đợi. Tất nhiên tôi cũng không đến nỗi tuyệt vọng. Tôi nghĩ bây giờ với phương tiện của văn minh tràn vào Việt Nam, dù muốn hay không muốn thì cộng sản không thể giữ được cái chế độ ngu dân tuyệt đối như trước nữa. Bây giờ đã có TV, có radio, bây giờ nhân dân người ta đã nghe đài của các ông, đài VOA, đài RFI, RFA... cũng nhiều rồi, không đến nỗi người ta bị chọc mù mắt, bị bịt tai như ngày xưa đâu. Thành ra người dân cũng tỉnh ra, nhưng cũng cần phải có thời gian, không thể đốt cháy giai đoạn được.

LSR: *Câu chót xin phỏng vấn bà Dương Thu Hương. Mỗi năm, cứ đến dịp 30 tháng Tư, nhà nước Hà Nội lại tổ chức những lễ hội kỷ niệm biến cố lịch sử này, tâm trạng của bà về những ngày này như thế nào, và ngày 30 tháng Tư liệu còn mang ý nghĩa nào trong lòng bà hay không ạ?*

D.T.Hương: Ngày 30 tháng Tư là một ngày mà tôi nhìn thấy sự trớ trêu của số phận đất nước Việt Nam. Ngày 30 tháng Tư là một kỷ niệm nặng nhọc và buồn phiền bởi vì ngày ấy tôi hiểu rằng chẳng có gì vinh dự gì, vì một nửa nước làm tay sai cho phe xã hội chủ nghĩa, và nửa nước lầm tay sai cho tư bản chủ nghĩa, hai bên đánh nhau và cuối cùng thì một nửa nước chiến thắng vênh váo. Tôi nghĩ rằng sau này lịch sử sẽ nhìn lại ngày 30 tháng Tư. Đó là một ngày đau khổ và cuộc chiến tranh bấy giờ là một cuộc chiến tranh tồi tệ nhất của người dân Việt Nam. Những người Việt Nam có lương tri, dù là chống cộng hay dù là cộng sản, sau này họ chết đi, họ cũng nên lội qua vạc đầu một lần để hiểu thế nào là chân lý.

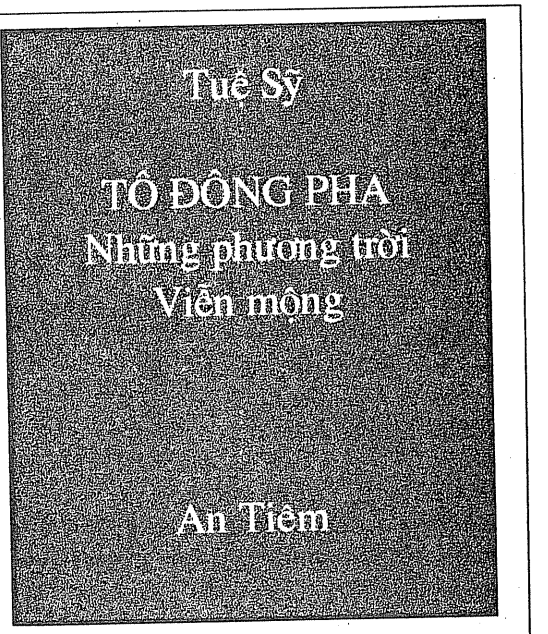

"Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung, của Thời đại và Lịch sử. Từ cuộc Riêng, Thơ nương theo đôi cánh Thi và Dịch để đi về nơi Hoằng viễn, dẫn Lịch sử Uyên nguyên tụ hội với Thời đại. Hình như những sự này tôi nghe được từ nơi thơ của Đông Pha, có nghe lộn hay không, thì không biết. Nhưng cứ xin lấy chỗ nghe được đó ra để bố trí cho quyển sách này."

PHỎNG VẤN ĐỨC HỒNG Y NGUYỄN VĂN THUẬN

THANH THẢO thực hiện

Ngày 21 tháng Hai năm 2001, Đức Giáo Hoàng John Paul Đệ Nhị đã trao mũ vinh thăng lên hàng Hồng Y 44 vị lãnh đạo tinh thần Ki-tô giáo, trong đó có tân Hồng Y Phan-xi-cô Xa-vi-ê Nguyễn Văn Thuận, trong một buổi lễ long trọng tại quảng trường Thánh Phê-rô, thánh đô Rome, Vatican.

Đã từng bị chính quyền Việt Nam Cộng Sản cầm tù trên 13 năm, chịu không biết bao nhiêu khổ ải, Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã chứng tỏ ngài là một chứng nhân của hy vọng.

Tại văn phòng phối kết mục vụ tông đồ ở Rome, Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã dành cho Thanh Thảo một cuộc phỏng vấn riêng. Sau đây là một trích đoạn cuộc phỏng vấn này.

*

Thanh Thảo: *Hiện nay Đức Hồng Y là người Việt Nam duy nhất trong Thánh Bộ, với chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình, xin đức Hồng Y cho biết công việc chính của Hội Đồng Công Lý và Hòa Bình?*

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận: Từ năm 1994, tôi được Đức Thánh Cha bổ nhiệm làm phó Chủ Tịch Hội Đồng Công Lý và Hòa Bình. Năm 1998, tôi được bổ nhiệm làm Chủ Tịch, thay thế Đức Hồng Y người Pháp, một vị rất uy tín trong giáo triều và trên thế giới. Khi mới làm, tôi rất lo lắng, nhưng lần lần công việc trở thành quen.

Nhiệm vụ của Bộ Công Lý và Hòa Bình là phổ biến khắp nơi giáo lý của giáo hội về XÃ HỘI, không phải để xử việc gì cả. Điều nền tảng của Giáo Lý Xã Hội là rao giảng điều "Con Người là Con Thiên Chúa." Từ nền tảng đó mới xây dựng những cái khác, chẳng hạn như con người cần phải có lối sống xứng với vai trò con Thiên Chúa và phải đối xử với mọi người cho xứng với nhiệm vụ của những người con Thiên Chúa.

Con Thiên Chúa thì không thể dùng bạo lực, không thể sống bất công, không thể bóc lột người khác, không thể phân biệt đối xử với phụ nữ hay trẻ con.

Trong phạm vi quốc tế, đã là con Thiên Chúa khi thấy những người khác bị nợ, mình phải tìm cách bớt nợ, hay tha nợ cho họ. Vì nếu đã là con Thiên Chúa, mình không thể để

Thanh Thảo đang phỏng vấn Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận

cho những quốc gia bị bóc lột phải bán tài nguyên với giá rẻ mạt để trừ nợ, nhằm làm lợi cho bản thân mình.

Tất cả những điều vừa kể đã được các cơ quan thiện nguyện quốc tế, Liên Hiệp Quốc, và Tòa Thánh làm việc và đạt được kết quả phi thường. Điển hình gần nhất là việc xóa nợ, hay bớt nợ cho những quốc gia nghèo đói, chậm phát triển trên thế giới, trị giá hàng trăm tỉ Mỹ kim.

Thanh Thảo: Theo Đức Hồng Y, làm thế nào Tòa Thánh Vatican, một "quốc gia" chỉ có 44 mẫu Tây, nằm trong nước Ý, có thể thực hiện được những điều trên, mà không phải là các thế lực cường thịnh khác?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận: Những thế lực khác không làm được vì thông thường khi xây dựng nên điều gì, thường những thế lực cường thịnh nhắm vào một mối lợi riêng. Trong khi đó, Tòa Thánh Vatican làm được vì không có quân đội, khí giới, đất đai, không mưu cầu tư lợi. Tòa Thánh Vatican đạt được kết quả không phải bằng quyền lực, mà bằng sự đóng góp tích cực của tất cả những người thiện chí và con cái giáo hội khắp thế giới, hiệp ý với Đức Thánh Cha tạo nên một lực lượng tinh thần hùng mạnh, không cần bỏ tiền. Giáo hội là một quốc gia đặc biệt. Tuy chỉ vỏn vẹn có 44 mẫu Tây, nằm trong thành Rome, mà 170 quốc gia trên thế giới đều đặt quan hệ ngoại giao vì những quốc gia này biết được công việc làm của Tòa Thánh, nhất là Giáo Lý Xã Hội của Giáo Hội làm ích cho nhân loại, bất kể người Công giáo hay Lương giáo. Vừa rồi, các vị chính khách thuộc Thượng Viện Pháp sang

gặp tôi, họ đã nói: "Xin hãy nhớ thông báo cho chúng tôi những tài liệu về giáo lý của giáo hội. Không phải chỉ thông báo cho các vị Giám Mục hay Linh Mục, mà cả chúng tôi, những người làm chính trị trên thế giới."

Thanh Thảo: Xin Đức Hồng Y cho biết vài kinh nghiệm ngài được chia sẻ về tác dụng của Giáo Lý Xã Hội tại các quốc gia khác, và với Giáo Lý này, ngài mong muốn thực hiện điều gì cho người Việt Nam?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận: Tôi gặp các Giám Mục bên Nga qua viếng mộ các Thánh Tông Đồ. Họ đã đến gặp riêng chúng tôi và nói rằng khi nào quyển Giáo Lý Xã Hội sẽ xong vì bên Nga, không phải người Công Giáo, mà những người Chính Thống Giáo, và cả những người vô thần, đã đến xin chúng tôi quyển Giáo Lý Xã Hội vì bấy lâu nay xã hội Nga theo thuyết Marxist, bây giờ họ muốn có một cái gì thay vào đó với đường hướng phục vụ con người đúng đắn.

Khi sang Đài Loan, tôi gặp một nữ chính khách người Công Giáo, trong Thượng Viện Đài Loan có sáu người Công Giáo. Bà này nói với tôi nhờ những điều bà học hỏi được từ Giáo Lý Xã Hội của Giáo Hội mà trong những cuộc tranh luận tại Thượng Viện bà đã thay đổi được 16 điểm có lợi ích cho con người, bênh vực được con ngươi Đài Loan.

Nếu áp dụng những điều này với Việt Nam, chúng ta học được một bài học, đó là nếu không học hỏi, không có đường lối, chúng ta không thể xây dựng được một quốc gia. Nhiều khi muốn điều này, điều kia, mà lại đi đặt cái cầy trước con trâu, rốt cuộc chẳng làm được gì vì thiếu đường lối thực hiện. Đường lối của Giáo Hội được nhiều quốc gia khác dựa theo, chẳng hạn như khi Giáo Hội đưa văn kiện của Đức Thánh Cha về việc sản xuất và mua bán vũ khí trên thế giới, hay phân chia tài sản, đất đai trên thế giới, thì Liên Hiệp Quốc dùng ngay các văn kiện đó vì họ biết đường lối của Giáo Hội rất lạ lùng, và tỉ lệ đạt thành quả rất cao.

Thanh Thảo: Bao giờ quyển Giáo Lý Xã Hội của Giáo Hội sẽ hoàn tất?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận: Quyển Giáo Lý Xã Hội của Giáo Hội dự trù hoàn tất vào mùa Thu năm nay.

Thanh Thảo: Con được tham dự lễ Tạ ơn của Đức Hồng Y tại Đền Thờ Đức Mẹ Trastevere, lúc đó Hồng Y đã chia sẻ cảm xúc bàng hoàng khi biết được chọn làm Hồng Y, lo sợ vì trách nhiệm được giao phó, và tâm nguyện dâng hiến thân mình để thực hiện Thánh ý Chúa. Bây giờ cảm xúc của Hồng Y có khác biệt gì không?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận: Mới có một ngày, cảm xúc của tôi chưa có gì thay đổi! Khi nói đến điều trên, tôi nhắc đến bài Phúc Âm của Thánh Lu-ca về sự việc Đức Mẹ Maria được Thiên Thần truyền tin loan báo sẽ chịu thai bởi Đức Chúa Thánh Thần và sẽ làm Mẹ Thiên Chúa.

Tôi cảm nghiệm những cảm xúc trên vì thấy con người tôi hèn mọn mà được giao trọng trách làm Bộ Trưởng trong Tòa Thánh Vatican, nhất là khi tiếp xúc với biết bao nhiêu vị khác đều tài giỏi, trẻ trung, đầy kinh nghiệm. Tôi chỉ có một tấm lòng thiện chí, và lòng thương xót của Thiên Chúa, của Đức Thánh Cha, quí mến dân tộc Việt Nam, muốn có một đại diện của người Việt Nam làm việc trong Tòa Thánh, nên mới được làm việc tại đây.

Rồi ngày nay tôi còn được trở thành Hồng Y, làm sao tôi không bàng hoàng!

Tôi lo sợ với trách nhiệm được giao phó vì trách nhiệm này nặng nề, và tầm ảnh hưởng lớn lao, không phải chỉ có một mà đến năm châu. Khi đi họp tại nhiều quốc gia trên thế giới, tôi càng thấy vấn đề trau giồi kiến thức của mình là quan trọng. Tuy lo sợ nhưng tôi vẫn tin tưởng rằng Chúa đã yêu thương mình thì mình sẽ đem tình yêu đến với đồng loại như một hình thức thực hiện ý Chúa. Và tôi tin chắc Chúa lúc nào cũng nâng đỡ tôi, như Ngài đã nâng đỡ để tôi vượt qua không biết bao nhiêu sự khó khăn trong quá khứ.

Giây phút này đây tôi nguyện sẽ cố gắng tiếp tục thực hiện chương trình năm năm tôi đã thi hành được hai năm, nhằm đem Giáo Lý Xã Hội đi khắp nơi trên thế giới. Tuy không quên những quốc gia Á Châu Thái Bình Dương, hoặc Trung Á, Trung Đông, hay Âu Châu, Úc Châu, nhưng nơi Hội Đồng Công Lý và Hòa Bình chú trọng nhất hiện nay là các quốc gia Phi Châu. Tại các quốc gia Phi châu ngày nay, bệnh phong cùi và bệnh SIDA, còn gọi là AIDS, tệ nạn nghiện ngập, nổi loạn, du kích, khủng bố, bóc lột sức lao động trẻ em... đang hủy hoại xã hội nặng nề.

Tôi ước mong đem Giáo Lý Xã Hội đến các quốc gia vì Giáo Lý Xã Hội của Giáo Hội nhằm xây dựng cộng đồng từ những con người, những con người biết yêu thương, chung sống hòa đồng với nhau, vì nếu còn sự phân biệt giữa giàu nghèo, đen trắng, nam nữ, thì không thể là anh em một nhà, cùng là con Thiên Chúa. Ngày nào còn những sự phân biệt như vậy, thế giới sẽ còn đầy dẫy sự bóc lột và bất công!

Thanh Thảo: Cảm ơn Đức Hồng Y đã dành cho con buổi phỏng vấn này.●

VƯƠNG HỮU BỘT

QUÁN CÀ PHÊ BỒ ĐÀO NHA

Tôi vừa mới nhận ra, hầu như mỗi năm tôi lại ngồi trong cái quán cà phê này, của người Bồ Đào Nha ở đường Bloor, thành phố Toronro này, một hay hai lần. Năm ngoái tôi tới đây vào tháng Giêng, ngồi ở cái bàn nhìn ra cửa sổ, người đi đường kéo áo che kín mặt vì gió lạnh căm căm. Lần thứ nhì là giữa mùa Hạ, trong lòng không vui nhưng vẫn biết ly cà phê thì thật là ngon. Và năm nay tôi lại tới Toronto vào đầu mùa Xuân, bước ra ngoài đường, những chồi non mới nhú ở trên các cành cây phong già khô mầu bạc, trời trong veo và nắng hồng ấm áp, đi một lúc thì lại tới quán này.

Chung quanh đây cũng nhiều quán cà phê kiểu dây chuyền, cùng tên, cái bảng hiệu cùng mầu và kẻ cùng một kiểu chữ, cách trang trí không thay đổi. Cái quán cà phê của người Bồ Đào Nha này không giống ai. Nó nửa quê nửa tỉnh. Nửa Mỹ, nửa Âu châu. Nhiều khách hàng có dáng người lao động đứng chờ lấy ly cà phê, miếng bánh ngọt, bỏ vào túi mang theo trên đường tới xưởng. Có các bà nội trợ tay chỉ trỏ mấy ổ bánh, miệng líu lo nói tiếng mẹ đẻ, chắc họ mua bánh về cho chồng, con ăn sáng. Cũng có những ông già nhàn rỗi như tôi ngồi nhâm nhi, đọc báo và hút thuốc - ở xứ này họ còn cho hút thuốc trong quán. Một cụ già uống xong một ly *expresso*, đứng dậy ra kêu một ly *expresso* khác, rồi trở về bàn ngồi đọc tiếp tờ *Star*. Có ông khách đến ngồi ở bàn bên cạnh, rốc túi lấy hết các đồng tiền kim loại ra, trải trên bàn. Ông ta xếp các xu đồng vào một góc, các đồng 5 xu, 10 xu, 25 xu để riêng ra, rồi đếm. Ông ngồi đếm rất kỹ. Không ai ra hỏi ông muốn ăn, uống gì; họ cứ để yên cho ông ngồi chậm rãi tính ngân sách cho bữa sáng. Các cô gái bán hàng tuy mặc đồng phục nhưng trông vẫn có cái vẻ các cô gái quê mới ở Bồ Đào Nha qua, có lẽ tại vì kiểu y phục nửa quê nửa tỉnh của họ, hay vì trông họ trẻ quá, không dùng nhiều son phấn.

CẶP TÌNH NHÂN TRẺ

Hôm nay trong quán có một cặp tình nhân. Họ rất trẻ, như 16, 17 tuổi. Anh chàng đeo kính trắng. Cô nàng buộc tóc túm đằng sau. Họ ngồi nhìn nhau. Họ cười. Họ nói rất ít, và nói rất nhỏ, đủ cho một người nghe. Họ ngồi bên cửa sổ, khung cửa kính bằng gỗ cây phong đánh véc ni giữ mầu tự nhiên. Ngoài đường nắng bắt đầu chứa chan, ánh sáng viền lên mái tóc cô gái. Có lúc anh chàng thò tay nắm lấy bàn tay cô nàng. Tôi nhìn từ trong ra bị chói sáng không biết gò má cô nàng có ửng đỏ không.

Thế đấy, tình yêu như thế đấy. Trái cấm đầu mùa. Hầu hết chúng ta đã trải qua. Nhiều người không có dịp nếm đúng mùa loại trái cây này, hàng chục năm sau mới thử, tự hỏi: có phải lúc nào nó cũng ngất ngây rung động đến thế hay không? Đúng thế đấy. Tình yêu nào cũng là mối tình đầu. Chỉ cầm bàn tay nhau một lần là trái đất đang quay cũng phải đứng lại, rùng mình, tròng trành một cái, rồi lại chạy tiếp trên vòng quỹ đạo. Đêm về khó ngủ, sáng hôm sau tỉnh dậy còn như người say thuốc, tự hỏi là mình sống thực hay mơ. Sống một lần như thế, rồi sau đó đi tu cũng hiểu tình yêu nó như thế nào.

Cặp nhân tình trẻ ngồi trong quán, trước mặt tôi ngồi im lặng thật lâu. Họ không cần nói. Như thế đấy. Không ai biết trước tình yêu là thế nào, nhưng lúc nó đến thì họ nhận ra ngay. Không dưng bỗng cảm thấy mình yêu đời. Cười nhiều quá khiến có người phải hỏi: Nghĩ đến ai vậy? Bỗng nhận ra mình có giá trị, một giá trị trước kia chính mình chưa biết. Bỗng thấy người ngồi trước mặt mình nói câu nào cũng dễ thương, đầy ý nghĩa, làm việc gì cũng đẹp đẽ, cũng có tư cách, đáng kính trọng. Cứ như thế, tình yêu sinh ra các thi sĩ, tạo ra các anh hùng.

Đầu năm nay tôi đi coi ca nhạc kịch Carmen của Bizet, và tháng Ba coi Der Rosenkavalier của Strauss. Màn chót của vở *Chàng kỵ mã mang hoa hồng* là cảnh hát tay ba, hai phụ nữ, một chàng trai. Trên đường về, Nguyễn Đồng nhận xét màn trio cuối đó dài quá, nghe đến mệt. Richard Strauss biểu diễn tài nghệ hòa âm nhiều quá. Dân Đức đầu thế kỷ trước chắc họ phải mê nghe hát lắm cho nên mới nghe ba người hát

"sáu câu" dài đến như vậy được. Nhưng tôi nghĩ chắc còn lý do khác. Hai phụ nữ trong vở ca kịch đều yêu chàng Octavian, và chàng cũng yêu cả hai người, không biết yêu ai nhiều hơn ai. Họ đang thanh toán vấn đề tình cảm với nhau, cả ba đều muốn cư xử một cách cao thượng và có tư cách xứng đáng nhất. Vì thế họ cần phải nói nhiều lắm!

Khi yêu thì người ta nói, hát, và có thể nghe hát mãi không chán! Mình là người ngoại cuộc cho nên không thưởng thức được!

Nhưng cũng chỉ vào thế kỷ trước hay đầu thế kỷ 20 mới có thứ tình yêu lãng mạn kiểu đó. Thời đó người ta yêu mà không tính toán lợi hại, không đi nhờ thầy bói so đôi tuổi, họ tin có ông/bà thần ái tình ở trên trời làm sổ sách sẵn cả rồi, người trần mắt thịt chỉ việc tuân theo. Ở Âu châu thì có cậu thần bắn cung trúng tim ai người đó chịu, ở Đông phương có ông già ngồi dưới ánh trăng lấy sợi chỉ đỏ buộc từng cặp lại với nhau - có lúc còn buộc một ông với ba, bốn bà. Đại khái, ái tình nó là sét đánh, Trời gọi tên ai người đó chịu. Khi được kêu tên thì ta chỉ còn biết cất giọng hát mấy câu vọng cổ hoài lang thật mùi! Đó, Strauss đã đặt nhạc như vậy. Khi yêu, anh hát, em hát, chị ấy hát nữa, nghe mãi cũng không chán. Cái đó, họ gọi là ái tình!

Màn chót của vở Carmen thì ngược lại: Chàng vẫn yêu, yêu đắm đuối mê say, nhưng đối với nàng Carmen thì ngọn lửa đã tắt rồi. Trong tim nàng lại đang nhen nhúm đốm lửa tình yêu mới, hướng về một chàng trai khác, tay đấu bò rừng hào hoa tráng kiện hơn. Cho nên màn chót đối với chàng là một bi kịch, nhưng đối với nàng lại là một màn hài hước! Tôi không biết mình nên thương cảm hay bật cười trước cảnh anh chàng quỳ gối xuống ngay ngoài đường, bên cạnh sân đấu bò, ôm lấy chân nàng. Còn nàng thì ngoảnh mặt quay đi, trong khi đằng xa có tiếng ồn ào khi con bò rừng được thả chạy ra. Tất nhiên trong lúc đó cả hai người cùng hát, hat solo và duo. Thời Bizet chắc đó là một màn rất cảm động, làm mấy thế hệ khán giả rớt nước mắt về mối tình say đắm của chàng sĩ quan si tình khờ dại. Nhưng các bạn trẻ như cặp tình nhân tôi thấy hôm nay chắc không nghĩ như vậy.

Ngồi trong cái quán của dân gốc Bồ Đào Nha, nhìn cặp tình nhân trẻ tôi nhớ đến hai vở kịch mới coi. Toàn truyện ái tình. Không có chuyện tình nào mà không say sưa, lãng mạn, quả thật như vậy. Có thứ tình yêu nào khác không nhỉ? Mùa xuân đang trở về. Những bàn tay muốn nắm, những chúm miệng muốn hôn, những vòng lưng muốn ôm, gió thổi, lá bay, mây cuộn, đâu đâu cũng thúc giục, mời gọi người ta yêu nhau.

Các cặp tình nhân như thế này, ngày nào cũng có người đang đóng, trong những vở kịch bất tận, hàng tỷ người trên mặt trái đất mỗi ngày đang đóng lại, vở Carmen, Mẫu Đơn Đình, Trương Chi, hay vở Tristan và Isolde.

Từ trăm ngàn năm trước loài người vẫn như vậy, dù họ chưa có những quán cà phê, chưa có những buổi hẹn hò qua điện thoại. Bây giờ mùa xuân đang trở lại, nắng tháng Năm, hoa tháng Sáu, tất cả đã sẵn sàng cho trái đất hồi sinh.

TỰ DO MẬU DỊCH - TỰ DO BIỂU TÌNH

Tháng trước có 30 ngàn người, từ Mỹ, từ Pháp, từ Mexico, v.v., và ở Canada kéo về thành phố Québec biểu tình, chống "Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ châu" của 34 quốc gia từ Bắc xuống Nam Mỹ. Tôi đang ở Montréal, hỏi một thanh niên: "Sao cháu không đi Québec? Ở đó người ta đang đi biểu tình vui lắm!" Người bạn tôi, cha đẻ ra cậu thanh niên đó, ngạc nhiên hỏi: "Tôi tưởng ông vẫn ủng hộ free trade?"

Tất nhiên tôi vẫn ủng hộ mậu dịch tự do, nhưng trong tôi cũng có cái "máu xuống đường" từ hồi 20 tuổi! Trông thấy cảnh các thanh niên leo lên bức tường lưới sắt cao ba thước, nhẩy nhót đu đưa, lay chuyển cái hàng rào đó cho đến lúc nó sập, tôi thấy máu mình lại sôi lên! Cái hàng rào dài gần bốn cây số được dựng lên bảo vệ an ninh cho mấy ngàn đại biểu dự Hội nghị, nhưng dân Canada thì thấy nó giống "Bức tường ô nhục" Berlin. Bao nhiêu cô cậu đã tới treo lên hàng rào những chiếc khăn quàng cổ, từng đống rẻ rách hay quần áo cũ, và, cả một dây tràng dài toàn những quần áo lót của phụ nữ.

Họ biểu tình đòi cái gì? Họ chống free trade, chống mậu dịch tự do. Chống toàn cầu hóa. Nói cho cùng, họ chống hệ thống kinh tế tư bản!

Điều phải nói ngay là những người chống "toàn cầu hóa kinh tế" chỉ chống thôi, họ không đưa ra được cái gì thay thế cho giải pháp mậu dịch tự do hết! Nhưng nói về chi tiết thì các lý luận của họ không đứng vững khi chúng ta phân tích và đối chiếu các sự kiện một cách khách quan.

Thử nhìn trường hợp Trung Hoa. Sau khi nước này mở cửa buôn bán với thế giới bên ngoài và đón nhận đầu tư ngoại quốc, người ta thấy nhiều bảng quảng cáo Coca Cola và những quán McDonald mọc lên, coi bực mình thật. Nhưng sau 20 năm, lợi tức trung bình của người dân Trung Hoa đã tăng lên gấp bốn lần, và có 160 triệu người thoát khỏi cảnh nghèo đói. Và 160 triệu người Trung Hoa đó có thể nói đã giầu nhanh hơn những cổ đông các công ty liên quốc! Ba chục năm trước, Nam Hàn cũng nghèo ngang với Ghana, ngày nay nhờ mậu dịch tự do họ đã giầu ngang với các nước Tây Âu.

Một khẩu hiệu khác của những người chống free trade là họ lo cho môi trường sống. Nhưng, một điều không chối cãi được là khi dân chúng một nước có mức sống cao hơn thì chính người dân xứ đó sẽ đòi hỏi các luật lệ bảo vệ môi trường nghiêm khắc hơn. Kể từ khi gia nhập NAFTA, xứ Mexico đã ban hành các luật lệ về môi trường với tiêu chuẩn cao hơn trước, nhờ áp lực của các nghiệp đoàn và các nhóm bảo vệ môi trường ở Mỹ và Canada.

Có phải các công ty liên quốc lợi dụng mậu dịch tự do để đem tiền vốn đến khai thác sức lao động rẻ tiền và luật lệ môi trường lỏng lẻo ở các nước nghèo hay không? Lý luận này không vững nếu chúng ta nhìn vào các con số. Ba phần tư số tiền đầu tư của các công ty đem đầu tư ở nước ngoài là đầu tư vào các nước giầu nhất thế giới, như Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Canada. Một phần tư vốn "tư bản nước ngoài" còn lại bỏ vào các nước nghèo hơn, nhưng trong số đó phần lớn lại đặt vào những nước tương đối đã tiến bộ như Singapore, Nam Hàn, v.v. chứ không phải những nước nghèo nhất, dễ "bóc lột" nhất!

Ngay từ khi hiệp ước NAFTA còn đang được thảo luận, trước năm 1994, cũng có luận điệu nói rằng các công ty Mỹ, Canada sẽ sang Mexico mở nhà máy để lợi dụng lương công nhân rẻ ở đó, đem hàng sản xuất từ Mexico về bán ở Mỹ và Canada. Và người ta dễ suy rộng lý luận đó để tiên đoán tình trạng đó sẽ xảy ra khi 32 nước Trung và Nam Mỹ gia nhập Vùng Tự do Mậu dịch Mỹ châu (FTAA), hay các nước nghèo khác gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Nhưng các con số, cho tới nay trình bày một hình ảnh khác hẳn: Chỉ có 4% số đầu tư của các công ty Mỹ ở nước ngoài là sản xuất hàng để nhập cảng về Mỹ bán mà thôi.

Nhiều người chống toàn cầu hóa vì lo văn hóa Mỹ (mà họ cho là thấp kém vì nó bình dân quá, đại chúng, tức là thấp quá) sẽ lan tràn khắp thế giới. Một ngôi sao sáng nhất trong các cuộc biểu tình ở thành phố Québec là ông José Bové, một nông gia Pháp nổi tiếng vì những chiến dịch chống các cửa hàng McDonald. Nhưng hiện tượng văn hóa toàn cầu mới bắt đầu, chưa ai đoán trước được nó sẽ ra sao. Và chưa chắc sức mạnh kinh tế của nước Mỹ đã bảo đảm phần thắng trên mặt trận văn hóa. Ông Rupert Murdoch đã học được kinh nghiệm đó. Hệ thống Star TV của ông nhập cảng chương trình Mỹ rất ăn khách là Baywatch vào Ấn Độ và hoàn toàn thất bại. Trong khi đó phim ảnh Ấn Độ đang xâm chiếm thị trường Á châu! Xứ Brazil, nền kinh tế lớn ngang Trung Quốc, đang xâm lăng thị trường ti vi của 130 nước với những "sô" bình dân. Họ lôi cuốn cả các khán giả truyền hình Trung Quốc, có chương trình đã được chuyển âm sang tiếng phổ thông và hai thổ ngữ khác.

Rất nhiều luận điệu chống toàn cầu hóa không đứng vững khi được phân tích và đối chiếu với sự thật khách quan. Như vậy thì tại sao tôi lại khuyến khích một thanh niên 20 tuổi đi biểu tình chống free trade?

Bởi vì, trong một nước dân chủ chúng ta lúc nào cũng cần những người đại diện cho thiểu số để bầy tỏ ý kiến chống lại đa số! Chúng ta không thể chấp nhận cho một chính phủ nào nhân danh đa số, nhân danh "hướng đi tất yếu của lịch sử" để bắt ai cũng phải im lặng! Thử tưởng tượng một nước như Canada này mà lúc nào tất cả dân chúng cũng đồng ý với chính phủ, dù chính phủ được đa số dân bầu lên một cách công bằng, thẳng thắn, trong sạch chăng nữa, thì có ngày chúng ta sẽ không còn ai lo bảo vệ các người inuit, những họa sĩ trừu tượng, không còn ai lo bảo vệ môi trường sống chống các công ty khai thác dầu,

không ai bênh vực cho những người nghèo và yếu thế! Như ông Hector de la Cueva người Mexico mới nói ở Québec, nếu không có những người da đỏ tranh đấu thì làm sao mà Quốc hội Mexico gần đây lại chấp nhận ghi rõ quyền lợi của các sắc dân thiểu số vào Hiến pháp?

Điều may mắn cho các nước như Mỹ và Canada là ở đây người ta không cần dùng đến súng đạn bao nhiêu năm như ở Mexico, mà người ta chỉ cần đi biểu tình bằng cách treo quần áo lót lên hàng rào, cùng lắm là lay cho "bức tường ô nhục" nó sụp đổ, trước những con mắt thản nhiên của cảnh sát! Bảo vệ quyền của những người bất đồng chính kiến chính là bảo vệ free trade, chúng ta cần biết như vậy! Free trade cho hàng hóa, tiền vốn tự do, nhưng cũng cần free trade cho tư tưởng được trao đổi tự do nữa!

CHÂN DUNG ÔNG CỐ VẤN

Có một dấu hiệu cho thấy trong kỳ đại hội này đảng Cộng Sản có thay đổi thật, đó là hiện tượng ông Đỗ Mười ứng khẩu trả lời các nhà báo ngoại quốc, ở ngay bên lề đại hội. Đây là một dịp hiếm hoi để người ngoài được biết trình độ của một người từng làm mấy chức Bộ trưởng trong nhiều chính phủ ở Hà Nội, đã làm Phó thủ tướng, làm Thủ tướng, làm Tổng Bí thư, và còn làm cố vấn ngồi đầu bàn chủ tọa các phiên họp của Bộ Chính trị trong mấy năm qua. Nghe ông Đỗ Mười trả lời nhà báo, chúng ta thấy cả một con người lộ rõ bộ mặt thật của mình.

Ngay từ khi hoạt động cách mạng ở cấp xã, ông đã có tài ăn nói dõng dạc, hùng hồn, biết vung tay, mắm miệng, trợn mắt. Ông chứng tỏ là một cán bộ cách mạng hoàn toàn tin tưởng rằng bánh xe lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin đang chạy thẳng một lèo cho đến lúc chế độ tư bản sụp đổ, chủ nghĩa xã hội toàn thắng mới thôi. Đó là nội dung những bài chính trị ông Đỗ Mười đã học, mà từ trước đến sau ông vốn chỉ nói đúng những bài ông đã học thuộc lòng, không sai một dấu phẩy. Và, có thể nói, suốt cuộc đời cách mạng của ông Đỗ Mười, suốt 60, 70 năm, kể cả khi làm thủ tướng cho đến lúc làm tổng bí thư đảng, ông Đỗ Mười vẫn nói đúng những điều mà ông từng học lúc làm cán bộ xã. Không hơn, không kém, không hề thay đổi!

Nhưng xưa nay ông Đỗ Mười chỉ nói cho những đám thính giả là đảng viên không thể trốn đâu mà không nghe ông được, giống như khi các quản giáo lên lớp. Đó là thói quen của các lãnh tụ cộng sản. Lãnh tụ không bao giờ nói ngoài bài bản. Mỗi câu, mỗi chữ, mỗi lần nhíu mắt, hất hàm đều được nghiên cứu kỹ lưỡng, biểu diễn trăm lần như một. Lãnh tụ không bao giờ nói trước đám dân chúng ngoài tầm kiểm soát của đảng.

Nhưng năm nay chính cố vấn Đỗ Mười cũng đổi mới. Đó là dấu hiệu cho thấy đảng Cộng Sản có thay đổi. Hãy nghe ông cố vấn Đỗ Mười nói những gì. Dịch lại những lời các nhà báo ngoại quốc ghi, ông Đỗ Mười nói đại ý như sau: "Chắc chắn Chủ nghĩa Xã hội có tương lai. Chủ nghĩa tư bản có rất nhiều mâu thuẫn. Phải chờ một thời gian sẽ đến lúc thế giới có Chủ nghĩa Xã hội." Đó là những tư tưởng sâu sắc về lịch sử mà ông cố vấn lão thành của đảng Cộng Sản Việt Nam vừa mới phát biểu, vào năm 2001.

Khi được hỏi làm cách nào giải quyết các mâu thuẫn của chế độ tư bản, ông Đỗ Mười không hiểu người ta hỏi cái gì, lại trả lời rằng đảng Cộng Sản Việt Nam nhất định không chấp nhận bóc lột, nếu chấp nhận thì chẳng khác gì lập một đảng Dân Chủ Xã hội. Và nhà báo dẫn trực tiếp lời ông Đỗ Mười nói, "Một đảng Dân Chủ là một đảng của Chủ nghĩa Tư bản. Đó không phải là một đảng Cộng Sản - chúng tôi là đại biểu của tầng lớp lao động, công nhân." Những câu này chứng tỏ trí óc ông Đỗ Mười vẫn còn hoàn toàn mình mẫn, ông thuộc lòng những bài học tập ở cấp xã 70 năm trước vẫn chưa quên. Nhưng tất cả các khẩu hiệu cấp xã đó không liên quan gì đến câu hỏi của nhà báo.

Ông Đỗ Mười cũng đóng góp vào lý thuyết kinh tế học với một nhận xét về nguyên nhân khiến các công ty tư bản liên quốc làm giầu. Khi có nhà báo hỏi ông nghĩ gì khi Việt Nam được xếp vào hàng tham nhũng nhất châu Á, ông Đỗ Mười cho thấy ông không nghĩ gì cả. Thay vì trả lời câu hỏi đó, ông lại tránh né coi như không nghe thấy, chỉ nói rằng "Các nhóm công ty liên quốc mà không tham nhũng hay sao? Làm cách nào họ giầu như vậy nếu không phải là nhờ tham nhũng!" Lý thuyết "chỉ có tham nhũng mới giầu" có thể sai nếu đem

dùng để giải thích lý do tại sao các công ty Sony hay Microsoft thành công trở thành giầu có. Khó lòng chứng minh được rằng các công ty đó đã đi ăn hối lộ của những ai. Nhưng chắc chắn lý thuyết đó dựa vào kinh nghiệm của ông Đỗ Mười, nó có thể giải thích tại sao nhiều người ở Việt Nam hiện nay đang giầu có.

Khi được hỏi về cách bài trừ tham nhũng, ông Đỗ Mười nói phải công khai cho dân chúng thấy tiền bạc được chi tiêu như thế nào, và phải tăng lương cho cán bộ vì lương họ ít quá. Đúng là các biện pháp mà cấp xã nào cũng có thể đem học tập, vừa tầm với trình độ của ông cố vấn. Tất nhiên các cán bộ cấp xã thì không phải trả lời các câu hỏi xa hơn. Thí dụ, nếu báo chí không có tự do thì làm sao dân biết những chuyện mà Đảng muốn dấu diếm? Như chuyện thò tay nhận tiền của các công ty ngoại quốc chẳng hạn. Lãnh đạo cấp xã cũng không phải lo lấy đâu ra tiền để tăng lương cán bộ, làm sao có người tới bỏ vốn kinh danh, để họ đóng thuế lấy tiền nuôi cán bộ? Vân vân.

Đó là những vấn đề quá phức tạp mà ở trên cấp huyện, cấp tỉnh cao hơn cũng không phải lo giải quyết, nói gì đến cấp xã.

Ông Đỗ Mười có vẻ tin tưởng ở giải pháp tăng lương này lắm. Ông giải thích rằng nếu các cán bộ có tiền ăn, rồi có tiền nuôi con đi học, có tiền làm nhà ở, thì lúc đó nạn tham nhũng sẽ bớt đi. Nghe lời ông cố vấn, chắc đảng Cộng Sản Việt Nam nên tăng lương ngay cho các cán bộ hải quan và công an kinh tế. Vì đó là những nơi bị mang tiếng là tham nhũng nhất hiện nay.

Trích dẫn nhiều ý kiến của ông Đỗ Mười như trên, chúng tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng trong kỳ đảng Cộng Sản họp đại hội năm nay có những dấu hiệu mới mẻ thật.

Tuy mỗi lời nói của ông Đỗ Mười đều lộ rõ tình trạng thiếu thông tin (còn gọi là dốt nát) của các lãnh tụ đảng, nhưng đó cũng là dấu hiệu đáng mừng. Trước đây có tin ông Đỗ Mười họp Bộ Chính trị đã chỉ trích ông Lê Khả Phiêu cái tội nói năng thô lỗ, dốt nát quá, làm nhục quốc thể - khi ông Phiêu gặp ông Clinton năm ngoái. Nay dân chúng Việt Nam và thế giới được thấy rõ trình độ của ông Đỗ Mười cao hơn ông Lê Khả Phiêu như thế nào. Rất đáng mừng. Vì đây là lần đầu tiên một lãnh tụ cộng sản lão thành và cao cấp nhất đã thành khẩn để lộ hết tình trạng thiếu thông tin của mình ra, không còn tự che đậy trong bóng tối, sau các bản tin và hình ảnh tuyên truyền, không còn nấp đằng sau các thông cáo do các văn công soạn sẵn nữa.

Chỉ có một điều đau đớn cho dân Việt Nam, là càng ngày người ta càng thấy rõ từ nửa thế kỷ nay chính những người có trình độ hiểu biết cỡ các ông Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu là những người nắm toàn quyền quyết định vận mạng dân tộc mình. Những người đó tin tưởng cuồng nhiệt ở những lý thuyết thô sơ khờ khạo lỗi thời từ thế kỷ 19, nhưng vẫn đầy đủ tự tin để dành quyền lãnh đạo dân tộc "bước vào thế kỷ 21!" Những người mà trình độ suy nghĩ thấp dưới bậc tiểu học, nghe một câu hỏi không hiểu hỏi gì nhưng vẫn thản nhiên đọc các khẩu hiệu làm câu trả lời. Những người như ông Đỗ Mười cũng không hiểu ngay chính lời mình nói, không biết lời mình tự mâu thuẫn với mình. Chẳng hạn, ông Đỗ Mười chê ông Lê Khả Phiêu là già quá phải cho nghỉ, mặc dù ông Phiêu kém ông Đỗ Mười 15 tuổi. Mà khi ông Đỗ Mười lên làm Tổng Bí thư đảng Cộng Sản thì còn già hơn ông Phiêu bây giờ! Nói một câu thản nhiên như vậy chứng tỏ trình độ suy nghĩ, lý luận của một ông cố vấn như thế nào.●

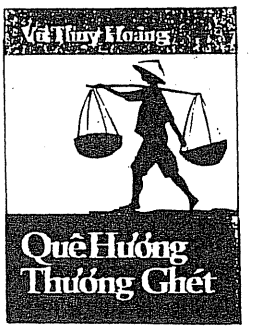

Sau *Sài Gòn Tuyết Trắng*, xin đọc

Quê Hương Thương Ghét

Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí
33 năm với Washington Post

để biết

Những vui buồn, yêu ghét khi về quê nhà, khi đi kiếm vợ
Những đấu trí ly kỳ với hải quan
Những mạo hiểm của Lý Tống, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá
Những dằn vặt, ước vọng đối với thân nhân, đất nước

Xác Thực, Sống Động, Ý Nhị

Sách dày 432 trang
Giá $20. Ngoài Mỹ $24.
Sài Gòn Tuyết Trắng: $18
Gửi check, money order về:
Catherine Vũ, P.O. Box 5060
Springfield, VA. 22150
www.geocities.com/vuthuyhoang

CỨU ANH RA KHỎI TÙ

THANH THẢO

Trong kỳ phát giải Oscar cuối tháng Ba vừa qua, nữ tài tử Julia Roberts thắng giải nữ diễn viên xuất sắc nhất với vai nhân vật Erin Brokovich, trong cuốn phim mang cùng tên nói về một phụ nữ không sợ quyền lực của các công ty lớn, dám kiện công ty điện vì làm ô nhiễm môi trường sinh thái. Phim dựa trên một câu chuyện thật. Giới thưởng ngoạn thích vai trò của người phụ nữ Erin Brokovich ngoài đời không kém phần diễn xuất của tài tử Julia Roberts.

Cũng trong tháng Ba vừa qua, một câu chuyện thật xảy ra hấp dẫn, ly kỳ không thua Erin Brokovich. Câu chuyện đang được cho sẽ là đề tài một phim Hollywood thành công khác về ý chí kiên cường của một phụ nữ đã dùng luật pháp mang được người anh ra khỏi tù sau 18 năm bị giam trong bản án tù chung thân. Lý do luôn thôi thúc bà Betty Anne Waters thực hiện cho bằng được công lý là niềm tin sắt son: Anh mình là một người vô tội!

Kenny Waters bị truy tố và kết tội sát nhân cấp I trong cái chết của một phụ nữ tên Katherine Brow năm 1980. Theo hồ sơ tòa án, bà Katherine Brow bị sát hại tại căn nhà bà chung sống với người chồng tên Charles, ở Ayer, Massachusetts, cách Boston 35 dặm về hướng Tây Bắc. Ngày 21 tháng Năm, 1980, cảnh sát tìm thấy thi thể bà bị đâm 30 nhát dao. Bà bị cướp mất số tiền mặt $1,800 Mỹ kim dấu trong tủ đựng khăn tắm. Tại hiện trường đầy máu, cảnh sát thu được chiếc khăn tắm và tấm màn cửa dính máu nạn nhân và máu của thủ phạm sát nhân. Kết quả thử mẫu máu chỉ cho thấy máu của Kenny cùng loại với mẫu máu không phải của nạn nhân trong chiếc khăn tắm. Một bằng chứng không hề được chú trọng, dù được ghi trong hồ sơ của cảnh sát, là trên người Kenny không có vết trầy hay vết thương nào lúc Kenny bị hỏi cung.

Kenny, năm đó 26 tuổi, là nghi can chính trong án mạng này vì hai lý do. Kenny làm việc trong tiệm ăn nơi nạn nhân Katherine hay ghé. Những lúc uống rượu say, nạn nhân hay khoe khoang bà dấu số tiền mặt kể trên trong nhà. Lý do thứ hai, Kenny đã bị truy tố tội hành hung nhân viên công lực. Một ngày sau khi án mạng xảy ra, Kenny bị thẩm vấn. Sau đó, Kenny dời cư đi nơi khác trong hai năm, trước khi trở lại định cư tại Rhode Island. Công tố viện dùng hai nhân chứng là bạn gái cũ của Kenny. Một người thuật lại Kenny thú nhận tội sát nhân với cô ta, nhưng lại không kể lúc cô ta cho rằng cô ta nghe lời thú tội, hai người đã uống say. Thêm vào đó, một nhân chứng khác viện lý do Kenny giết người để trả thù vì hồi Kenny 10 tuổi, anh ta đã bị bà Katherine kiện gửi vào trường cải huấn vì tội định trộm tại nhà bà ta.

Không có bằng chứng nào khác rõ rệt hơn, cả gia đình Kenny và luật sư biện hộ cho rằng Kenny sẽ được trắng án. Nhưng không ngờ, trong phiên nghị luận kết tội, bồi thẩm đoàn đã tin những bằng chứng lỏng lẻo của phía công tố, kết tội Kenny với án tù chung thân không có cơ hội khoan hồng năm 1983. Bà Betty Anne cho biết bà bị kinh ngạc và đau khổ trong ngày nghe tuyên án đến độ bà không bao giờ muốn nghĩ lại giây phút đó trong suốt đời mình.

Trong ba năm trời, nhìn thấy luật sư biện hộ chẳng giúp thêm được gì để cứu anh mình, và thấy gia đình cạn tiền trả chi phí luật sư, bà Betty Anne Waters quyết định mình phải tự làm việc này vì chỉ có tình thương yêu trong gia đình và quyết tâm, cũng như niềm tin giải tội cho anh, may ra bà mới giúp anh mình thoát khỏi cảnh tù ngục. Nhưng quyết định là một chuyện, thực hiện quyết định này mới khó vô cùng.

Bà Betty Anne Waters, 46 tuổi, không phải là một học giả, hay một người làm việc lâu năm trong ngành luật pháp. Trái lại, bà chỉ là một bà nội trợ bỏ học từ năm xong lớp 11 Trung Học. Sinh sống tại East Greenwich, Rhode Island, thời đó bà chỉ có trong tay bằng tương đương Trung học. Bà lấy bằng Cán sự trước, sau đó bằng Cử Nhân về Kinh Tế. Giữ gia đạo bình yên đối với Betty Anne ngày càng trở nên khó khăn, nhất là khi chồng bà và bà ly dị năm 1990. Bà Betty

Anne phải nuôi hai con trai, Richard Jr., nay 19 tuổi, và Benjamin, nay 17 tuổi với lợi tức của một tiếp viên nhà hàng, cộng với trợ cấp xã hội, và tiền nợ học bà vay được. Bà kể lại thời gian khó khăn này với nhiều xúc cảm vì sự dằn vặt phải học cho xong, mà vẫn cố giữ vai trò một người mẹ tốt. Người mẹ Betty Anne thường ngủ gục trong lúc đọc hàng chục quyển sách luật mỗi đêm trong phòng ngủ.

Năm 1995 Betty Anne vào Đại học Luật Khoa Roger Williams tại Bristol, Rhode Island. Khi học năm thứ ba, bà vô tình nghiên cứu một án lệ về bằng chứng thử nghiệm chuỗi nhiễm sắc di truyền, hay DNA, đã giúp luật sư biện hộ xóa tội cho người bị kết án oan uổng. Bà tin rằng chỉ có cách chứng minh bằng DNA bà mới giải được oan cho anh mình. Nhưng, vụ án xảy ra 19 năm trước, làm sao bà tìm được tang vật cũ vì theo luật tiểu bang Massachusetts, phòng chứa tang vật có quyền hủy những bằng chứng cụ thể sau 10 năm.

Sau khi tốt nghiệp luật khoa năm 1998, và đậu bằng hành nghề tiểu bang Rhode Island và Massachusetts, bà bắt đầu làm luật sư biện hộ đại diện anh mình. Dù biết không có nhiều hy vọng, bà vẫn yêu cầu được tìm lại tang chứng cũ trong án mạng này. Nhờ bỏ nhiều thời gian tìm kiếm, và nhờ may mắn, bà tìm được thùng chứa tang vật trong một kho chứa cũ. Khi cầm trên tay tấm khăn lông và màn cửa khô máu, bà cảm động đến rơi nước mắt. Bà báo với anh mình điều này và hứa sẽ giúp giải tội cho anh.

Không thể thực hiện việc cứu anh một mình, bà Betty Anne Waters liên lạc với nhóm luật sư trong chương trình Người Vô Tội, hay Innocence Project. Đây là một tổ chức do hai luật sư Scheck và Peter Neufeld thành lập nhằm dùng kết quả thử nghiệm DNA trên những tang vật trong những án mạng cũ để cứu những người bị xử oan khi cách thử nghiệm DNA chưa được khám phá. Những luật sư này cho biết hàng năm họ nhận được cả ngàn thư yêu cầu, nhưng lá thư thống thiết và trường hợp cá biệt của bà Betty Anne Waters đã tác động lương tâm luật sư Scheck, tác giả quyển sách mang tên "Actual Innocene" thuật lại những vụ xử oan đáng nhớ nhất. Luật sư Scheck cho biết ông nhận giúp bà Betty Anne Waters vì nhìn thấy sự hy sinh của bà trong suốt 18 năm trời.

Nhờ sự giúp đỡ của nhóm luật sư Scheck, bằng chứng thử nghiệm DNA được trình trước quan tòa. Máu trong tang vật không thể nào là của Kenny. Tòa đành xử trả tự do cho người bị xử oan này sau 18 năm giam giữ anh ta.

Tuy văn phòng chánh biện lý tại Middlesex cho biết họ có thể yêu cầu mở phiên tòa xử lại nghi can Kenny, nhưng tổ chức Người Vô Tội gần như cả quyết điều này sẽ không thể thực hiện được vì bằng chứng biện hộ quá đủ để bồi thẩm đoàn đặt nghi vấn trong trường hợp công tố viện đủ sức thuyết phục quan tòa mở lại vụ án này. Án hình sự chỉ thành hình khi bằng chứng rõ ràng khiến bồi thẩm đoàn không thể đặt nghi vấn nào về tội của nghi can, và tất cả thành viên trong bồi thẩm đoàn phải đồng thuận ký văn bản kết tội.

Nghi can bị hàm oan Kenny chỉ biết cảm ơn em gái mình, và cho phóng viên People biết ông không cảm thấy cay đắng vì bị giam giữ 18 năm trời vì đời sống là một chuỗi kinh nghiệm và bài học nào cũng đáng quí cả. Phần thưởng của ông là được trắng án và trả tự do. Ông sẽ dùng thời gian còn lại để sống cho xứng đáng công của em gái mình.

Còn người phụ nữ với ý chí kiên cường Betty Anne Waters cũng có phần thưởng, dù bà không hề nghĩ đến điều này khi quyết định giải oan cho anh. Nhiều hãng phim Hollywood đã đề nghị mua tác quyền câu chuyện thật này. Tuy chưa nhận đề nghị nào, và dự định sẽ dùng khả năng của mình cộng tác với tổ chức Người Vô Tội để giúp giải oan cho những người vô tội khác, bà Betty Ann cho phóng viên biết không dằn được xúc động khi nghe tin anh mình được trả tự do. Bà nói lúc bà gác điện thoại, bà đã ngồi ngay tại bàn khóc lớn như một đứa con nít. Và cho đến giờ phút này, thỉnh thoảng bà vẫn còn bàng hoàng vì kết quả mình đạt được.

"TẾ BÀO GỐC": QUAN NIỆM PHÁ THAI SẼ THAY ĐỔI?

Th.Th.

Đầu tháng Tư năm nay, vụ bắt giữ được nghi can khủng bố chống phá thai James Kopp, người bị cáo buộc tội giết chết bác sĩ phá thai Barnett Slepian năm 1988, đã hâm nóng vấn đề phá thai tại các diễn đàn, hay các buổi hội họp chính trị, xã hội. Là một nghi can bị truy nã sau khi trốn từ Mỹ, dùng lý lịch giả, đi ba nước khác nhau, James

Kopp đang chờ chính quyền Pháp quyết định số phận của mình. Nếu bị áp giải về Mỹ, và bị kết tội, Kopp có thể lãnh án tử hình. Sự bắt giữ nghi can Kopp là một thắng lợi về chính trị cho ông Bộ Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ nổi tiếng bảo thủ John Ashcroft. Vì tuy Bộ Trưởng Ashcroft chống phá thai, nhưng đã chứng tỏ ông hết lòng bảo vệ pháp luật trong hành động tích cực truy lùng nghi can Kopp.

Quan niệm về phá thai từ lâu đã chia rẽ những người cùng đảng phái chính trị, cùng lập trường và niềm tin tôn giáo. Những người chống phá thai chưa đến mức độ khủng bố, dùng từ ngữ nặng nề chỉ trích hành động này như "Đừng giết hài nhi!" Hoặc họ đeo những dấu hiệu bàn chân, bàn tay thai nhi, trông rất đáng sợ trên áo, trong những cuộc biểu tình tuần hành sáng Thứ Bảy trước cửa các phòng mạch cung cấp dịch vụ phá thai. Những người chống phá thai cho rằng họ có trách nhiệm phải lên tiếng giùm những thai nhi chưa được sinh ra đã bị cướp mất cơ hội sống, những khuôn mặt chưa thành hình của quá trình "Life begins at conception" hay "Đời sống bắt đầu từ khi trứng thụ tinh."

Còn theo những người ủng hộ lập trường tự do chọn lựa, từ ngữ đúng để chỉ việc phá thai trong thời gian sớm phải gọi là "Đừng hủy bỏ phôi thai!" Họ cho rằng trong thời kỳ một tháng đầu, phôi thai chỉ là một khối tròn chứa hàng triệu *tế bào gốc* sẽ biến thành những cơ phận con người sau này, nhưng chưa có sự sống. Nhưng ngoại trừ một vài trường hợp cá biệt, những người ủng hộ quyền tự do lựa chọn của phụ nữ từ lâu không tổ chức biểu tình vì họ thấy khó lên tiếng về điều vốn rất riêng tư này. Đặc biệt khi có một người nào trở nên nổi tiếng về quyền lựa chọn của phụ nữ, người đó bị nổi bật như một cái gai nhọn chống lại một quan niệm đạo đức xã hội. Vì thế những nhóm chống phá thai ồn ào bao nhiêu, những nhóm ủng hộ quyền lựa chọn giữ thai nhi có vẻ thầm lặng bấy nhiêu.

Cho đến khi nghiên cứu Y khoa về Tế Bào Gốc (Stem Cells) gần đây được hoan nghênh như một khám phá kỳ diệu, có khả năng cứu giúp hàng triệu người mắc những chứng bệnh nan y, cuộc chiến này hứa hẹn sẽ có nhiều thay đổi. Khám phá về Tế Bào Gốc, lấy từ những phôi thai dư không dùng đến, được thực hiện trong ống nghiệm, dự kiến sẽ thay đổi lập trường và quan niệm về phá thai một cách rõ rệt trong những năm sắp tới đây, theo bài phân tích của phóng viên Anna Quindlen, thuộc tạp chí Newsweek.

Tại Washington, quan niệm này được thể hiện rõ rệt nhất, vì những chính khách tại quốc hội, đặc biệt là Thượng Viện, có quyền biểu quyết thay đổi luật về vấn đề này. Nổi tiếng nhất phải kể là Thượng Nghị Sĩ Strom Thurmond, người ủng hộ dự luật chống phá thai. Nhưng mới đây, Nghị Sĩ Thurmond đã công khai bỏ quan niệm cũ khi ông lên tiếng nói về bệnh tình của con gái ông, người mắc bệnh Tiểu Đường (Diabetes), cần được chữa trị bằng phương pháp ghép Tế Bào Gốc, lấy từ phôi thai không còn dùng đến. Ngoài việc mất một tiếng nói mạnh cho lập trường của mình, phía Chống Phá Thai còn cảm thấy mất một tên tuổi quan trọng trong cuộc chiến lâu dài này.

Ngoài Thượng Nghị Sĩ Thurmond, những người danh tiếng khác đang công khai nói về ích lợi của nghiên cứu về Tế Bào Gốc. Những trường hợp điển hình là tài tử Michael J. Fox, bệnh Parkinson's Disease khiến anh ta mất kiểm soát, bị run tay chân; tài tử chuyên đóng Superman, Chirstopher Reeve, vì té ngựa, hư cột sống (Spinal-cord injury) khiến toàn thân bất toại phải ngồi xe lăn; cựu Tổng Thống Ronald Reagan, bị trói trong thế giới mất trí nhớ của bệnh Alzheimer's Disease. Những khuôn mặt nổi danh từng được yêu chuộng này là sự đối chọi rõ rệt với những khuôn mặt chưa thành hình trong quan niệm "Đời sống bắt nguồn từ khi trứng thụ tinh," lập trường chính của phía chống phá thai.

Thống kê liên bang mới nhất cho thấy khoảng 100 triệu bệnh nhân bị những chứng bệnh nan y toàn quốc sẽ có cơ hội được chữa trị thành công bằng cách cấy Tế Bào Gốc vào trong những cơ phận bị hư hại. Vì Tế Bào Gốc (Stem Cells) là những tế bào có khả năng biến đổi công dụng cho phù hợp với môi trường tiếp xúc, nên ghép vào cơ phận nào trong người, lâu ngày Tế Bào Gốc sẽ biến thành những tế bào của cơ phận đó. Hoặc Tế Bào Gốc sẽ là những tế bào nối những vùng bị mất liên lạc lâu ngày trong các cơ phận. Trong những trường hợp ghép tế bào thành công, bệnh nhân những bệnh nan y như Tiểu Đường, Parkinson's Disease, Alzheimer's Disease, hay hoại cột sống, được lành bệnh nhiều phần. Những nhà nghiên cứu Y Khoa về Tế

Bào Gốc đang trông đợi chính quyền liên bang sẽ cứu xét kết quả nghiên cứu khả quan của họ, và chấp thuận tài trợ phần nào, cũng như cho phép Cơ Quan Y tế Toàn Quốc được điều hành chương trình nghiên cứu này. Vì luật hiện hành tại Mỹ cấm Liên Bang tài trợ cho những hành động có tính cách phá thai, các chuyên gia Y Khoa đã lập luận nghiên cứu về Tế Bào Gốc là một nghiên cứu Y khoa, không có yếu tố chính trị và cũng không phải là phá thai.

Không phải là phá thai vì những cuộc nghiên cứu về Tế Bào Gốc được lấy từ phôi thai đông lạnh, được thụ tinh trong ống nghiệm. Sau khi cấy những phôi thai cần thiết vào những phụ nữ hiếm muộn, những phôi thai còn dư trước sau gì cũng bị đem vứt bỏ, mới được dùng trong thí nghiệm Y Khoa. Những phôi thai thời kỳ này chỉ nhỏ bằng một dấu chấm trong câu văn. Nhưng vào tay các bác sĩ chuyên khoa, là cả một kho tàng Tế Bào Gốc, có tiềm năng chữa được những bệnh nan y sau này từ bệnh Ung Thư cho đến các loại bệnh tim. Khẩu hiệu thường dùng nhất của phía chống phá thai là "Phá thai là làm ngừng một quả tim đang đập." Các bác sĩ Y khoa chứng minh trong thời kỳ phôi thai trong ống nghiệm, Tế Bào Gốc chưa biến thành tế bào tim, nên làm gì đã có tim mà đập.

Khám phá Y Khoa mới này đang làm lung lay lập luận của những người ủng hộ chống phá thai. Bà Judie Brown, thuộc Nhóm American Life League có thể gọi những phôi thai này là những con người tí hon (the tiniest person), và cơ quan National Rights to Life có thể đăng những bản tin rằng nghiên cứu Y khoa về Tế Bào Gốc là một hình thức "phá hủy sự sống" (destruction of life), nhưng hàng triệu người có thân nhân bị mắc bệnh nan y đang trông chờ kết quả của các nghiên cứu này sẽ suy nghĩ chín chắn khi cần quyết định ủng hộ lập trường nào. Nhiều phần, đa số người Mỹ sẽ dùng lý trí và sẽ không còn ủng hộ những cuộc tranh đấu quá khích của phía chống phá thai.

Phía chống phá thai biết rõ điều này, nhưng họ khó lay chuyển được quan niệm của những chính khách bảo thủ từng công khai ủng hộ việc chống phá thai. Những vị chính khách thuộc lưỡng viện Quốc Hội Liên Bang đang dần theo nhau bỏ hàng ngũ, để hỗ trợ những nghiên cứu Y Khoa dùng tế bào phôi thai khác, tuy ít triển vọng hơn nghiên cứu về Tế Bào Gốc nhưng có tiềm năng chữa nhiều loại bệnh ngặt nghèo. Ngoài Thượng Nghị Sĩ Strom Thurmond, còn nhiều chính khách nổi tiếng bảo thủ khác cũng bỏ hỗ trợ phía chống phá thai, đặc biệt là ông John McCain. Cựu Thượng Nghị Sĩ Connie Smack, tiểu bang Florida, vừa gửi một lá thư cho Tổng Thống về quyết định có nên chấp thuận cho liên bang tài trợ những chương trình nghiên cứu về Tế Bào Gốc hay không. Trong thư ông Dân Biểu Liên Bang đương nhiệm này viết rõ ông từng là người ủng hộ phía chống phá thai, nhưng nay không còn ủng hộ. Ông cũng cho biết trong giới chính khách thân quen có rất nhiều người mang cùng tâm trạng như ông.

Vấn đề được đặt ra hiện nay là phía chống phá thai đã chứng tỏ sự sợ hãi trong việc người Mỹ nói chung, và các chính khách nói riêng, sẽ nhìn nhận sự liên hệ của những phôi thai không được dùng đến nữa và những kết quả Y khoa được áp dụng thành công. Sự sợ hãi bắt nguồn từ nhận thức chung, công dụng y học sẽ phần nào rửa sạch tội dám "kết thúc một cuộc đời chưa có cơ hội được sống" của những thai phụ thời kỳ sớm. Kết quả của sự nhìn nhận chung này sẽ là điểm đem những người từng bị chia rẽ vì quan niệm chống phá thai hay ủng hộ quyền tự do lựa chọn có cơ hội ngồi tranh luận với nhau về đề tài "cấm kỵ" này. Và nếu không thể khẳng định hình ảnh những thân nhân sống khắc khoải vì bệnh nan y thắng được khái niệm mơ hồ về những khuôn mặt chưa thành hình trong trận chiến về vấn đề phá thai, ít nhất, thành công sơ khởi của nghiên cứu Y khoa về Tế Bào Gốc hứa hẹn sẽ thay đổi quan niệm của rất nhiều người về vấn đề này, vấn đề đang được Y học phơi bầy một cách đơn giản, cụ thể nhất.

NHƯ QUỲNH ĐI NHẬT, HÁT NHẠC NHẬT

ĐỖ THÔNG MINH

Công ty nhạc Nhật mời Như Quỳnh hát "Enka"

Như Quỳnh đến Nhật lần này mới là lần thứ hai, nhưng những bài Như Quỳnh hát thì người Việt ở Nhật cũng như người Nhật ở đây đã biết đến nhiều.

Công ty Toho và Nippon Crown mời Như Quỳnh qua hát thử nhạc Enka của Nhật. Enka là là loại nhạc truyền thống, trung gian giữa cổ điển

và hiện đại, tình tứ, rất mùi như tiếng nức nở và rất phổ thông ở Nhật, nhất là trong các dịp hát Karaoke. Enka đòi hỏi dài hơi, giọng cao và luyến láy mà Như Quỳnh đáp ứng được cả ba điều này, đó là lý do Như Quynh được mời qua.

Như Quỳnh hát nhạc Việt tuyệt vời, có rất nhiều người ái mộ cả Việt cũng như Nhật, tuy vậy khi định mời Như Quỳnh hát nhạc Nhật thì phía mời cũng không biết Như Quỳnh sẽ hát tiếng Nhật như thế nào, người Nhật nghe có cảm được không?

Như Quỳnh tới Nhật

Tối ngày 3/4, Như Quỳnh và chị Đỗ Anh tới Nhật, chúng tôi và ông bà Sasaki, đại diện công ty Toho đi đón, mời đi ăn, nói chuyện về chương trình những ngày tới, sau đó hai người về khách sạn nghỉ ngơi.

Sáng ngày 4/4, chúng tôi và ký giả Satoshi đưa Như Quỳnh đi ngắm và chụp hình hoa Anh Đào ở công viên Ueno, nổi tiếng với 1.800 cây Anh Đào đang nở rộ. Đi giữa hai hàng cây với hàng triệu triệu hoa Anh Đào, nhiều người mơ mộng có thể nghĩ mình đang ở chốn tiên cảnh. Buổi trưa ghé đài Tokyo FM phát thanh toàn quốc, đài phỏng vấn về cuộc đời ca hát của Như Quỳnh qua sự thông dịch của chúng tôi và phát hai bài là Người Tình Mùa Đông (tức bài Rouge, nhạc Nhật lời Việt) và bài Tiếng Hát Chim Đa Đa.

Chiều về Mekong Center, lần đầu tiên Như Quỳnh thử tập hát nhạc Enka. Nam ca sĩ Ryo Sasaki đã trình bày sơ về nhạc Nhật, cho Như Quỳnh nghe một số nhạc Enka để biết qua về loại nhạc này. Sau đó tập hát bài Ame No Yokohama (Yokohama Trong Mưa). Đây là một bài hoàn toàn mới, tuy lần đầu còn bỡ ngỡ nhưng Như Quỳnh học rất mau, ngay những tiếng hát đầu Như Quỳnh cất lên đã làm mọi người yên tâm.

Nữ ca sĩ Như Quỳnh tại Tokyo

Sáng ngày 5/4, chúng tôi xuống ga Sakuragicho, thuộc Yokohama, ông bà Sasaki đón đưa đi thăm Land Mark Studio, là phòng thâu tối tân nhất (thường thâu cho các ca sĩ thượng thặng của Nhật), nơi dự trù sẽ chính thức thu bài Enka Ame No Yokohama mà Như Quỳnh hát với Ryo Sasaki. Yokohama là thành phố được người Việt biết đến nhiều từ thời các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ đến Nhật năm 1905... với dân cư đông hàng thứ hai, sau Tokyo và trước cả Osaka.

Land Mark là tòa nhà cao 70 tầng, cao nhất nước Nhật, nằm ở trung tâm thương mại và du lịch lớn nhất Yokohama. Thang cuốn ở đâu cũng thẳng nhưng nét độc đáo của tòa nhà này là có thang cuốn "cong" duy nhất trên thế giới. Sau đó, chúng tôi lên lầu 69, thang máy chỉ chạy trong 40 giây, với tốc độ nhanh nhất thế giới mà hoàn toàn êm ru. Từ đây, có thể ngắm cảnh vịnh Tokyo và toàn cảnh thành phố Yokohama, cho tới ngọn núi Phú Sĩ ở xa xa...

Chiều ghé thăm tiệm Bazar chuyên sửa chữa và bán đồ điện của anh Vũ Minh Bộ. Sau đó, về trụ sở Toho tập hát cùng với nhạc do giáo sư Yasuo Kamikubo soạn hòa âm. Sau một lúc đàn cho Như Quỳnh tập hát, giáo sư Kamikubo nói giọng Như Quỳnh hát Enka "kanbeki" (hoàn bích). Giáo sư đã lập đi lập lại nhiều lần là "kanbeki" và nhấn mạnh ca sĩ Nhật cũng không dễ dàng hát được như vậy. May mắn nữa là giọng của Như Quỳnh và nam ca sĩ Ryo Sasaki cũng hợp với nhau.

Ngày 6/4, chúng tôi tới trụ sở Toho để Như Quỳnh tập nhạc lần cuối. Ký giả Satoshi, người đã từng qua Hoa Kỳ phỏng vấn Như Quỳnh ba năm trước, cũng lo không biết Như Quỳnh sẽ hát như thế nào, nên chúng tôi đã mời đến tận nơi để nghe tận tai và chứng kiến tận mắt. Trước khi rời trụ sở, đã thu xong bản thử cuối cùng sau ba lần tập dợt. Bản nhạc tuy có buồn, nhưng điệu nhạc hơi nhanh cũng có chút vui tươi, hai giọng ca nam nữ nghe rất tới nên ai cũng phấn khởi. Trong tiếng Nhật, chỉ có một chữ phát âm hơi khó đối với người Việt mà La Tinh viết là "tsu" và phát âm tương tự "chư." Như Quỳnh đã phải

tập đi tập lại chữ này hàng vài chục lần.

Khoảng ba giờ chiều, ký giả Okamoto và Kozuki của báo *Town News* đến phỏng vấn về việc Như Quỳnh hát song ca nhạc Enka với nam ca sĩ Ryo Sasaki.

Sáu giờ chiều, Mỹ Lan, Phương Ngọc và Trần Hùng thuộc chương trình tiếng Việt của đài phát thanh FM Cocoro ở Osaka cũng đã thay phiên nhau phỏng vấn Như Quỳnh về việc hát Enka Nhật (đã phát ngày 8/4). Mọi người đều mong Như Quỳnh có dịp xuống Osaka, Kobe hát cho đồng hương nghe.

Ngày 7/4, buổi sáng Như Quỳnh và chị Đỗ Anh rời khách sạn, ghé qua Mekong Center để chuẩn bị ra phi trường.

Ký giả Yoichi Hayashi của nhật báo Yomiuri (nhật báo lớn nhất với khoảng 7,5 triệu số buổi sáng và 5 triệu số buổi chiều) đến phỏng vấn chúng tôi về những hoạt động ở Nhật. Anh Hayashi biết chút tiếng Việt nên rất vui quay qua phỏng vấn Như Quỳnh. Chúng tôi đã cho anh nghe thử bài Enka "Ame No Yokohama", anh rất ngạc nhiên khi nghe Như Quỳnh hát thật hay như vậy. Anh nói:

"Tôi chúc Như Quỳnh thành công, và sự thành công đó sẽ là niềm khích lệ lớn cho cộng đồng người Việt ở đây."

Ca sĩ Khánh Ly đã chinh phục người Nhật trong 30 năm qua với nhạc Trịnh Công Sơn, có lẽ nay là lúc chuyển tiếp qua một thế hệ mới và bằng những bài hát của chính người Nhật cũng như những bản nhạc Việt chuyển lời Nhật mới...

Nhiều người Nhật khi nghe Như Quỳnh hát tiếng Nhật đã liên tưởng ngay đến Terasaten (tức nữ ca sĩ Đặng Lệ Quân, gốc Đài Loan, đã từng hát Enka, làm mưa làm gió ở Nhật).

Điều làm Như Quỳnh ngạc nhiên nhất là ở Nhật có khá nhiều người Nhật rất thích Việt Nam, họ học tiếng Việt, ăn thức ăn Việt và làm bạn rất thân với người Việt. Nhật Bản đang ở vào thời kỳ "boom (phong trào) Việt Nam." Lần thứ nhất khoảng năm 1990 đến 1997 là "boom đầu tư," và lần thứ hai từ năm 2000 tới nay là "boom văn hóa, du lịch." Chỉ riêng trong tháng 3/2001, chúng tôi ghi nhận có khoảng 10 cuốn sách và tạp chí chuyên về hay chủ đề về Việt Nam. Trên TV quảng cáo phim Konica là hình ảnh phụ nữ Việt mặc áo dài... Như Quỳnh đã tới trong bối cảnh đó, nên dễ thu phục và nếu Như Quỳnh chinh phục được khán thính giả Nhật thì cũng có thể nhận được các quảng cáo lớn trên các phương tiện truyền thông đại chúng... Với tương lai rất rực rỡ đang chờ đón, tất nhiên Như Quỳnh rất vui và hy vọng Nhật Bản sẽ là nơi mở ra môi trường hoạt động mới đầy triển vọng.

HÔN NHÂN DỊ CHỦNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Ông bà Tám vừa ăn xong bữa tối. Ông Tám phụ tay với vợ dọn dẹp bát đĩa, nhưng đến mục rửa bát thì ông nhường cho bà. Ông trở lại bàn ăn, ngồi đọc báo.

Một lúc sau, vừa rửa bát bà Tám vừa nói nhỏ nhẹ: *Ông ạ, thằng Toàn gọi về hồi chiều, nó nói tháng 11 này nó và con Jennifer làm đám cưới.*

Đợi một lúc không thấy ông lên tiếng, bà Tám quay lại nhìn ông. Ông Tám đã buông tờ báo, nhìn sững vào khoảng không gian trước mặt. Thật lâu sau, bà nghe tiếng chân ông bước lên cầu thang vào phòng ngủ. Những bước chân nặng nề như mang nỗi bất lực và phiền muộn ngàn cân. Bà Tám thở dài nhè nhẹ, bà biết tối nay ông Tám bỏ giờ đi bộ thường lệ và chắc chắn cũng không tụng cả thời kinh tối trước bàn thờ Phật.

Đứa con trai mà ông bà đặt nhiều kỳ vọng nhất, sắp trở thành một con số trên bảng thống kê của một chiều hướng đang gia tăng trên đất nước Mỹ: Hôn Nhân Dị Chủng.

Con số thống kê năm 2000

Trước đây trên ba thập niên, hầu hết các tiểu bang Hoa Kỳ có luật cấm hôn nhân giữa các sắc dân, có nghĩa dân Á Châu và dân da đen không được kết hôn với người da trắng. Năm 1967, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ tuyên bố hủy bỏ lệnh cấm này. Vào thời điểm lúc bấy giờ chỉ có 14 tiểu bang còn duy trì luật này, nhưng con số vợ chồng khác sắc dân rất hiếm. Xã hội Mỹ lúc đó rất khắt khe, không chấp nhận hôn nhân dị chủng. Dân vàng hay dân đen lấy dân trắng nhiều khi đưa đến hậu quả thảm khốc là cái chết do những kẻ quá khích trong cộng đồng gây ra. Nhẹ nhất cũng là sự dè bỉu, khinh miệt, cô lập cặp vợ chồng này.

Đến nay đã 34 năm trôi qua, dù muốn dù không dư luận đã bớt khắt khe. Căn cứ trên kiểm kê dân số năm 2000, con số hôn nhân dị chủng đã gia tăng 10 lần hơn năm 1960. Nói chính xác hơn, năm 1960 có 15 ngàn cặp trong số 40.5 triệu cặp của cả nước Mỹ. Năm 1980 có 983 ngàn cặp trong số 49.5 triệu

cặp. Năm 2000 có 1.5 triệu cặp trong số 56.5 triệu cặp.

Năm 1958 chỉ có 4% dân trắng chấp thuận hôn nhân giữa đen và trắng, căn cứ trên thống kê của hãng Gallup. Năm 1997 tỷ lệ này tăng lên 61%.

Cũng hãng Gallup làm thống kê với sắc dân đen, thì năm 1956 có 68% chấp thuận hôn nhân trắng đen, năm 1968 con số này tăng thành 77%.

Ai lấy ai?

Thống kê cho biết sắc dân Hispanic và Á Châu là hai sắc dân kết hôn với người ngoài sắc dân của mình nhiều nhất. Tỷ lệ này gấp ba lần dân da đen và gấp năm lần dân da trắng. Sở dĩ vậy vì những thập niên gần đây, dân số Hispanic và Á Châu sinh sống tại Hoa Kỳ gia tăng vượt bực. Các tiểu bang có hai sắc dân này sinh sống đông đảo nhất là California, Texas, New York và Florida, chiếm phần nửa số hôn nhân dị chủng trên toàn nước Mỹ. Riêng tại California, cứ bốn cặp vợ chồng thì có một cặp lấy nhau dị chủng.

Người ta nhận thấy rằng, trong mọi sắc dân, con số hôn nhân dị chủng gia tăng theo trình độ trí thức. Có lẽ vì thời gian ở nhà trường càng lâu, trai gái càng có dịp tiếp xúc, sinh hoạt, dễ khiến tình cảm nẩy nở. Đồng thời, trình độ trí thức càng cao, con người càng dễ khai phóng.

Giáo sư xã hội học nổi tiếng Richard Alba thuộc State University of New York tại Albany cho biết: *"Con số hôn nhân dị chủng gia tăng, chứng tỏ một khuynh hướng tốt cho đời sống xã hội Mỹ. Hôn nhân là bước hội nhập quan trọng và cuối cùng. Càng ngày người ta càng thấy mọi cách biệt về chủng tộc càng nhỏ đi và biên giới của sự khác biệt thêm mơ hồ."*

Đối với dân Mỹ đen, kỳ thị chủng tộc từ xã hội trắng, cũng như dư vang của kiếp đời nô lệ, ngăn cản họ lấy người da trắng. Đồng thời phần nhiều da đen sinh sống riêng biệt trong các khu vực thành phố, cho nên tương đối họ ít khi lấy người khác giống, so với Á Châu và Hispanic. Sở dĩ thế vì khi con người không sống chung chạ với nhau, người ta không tin tưởng và hiểu biết nhau. Tỷ lệ con trai đen lấy người khác chủng tộc là 8.1% so với 3.2% thiếu nữ đen.

Tỷ lệ hôn nhân dị chủng tương đối thấp trong sắc dân da trắng chỉ vì dân họ chiếm số nhiều (70% trong số 283 triệu dân Mỹ), do đó cơ hội gặp nhau dễ dàng hơn để từ đó đưa đến hôn nhân.

Bạn thuộc sắc dân nào? Cablinasian?

Trong những kiểm kê dân số trước đây, người ta chỉ được quyền chọn một chủng tộc mà mình tùy thuộc. Nhưng kỳ kiểm kê dân số năm 2000, để đáp ứng sự thay đổi trong xã hội, mẫu phiếu cho phép người ta được chọn nhiều hơn một chủng tộc, nghĩa là có thể vừa là dân da vàng vừa là da trắng (bố là Mỹ mẹ là Việt chẳng hạn). Những tưởng như vậy đã tạm giải quyết được vấn nạn xã hội trong xứ Hiệp Chủng Quốc này, nhưng thực tế có nhiều trường hợp rắc rối hơn người ta tưởng. Điển hình là ngôi sao golf Tiger Wood trong lần xuất hiện trên màn ảnh TV với Oprah Winfrey, khi được hỏi anh thuộc giống dân nào, anh ta trả lời, anh ta thuộc giống dân Cablinasian. Bạn có thể đoán được không? Nếu không, xin đừng buồn, vì ngay cả một nhà nhân chủng học uyên bác, có lẽ cũng bí thôi. Cablinasian là tổng hợp của bốn giòng máu pha trộn trong cơ thể Tiger Wood. Đó là bốn mầu da, trắng (Caucasian), đen (Black), đỏ (Indian) và vàng (Asian). Cablinasian là chữ của Tiger Wood chế ra, nhưng rồi ra sẽ có nhiều chủng tộc kỳ lạ hơn nữa, khi mà dân chúng trong xã hội Mỹ càng thêm tạp chủng.

Gia đình ông Tám: Con đặt đâu cha mẹ ngồi đấy

Nói cho cùng thì chẳng phải riêng gia đình ông Tám là trường hợp độc nhất. Sau 26 năm sinh sống nơi hải ngoại, cộng đồng Việt hội nhập mau lẹ vượt bực vào xã hội tạm dung trên mọi lãnh vực, trong đó có cả hôn nhân. Càng ngày bậc phụ huynh càng mất dần ảnh hưởng trong việc kết hôn của con cái. Chúng quyết định và cha mẹ đành chấp nhận như hoàn cảnh của ông bà Tám thôi. Ngay cả nghi lễ hôn nhân cổ truyền cũng bị thế hệ thứ hai phản đối, không theo.

Rửa bát xong bà Tám mở TV coi, dù chương trình chẳng có gì hấp dẫn. Đến khuya bà lên phòng, thấy ông Tám nằm yên lặng quay mặt vào vách. Bà biết ông chưa ngủ. Giá như ngày trước ông đã gọi thằng con về, để nghe lời nghiêm huấn, cấm liên lạc với Jennifer.

Và nếu thằng con cứng đầu, có thể hội đồng gia tộc phải nhóm họp để gia tăng áp lực. Đến lúc đó thì thằng con phải nhượng bộ mà thôi. Nhưng bây giờ tất cả đã thay đổi. Con ông Tám chỉ thông báo ông bà quyết định của nó, chứ chẳng xin ý kiến của ông

bà.

Có bàn, có ngăn cản nó chũng chẳng nghe, nên ông Tám chỉ biết thở dài.

THUẾ

TQN

Dân nợ thuế

Hàng năm ngày 15 tháng 4 là Ngày Hãi Hùng của dân Mỹ, đặc biệt là với số người đợi giờ chót mới khai thuế. Đó là ngày mà ai nợ thuế đều phải xì tiền trả nhà nước, dù có xin triển hạn khai thuế thêm được bốn tháng nữa cũng vậy thôi. Năm nay ngày 15 nhằm chủ nhật, nên thứ hai 16 tháng 4 mới là ngày chót. Nhưng dù ngày nào đi nữa thì những người luôn luôn có khuynh hướng khai thuế trễ cũng chẳng muốn hoàn tất mẫu thuế sớm hơn.

Bưu điện tại các thành phố lớn đều mở cửa đến 12 giờ khuya. Tại Philadelphila chẳng hạn, từng đoàn xe nườm nượp đi ngang bưu điện và nhân viên bưu điện đứng chờ sẵn tại góc đường để nhận phong bì thuế. 11:45 khuya mà hàng xe cộ còn dài dằng dặc. Mọi người vui cười hồ hởi, và hình như vẫn là những khuôn mặt quen thuộc hàng năm.

Tác giả bài này thuộc loại khai thuế trễ, nhưng nghe radio loan tin căn cứ trên tài liệu của sở thuế IRS thì mới hay mình chỉ là một trong số 26 triệu người đợi đến giờ chót mới lấy hết can đảm, điền cho xong mẫu thuế và chi tiền. Đại đa số, những người trễ nải là những người không nhiều thì ít, nợ thuế chính phủ nên cố trì hoãn trả trễ chừng nào hay chừng đó.

Ngay từ đầu năm, Tết nhất vừa xong, là mẫu thuế đã được gửi tới từng nhà, nằm chình ình trong hộp thư, có tắc dụng làm tắt ngúm niềm vui còn sót lại sau những hội hè, tiệc tùng của năm mới. Cầm mẫu thuế trong tay mà toát mồ hôi lạnh, vì nó nhắc nhở đến bổn phận của người công dân trong xã hội là đóng thuế, dù ai cũng biết tiền thuế nằm trong tay chính quyền là tiền chùa, thường bị xử dụng một cách phí phạm. Sưu thuế là chuyện muôn đời trong mọi xã hội. Người dân chỉ muốn đóng thuế càng ít càng tốt, do đó các nhà chính trị luôn luôn dùng lời hứa hẹn giảm thuế để kiếm phiếu.

Đó là trường hợp của Tổng Thống Bush. Ông đắc cử và người ta trông đợi ông thi hành lời hứa giảm thuế 1,600 tỷ Mỹ Kim trong vòng 10 năm tới.

Bush giảm thuế

Không như chính khách tại các quốc gia khác, chính khách Mỹ khó mà hứa cuội. Dân chúng Mỹ, qua hệ thống báo chí truyền thông theo dõi và thúc giục chính khách đừng quên lời hứa, do đó bằng mọi cách Bush phải lo hàng đầu việc giảm thuế để lấy lòng dân.

Ngày 30 tháng 3, 2001. Hạ viện với đa số dân biểu Cộng Hòa đã thông qua dễ dàng (với số phiếu 282/144) luật giảm thuế cho gia đình.

Tóm lược như sau:

1) Tín chỉ thuế (tax credit) tăng từ $500 lên $600 cho mỗi đứa con, bắt đầu hiệu lực năm 2001. Biện pháp này tốn kém 10 tỷ Mỹ kim chỉ riêng cho năm 2001. Tín chỉ thuế sẽ tăng lên $700 năm 2003, $800 năm 2004 và $900 năm 2005.

Tuy nhiên còn phải chờ Thượng viện thông qua.

2)Giảm thuế di sản (estate tax)

3)Gia tăng mức miễn trừ thuế cho cặp vợ chồng. Hiện nay vợ chồng khai thuế chung được miễn trừ $7,600 (standard deduction) khỏi phải đóng thuế). Năm tới số tiền này tăng thành $9,100. Độc thân là $4,550.

4)Từ năm 2004 đến năm 2008, bậc thang thuế (tax bracket) 15% sẽ từ từ được áp dụng cho lợi tức ở mức $54,100 (hiện nay là $45,200). Một cách tổng quát các bậc thang thuế sẽ được giảm dần dần trong 10 năm tới để tiết kiệm cho người dân 958 tỷ Mỹ kim.

Cò kè bớt một nhưng không thêm hai

Đảng Dân Chủ chấp thuận biện pháp giảm thuế cuả Bush một cách miễn cưỡng, chống thì không dám chống vì sợ mất lòng dân, thuận thì lại sợ tạo uy tín cho Bush và đảng Cộng Hoà, do đó ngày 7 tháng 4, 2001 Thượng viện chỉ chấp thuận giảm thuế 1,200 tỷ Mỹ Kim, thay vì 1,600 tỷ như Bush yêu cầu.

Bush đành chấp nhận kết quả khiêm nhường này. Nhưng dù sao cũng là chiến thắng của Bush tại một thượng viện với một nửa (50) thượng nghị sĩ thuộc Dân Chủ và một nửa thuộc Cộng Hoà, nhất là kết quả ngang ngửa của cuộc bầu cử Tổng Thống vừa qua còn nóng hổi. Con số phiếu tán thành biện pháp giảm thuế của Bush là 65/35, có nghĩa 15 thượng nghị sĩ Dân Chủ đã về phe với Bush. Đây quả là một con số đáng kể, khi mà theo truyền thống tại nước này các chính trị gia có khuynh hướng trung thành với đảng mình.

Đối với dân chúng Mỹ thì viễn ảnh có thêm tiền tiêu rủng rỉnh trong túi là vui rồi. Ít ai suy ra rằng hóa ra từ bao lâu nay mình bị đóng thuế quá nhiều. Chẳng khác nào anh chàng kia bị bắt nhốt oan, ít lâu sau được thả, lại rối rít cám ơn chúa ngục.●

TRỊNH CUNG NÓI VỀ TRỊNH CÔNG SƠN

Họa sĩ Trịnh Cung là bạn thân của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từ thời còn trẻ, và hai người vẫn sống gần nhau cho đến thời gian gần đây, tại Sài Gòn. Nhân có mặt tại Hoa Kỳ thời điểm Trịnh Công Sơn qua đời, họa sĩ Trịnh Cung đã được mời phát biểu trong buổi tưởng niệm Trịnh Công Sơn do một nhóm thân hữu tổ chức tại phòng sinh hoạt của nhật báo Người Việt (Nam California), vào tối ngày 3 tháng Tư 2001. Vì đây là một bài ứng khẩu, Tòa soạn đã sửa sang lại cho gọn và hợp với một bài viết cho báo chí.

*

Tôi gặp Trịnh Công Sơn vào năm 1958; lúc đó Sơn 19 tuổi và tôi 20 tuổi ở tại Huế. Chúng tôi chơi với nhau vì tâm hồn thi ca, và bởi vì lúc đó tôi chưa hề là họa sĩ. Sơn thích thơ của tôi và đã phổ bài *Cuối cùng cho một tình yêu* năm đó. Trước đó, Trịnh Công Sơn đã viết *Ướt Mi, Thương một người* và *Nhìn những mùa Thu đi*. Ngôn ngữ của *Ướt Mi, Thương một người* và *Nhìn những mùa Thu đi* còn nhẹ nhàng, và còn có gì đó ảnh hưởng của những Đặng Thế Phong trong *Giọt Mưa Thu* hoặc Văn Cao trong *Buồn Tàn Thu*, nhưng khi đến bài thơ của tôi, TCS bắt đầu một chương khác, bởi vì lời lẽ của bài thơ đó lúc đó rất là mới. Tôi đã dùng những chữ "đói" - những chữ "mỏi" vào trong thi ca, mà lúc đó sự ảnh hưởng của thi ca tiền chiến rất dữ dội thì Sơn lại thích bài thơ đó. Và sau đó là bước ngoặc của ngôn ngữ trong nhạc TCS, sau này phát triển một cách lộng lẫy, một cách kỳ lạ, bắt đầu với bài Diễm Xưa. Tôi cho bài Diễm Xưa là mở đầu của một TCS hoàn toàn mới lạ và cực kỳ hấp dẫn trong nền âm nhạc trẻ.

Cuộc đời của Sơn rất là bi kịch, và thiên tài âm nhạc này được hình thành một cách lạ lùng. Vì một biến cố gia đình - ba của Sơn mất trong lúc Sơn đang học ở Jean Jacques Rousseau, một trường dạy chương trình Pháp, lúc Sơn đang chuẩn bị để thi tú tài - Sơn phải bỏ học để về chịu tang ba. Sơn rất giỏi thể thao. Sơn chạy, tập 10 môn phối hợp rất được chú ý ở trường học. Sơn giỏi về Nhu Đạo và Boxing. Trong một buổi dợt với người em là Trần Đặng Quang Hà - Sơn đã bị một cú choàng vai, và bị tổn thương phổi rất nặng, cho nên Sơn phải bỏ cuộc, và nằm bịnh hai năm. Nếu Sơn không bị những sự kiện đó, tôi nghĩ là Sơn sẽ đi học ở Paris và sẽ trở thành một Ph.D, một doctor, một kỹ sư... chớ không phải là một nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Trong tình bạn và trong sự nghiên cứu của tôi, tôi cho sự kiện, biến cố đó đã đặt Trịnh Công Sơn vào trong một thay đổi, với cô đơn, tuyệt vọng, và mất mát lớn lao. Nỗi đau khổ đã trở nên là nhân tố của một con người văn nghệ. Sơn học guitare với một người bạn, rồi sau đó sáng tác các ca khúc đầu tiên như *Ướt Mi, Nhìn Những Mùa Thu Đi...*

Khi tôi gặp Sơn, thì Sơn đã bình phục và đã vui chơi trở lại. Sơn không có điều kiện để trở lại Sài Gòn để học tiếp ở J.J. Rousseau vì gia đình Sơn bị khánh tận, không còn phương tiện để Sơn được học hành như một công tử - bởi vì Sơn lúc đó là con nhà giàu, rất công tử - nhưng gia đình bỗng dưng sụp đổ về kinh tế nên Sơn không còn điều kiện để đi học tiếp. Đó cũng là một lý do để Sơn đến với văn nghệ. Sau đó để tránh cho Sơn đỡ phải đi quân dịch, một số bạn như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Kha đã giúp Sơn để thi đậu vào trường Sư phạm Quy Nhơn. Sơn học ở đó để ra làm trưởng giáo của một cái trường Thượng ở trên Lâm Đồng.

Ca khúc *Biển Nhớ* ra đời tại trường Sư phạm Quy Nhơn. Và nhân vật để Sơn viết bài đó là một người bạn gái có tên là Khê, nên có cái câu là "Ngày mai nối bước Sơn Khê." Đó là tình sử của bài *Biển Nhớ*. Sau đó thì Sơn lên B'Lao nhận cái chức trưởng giáo của một trường Thượng có hai lớp, cách nhà trọ khoảng năm bảy cây số. Sơn phải đạp xe vào làng Thượng để dạy những em bé người Thượng. Tôi lên thăm Sơn, và đưa Sơn ra Đà Lạt để chơi cuối tuần, thì gặp cái phòng trọ với bốn bức vách đầy chim và bao thuốc lá Basto. Ở đó Sơn đã khởi sự nghiệp âm nhạc

của anh với những bài như *Đàn Bò Vào Thành Phố*, Xin Mặt Trời Ngủ Yên, Tiếng Hát Dạ Lan.... Và cũng là nơi để anh viết những ca khúc về thân phận; ca khúc thân phận và tình khúc luôn luôn song hành trong anh. Đó chính là thời điểm tôi và Sơn gặp Khánh Ly ở tại một phòng trà ca nhạc nhỏ ở Đà Lạt.

Người đầu tiên hát nhạc Trịnh Công Sơn và làm cho công chúng yêu nhạc Sài Gòn biết đến Sơn không phải là Khánh Ly mà là Thanh Thúy. Thanh Thúy đã đưa bài *Ướt Mi* vào trái tim của mọi người và sau đó Trịnh Công Sơn viết bài *Thương Một Người* để tặng cho Thanh Thúy. Thanh Thúy ở trong một cái hẻm đường Cao Thắng, Sơn thấy Thanh Thúy đi về trong cái hẻm đó, cho nên "thương ai về ngõ tối, sương rơi ướt đôi vai..." Người hát mở đầu sự nghiệp của Sơn chính là Thanh Thúy, nhưng người giữ lái luôn cho con đò âm nhạc của TCS trên dòng sông của đất nước chính là Khánh Ly kể từ khi *Diễm Xưa* ra đời. Cuộc gặp gỡ cô ca sĩ bé nhỏ ấy ở Đà Lạt lại là một định mệnh. Sơn đang đi tìm một người ca sĩ trẻ hoàn toàn vô danh, và Sơn bắt đầu từ giọng hát của người ấy và tập luyện cho cô ta. Lúc đó những ca sĩ nổi tiếng của Sài Gòn Sơn chưa hề biết tới, và Sơn nghĩ con đường của mình khiêm tốn hơn, và đi tìm một ca sĩ ít tên tuổi như Khánh Ly lúc đó thì dễ hơn. Ánh sáng của định mệnh đã chỉ cho Sơn đến với Khánh Ly, và từ đó Khánh Ly đã tìm được nơi nương tựa và nơi phát triển tiếng hát của mình lên đỉnh cao.

Sơn làm nhạc, chúng tôi thấy hay quá, và chúng tôi khuyến khích Sơn bỏ dạy học để về Sài Gòn. Tôi có căn phòng rất bé ở đường Trương Minh Giảng - là chỗ Sơn từ Đà Lạt về để ở lại với tôi nhiều năm - ở gần chợ Trương Minh Giảng, mà bên kia đường là nhà của Bùi Giáng, cũng trong một cái xóm nghèo. Nhà tôi là nơi tạm trú đầu tiên của TCS khi về Sài Gòn và Đinh Cường - họa sĩ Đinh Cường cũng là một trong những người bạn rất thân với Sơn - cũng thường ghé đến đó. Đôi khi ba chúng tôi ngủ chung trong một chiếc chiếu, và đã sống với nhau bằng đồng tiền dạy học của tôi.

Từ trái: Trịnh Công Sơn, Đinh Cường, Trịnh Cung, Văn Cao (1987)

Từ đó Sơn gặp anh em văn nghệ sĩ ở Sài Gòn - gặp anh Phạm Duy, Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền gặp tất cả những con người văn nghệ Sài Gòn sau sự chọn lựa đó. Và Sơn xuất hiện tại sân của trường Đại Học Văn Khoa ở đường Lê Thánh Tôn nơi có trụ sở của Hội Họa Sĩ Trẻ và bên sau lưng đó là trụ sở của CPS nơi mà Đỗ Ngọc Yến, Trần Đại Lộc, Hoàng Tường Cát... đã hoạt động chương trình mùa hè.

Sơn đã đưa Khánh Ly xuất hiện tại một cái sân cỏ, một cái sân đất - và lẽ dĩ nhiên ở đó không phải là nơi cho những bộ trang phục lộng lẫy, những đôi giày cao gót - Khánh Ly đã đi chân trần và hát cho Sinh Viên nghe. Họ đã sớm trở thành thần tượng của tuổi trẻ Sài Gòn - bởi vì cái tính chất mới mẻ và như đại diện của tâm hồn trẻ thanh niên SG lúc đó - và đã trở thành một phong trào, một hiện tượng âm nhạc ngay lúc đó.

Đó cũng là thời của phong trào Du Ca với anh Nguyễn Đức Quang. Tôi cho thời điểm đó

là một thời điểm lịch sử, thật sự bùng nổ về văn nghệ của giới trẻ, trong đó có chúng tôi - Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam.

Thời đại đó, nó sản sinh ra những hiện tượng như vậy và TCS đã là nhân vật thật nổi bật nhất trong giới trẻ thời đó, cũng như Khánh Ly. Họ chóng đạt được những thành công rực rỡ và trở thành thần tượng của cả nước, nhất là trong giới trẻ.

Trịnh Công Sơn nối tiếp cao trào đó đã dấn thân thêm nhiều bước trong lãnh vực âm nhạc của mình để gần gũi với xã hội, với thời cuộc hơn, để chia sẻ với đất nước nhiều hơn. Những *Ca Khúc Da Vàng* ra đời, rồi đến *Kinh Việt Nam*.

Người ta gọi nhạc Trịnh Công Sơn ở một số ca khúc là nhạc phản chiến. Tôi đồng ý với anh Phạm Duy, chữ "phản chiến" không đầy đủ ý nghĩa của nó - bởi vì chữ phản chiến nghe ra có vẻ kết án, có vẻ phải gánh chịu cái hậu quả của sự thất bại của Miền Nam. Tôi cho là chữ "thân phận của người Việt" thì khái quát hơn.

Một thanh niên Việt Nam ở bất kỳ thời đại nào, thì vẫn đầy sự hồn nhiên, và vẫn đầy lòng lương thiện để có một lý tưởng cho dân tộc, cho sự công bằng, cho sự không đổ máu, cho sự đoàn kết, cho sự thương yêu, và cái chất đó có hầu hết ở chúng ta, có hầu hết ở lứa tuổi đang bước vào Đại Học... nhưng tuổi trẻ không bao giờ lường trước được những âm mưu của chính trị, cho nên cái sự hồn nhiên đó phải trả giá.

Tôi và Sơn là hai người bạn, với hai hoàn cảnh khác nhau. Tôi là sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Tôi chấp nhận đi Thủ Đức bởi vì tôi không muốn sự bất hợp pháp. Tôi là một công dân tôi phải làm việc của người công dân, cho dù là chính quyền đó có thối nát, có làm gì đi nữa - tôi không chấp nhận cái sự bất hợp pháp cho nên tôi đi lính, thi hành nghĩa vụ của mình. Còn Sơn thì khác, Sơn không chấp nhận cái chuyện đó vì cái lý tưởng của Sơn, tôi tôn trọng điều đó.

Thưa các bạn, khi các bạn đã rời khỏi đất nước ngày 30 tháng Tư, thì các bạn không biết chuyện gì đã xảy ra cho Sơn. Sơn phải trốn ra Huế sau khi được đánh tiếng là sẽ bị thủ tiêu bởi vì tính chất hai mặt của Sơn trong âm nhạc và tính chất hai mặt của Sơn trong cuộc đời. Bởi vì Sơn là bạn của những nhân vật cao cấp của chính quyền Sài Gòn - Sơn đã từng viết cho cái chết của Lưu Kim Cương và đồng thời với *Hai mươi năm nội chiến từng ngày*, điều đó người cộng sản không chấp nhận. Tôi nghe kể lại cuộc họp ở trong khu người ta đã lên án Trịnh Công Sơn.

Chúng ta không biết bi kịch đó cho nên chúng ta có những ngộ nhận đáng tiếc. Sơn phải về Huế để tìm một nơi nương tựa bởi vì ở đó Sơn có nhiều anh em - Sơn hy vọng là họ sẽ giúp đỡ cho Sơn. Nhưng tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa, Sơn còn bị nặng hơn nữa là bị tố cáo tại các trường học với các biểu ngữ giăng lên, Sơn phải lên đài truyền hình Huế để nhận lỗi của mình - mà người ta gọi là *bài thu hoạch*, bài nhận lỗi của mình. Sơn rất khéo léo trong bài nhận lỗi đó. Chính Sơn kể cho tôi nghe, Hoàng Phủ Ngọc Tường không đồng ý bài đó, nói phải làm lại vì chưa thành thật.

Người ta quyết liệt ghê gớm lắm trong sự kiểm soát. Sơn đã đóng cửa nhà mình, không tiếp Hoàng Phủ Ngọc Tường trong nhiều năm. Sơn phải đi thực tế, tức là đi để biết người nông dân cày bừa cực khổ như thế nào. Sơn làm lụng trên những cánh đồng còn rải rác những chông mìn. Sơn đã thoát chết trong lần một con trâu đã cứu Sơn khi nó đạp quả mìn mà đáng lẽ Sơn sẽ đạp.

Bởi vì tài năng âm nhạc của Sơn quá lớn, cho nên trong số những người lãnh đạo đất nước lúc đó, cũng có người khôn ngoan hơn, biết cách thức hơn để giữ Sơn lại bằng cách bao bọc cho Sơn khỏi những tình huống hiểm nghèo như vậy. Họ đã tìm cách đưa Sơn về Sài Gòn, trả lại hộ khẩu cho Sơn, tạo điều kiện để cho Sơn yên tâm sống ở Sài Gòn.

Rất nhiều người nghe nhạc Sơn thầm lén, nhất là ở miền Bắc, trong đó có nhiều đảng viên cộng sản, nhưng không ai dám công khai thừa nhận nhạc của Sơn là tài sản của đất nước. Sơn không được phổ biến âm nhạc lúc đó, phải đợi đến thời gian đổi mới và cải tổ. Sơn là một bi kịch thu nhỏ của bi kịch đất nước. Và Sơn đã nghe được những luận điệu chống mình ở tại hải ngoại, nên Sơn rất sợ mặc dù có nhiều lời mời ở các đại học, Sơn đều không dám đi. Sơn từ chối, vì Sơn sợ cộng đồng ở đây sẽ đả đảo sẽ gây ra những nguy hiểm cho Sơn. Có người đã về đề nghị đưa Sơn sang đây để thay gan cho Sơn miễn phí nhưng Sơn cũng từ chối.

Trong thời gian 25 năm sau 1975, tôi cũng kẹt ở lại. Tôi đã chơi với Sơn, và tôi đã không làm gì được cho Sơn, để Sơn bị một căn bịnh đã dẫn tới cái hậu quả tàn khốc, tức là nghiện

rượu. Vì buồn, vì cô đơn, vì không biết xử dụng thời gian để làm gì, vì những ca khúc viết ra đều bị phê bình nặng nề, như bài *Em ra đi nơi này vẫn thế*. Ở bên này cũng kết án bài đó, bên kia lại kết án là - "Tại sao đất nước đã thay da đổi thịt mà anh lại viết là 'em ra đi nơi này vẫn thế'? Sài Gòn vẫn còn nguyên à?" Các bạn thấy chưa, những người nghệ sĩ luôn đi giữa hai lằn đạn! Có ai hiểu được Sơn cô đơn như thế nào!

Và có những bài, nếu chúng ta tinh ý thì sẽ thấy tư tưởng của TCS sau cái ngày mất nước. Sơn đã viết những bài như "Đường chúng ta đi, đi không bao giờ tới," những bài nói lên sự quạnh quẽ, tuyệt vọng, bất an của mình. Đó là một dòng nhạc đặc biệt mà chúng ta thường không hiểu và chê là thua nhạc trước 75. Chúng ta chỉ chấp nhận tình khúc của TCS mà thôi, trong khi chúng ta không biết đến một dòng nhạc đầy triết lý và đầy đau thương đã ra đời một cách lặng lẽ âm thầm.

Ngay cả bài *Nhớ mùa thu Hà Nội* cũng đã bị cấm hai năm. Trong khi chữ Mùa Thu hầu như đã thành đồng nhất với thuật ngữ Cách Mạng Mùa Thu thì TCS đã viết *Nhớ Mùa Thu Hà Nội* trong đó có những câu mà người ta không chấp nhận được: *"Từng con đường nhỏ sẽ trả lời cho ta... đi giữa mùa thu Hà Nội để nhớ một người và nhớ mọi người..."* Người ta đặt câu hỏi là: Nhớ một người là nhớ ai? Và từng con đường nhỏ Hà Nội tại sao lại phải trả lời? Trả lời cho ai ? Trả lời cái gì? Phải chăng đó là nhớ Khánh Ly và Khánh Ly sẽ đem phục quốc về?... Với lối suy diễn như vậy, bài đó đã bị cấm. Các bạn có biết cái nỗi đau của người sinh ra đứa con tinh thần như thế nào!

Và chúng ta sai hay đúng, hãy tự soi lấy mình. Khoan kết án người khác sai hay đúng, bởi vì trong chúng ta cũng đều bị lừa dối! Chúng ta đã trưởng thành chưa sau nhiều lần bị lừa dối về chính trị - thì chúng ta đừng trách Trịnh Công Sơn và đừng trách những người nghệ sĩ nhạy cảm và chân thật với cuộc đời với con người.

Tôi là một người bạn, là một nhân chứng sống trong nhiều năm với TCS. Những ngày tháng cuối cùng của anh tôi đã ở bên, mỗi lần tôi có mặt ở Việt Nam. Buổi sáng, tôi ngồi với anh dưới bóng cây để uống tách trà, để nhìn nhau cho đỡ nhớ, để nói với nhau một vài thông tin về bạn bè, rồi đi về. Sơn ngồi ở cái vườn trên gác nhà Sơn, có một cây hoa sứ già 28 năm, một giàn hoa giấy, nó đã trở thành một cánh rừng nhỏ của Sơn, và tôi đã nhìn Sơn tàn phai theo những tia nắng cuối mùa hoặc cuối ngày qua những chiếc lá của cánh rừng bông giấy. Và thỉnh thoảng có vài tiếng chim hót như chia sẻ cái nỗi cô đơn của Sơn. Buổi chiều, tôi và Sơn thường đi đến một nhà hàng mà các bạn chắc còn nhớ, đó là Givral, bên kia là khách sạn Continental, để nhìn cuộc đời đi qua, những người Việt Nam đang hấp tấp vội vã trên đường phố, và để nhìn một chút trời xám với vài cánh én... Rồi đi về.

Sơn thèm đi ra phố, Sơn thèm hơi của thành phố. Chúng tôi là những con người đã gắn bó với thành phố Sài Gòn từ lúc trẻ đến nay, cho nên mới có *Chiều một mình qua phố* hay *Chiều chủ nhật buồn, nằm trong căn gác đìu hiu...* Đó là đời sống của chúng tôi, và nó theo chúng tôi mãi mãi. Và Trịnh Công Sơn - hôm nay tôi được dịp để nói về anh, để nói về cái sự tuyệt vời chịu đựng một bi kịch kéo dài cho tới ngày mà căn bịnh quái ác đã đục khoét tinh thần sức khỏe của anh cho đến hơi thở cuối cùng. Trong cô đơn thật không có điểm tựa, và anh đã chết vì cơn bịnh này.●

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NHẠC SĨ TRỊNH CÔNG SƠN RA ĐI VĨNH VIỄN

MỘT CÁI CHẾT LÀM SỐNG LẠI MỘT THỜI

PHAN THANH TÂM

Có một cái chết nhắc nhở một giai đoạn, làm sống lại một thời đã qua và một thời đã hết ở miền Nam Việt Nam. Đó là cái chết của Nhạc Sĩ Trịnh Công Sơn trưa ngày Chủ Nhật 1/4/2001 lúc 12:45. Tin ông ra đi vĩnh viễn được loan truyền rất nhanh, đã khiến cho mọi người Việt khắp nơi trên thế giới, quay quắt nhớ về hai thập niên 60, 70.

Trịnh Công Sơn sinh ngày 28/2/1939 tại Đắc Lắc, quê quán ở Huế, sống tại Sài Gòn, đã sáng tác hơn 500 ca khúc. Bản nhạc đầu tiên của ông là *Ướt Mi*, do nhà xuất bản An Phú in năm 1959 ở Sài Gòn. Bài *Diễm Xưa*, do Khánh Ly hát, đã trở thành top-hit ở Nhật năm 1970. Bài *Ngủ Đi Con*, trong tập Ca Khúc Da Vàng năm 1972, lên hàng top-hit, thắng Giải Đĩa Vàng của Nhật, và đã bán hơn hai triệu đĩa nhạc ở Nhật.

Thuở đó, tuy đại bác đêm đêm dội về thành phố, giặc giã khắp nơi, nhưng ở các đô thị vẫn có một đời sống nhạy bén, linh động. Có các tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh rất ý thức về thời đại của mình. Theo nhà văn Võ Phiến, trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, nền văn học miền Nam trong khoảng 1954 1975 đã được phát triển trong tinh thần tự do, cởi mở nhất, và cũng đã đóng góp rất nhiều.

Các nỗi băn khoăn triết lý được thể hiện qua khắp các bộ môn sáng tác. Trong lãnh vực nhạc, Trịnh Công Sơn nổi bật nhất vì "nhạc của ông rất phù hợp với tiếng thở dài của thời đại." Ông được giới ái mộ trao tặng danh hiệu là kẻ du ca về tình yêu, quê hương và thân phận. Nhạc sĩ Văn Cao gọi Nhạc Sĩ họ Trịnh là "người thơ ca; bởi ở Sơn nhạc và thơ quyện vào nhau, đến độ khó phân biệt cái nào là chính, cái nào là phụ."

Nhạc sĩ Phạm Duy cho biết, "tình khúc Trịnh Công Sơn ra đời từ giàn phóng Quán Văn, trong khu Đại Học Văn Khoa Saigon, được hỏa tiễn Khánh Ly đưa vút vào phòng trà, rồi vào băng cassette và chỉ trong một thời gian ngắn chinh phục được tất cả người nghe." Ngôn ngữ trong nhạc Trịnh Công Sơn rất mới, chất chứa những hình ảnh lạ, quyến rũ, như *cơn mưa hồng, thuở hồng hoang, dấu địa đàng, cánh vạc bay, trái phá con tim mù lòa, phiến đá cũng ưu phiền, cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ?*

Một loài chim nhỏ hót chơi

Khánh Ly, ca sĩ diễn đạt thành công nhất các ca khúc của Trịnh Công Sơn, đã mô tả Quán Văn, gần Phủ Tổng Thống, và cũng gần chợ Bến Thành, nằm trên đường Gia Long số 69 bis "là một cái tên quen dễ nhớ, dễ thương, nằm chơ vơ giữa lòng Saigon, trăm ngàn màu sắc. Mọi người tới tùy tiện tìm chỗ ngồi trên cái nền xi măng bỏ trống ngổn ngang gạch vụn và cỏ dại." Buổi trình diễn đầu tiên của cặp Trịnh Công Sơn - Khánh Ly là một đêm trong năm 1966.

Trịnh Công Sơn có lần đã thố lộ, "Tôi biết rõ tôi chỉ là một loài chim nhỏ hót chơi trên đầu những ngọn lau." Ông cho hay Huế và Đạo Phật có ảnh hưởng sâu đậm trong tình cảm thời thơ ấu. Những ca khúc viết trước năm 1975 đều có phong cảnh về Huế, mặc dù không có chữ Huế nào trong các bài. Đó là *trời còn làm mưa, mưa rơi, mưa rơi mênh mang; vai em gầy guộc nhỏ, bàn tay xanh xao.* Để hiểu thấu đáo bài hát, người nghe cần có một linh cảm nhạy bén và một vốn kiến thức nhất định.

Nhạc sĩ Phạm Duy nhận xét rằng, toàn bộ âm nhạc của nhạc sĩ họ Trịnh như một bức họa trừu tượng hơn là tả thực. "Ngàn cây thấp nến lên hai hàng. Màu nắng bây giờ trong mắt em" nghe thật là tình tứ, thật là lãng mạn. Nhưng "Ngàn cây thấp nến lên hai hàng" là thế nào? Trong một dịp cùng thả bộ vào một buổi hoàng hôn, năm 1968 trên đường dọc theo sông Hương, trước trường Quốc học ở Huế, khi trời tối dần, nhạc sĩ họ Trịnh giải thích và chỉ cho người viết bài này cảnh nắng chiều còn đọng sót trên các ngọn cây. Lúc bấy giờ tôi thấy quả là ngàn cây thấp nến thật.

Tuy được gọi là kẻ du ca về tình yêu nhưng nhạc sĩ họ Trịnh lại cho rằng "tất cả tình yêu đều là ảo ảnh" và thú nhận rằng "cũng chẳng hiểu tình yêu đã cho tôi ý nghĩa gì." Tất cả

những bản nhạc đều viết về "những gì tôi đã sống và dự đoán." Trong *Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng* của Nhạc Sĩ có ba bài nhắc đến ba người mà ông có cảm tình sâu đậm: Diễm Xưa, Như Cánh Vạc Bay và Xin Trả Nợ Người. Người trong bản sau ở Mỹ khi về Việt Nam có gặp lại ông sau 20 năm xa cách.

Họa sĩ Trịnh Cung, bạn thân lâu năm của nhạc sĩ họ Trịnh từ hồi 17, 18 tuổi trong một buổi lễ tưởng niệm cố nhạc sĩ tại Quận Cam, ngày 3 tháng Tư 2001 cho rằng, cụm từ "nhạc sĩ phản chiến" dành cho Trịnh Công Sơn không đúng. Ông chỉ nói lên những gì mà hàng triệu thanh niên vào thập niên 60-70 suy nghĩ, nói lên tất cả những gì hiện hữu quanh ông qua thi ca và âm nhạc. (*người con gái VN da vàng, em bé lõa lồ suốt đời lang thang, xác người chết hai lần, hát trên những xác người, người phu quét đường dừng chổi lắng nghe, ghế đá công viên*).

Cách đây mấy năm, khi được bác sĩ Hoàng Phước Quang Huy, hiện ở Mỹ, chẩn bệnh khuyên là muốn chữa bệnh gan và tiểu đường thì phải từ bỏ rượu, thuốc lá, ăn uống kỹ lưỡng, ông cười trả lời "Cậu sống như vầy đủ rồi. Giờ mà phải kiêng khem nữa thì còn sống để làm gì; vì sẽ hết còn vui chơi với bạn bè." Rồi ông vẫn sống một ngày như mọi ngày. Chỉ mới bỏ thuốc, bỏ rượu khi không còn uống hay hút được nữa. Ông là một nghệ sĩ lớn, tài hoa nhưng là một người bình thường, không vợ con, rất nặng tình gia đình. Khi được hỏi nếu có một bông hồng, ông sẽ tặng cho ai? Ông nói, "Tôi sẽ tặng cho mẹ tôi."

Trịnh Công Sơn được bạn bè mô tả là một người "thuộc dân cậu." Nghĩa là tiểu tư sản đặc sệt. Thích ăn ngon, mặc đẹp. Quần áo lúc nào cũng thẳng thớm, đúng mốt, đúng gu. Hồi thời ở Quán Văn, tuy nghèo, mỗi sáng ông đều thích ra ngồi quán uống cà phê, thuốc lá phì phèo; ngồi hàng giờ tán gẫu, hay chỉ lặng lẽ đọc báo rồi nhìn ông đi qua bà đi lại, hết cả buổi. Ông ta thường nói, "Phải nhìn thấy mọi người; một ngày không thấy ai buồn dễ sợ." Vì thế chẳng lạ khi ông viết bài "Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Niềm Vui."

Đến nơi an nghỉ

Tại Saigon, hôm thứ tư ngày 4/4/2001 hàng ngàn người đã tiễn đưa linh cữu nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tới nơi an nghỉ cuối cùng. Chiếc xe van hiệu Dodge để lại từ thời chiến phủ đầy hoa trắng đưa ông tới một nghĩa trang Gò Dưa trong tỉnh Bình Dương, cách Saigon 30 cây số, nằm cạnh mộ phần của thân mẫu nhạc sĩ.

Theo hãng thông tấn ngoại quốc, đám tang của Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn được xem là một trong những đám tang lớn nhất ở Sài Gòn từ trước đến nay. Hầu như tất cả hoa trong thành phố được tập trung vào trong đám tang của ông, điều đặc biệt là trên nhiều vòng hoa không có tên của người tặng mà chỉ có các tựa của các bài hát như "Cỏ Xót Xa Đưa," "Như Cánh Vạc Bay," "Bên Bờ Hiu Quạnh," "Một Cõi Đi Về," v.v... Khách viếng thăm trong buổi đám tang đến từ rất nhiều tỉnh thành trong nước và có cả người về từ ngoại quốc. Số sinh viên học sinh cũng tham dự rất đông và nhiều người trẻ tuổi đã khóc vì cảm động. Đám tang diễn ra trong lặng lẽ và trật tự mặc dầu rất là đông, và những người đến viếng nhạc sĩ đều với thái độ rất chân thành.

Có thể nói, chưa có nhạc sĩ nào mất đi lại được công chúng thương tiếc như Trịnh Công Sơn. Đêm cuối cùng trước khi đưa tiễn ông về nơi an nghỉ cạnh mẹ, những người đến viếng thuộc nhiều thế hệ vẫn xếp hàng trong trật tự. Những người đến sau im lặng tự động xếp thành hàng, những cái bắt tay, những cái nhìn đầy chia sẻ. Bảy giờ sáng, lễ di quan của nhạc sĩ bắt đầu. Hàng ngàn người nối đuôi nhau theo tiễn ông. Khi còn trong nội thành, đoàn xe tang đến đâu dân chúng đứng đầy hai bên đường tiễn biệt đến đó.

Tang lễ được an táng theo nghi thức Phật Giáo; ông có pháp danh là Nguyên Thọ.

Đến 9 giờ 20, trong giờ phút hạ huyệt, nhạc sĩ Trần Mạnh Tuấn đã thổi nhiều ca khúc như *Cát Bụi, Một Cõi Đi Về, Ướt Mi.* Còn công chúng không hẹn cùng nhau hát Nối Vòng Tay Lớn, Hát Cho Người Nằm Xuống, Tôi Ơi Đừng Tuyệt Vọng. Những đóa hoa trên tay mọi người vụt bay tới tấp trên linh cữu ông trong lúc lấp đất. Riêng nhạc sĩ Trần Tiến im lặng rút từ trong túi áo chai Lúa Mới và nói: "gởi cho anh Sơn."

Ca sĩ Khánh Ly, người có sự nghiệp gắn liền với nhạc của Trịnh Công Sơn, đã được nhiều đài phát thanh ngoại quốc phỏng vấn. Cô nói: "Ông Trịnh Công Sơn không của riêng ai. Ông là của tất cả mọi người. Ông yêu dân tộc và quê hương. Việc ông ở lại và nằm xuống trên quê hương là điều đúng. Từ ông, tôi đã thành danh, và quan trọng hơn là, thành nhân. Tôi sống cùng tên tuổi ông gần 40 năm với những lời ông dặn bảo phải sống giữa đời với một tấm lòng, và sống với người."

* Một số chi tiết trong bài dựa vào Khánh Ly Website; Hồi ký của nhạc sĩ Phạm Duy và Tuyển Tập Những Bài Ca Không Năm Tháng của Trịnh Công Sơn.

THƯƠNG NHỚ TRỊNH CÔNG SƠN

VŨ THƯ HIÊN

Thế là trên bầu trời nghệ thuật Việt Nam một vì sao sáng đã tắt. Khoảng trống này không có gì lấp được.

Tôi ra tù năm 1976, nhưng còn bị quản thúc bằng lệnh miệng của nhà cầm quyền mãi cho tới mùa thu năm 1980 mới được phép vào Nam. Ở Sài Gòn người đầu tiên tôi tới thăm là Trịnh Công Sơn. Nhà thơ Dương Tường vào trước đã kể về tôi cho Sơn nghe, Sơn đã biết tôi là thế nào nên anh đón tôi không chút e dè. Chúng tôi nói chuyện với nhau cả một buổi sáng. Bên bàn trà, như một cuộc hàn huyên giữa hai người bạn sau thời gian dài xa cách, chúng tôi nói với nhau đủ thứ chuyện, nhiều nhất là về sáng tác, về thiên chức của nghệ sĩ, chỗ đứng của anh ta trong lòng dân tộc... Giữa câu chuyện tôi hỏi Sơn tại sao anh không đi ra nước ngoài, mà ở lại để sống trong kìm kẹp? Sơn trầm ngâm:

"Mình có nghĩ tới chuyện đó chứ. Nhưng mình không thể đi. Người nghệ sĩ không thể sống xa quê hương. Xa nó, anh ta sẽ cạn nguồn cảm hứng, mà cái đó thì chẳng khác gì cái chết."

Sơn nghĩ đúng. Mặc dầu ở lại Sơn phải sống trong một thế giới xa lạ, ở đó không còn cách nào khác là hoặc tự nguyện nhập vào nó, hoặc tự tạo ra một thế giới tự do cho mình. Mà tạo ra cái thế giới đó, ai cũng biết, chẳng dễ gì. Cần phải có cái tâm của đạo sĩ mới có thể thiền giữa chợ.

Cũng trong lần gặp ấy, Sơn đọc cho tôi nghe một số bài thơ anh mới viết, mở băng cho tôi nghe một số ca khúc mới làm xong. Nhiều bài tôi được nghe hôm ấy, có bài rất hay, có bài không đặc sắc cho lắm, về sau tôi không thấy Sơn cho chúng ra đời. Ở Văn Cao cũng vậy. Số lượng những gì các nghệ sĩ mà chúng ta yêu mến đã sáng tác thường lớn hơn rất nhiều so với những gì mà chúng ta được biết. Có trời biết số phận chúng ra sao? Rất có thể chúng đã làm mồi cho lửa trong một cơn buồn cô quạnh, khi nghệ sĩ lấy rượu để dập tắt nó, và chán chường tất cả, không trừ chính mình. Người ta dễ biết con số người bị giết hơn là số những sáng tác bị bách hại, bị bức tử. Ở đâu tội ác vẫn cứ là tội ác.

Cũng hôm đó Sơn nói với tôi:

"Mình nhiều lúc ngã lòng, nhất là khi mình thấy người ta chẳng hiểu gì về mình, chửi bới mình, hành hạ mình. Đến nỗi muốn thỏa hiệp cho xong. Nhưng nghĩ lại thấy không được. Nghệ sĩ không thể thỏa hiệp với cái Xấu, cái Ác. Có thể tạm lui bước, nhưng thỏa hiệp thì không bao giờ." Và Sơn đã không thỏa hiệp. Anh sáng tác ít hơn. Những ca khúc mất dần tính triết lý. Sơn sợ những hiểu lầm. Rồi anh quay sang vẽ tranh. Những bức tranh siêu thực, tặng nhiều hơn bán. Và vùi nỗi buồn trong rượu. Bè bạn khuyên can, Sơn bỏ rượu, nhưng không ngừng uống bia. Rồi quay lại rượu lúc nào không biết.

Tôi yêu Trịnh Công Sơn-con người có dễ nhiều hơn Trịnh Công Sơn -nhạc sĩ. Nhưng là nói thế thôi, chứ ở anh ranh giới này gần như không có. Trường hợp tương tự không nhiều, khi con người nhân thế và con người nghệ sĩ nhập làm một.

Cha tôi cũng rất yêu Sơn. Một lần ra Hà Nội, nghe tin cha tôi lâm bệnh, Sơn đã vác đàn đến bên giường hát cho ông nghe. Cha tôi nói rằng ông cảm thấy hạnh phúc khi được nghe Sơn hát. Những ca khúc của Sơn hóa ra còn có tác dụng chữa bệnh. Bởi vì chúng là những lời chân thành của con người nói với con người, những lời tâm tình, những lời an ủi, những lời chia sẻ...

Có một sự nhất trí hình như không được đúng lắm, rằng nhạc Trịnh Công Sơn chỉ là nhạc phản chiến. Tôi nghĩ nhạc của anh là một cái gì hơn thế. Nó là lời chia sẻ những suy ngẫm về ý nghĩa nhân sinh, về tình thương yêu giữa con người và con người. Anh nói với mọi người những lời này vào mọi lúc, mọi nơi, chứ không phải chỉ trong chiến tranh để trở thành phản chiến.

Xét cho cùng, Trịnh Công Sơn là một nhà thơ. Một nhà thơ lớn. Nhạc là cái xe tải anh lấp lấy để chở thơ anh đến với chúng ta.

Khi tôi viết những dòng này thì Sơn đã an nhiên trở về với cát bụi, như anh đã nói trước. Mộ anh phủ đầy hoa của những người hiểu anh và yêu mến anh. Khi anh qua đời, có những kẻ đã coi thường anh, đã hành hạ anh khi anh còn sống, đến nghiêng mình trước linh cữu anh, và có cả những kẻ vẫn hát lời anh viết, bây giờ nhai nhải chửi anh là nhạc tặc, là tên phản quốc trên những bài báo không ai muốn đọc. Nhưng nếu Sơn còn biết những chuyện đó, anh cũng sẽ an nhiên mỉm cười. Và không nói gì hết.●

Warszawa 4.2001

XIN GẠT NƯỚC MẮT CHO NGƯỜI LÍNH

BÙI XUÂN QUANG

Viết tặng những người khóc Trịnh Công Sơn

Không ai cấm được ai khóc Trịnh Công Sơn. Cho đến những nhà văn cơ hội, những người bạn cơ hội, chuyên nghiệp đến đâu đi nữa cũng không thể dành Trịnh Công Sơn như một cái vốn liếng riêng của mình. Trịnh Công Sơn đã biết bao lần tâm sự với những người gần gũi, hay những kẻ đến thăm vào những cuộc du lịch tổ chức cho Việt kiều. Nhưng những lời tâm sự đó, nhiều lúc, chỉ là cái xúc động bên ngoài và nhất thời của con người Trịnh Công Sơn. Con người Trịnh Công Sơn rộng lớn, bao la, phức tạp cũng như mỗi một con người trong chúng ta. Nhưng vì Trịnh Công Sơn là một nhân vật của thế hệ, một ngôi sao văn hóa, cho nên đời anh đã kèm theo một số huyền thoại, một số hiểu lầm. Thưa bạn, những huyền thoại đó, những sự hiểu lầm đó, đến từ đâu? Có phải đến từ chúng ta?

Nhưng chúng ta có cần hiểu Trịnh Công Sơn? Người lính trẻ tôi gặp gần bờ sông Bến Hải, vài tháng sau Mùa Hè Đỏ Lửa, có cần hiểu Trịnh Công Sơn? Anh lính có cần hiểu con người Trịnh Công Sơn lúc anh gảy cây đàn gui-ta và hát nhè nhẹ "người nô lệ da vàng, bước đi, bước đi..."? Tất cả tinh túy của con người Trịnh Công Sơn đã trở thành nhạc, thành thơ. Trong giây phút trơ trọi sau trận chiến khủng khiếp (bạn còn nhớ Đại Lộ Kinh Hoàng?), anh lính trẻ đã hát vài câu nhạc Trịnh Công Sơn. Hát cho chỉ một mình anh.

Tôi nhìn anh lính, trong giây khắc quý báu của một buổi chiều mùa hè 73 đó, giữa những tiếng loa chửi bới của đôi bên bờ sông Bến Hải, nhạc Trịnh Công Sơn đã đến với tôi. Thấm thía. Lạ lùng. Những kinh nghiệm tôi sống với nhạc Trịnh Công Sơn trước đó gần như tiêu tán.

Bây giờ Sơn đã ra đi. Tôi không dám khóc, chỉ xin được gạt nước mắt cho người lính, có lẽ nay đã già. Người lính không bao giờ quen biết. Nếu anh còn sống đâu đó dưới khung trời này. Để cám ơn anh. Và cũng để cám ơn Trịnh Công Sơn.

Paris 8 tháng tư 2001

CÁT BỤI

BÙI BÍCH HÀ

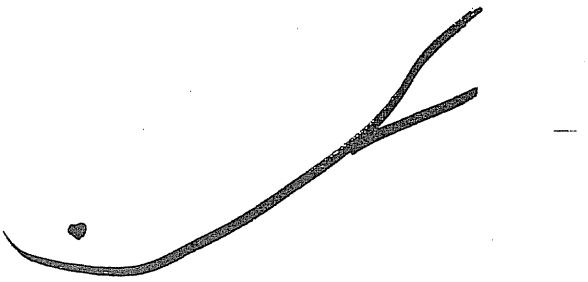

Thời gian này, trên nước Mỹ, trong câu chuyện giữa bạn bè, nhiều người thường nói đùa với ít nhiều chua chát "Muốn thấy cảm tình thân thương, nồng hậu của thiên hạ dành cho mình thì cứ chết đi là biết." Trường hợp nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vừa qua, có lẽ phải nói thêm một câu ở chiều đối nghịch "Muốn biết thiên hạ ghét bỏ, thâm thù mình, cỡ nào, cứ chết đi là thấy ngay."

Sau khi Trịnh Công Sơn nhắm mắt lìa đời, báo chí đã tốn bao nhiêu giấy mực, đài phát thanh đã phát đi gần xa bao nhiêu tiếng nói, khen tặng, xưng tụng, thống trách, nguyền rủa. Xôn xao ồn ào, ngay những bài viết đẹp nhất thì ngôn ngữ cũng đã không sao đẹp bằng ca từ của người nhạc sĩ quá cố, nói chi tới những lời lẽ thóa mạ hay phỉ báng?

"Biết, thấy hay nghe" là chuyện của người sống. Kết tội hay bênh vực là chuyện của người sống. Người ra đi quả đã thực sự kinh qua trọn vẹn cuộc đời của riêng mình. Bay bổng, la đà, thánh thiện, tội lỗi, dẫu thế nào thì chặng đường vừa chấm dứt cũng đã chứng nghiệm đủ với người nằm xuống. Sau cỗ quan tài, chỉ còn là hư vô. Sau chuyến xe tang, nếu có, chỉ còn những bài học cho người ở lại.

Tôi nhớ một câu trong một ca khúc nào đó của TCS, "Tình không xa nhưng cũng không thật gần." Nhiều người trước ông, cùng với ông và sau ông cũng đã nói câu này, rất thường, không có gì đặc biệt cả nhưng ông có cách nói khác họ. Ông làm rung động trái tim những người tình vì ông đã phả vào ngôn ngữ vô tri nỗi khắc khoải của lòng ông. Cảm xúc của ông dễ lây lan qua người khác vì sự chân thật bên trong nó.

Ai trong đời không từng ít nhất một lần có một mối tình như gần như xa theo cách TCS diễn tả? Tuy vậy, chắc không có nhiều người tình đang giữa ngày vui ngậm ngùi nhìn theo gót bước ai quay đi và chỉ nghe lòng nói nhỏ, "Từ lúc đưa em về, là biết xa nghìn trùng." Chỉ một gang tấc thôi những sớm muộn, những người yêu nhau tha thiết nhất rồi cũng sẽ có lúc chia lìa hai bên bờ sinh tử.

Thân phụ ông qua đời bất ngờ khi ông vừa xong trung học. Tôi không biết biến cố ấy ảnh hưởng thế nào trên cuộc đời ông sau này nhưng có nhiều phần trăm, nó đã gieo vào tâm trí ông cái ý nghĩ về sự mong manh của kiếp người. Ông bỏ tương lai trước khi bắt tay xây dựng, ông giã từ cuộc tình trước khi uống cạn buồn vui. Ông ôm đàn vui chơi giữa trần gian, hát lên những giai điệu của lòng ông luôn yêu thương con người và cuộc đời vì sự ngắn ngủi thương tâm của chúng, trong đó có chính mình.

TCS không phải là nhà viết nhạc duy nhất sáng tác tình khúc. Chúng ta có nhạc tình của Phạm Duy, đam mê, cuồng nhiệt, rạo rực sức sống, mỗi chuyện tình là một tấu khúc lộng lẫy khiến giữa người nghe và bản nhạc có một khoảng cách để chiêm ngưỡng. Chúng ta có nhạc tình của Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, là những thổn thức buồn bã từ tình yêu như một hệ lụy đầy ray rứt. Với TCS, chúng ta biết đến một bộ mặt khác của tình yêu: Lòng độ lượng, "yêu em

lòng chợt từ bi bất ngờ."

Nhạc của ông hồn nhiên, giản dị vì nó là thanh âm dội đi từ trái tim, là tiếng gọi, là lời hỏi như một nguyện cầu hạnh phúc cho người. "Nơi em về trời xanh không em, nơi em về ngày vui không em?" Ông là gió, là mây, thả bóng mát xuống đời nhưng xác thân là hư không.

Nói về người bạn chí cốt của mình, họa sĩ Trịnh Cung hay nhắc tới "cõi đời quạnh quẽ" của người bạn ấy. Ngoài rượu, thiên nhiên là nơi an trú bình yên của TCS, là chăn gối êm ái cho ông để tâm hồn mình nghỉ ngơi giữa những xao động hiếm hoi có khi thiêu đốt như cả một mùa hè nắng đỏ "Em đi về cầu mưa ướt áo, đường phượng bay mù không lối vào, hàng cây lá xanh gần với nhau". Khi ông tỏ tình, thiên nhiên giúp ông một nụ hôn "Ta mang cho em một đóa quỳnh, Quỳnh thơm hay môi em thơm? Em mang cho ta một chút tình, nụ cười khúc khích trên lưng." Bất cứ cuộc tình nào của TCS cũng là một tiễn đưa, không bao giờ là chiếm đoạt, là sở hữu, không bao giờ là hẹn thề, là thống trách. Ông có một vầng trăng yêu dấu. Có khi người tình là vầng trăng ấy. Có khi thôi, nàng không là trăng nữa, vầng trăng cứ vẫn sáng trong hồn ai lẻ loi. Có lẽ người ta, nhất là phái nữ, yêu nhạc TCS vì thế giới âm nhạc của ông không có sự tình phụ.

Nếu cuộc đời mỗi người có những khoảng trống cần được lấp đầy (như căn nhà cần đổ nền để đứng vững được), một khoảng trống đời tôi đã lấp đầy bằng vần điệu và thanh âm của dòng nhạc TCS, khoảng trống ấy có lúc là vực thẳm của chia lìa, tan tác, có lúc là nỗi đau của thân phận người trôi trên ngày tháng hoang vu...

Nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh cho rằng "sống cùng thời với TCS là một vinh dự," tôi xin được nói thêm"sống cùng thời với TCS là một hạnh phúc."

Tôi biết ơn những cống hiến tài hoa và rộng rãi của nhạc sĩ họ Trịnh. Đối với riêng tôi, bài học sau cỗ áo quan của TCS là sự hổ thẹn và đau buồn của một người, trong quá khứ, đã không làm gì, từ nay, càng không thể làm gì, để bày tỏ lòng biết ơn ấy như một lẽ công bằng. Khi ông đã đi xa rồi, con ngõ vài trăm thước vào nhà ông trên đường Duy Tân đầy ngập những vòng hoa điếu tang. Cũng con ngõ ấy, trong nhiều năm tháng qua, chỉ nghe "đời sao im vắng, như đồng lúa gặt xong, như ruộng đất bỏ hoang, người về soi bóng mình giữa tường trắng lặng câm."

TCS đã sống và chết như ông lựa chọn. Ông đã một mình trả giá sự lựa chọn ấy. Hạnh phúc hay khổ đau, hân hoan hay thống hối cũng một mình ông uống cạn. Nếu cần phải xưng tội, ông hẳn đã có lúc xưng tội một mình. Không thể cưỡng ép một người xưng tội, nếu không là đấu tố như những người cộng sản thường làm.

Người ta thường nói "Thiên tài là cô đơn." Thật ra, bản chất con người vốn cô đơn, người có tài, được ân sủng từ Thượng đế, sẽ cô đơn gấp hai lần trong cái thế giới gồm phần đông những người vì không giống họ, nên cũng không hiểu họ. Vào một lúc nào đó trong đời, TCS đã nếm trải mùi vị cô đơn của một người không có ai bên mình, gánh chịu một phía sự lạnh nhạt của những người không yêu ông, phía kia, sự mất mát của những người yêu ông nhưng đã không thể ở lại cùng "người tình bỏ ta đi như những giòng sông nhỏ," "Có khi từ vườn khuya bước về, bàn chân ai rất nhẹ," chỉ nghe mơ hồ những tiếng thầm, tựa như trong một cơn say.

Ý thức rõ bi kịch của đời người nằm trong sự hữu hạn của nó nhưng TCS không chấp nhận bóng tối và tiếng thở dài. Ông khao khát yêu thương, "về sau sỏi đá cũng cần có nhau." Là hạt bụi, ông mang trên mình mặt trời lóng lánh, là con chim ở trọ cành tre, ông cất lên tiếng hót vui, là con cá ở trọ trong khe nước nguồn, ông tự do bơi lội ở chỗ thiên nhiên tươi mát ấy. Khi không còn tung tăng ca hát được nữa, ông lặng lẽ giã từ. Cành tre thiếu ông, giòng khe vắng ông, sẽ trở lại nguyên trạng những hư vật hoang phế. Điều quan trọng nhất, đau thương nhất, tiếc nuối nhất là không một ai, cái gì, quyền lực nào có thể ngăn chận được sự mất mát, rữa mục của biết bao tài năng tuyệt vời rồi cũng không thoát được những hòn đất ném xuống huyệt mộ lúc chung cuộc.

"Bạn bè rồi xa, người tình rồi quên, dấu chân xưa cũng bụi mờ," tuy vậy, bao lâu nhân loại vẫn còn yêu và phụ tình nhau trong "Cõi đi về" này, những người nữ sẽ mãi mãi tiếc thương một đôi mắt đã nhìn thấy, một tấm lòng đã trải ra, để "ngàn giọt lệ khóc từ mắt em sẽ rớt xuống đời thành hồ nước long lanh."

TCS đã trở về cát bụi. Sau ông, dường như vẫn còn nguyên cái thế giới loài người "từng ngày qua mỏi ngóng tin vui."●

TRỊNH CÔNG SƠN VÀ CHIẾN TRANH

PHẠM XUÂN ĐÀI

Nửa sau thế kỷ 20, Việt Nam có hai cuộc chiến tranh. Cuộc đầu chống Pháp, chấm dứt chế độ Pháp thuộc, từ 1946 đến 1954, thường gọi cuộc chiến chín năm. Cuộc thứ hai miền Bắc "chiếu cố" miền Nam, thực chất là cuộc chiến tranh ủy nhiệm của hai phe cộng sản và tự do trên thế giới, chấm dứt vào năm 1975.

Cuộc chiến đầu dân tộc Việt Nam mới từ đêm tối của tám mươi năm nô lệ bước ra, ai nấy đều phơi phới tình yêu nước. Các bài hát của thời này là niềm đồng tâm nhất trí náo nức đánh giặc để giành độc lập. Người nghệ sĩ của thời này mang màu xanh ngát của ruộng đồng vườn tược và nỗi ngây ngất của hồn thiêng sông núi vừa sống dậy trong buổi đầu tự do. Văn Cao hát rằng

Bao chiến sĩ anh hùng
Lạnh lùng vung gươm ra sa trường
Quân xung phong!
Nước non đang chờ mong tay người
Hồn sông núi khí thiêng ghi muôn đời

Còn Phạm Duy:

Ra biên cương! Ra biên cương!
Thiết tha lòng gái hôm nay nâng khăn hồng
Đưa chân anh hùng ngàn phương

Cuộc kháng chiến bắt đầu thật trong sáng. Và đẹp.

Nhưng từ sau 1954, khi hai miền Việt Nam biến thành hai "tiền đồn" cho các phe trên thế giới thì cuộc chiến trở thành cuộc đụng độ lớn. Giá trị của máu xương trở nên khó định nghĩa. Và tầm mức chịu đựng của rừng núi, ruộng đồng và con người đã đến mức phi lý. Cuộc sống bình thường bị xé toạc, những ước vọng đơn sơ bị nghiền nát một cách thản nhiên. Cả nước cuốn vào guồng máy chiến tranh lớn lao hơn là sức của chính mình có thể đảm nhiệm. Hai phe trên thế giới phải hà hơi tiếp sức cách này hay cách khác.

Trong bối cảnh ghê gớm ấy, chỉ có một giọng hát cất lên, trình bày mọi cái khổ đau và hủy diệt mà cuộc chiến mang lại. Trịnh Công Sơn.

Sơn là người nhạc sĩ duy nhất cảm nhận sớm sủa nguy cơ của cuộc chiến này, nhìn thấy rõ bản chất tàn phá nó gây ra trên cơ thể của dân tộc mà vượt qua tất cả cái nhìn chính trị đương thời của các phía. Anh viết hàng loạt ca khúc về cuộc chiến khi nó mới chớm màu khốc liệt, bộ thần kinh của anh là những ăng-ten cực nhạy chỉ chuyên bắt những tín

hiệu đau buồn mà cuộc chiến mang lại. Trong khi mọi người sống với cuộc chiến đó, nghĩa là nhập ngũ, chiến đấu, tập trung vào ấp chiến lược, nhận giấy báo tử, chạy giấy hoãn dịch, chôn người chết, sửa nhà cửa bị bom đạn... tinh thần hầu như bị tê liệt, bị điều kiện hóa vì đủ mặt của cái guồng máy chiến tranh thì anh dường như đứng từ một vị trí khác biệt để nhìn toàn cảnh, để thấy và hát lên những điều cốt lõi. Những gì anh thấy tất cả chúng ta đều thấy trong hoàn cảnh cuộc chiến đó, nhưng những gì anh viết ra, thây người chết, nhà cháy, trái mìn, tiếng đại bác... đều thăng hoa thành một thứ tinh chất ngân nga như lời kinh, khi chạy vào hồn ta nó khiến ta đau đớn, thổn thức, bàng hoàng. Tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp với thảm cảnh chiến tranh hàng ngày nhưng ta hầu như vô cảm, một khi chính hình hài ta còn nguyên vẹn, người thân chưa sứt mẻ, nhà cửa chưa bị cháy. Ta coi những chết chóc đổ nát ấy là những điều không tránh được trong chiến tranh, và chấp nhận nó, chịu đựng nó. Chỉ có Trịnh Công Sơn mang một thái độ khác hẳn, anh không chấp nhận nó. Một cách nhất quán không khi nào rời khỏi lập trường của mình, anh tấn công nó bằng thứ vũ khí của anh, đó là mô tả bằng âm nhạc muôn vàn nỗi đau mà chiến tranh mang lại. Tấn công liên tục với các sáng tác dồi dào liên lỉ của anh. Anh là người Việt Nam duy nhất, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc, đã tuyên chiến với trận chiến tranh giữa lúc nó đang diễn ra khốc liệt, anh lên tiếng nhân danh nòi giống và đất nước Việt Nam chứ không nhân danh một phe phái chính trị nào. Viết ra được các nỗi đau có nghĩa là chính anh đang chịu các nỗi đau ấy, tâm hồn nghệ sĩ của anh cảm nhận được nỗi đau ấy thực, hơn là đa số chúng ta cùng ở trong một điều kiện sống như anh thời ấy. Các nhạc sĩ khác lúc đó không phải là hoàn toàn vô cảm trước thảm họa chiến tranh. *Kỷ vật cho em, Tâm ca số 1, Giọt mưa trên lá* của Phạm Duy há không phải là những bản nhạc có thể bị kết án "làm mềm lòng chiến sĩ" đó sao? Nhưng "phản chiến" ấy chỉ là vài nét chấm phá trên một sự nghiệp sáng tác đa dạng, trong khi Sơn thì liên tục, kiên quyết, chiến tranh leo thang tới đâu thì anh leo thang tới đó, nói mãi để người ta phải hiểu rằng điều anh nói không phải là thứ trà dư tửu hậu, một cảm xúc qua đường, mà chính là lương tâm trước một mất còn ghê gớm.

Có người cho rằng ca khúc về chiến tranh của Sơn như có chất ma túy, nó khiến cho người nghe u sầu rã rượi mất hết tinh thần chiến đấu. Có thể đó là cái nhìn của một người đang ở trong cuộc chiến với ý thức ăn thua. Nhưng trong cách thế là nạn nhân của cuộc chiến - mà Sơn thì coi cả dân tộc Việt Nam là nạn nhân của cuộc chiến - thì cái gọi là ma túy ấy không gì khác hơn là tinh chất của nỗi đau. Thảm họa chiến tranh thì đầy rẫy, ngày nào mọi người chẳng nhìn thấy, nhưng tinh luyện được nó vào thành các ca khúc trong hình thức ngôn ngữ âm nhạc và thơ ca để truyền giảng, thì phải là công việc của một ngôn sứ. Anh không ngần ngại gọi đó là kinh, kinh Việt Nam, lời bày tỏ nỗi hủy diệt và khổ đau. Anh chống sự hủy diệt, anh bảo vệ Việt Nam đến kỳ cùng, theo cách của anh. Năm 1968 anh đã viết:

Đã có điều gì không thật trong suốt hai mươi năm nay. Một lầm lỡ đã lên đường và phải đi cho trót con đường máu xương, như một mũi tên vô tri bỗng lỗi thời trong một nhiệm kỳ vô định.

Chúng ta, dù muốn dù không, bị biến thành những mũi tên định hướng được bắn đi từ những đồ hình huy hoàng tưởng tượng và ngắn hạn. Dân ta tàn phế hai mươi năm. Nước mắt và máu đã làm thành những con suối lớn chảy mòn tiềm lực sáng tạo. (...)

Hố thẳm đã mở ra dưới chân dân tộc này. Lương tâm con người đang trên đà bị phát mãi. Ở cuối chân trời Việt Nam, những tia nắng nghèo nàn và bệnh hoạn từ một mặt trời hết sinh khí sắp đi vào hôn mê. (...)

Tiếng hát có thể cất lên để nuôi lớn ước mơ.

Ta đã có sẵn một hành trang quý giá của hơn bốn nghìn năm để còn mãi bước đi trên những lộ trình mới về tương lai. Ta phải đi tới bằng con tim sử giả mang niềm tin và lời hứa hẹn của những người đã nằm xuống. Ta phải tìm lại quê hương bằng sức sống mãnh liệt vì trong cơ thể ta đã luân lưu thêm dòng máu của anh em không còn.

Quanh đây, những trường học, những bệnh viện, những đình làng, những phiên chợ, những cánh đồng sẽ được bắt đầu lại với những ngày nhân đạo - với một dân tộc nhân bản.

(Trích "Lời tác giả" của Kinh Việt Nam)

Đoạn văn lời lẽ có khi hơi huê dạng cầu kỳ này thực ra chỉ là những lời ca của anh diễn thành văn xuôi để chuyển đạt đến mọi người một cách rõ rệt hơn, lý trí hơn thái độ của anh đối với cuộc chiến cùng niềm mơ ước của anh thoát đi từ cuộc chiến ấy.

Những cảnh tượng buồn bã của chiến tranh, buồn bã thôi, chưa nói đến khốc liệt, rất sớm đã được Trịnh Công Sơn nhìn ra như những triệu bất tường. Tiếng đại bác từ mặt trận xa đêm đêm dội về mà tác giả coi như "tiếng ru" đã làm nảy ra bao nhiêu hình ảnh và ý tưởng, chính các hình ảnh và ý tưởng ấy đã cho tiếng đại bác vọng về ấy một ý nghĩa và một sức nặng riêng đối với tâm thức người nghe

Đại bác đêm đêm dội vào thành phố
Người phu quét đường dừng chổi đứng nghe
Đại bác đêm đêm tương lai rụng vàng
Đại bác như kinh không mang lời nguyền
Trẻ thơ quên sống, từng đêm nghe ngóng...

Sơn có thể nhìn chiến tranh trong hình ảnh đàn bò vào thành phố. Hình ảnh chỉ mang tính chất ẩn dụ một cách gián tiếp lại nói lên được rất nhiều về một khung cảnh nông thôn tan hoang, cùng một lúc tan hoang luôn những cái chân thật nhất của Việt Nam, cây lúa, bờ tre, và tâm hồn người dân quê.

Đàn bò vào thành phố, đêm buồn vắng buồn hơn
Đàn bò vào thành phố, không còn ai hỏi thăm
Đàn bò tìm dòng sông, nhưng dòng nước cạn khô
Đàn bò bỗng thấy buồn, bỗng thấy buồn
Rồi một hôm đứng mơ mây ngàn...

Cuộc chiến càng khốc liệt và lan rộng, vết thương trong lòng Sơn càng mở to và tan thương y hệt như một bản sao của thực tế chiến trường. Tuy không tham dự trực tiếp nhưng Sơn lại là người bám sát cuộc chiến nhất, hầu như không rời ra một phút nào. Nếu giai đoạn đầu ảnh mô tả trận chiến bằng những nét bút khá mông lung của một họa sĩ trừu tượng nặng tính cách biểu trưng, thì càng về sau hình ảnh các đổ nát và chết chóc hiện ra cụ thể rõ nét.

Hàng vạn tấn bom trút xuống đầu làng
Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng
Cửa nhà Việt Nam cháy đỏ cuối thôn
Hàng vạn chuyến xe claymor lựu đạn
Hàng vạn chuyến xe mang vô thị thành
Từng vùng thịt xương có mẹ có em

Tết Mậu thân Sơn có mặt tại Huế. Chiến tranh bây giờ không còn là những bản tin chiến sự hay là tiếng súng tiếng bom vọng về từ xa. Thực tế chiến trường từ đâu bỗng mang về ngay thành phố mình đang ở, Sơn nghe được tiếng bom đạn thật đập vào màn nhĩ mình, cảm được nỗi sợ hãi chết chóc có thể đến với mình bất cứ lúc nào, và nhất là chứng kiến được mức độ tàn bạo của giết chóc. Một kinh nghiệm đặc biệt cho Sơn. Bài ca dành cho những xác người có thể thay thế hàng trăm thước phim, hàng loạt bài phóng sự chiến trường, nhất là loại phóng sự viết ở nơi an lành qua một ít tin tức thu nhặt và rất nhiều tưởng tượng thêm thắt vào.

Xác người nằm trôi sông
Phơi trên ruộng đồng
Trên nóc nhà thành phố
Trên những đường quanh co
Xác người nằm bơ vơ
Dưới mái hiên chùa
Trong giáo đường thành phố
Trên thềm nhà hoang vu
...
Xác người nằm quanh đây
Trong mưa lạnh này
Bên xác người già yếu
Có xác còn thơ ngây
Xác nào là em tôi
Dưới hố hầm này
Trong những vùng lửa cháy
Bên những vồng ngô khoai

Toàn là xác người. Gần giống như những thước phim tài liệu của Đức quốc xã ghi hình ảnh các đống xác người Do Thái, bài hát của Sơn là một phóng sự bằng nghệ thuật cho người đời biết thế nào là sự chết chóc khi "anh em ta về" thành phố Huế dịp Tết Mậu Thân. Chắc chắn đó là dịp Sơn nhìn gần cái chết tập thể nhất, nhìn thấy sự man rợ tuy vẫn thuộc phạm vi cuộc chiến nhưng không phải thuần túy do động lực chiến tranh. Sơn đã bị ám ảnh bởi xác người, anh đã viết hai bài cùng một đề tài trong hầu cùng một biến cố. Bài thứ nhì là *Hát trên những xác người*, có một chi tiết từ bài trước được lặp lại, đó là những *hố hầm* chôn xác tập thể, chi tiết ấy giúp chúng ta định vị được không gian và thời gian của hai bài hát, và những lời lặp đi lặp lại *tôi đã thấy, tôi đã thấy* như một lời khẳng định sự có mặt của tác giả cùng tính cách xác thực của sự kiện.

Chiều đi lên đồi cao
Hát trên những xác người
Tôi đã thấy tôi đã thấy
Trên con đường
Người ta bồng bế nhau chạy trốn
Chiều đi trên đồi cao
Hát trên nhưng xác người

Tôi đã thấy tôi đã thấy
Bên khu vườn
Một người mẹ ôm xác đứa con
...
Chiều đi qua bãi dâu
Hát trên những xác người
Tôi đã thấy tôi đã thấy
Những hố hầm
Đã chôn vùi thân xác anh em...

*

Tố giác chiến tranh thường phải được coi là một hành vi chính trị, như phong trào "phản chiến" trong giới trẻ Tây phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, trong thời gian chiến tranh Việt Nam. Phong trào phản chiến Tây phương có một lập trường chính trị rõ rệt, là chống sự can thiệp của Hoa Kỳ vào cuộc chiến Việt Nam. Các ca khúc về chiến tranh của Trịnh Công Sơn đã bị một số người đồng hóa một cách dễ dàng với phong trào ấy, và cũng được gọi là bài hát phản chiến.

Thật ra về cuộc chiến Việt Nam, Trịnh Công Sơn sáng tác với tâm trạng của một người trong cuộc. Nội dung các bài hát của anh là tình cảm của anh đối với đất nước và dân tộc anh bị tàn phá chứ không nhân danh một lập trường hay phe phái chính trị nào hết. Trịnh Công Sơn rất nhất quán về chỗ đứng của mình. Hãy đọc lại toàn bộ các bài hát về chiến tranh của anh, sẽ thấy anh không nhân danh gì ngoài tư cách người Việt Nam của mình. Anh thường nhắc đến bà mẹ, người già, em bé, đồng ruộng, núi rừng. Hay xa hơn nữa, trong Ngụ Ngôn Mùa Đông, anh *Nhớ về nghìn trùng nòi giống của chim* và *Nhớ rừng mịt mùng nòi giống của Tiên*, tức là trong cơn hoạn nạn này, anh vọng tưởng và chắc là cầu nguyện nữa, đến nguồn gốc xa xôi của nòi giống, đến con chim Lạc cùng huyền thoại Rồng Tiên. Như một người hấp hối bỗng nhìn suốt được cuộc đời mình, trong cơn nguy khốn của dân tộc anh nhìn suốt tới chỗ nguồn gốc từ đó dân tộc Việt đã đi ra và lớn lên. Tiếng nói vì thế có thể mang âm hưởng của ngàn xưa.

May mà anh đã lớn lên ở miền Nam, anh đã có đủ tự do để nói lên điều anh cần nói. Nếu ở miền Bắc, chắc chắn anh đã bị bịt miệng ngay bằng một trại cải tạo, và có thể anh đã là một Nguyễn Chí Thiện thứ hai. Các nhà lãnh đạo hai bên của guồng máy chiến tranh không ưa lời lẽ của anh, vì anh chống lại công việc chiến tranh họ đang làm mà họ tin là đúng. Anh không chia sẻ niềm tin ấy. Anh tạo ra những mơ ước của anh, và viết một loạt các bài nhạc về "khi đất nước tôi thanh bình." Nếu những bản nhạc về chiến tranh là những vết cứa đầy đau thương và u ám vào lòng người nghe thì các ca khúc ước mơ của anh lại đầy hân hoan, phấn khích. Nhưng xem kỹ loạt bài này thì càng thấy anh không phải là người chính trị, vì cái chương trình "đi xây lại Việt Nam" của anh rốt cuộc chỉ thuần túy là một

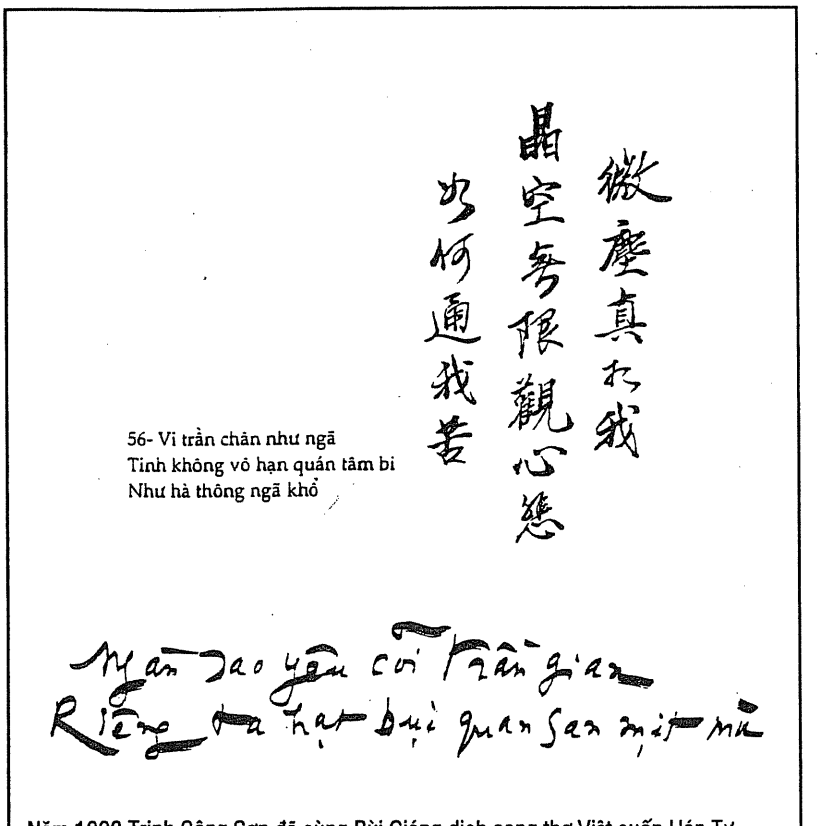

56- Vi trần chân như ngã
Tinh không vô hạn quán tâm bi
Như hà thông ngã khổ

Năm 1993 Trịnh Công Sơn đã cùng Bùi Giáng dịch sang thơ Việt cuốn Hán Tự Hài Cú của Ngô Văn Tao. Đây là một trang dịch với thủ bút của ông.

mơ ước mơ rất thông thường của một người dân đã quá lâu bị vùi dập vì chiến tranh. Đồng ruộng được bình yên cày bừa, trẻ nhỏ an lành đi học, nhà thương, chợ búa, nhà trường thay thế trại giam..., các nhà lý thuyết xã hội chắc sẽ mỉm cười khi đọc các "đề nghị" sơ đẳng như thế. Nhưng mà thương lắm, anh chỉ nói lên một mong mỏi với tấm lòng nghệ sĩ của anh thôi, chứ anh có phải là "nhà" gì đâu! Các đề nghị của anh về thực chất chỉ là để hát mà thôi!

Hát, và gây lòng hứng khởi cho mọi người, nhất là thanh niên, có thể đang trở nên chai đá vì chiến tranh.

Đó là một con người của Tình Yêu. Có thể định nghĩa tâm hồn anh bằng hai chữ viết hoa đó. Dĩ nhiên anh có tài năng rất cao để diễn đạt tình yêu bằng ngôn ngữ thi ca (lời hát của anh đúng là thơ, một hình thái diễn đạt cao nhất của ngôn ngữ loài người) và âm nhạc, nhưng nếu không có một tâm hồn thuần khiết cho yêu thương thì tài hoa lấy gì mà chuyên chở? Nhạc tình hay nhạc "phản chiến," xét cho cùng đều bắt nguồn từ một chỗ, là tấm lòng yêu thương.

Cái mạng Sơn cũng lạ, trong chiến tranh, lãnh đạo cả hai phía đều không đồng tình với anh, thậm chí bên phía Mặt trận giải phóng miền Nam có người còn đòi "khử" anh, vì họ là phía gây chiến mà anh thì làm nhạc chống lại cuộc chiến, thế mà rồi anh cũng qua được (chỉ tội Ngô Vương Toại lãnh một phát đạn vào bụng, một phát đạn ngoài chương trình) *. Nhưng từ phát đạn ấy, lần đầu tiên bạn bè thấy một Trịnh Công Sơn phẫn nộ, ngay trong đêm hôm xảy ra biến cố, anh đã viết bài *Nhân danh ai mà anh đến đây giết người* để sáng hôm sau hát cho một số anh em thân thiết nghe. Chỉ nghe nhan đề bài hát người ta đã hiểu nội dung nói gì. Chủ trương "bạo lực cách mạng" được áp dụng một cách triệt để và nhất quán, đã đối mặt rất sát với một kẻ gầy ốm cũng rất nhất quán, trong lập trường chống bạo lực. Nhưng bài hát ấy không bao giờ được phổ biến, lý do: sinh mạng tác giả bị trực tiếp đe dọa nếu nó được công bố rộng rãi.

Ở miền Nam lúc ấy, guồng máy tuyên truyền nhìn anh như cái gai, nhưng các cá nhân trong guồng máy ấy, giống như đám đông say mê anh, có lẽ cũng thấy anh là người nói đúng được mơ ước hòa bình thầm kín trong lòng mọi người. Anh được một số người trong chính quyền ngầm che chở, nhạc anh được Khánh Ly hát khắp các buổi sinh hoạt thanh niên sinh viên và được ghi âm phổ biến rộng rãi, và phía bên kia lại lợi dụng nhạc ấy để đổ thêm dầu vào ngọn lửa phản chiến ở tây phương. Anh nổi tiếng quốc tế. Sau 1975, bị chính quyền mới đẩy đi "thực tế," trồng trọt trên một bãi mìn cũ ở Khe Sanh (không biết có phải là một cách "khử" khéo léo không), một con trâu đã đạp hộ cho anh một trái mìn... và anh đã sống mà trở về.

Dù sao trong cuộc đời của mình, Sơn đã nói hết được những gì cần nói về chiến tranh, với thuần túy lòng yêu thương nòi giống và đất nước. Hình như đó là sứ mệnh của đời anh, lên tiếng báo động bằng ngôn ngữ nghệ thuật khi sinh mệnh dân tộc lâm vào chỗ nguy khốn nhất. Ngoài ra anh không đóng vai trò nhà chính trị, nhà phê bình xã hội hay nhà gì khác nữa.

Sau cùng, anh quay về với chính mình, và đối diện với cái mà nhạc sĩ Phạm Duy nói người nghệ sĩ nào rồi cũng gặp phải, là nỗi cô đơn. Từ khi còn rất trẻ, Văn Cao đã đặt mình trong vai trò của anh Trương Chi mà hát

Ngồi đây ta gõ mạn thuyền
Ta ca
Trái đất còn riêng ta.

Và người tình già Phạm Duy đến một lúc cũng tự hóa thân thành một kẻ tuyệt đối cô độc đứng trên đầu non để cảm nhận hết cái bát ngát của cuộc nhân sinh trước cái vô cùng. Sơn cũng thế thôi, một khi đã phải *ta ru ta ngậm ngùi* thì thế giới bốn bên đã vắng lặng hết rồi

Đời sao im vắng
Như đồng lúa gặt xong
Như rừng núi bỏ hoang
Người về soi bóng mình
Giữa tường trắng lặng câm.

Có lẽ hoàn toàn đồng cảm với nỗi cô đơn nghiệt ngã có tính cách định mệnh ấy, Phạm Duy đã nức nở khóc khi phát biểu trong đêm tưởng niệm Trịnh Công Sơn tại Westminster, Nam California, hôm 3 tháng Tư, 2001. *Tuổi già giọt lệ như sương* và nỗi cô đơn không cùng của nòi nghệ sĩ, sau khi đã đóng góp những gì mình phải đóng góp, cho đời.●

** Vào một đêm tháng 12 năm 1966, Trịnh Công Sơn và Khánh Ly hát tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn, một số người đã cướp diễn đàn để tuyên truyền cho Mặt trận giải phóng miền nam. Ngô Vương Toại ngăn chặn, và bị bắn vào bụng.*

MỘT PHIÊN TÒA

VÕ DOÃN NHẪN

(Gửi Nguyễn Hữu Trí,
tác giả truyện Cái Chết Của Lão Bà)

Năm 19...

Buổi sáng mùa đông trên một miền đất lạ. Mặt trời tỏa một thứ ánh sáng như trăng, huyền hoặc mơ hồ như ánh trăng trong tranh Người Dụ Rắn của Rousseau. Một chút hửng nắng xuyên qua không gian màu xanh lục chỉ làm tăng thêm phần lạnh lẽo, khiến quang cảnh người và vật mang màu sắc dáng vẻ những phim kinh dị. Công trình thiên nhiên khó phân biệt với những kiến trúc nhân tạo. Cây cối giống nhà cửa lâu đài và vườn tược mang dáng dấp của rừng rú. Bộ hành đi như lướt trên mặt đất, dáng điệu và cử động là dáng điệu và cử động của những thằng người gỗ. Không ai chào hỏi chuyện trò, họ vội vàng hấp tấp trên những con phố dài hun hút ngập xác lá vàng lá khô của mùa thu trước. Chốc chốc một cỗ xe song mã chạy ngang qua, cửa xe mui xe trùm kín mít. Xa phu là một bóng đen ngồi thu lu phía trước, thỉnh thoảng hươ roi nẹt vào hông hai con ngựa phì phà thở khói. Người ta chỉ thấy quang cảnh, màu sắc, tuyệt nhiên không một âm thanh, không một tiếng động, kể cả lúc vó ngựa nện xuống mặt đường. Và dường như bánh xe không lăn trên mặt đường và vó ngựa không chạm đất. Đầu phố đàng kia, hai viên cảnh sát đội mũ đầu rìu, chống đinh ba ngước mắt nhìn lên: chỉ thấy không gian, không thấy bầu trời. Một luồng gió lạnh buốt từ trên thổi ập xuống, giật tốc một mớ lá còn tươi lẫn một ít lá vàng còn sót lại trên các tàng cây bay lả tả, nhập bọn cùng đám lá khô nằm trên mặt đường, bốc tung lên. Có chiếc bị cơn gió lạ cuốn lên cao, bay về một chốn nào mất hút, trong khi tất cả bộ hành cũng như hai nhân viên công lực vội

vàng đưa một tay lên giữ chặt lấy nón mũ, một tay túm chặt lấy chiếc áo ngự hàn, xuýt xoa vì cái giá lạnh từ đâu theo về cùng cơn gió. Tất cả diễn ra trong cái im lặng sững sờ của một đoạn phim câm.

Một chiếc xe bít bùng giống kiểu Land Rover, đèn pha sáng rực, từ phía ngoại ô chạy vô thành phố, dọc theo con lộ chính. Xe đậu lại trước một tòa nhà theo kiểu đền đài Hy Lạp cổ. Ở cổng chính dẫn lên bậc thềm rộng thênh thang treo lủng lẳng hình một cái cân to tướng đập vào mắt người qua lại. Xe tắt đèn, tắt máy, cửa sau tự động mở, hai người có vẻ là nhân viên công lực (ngưu đầu mã diện) cũng vũ trang bằng đinh ba kiểu cầm tay nhảy xuống trước, đỡ một lão bà trạc bảy mươi, hai tay bị còng bằng còng số tám, lập cập bước ra khỏi xe. Lập tức hai đầu trâu mặt ngựa túm lấy mỗi người một tay, kèm sát hai bên, điệu vô tòa nhà cũng có hai nhân viên thẳng người đứng gác.

Không khí và quạng cảnh bên trong khác hẳn bên ngoài. Ánh sáng là ánh sáng trắng tỏa ra từ những ngọn đuốc nhỏ gắn dọc theo tường. Cũng nhờ hơi nóng từ những ngọn đuốc này, không khí trở nên ấm áp dễ chịu. Mọi người đều mang một dụng cụ để nghe, giống cái headphone rất thông dụng ở các nước lạc hậu hoặc đang phát triển ở mức độ thấp. Những nhóm người ngồi đây đó trên các dãy ghế, bút giấy trên tay, vài người đi lại tới lui với máy quay phim, máy ảnh. Giữa phòng, hai vành móng ngựa nước sơn đen bóng đặt đối diện một cái bàn rộng, cũng màu đen, hình chữ U. Sau bàn, một ông, có lẽ là phán quan mũ cánh chuồn, nét mặt, màu da và phong cách y hệt của Bao Chuẩn trong các phim Tàu đương đại. Trong một vành móng ngựa đang đứng một thiếu phụ còn rất trẻ, chỉ ngoài hai mươi, da rám đỏ, tóc vàng, mắt hơi xếch, giống như người Indian thiểu số ở Bắc Mỹ Châu, nhưng nhan sắc mặn mà duyên dáng.

Phiên tòa đã bắt đầu trước đó ít lâu.

Ba người mới vào cũng được cấp headphone.

Tiếng ồn ào nổi lên trong phòng xử án khi phán quan mặt sắt cất tiếng:

"Truyền dẫn bị cáo Till Eugen vào vành móng ngựa."

Tiếng ồn ào vẫn tiếp tục, ánh đèn các máy ảnh chớp lóe lia lịa khi lão bà cùng hai nhân viên công lực đi vào. Phán quan gõ búa:

"Bị cáo hãy xưng tên họ và đưa tay thề nói sự thật và chỉ sự thật."

Lúc này lão bà đã đứng trong vành móng ngựa, đối diện với thiếu phụ đứng trong vành móng ngựa bên kia.

"Quả nhơn là Till Eugen, xin thề luôn luôn nói sự thật và chỉ sự thật."

Mặt sắt ngắt lời:

"Bị cáo không được lạm dụng danh từ, đại danh từ. Trong vành móng ngựa, không có ai là vua, quan, ai là vương, tướng mà chỉ có nguyên cáo, bị cáo và nhân chứng. Tòa hỏi: bị cáo có luật sư biện hộ không mà giờ này không thấy trình diện trước Tòa?"

Till Eugen:

"Tôi có nhờ nhiều luật sư danh tiếng biện hộ, kể cả mấy luật sư trước đây rất có cảm tình với triều đình nhà Till tôi nói chung, với cá nhân tôi nói riêng như luật sư Jean-Paul Fouquié, nữ luật sư Jane Fadon, nhưng đến giờ chót tất cả đều rút lui, thoái thác, vì lý do này lý do nọ."

"Thế bị can có đồng ý để Tòa chỉ định luật sư biện hộ cho bị can không?"

"Cám ơn quý Tòa, thôi khỏi. Tôi quá biết tài biện hộ và lập trường của những luật sư do Tòa chỉ định cãi cho bị can từ hồi tôi còn ngồi ở ngai. Mấy ông luật sư đó chỉ biết khuyên bị cáo nhận tội và chỉ biết mở miệng xin Tòa khoan hồng. Huyện bênh huyện, phủ bênh phủ, lạ gì. Để tôi tự biện hộ còn hơn..."

Phán quan hướng qua vành móng ngựa bên kia:

"Nguyên cáo Kim Lolita có luật sư biện hộ không?"

"Thưa quý Tòa tôi không cần luật sư, tôi tin vào sự sáng suốt và công minh của tòa án. Hơn nữa, tội của y sờ sờ ra đó, chỉ có kẻ mù mới không thấy thôi. Xin quý Tòa để tôi tự biện hộ."

"Theo nguyên đơn, Till Eugen bị khiếu tố tội cưỡng dâm và tội chủ mưu cố sát Kim Lolita. Bị cáo có nhận tội không? Nhưng trước hết, bản Tòa hỏi: bị cáo là đàn ông hay đàn bà mà bị tố cáo đã cưỡng dâm? Bị cáo phải thành khẩn khai báo, nếu không, Tòa sẽ cho khám xét để tìm... sự thực."

Bị cáo Till Eugen:

"Thưa quý Tòa, sự thực tôi là đàn ông 100%, xin tòa đừng khám. Sở dĩ tôi phải khoác bề ngoài hình dạng một nữ nhân chỉ cốt dễ bề hành động, dễ thích nghi với hoàn cảnh. Dơi là dơi hay là chuột tùy tình huống. Kỳ nhông thay đổi màu da để sống còn. Chưa hết: kỳ

nhông là ông kỳ đà. Kỳ đà là cha cắc ké. Cắc ké là mẹ kỳ nhông. Đó là tam đoạn luận. Theo luận lý hình thức, giả dụ tôi là kỳ nhông thì tôi là tổ phụ ba đời của cắc ké, nhưng cắc ké lại là mẹ tôi. Một kết luận không thể chấp nhận. Khi nghe lũ trẻ con vừa vỗ tay bùm bụp vừa lải nhải mấy câu trên, tôi thấy rất chướng tai và chướng tai vì thực tế nhiều khi rất giống mấy câu ấy. Tôi... cải trang chỉ cốt che mắt thế gian. Trước, tôi nghĩ phải là đàn ông mới có thể cưỡng dâm hiếp dâm. Đàn bà không thể hiếp dâm. Họ chỉ là nạn nhân. Nhưng thú thật tôi nhầm và có lẽ ba Tòa quan lớn cũng nhầm: đàn bà vẫn có thể hiếp dâm, cưỡng dâm đàn ông như thường. Càng ngày phụ nữ càng vùng lên đòi bình đẳng với đàn ông nên cái gì đàn ông làm được, phụ nữ cũng phải làm được. Mới đây báo chí có đưa tin một thanh niên đưa đơn kiện một bà sồn sồn đã cưỡng hiếp anh ta khiến anh ta phát khóc. Anh đã thắng kiện và được kẻ đã hiếp dâm anh bồi thường món tiền lên đến trăm ngàn đô la Mỹ (Đã khóc còn đi kiện!). Vả, tôi nghĩ cải trang không phải là một tội. Thời xa xưa có những người đàn bà cải trang đàn ông để có thể xuất gia, để có thể ứng thí; ở thế kỷ 15, có người mặc ngự bào, cưỡi voi giả vua xông vào quân địch cốt thí mạng liều mình cứu chúa thoát khỏi vòng vây. Những người cải trang đó, chẳng những không có tội mà còn trở thành danh nhân, liệt sĩ, để tiếng thơm cho hậu thế. Tôi cũng được vinh danh là danh nhân của thế giới nếu không bị một đám vô học phá bĩnh, trâu cột ghét trâu ăn."

Phán quan gõ búa ngắt lời:

"Bị cáo không được dài dòng linh tinh. Tòa hỏi gì, trả lời nấy. Thế Till Eugen phải chăng là tên thật của bị can?"

"Thưa, Eugen quả là tên thật của tôi nhưng chỉ hiện giờ, ở đây thôi, bởi không có gì (đảm bảo) trong tương lai tôi sẽ không thay đổi tên họ, bởi trước khi là Till Eugen, tôi từng là Von Spiegel; và trước khi là Von Spiegel, tôi đã là Rob Schwarz, và nhiều nhiều tên khác nữa, kể khôn xiết. Mà nói cho cùng, tên gọi đâu có gì quan trọng, bởi cái tên không thay đổi bản chất của sự vật, con người. Gọi lá thúi địt là lá mơ có thay đổi gì được yếu tính thúi của lá? Đánh rắm, lỡ trôn, trung tiện, đều chỉ một việc tống xuất hơi trong người qua... cửa sau. Thành thử ra, Eugen hay Spiegel, tôi cũng vẫn là tôi. Tôi cũng xin được giải thích tại sao tôi chọn Till Eugenspiegel làm tên tôi. Trong một chuyện cổ tích, Till Eugenspiegel là một tên ma mãnh thích lừa thiên hạ. Trên bước đường lãng du qua chốn này nước nọ, Till

ĐỨC PHỔ

THƠ TÌNH VIẾT TRONG ĐÊM THÁNG TƯ

đêm nay buồn quá, như là
chờ em trọn kiếp này
và kiếp sau

chờ em
nuốt ngọt cơn đau
mà trơ đáy cốc sắc màu tịnh không
chờ em, buồn
nói không cùng
tôi vô tích sự
mãn sòng. Trắng tay

mưa bay sớm, chiều
mưa bay
ướt đêm huyền thoại
khô ngày tịnh trai

chờ em
buồn đậu ngang mày
trắng đêm gối nhớ
đen ngày tương tư
chờ em
trí lực bơ phờ
trái tim lạnh ngắt bao giờ, chẳng hay.

02-04, hai ngàn lẻ một

thường để lại hình vẽ một con chim cú (Eulen) và một tấm gương (Spiegel) như dấu tích của hắn. Truyện kể một hôm hắn vào một bệnh viện, nói với viên bác sĩ giám đốc hắn có thể làm cho tất cả bệnh nhân khỏe mạnh bình thường trở lại, với điều kiện hắn được thưởng một món tiền xứng đáng. Đương nhiên viên bác sĩ giám đốc bằng lòng để hắn trổ tài. Till đến từng giường bệnh nhân hỏi han, an ủi bệnh nhân và không quên rỉ tai bệnh nhân một câu gì đó. Thế là trăm người như một, ai nấy đều tươi cười vui vẻ, nhiều người rời khỏi giường bệnh đi tới đi lui, thậm chí có người nghêu ngao ca hát như không biết bệnh là gì. Till mời viên giám đốc vào chứng kiến.

"Khi Till lãnh túi bạc như phần thưởng đã được hứa, lên ngựa đi xa rồi, không khí thường ngày của bệnh viện trở lại như trước: vẫn bệnh nhân kêu la rên rỉ, vẫn u sầu ảm đạm, vẫn những trăn trở vật vã, những im lìm bất động.

"Hỏi ra, viên giám đốc bệnh viện biết được câu rỉ tai từng bệnh nhân của Till Eugenspiegel là: "Tôi sẽ đem thiêu sống người nào bệnh nặng nhất, lấy tro chế thuốc cho các bệnh nhân còn lại.

"Tên thật của Till Eugenspiegel là gì tuyệt nhiên không ai biết. Riêng tôi, sau khi mượn tên Till, tôi thấy tôi học hỏi được nhiều qua cách sống và ứng xử của Till, trừ một. Đó là tâm trạng của Till mỗi khi hắn lên đèo và xuống dốc trên bước đường lang thang vô định. Khi lên đèo, hắn vui; lúc xuống dốc, hắn buồn. Vui vì hắn nghĩ hắn sắp được hưởng sự dễ dàng thoải mái khi xuống dốc. Buồn bởi hắn thấy hắn sắp phải chịu nhọc nhằn vất vả lúc lên đèo. Tâm trạng bệnh hoạn! Cơm ăn chưa no đã lo chuyện chưa tới, đời còn gì vui thú nữa? Như tâm trạng một nữ nhân vật huyền thoại: Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi. Chán! Tâm bệnh khổ dục: thích 'đem thân cho thiên hạ mua cười.' 'Lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi'."

Mặt sắt lại gõ búa:

"Bị cáo không được cà kê dê ngỗng! Hãy trả lời thẳng câu hỏi: bị cáo có nhận tội cưỡng dâm Kim Lolita không?"

"Nói tôi cưỡng dâm Kim Lolita thì không được đúng. Cô ấy đồng ý đến ngay chỗ tôi ở để dâng hiến, để phụng sự tôi. Nếu nói tôi cưỡng dâm Kim Lolita thì hóa ra hàng muôn hàng ức triệu cung phi các triều đại vua chúa xưa nay đều bị cưỡng dâm tất."

Mặt sắt hướng về phía nguyên cáo:

"Có phải nguyên cáo đồng ý, tự nguyện phụng sự bị cáo?"

"Làm sao tôi tự nguyện đến cung điện của y, được canh phòng cẩn mật? Dân chúng nước tôi còn lạ gì hai tiếng tự nguyện của y, của triều đại y, giòng họ y. Tự nguyện hiến đất, tự nguyện hiến nhà cửa, ruộng vườn, tự nguyện lao động. Dưới triều đại y, không có gì ép buộc, không có luật pháp, không cần luật lệ; mọi đóng góp của dân, kể cả đóng góp cái... sự đời, cũng tự nguyện nốt. Chính bọn thái giám của y tìm đến chỗ tôi ở lân la trò chuyện với tôi, ban đầu dùng lời lẽ đường mật dụ dỗ, thậm chí còn đưa cả... tổ quốc thiêng liêng ra thuyết phục tôi: phụng sự Bố Già chính là phụng sự Tổ quốc. 'Đây là một nghĩa vụ thiêng liêng cao cả, hơn nữa một vinh dự, một đặc ân,' tên tổng thái giám nói với tôi như thế. Nhưng củ cà rốt thường đi đôi với cây gậy. Hắn úp mở bảo tôi rằng người không chịu phụng sự Bố Già là không yêu tổ quốc, và không yêu tổ quốc đồng nghĩa phản quốc. Thời buổi đó, mắc tội phản quốc coi như mất mạng. Tôi còn đang xuân, tuy chẳng yêu đời gì, nhưng cũng không dại gì chịu chết."

Phán quan hất hàm về phía bị cáo:

"Bị cáo cho người uy hiếp dọa nạt Kim Lolita?"

"Tôi đâu cần phải làm chuyện đó. Khối phụ nữ đẹp, duyên dáng, xếch xi mơ ước phụng sự tôi hết mình. Đối với họ, được một đêm quân tử nằm kề là coi như ước mơ đã thành hiện thực. Tôi cưỡng dâm Kim Lolita? Tôi biết thưa thế nào trước Tòa? Tôi không thể cưỡng dâm Lolita cũng như không thể cưỡng dâm bất cứ ai. Phải chăng đây là một bù trừ: ngoài đời, tôi tha hồ sử dụng bạo lực với bất cứ ai tôi xét thấy có ý đồ chống đối, gây trở ngại cho... ý đồ của tôi, nhưng ở chốn buồng the, tôi hoàn toàn bất lực trước thái độ bất hợp tác của người nữ. Chỉ một thái độ hờ hững, một câu nói lạnh lùng của người nữ cũng đủ làm tôi xuội lơ, cúp bình thiếc. Trong phòng the, tôi không thể dùng bạo lực. Tôi không thể cưỡng dâm Lolita. Nói tôi đã làm tình với Lolita, được, tôi chấp nhận, tôi chịu, bởi tôi thấy cô ta đáp ứng những đòi hỏi của tôi rất mực sốt sắng, quá đỗi tận tình, thậm chí tôi có cảm tưởng tôi không đủ sức thỏa mãn cô ấy. Tôi rất buồn khi thấy lắm phụ nữ cứ để mặc cho người đàn ông ve vãn tán tỉnh rồi hô hoán bị sách nhiễu tình dục, hoặc giả vờ ngủ say để

người đàn ông tha hồ làm gì thì làm, xong xuôi đâu đó la toáng lên mình bị cưỡng dâm! Những người phụ nữ ấy đã tự dối và dối người khác. Xin phép tòa cho tôi được kể lại một chuyện có thực đầy tính chất bi hài, được không ạ?"

"Tòa cho phép."

Bị cáo vỗ vỗ trán trước khi thuật lại:

"Chuyện xảy ra cách nay gần nửa thế kỷ, lúc thực dân mũi tẹt mắt nâu vượt biên giới sang cắm dùi trên đất nước tôi, lúc người đang hầu tòa đây còn là một thằng bé chưa biết hỉ mũi; chuyện xảy ra vào một buổi trưa hè trong một thôn xóm đìu hiu, khi một toán lính thực dân dị chủng đi tuần tiễu, lục soát từng nhà. Đàn ông thanh niên thiếu nữ không ai dám chường mặt, chỉ còn đàn bà, trẻ con và người già. Lúc một tên lính thực dân vào nhà bên cạnh nhà tôi, trong nhà chỉ còn chị vợ, anh chồng đã nhanh chân leo trốn nằm sát mái nhà. Điều không may là tên lính thực dân thấy chị vợ còn rất 'bắt mắt' nên xáp tới... làm chuyện tồi bại, làm hỗn.

"Khi sự việc hoàn tất đâu đó và tên lính nước ngoài hối hả chạy theo đồng đội đã đi xa rồi, người chồng từ trên mái nhà leo xuống, không nói không rằng, túm lấy vợ đấm đá túi bụi. Nạn nhân vừa chống đỡ vừa kêu khóc:

"Tại sao anh lại đánh tôi? Tôi bị giặc cưỡng hiếp, anh đã không đủ sức bảo vệ tôi, đã không thương xót tôi mà còn giở thói vũ phu ra với tôi là sao?

"Người chồng tiếp tục thượng cẳng chân hạ cẳng tay, rít qua kẽ răng:

"Mày nói mày bị cưỡng hiếp hả? Tội nghiệp quá hén! Tao nằm trên mái, dỡ ngói nhìn xuống, thấy mày ôm thằng giặc khốn nạn chặt cứng mà bị cưỡng hiếp cái nỗi gì? Mày cưỡng hiếp nó thì có!

Xin hết."

Mặt sắt hắng giọng:

"Bị cáo thuật lại chuyện đó nhằm mục đích gì?"

"Thưa chỉ để nói rằng trong nhiều trường hợp người ngoại cuộc rất khó xác định hành động cưỡng dâm. Người đàn bà khiếu tố tôi tội cưỡng dâm cũng cùng một cách hành xử như người đàn bà trong câu chuyện."

Nguyên cáo:

"Y nói láo! Y đã hiếp tôi nhiều lần làm tôi chửa. Khi biết đã mang bầu với y, tôi đặt vấn đề hợp thức hóa quan hệ giữa tôi với y, y tìm cách đánh bài tẩu mã, quất ngựa truy phong, ăn cháo đá bát, đánh trống bỏ dùi. Y nói vấn đề tôi nêu ra là rất hợp tình, nhưng y không thể tự quyết định mà phải do triều đình và giáo hội, như ngày xưa cha mẹ đặt đâu, con phải ngồi đó. Y bảo một vị giáo chủ kiêm quốc trưởng như y, vì đại sự mà ngày quên ăn, đêm quên ngủ, không nên có một mái ấm gia đình. Mái ấm gia đình! Y nói y chỉ dám... mơ ước thôi. Thần, thánh, có thể có gia đình. Y phải hơn thần thánh. Đúng là miệng lưỡi của một tên đểu. Biết bao nhiêu người thành công nhờ vợ. Lẽ nào y không biết đàng sau những người đàn ông nổi tiếng đều có những người đàn bà... nổi danh? Đàng sau tổng thống Lincoln, văn hào Tolstoi, triết gia Socrate, Từ Hải, đều có những người phụ nữ danh bất hư truyền. Xét về đạo đức, nhân cách, y chẳng hơn gì tên Hồ Tôn Hiến trong Truyện Kiều bên Đông Á. Sau đêm cưỡng ép Kiều, họ Hồ đem Kiều gã cho viên thổ quan cốt để phi tang. Sau thời gian ba tháng hành hạ tôi, Till Eugen bỏ mặc tôi cho viên tổng thái giám tha hồ làm nhục, và cũng để phi tang, y bật đèn xanh cho viên tổng thái giám giết tôi."

Phán quan trố mắt:

"Nguyên cáo còn trẻ mà đã làu thông sử sách lắm nhỉ? Nhưng này,viên tổng thái giám làm nhục nguyên cáo? Tòa vẫn chưa hiểu. Thái giám vẫn có khả năng làm nhục phụ nữ?"

"Thưa quý Tòa, tôi thiết tưởng không có gì lạ. Trên không... ngay không thẳng, dưới phải loạn thôi. Chủ đã cải trang làm đàn bà thì tớ giả dạng làm thái giám. Hắn đực rựa một trăm phần trăm, tôi biết rõ. Chủ hắn làm ra vẻ không biết hắn là thái giám... dỏm, lại càng làm ra vẻ không biết hắn làm nhục tôi. Phe lờ. Cũng là một cách mua chuộc bọn đàn em tay chân bộ hạ. Tôi không biết y nghĩ gì khi y để bọn đàn em làm nhục tôi: có lẽ y không thấy nhục, không biết nhục! Làm nhục tôi, bọn đàn em của y đã gián tiếp làm nhục y. Nói cho cùng, y không biết nhục, thấy nhục bởi y coi tôi chỉ là món đồ chơi. Bậc vua, chúa ngày trước không ai hành xử giống y: đố ai dám léng phéng với các cung phi được tuyển vào cung, phủ các ngài, kể chi những trường hợp vụng trộm lén lút..."

Phán quan quay sang bị cáo:

"Vừa rồi nguyên cáo có nói bị cáo là giáo chủ một tôn giáo, chẳng hay tôn giáo nào vậy? Thì ra bị cáo cũng có tín ngưỡng!"

"Tôi vốn vô thần nhưng vẫn có tôn giáo, tín

ngưỡng. Tôi dùng tôn giáo của tôi để trị nước. 'Thông điệp' của tôn giáo chúng tôi là nghi ngờ mọi tôn giáo. Tôi không tin đấng Sáng tạo, đấng thiêng liêng, cùng những hệ luận tất nhiên là những thiên đường, cõi phúc, cõi cực lạc có sẵn ở trên trời, hoặc hỏa ngục âm phủ ở dưới đất gì ráo trọi. Chỉ một thiên đường do con người xây dựng từng bước ở cõi ta bà này, à không, ở cõi người ta, nói theo tác giả Terre des Hommes."

Mặt sắt ngắt lời bị cáo:

"Bây giờ bị tống xuất qua đây, bị cáo còn giữ thái độ vô thần ấy không?"

"Thưa, đã tới đây, đã qua đây rồi, làm sao tôi còn có thể vô thần được. Nếu không có linh hồn, tôi đã không đứng hầu tòa, sau vành móng ngựa đây. Tôi đành phải tin có linh hồn thôi và tôn giáo của tôi có nguy cơ dẹp tiệm. Thực ra tôn giáo ấy không phải do tôi... bào chế, hay sáng chế ra, tôi chỉ là một trong các thừa sai của vị sáng lập tôn giáo ấy. Tôi chỉ ăn theo vị sáng lập và bọn đàn em hiện đang ăn theo tôi, ăn theo một bóng ma. Người ta thường nói cú kêu ma ăn. Tôi thấy cú kêu người sống ăn không ít. Ma chỉ hít mùi thức ăn, đâu ăn uống gì được; thức ăn vẫn còn nguyên dành cho người sống, cô hồn sống.

"Tôi thấy tôi chỉ là một con ma, ma thứ dữ, một thứ yêu tinh, tài ăn đứt mấy con yêu trong Liêu Trai chí dị. Thế nhưng bọn thuộc hạ cứ khăng khăng tôn tôi lên làm Herr Fuhrer, thậm chí có đứa nằng nặc suy tôn tôi lên bậc thánh cho kỳ được. Cũng xin thưa thực với Tòa, tuy ngoài miệng luôn luôn đề cao đức khiêm tốn, tôi vẫn thấy lâng lâng thích thú say sưa khi được bọn đàn em bốc thơm. Như được nhâm nhi một ly sâm banh chính hiệu của thực dân cướp nước. Như được phì phà nửa điếu xì gà của quốc trưởng Phil-Monica. Bọn chúng nó rành tâm lý quần chúng nói chung và của tôi nói riêng quá trời! Thưa quý Tòa, thời buổi này sáng chế ra một tôn giáo để thu phục nhân tâm, để trị nước, để được vinh danh là giáo chủ, nói tóm để vinh thân - riêng cá nhân tôi thì không phì gia - xét ra, tôi thấy không khó mấy, bởi thời này là thời mạt pháp và mạt pháp vì quỷ lộng. Thời mạt pháp tôn giáo mọc lên như nấm sau những cơn mưa. Và nấm độc nấm lành thực khó phân biệt."

"Tòa thấy dường như bị cáo chẳng những không tự biện hộ mà còn thú nhận thêm tội trạng của bị cáo?"

"Thưa, nhân chi sơ tính bản thiện. Thưa, Phật tại tâm. Vô minh cũng vẫn là vô thường. U mê cũng chỉ là giai đoạn. Thế giới bên này giúp tôi sáng mắt sáng lòng, thấy được vô minh, thấy được u mê tội lỗi của mình ở bên kia, ngày trước. Tội của tôi, tày đình, kể sao cho xiết, trời không dung đất không tha, người người đều căm giận, không nói ra, mọi người ai cũng rõ. So với tội mấy... giáo chủ khác, mấy Fuhrer khác, tội của tôi cũng ngang ngửa, cũng bốn chín năm mươi, cũng tám lạng nửa cân. Riêng cái gọi là tội cưỡng dâm Kim Lolita tuy là chuyện tép riu, ba thứ lẻ tẻ so với bao nhiêu tội khác, Tòa cho tôi cãi đến cùng. Tôi vô tội trong trường hợp này. Tôi không cưỡng, không hiếp ai. Xin Đèn Trời soi xét, xin đừng xử... hiếp tôi."

"Còn tội chủ mưu, đồng lõa giết bị cáo Kim Lolita cốt phi tang, chạy tội, bị cáo có nhận không?"

CỔ NGƯ

KHI TIẾNG HÁT NGỪNG NƠI DẤU LẶNG

Khi tiếng hát đi vào lòng đất
Mùa đông dài ẩn náu sau lưng
Bỗng cất giọng hú dài thống thiết
Quấn vòng tang cả dải núi rừng.

Khi ánh sáng đi vào bóng tối
Người con gái xõa tóc gối lưng
Người con trai ôm đàn ngồi khóc
Đêm phủ đen từng vạt cây rừng.

Khi tiếng nói đi vào cõi trống
Từng nụ cười ngần ngại quay lưng
Chỉ nỗi nhớ giật con mắt trái
Nhắc muà thu phủ lá cuối rừng.

Khi tiếng hát ngừng nơi dấu lặng
Ánh đèn màu chuyển trắng rưng rưng...

Choisy-le-Roi 25.03.01

"Thưa quý Tòa, tôi chưa hề, không bao giờ ra lệnh cho viên tổng thái giám Lee Piang Yang giết Kim Lolita, dù lệnh là một văn thư tối mật, dù lệnh chỉ là lệnh miệng, một thứ lệnh nhiều người thích xài vì dễ phủi tay. Kim Lolita chỉ võ đoán, vô bằng chứng. Dù Lee Piang Yang có mặt ở đây, y khai không khác tôi khai đâu. Sự thực chỉ một thôi, không có hai, ba."

Quan tòa quay sang viên chánh lục sự ngồi bên:

"Lee Piang Yang hiện giờ ở đâu?"

Người được hỏi chọn một cuốn sổ bìa đen, giở ra, lướt đầu bút bi trên một số trang mang chữ L, đoạn, thưa:

"Thưa, y chưa tới số nên y chưa có mặt ở xứ này. Nghe đâu y sắp được Ngài Nam Tào giũ sổ: tên thái giám ấy bị ung thư dịch hoàn."

Bị cáo Till Eugen đưa tay xin nói:

"Tôi nghĩ sự có mặt của Lee không cần thiết. Tôi xin nhận tội đã chủ mưu giết Lolita bằng một mật lệnh."

Tất cả cử tọa "Ồ" lên. Quan Tòa sửa lại mục kính:

"Bằng một văn thư tuyệt mật?"

"Thưa không."

"Bằng một khẩu lệnh giữa bị cáo và Lee?"

"Thưa không. Bằng sự im lặng. Nói cho đúng, bằng một cái nhìn. Người ta thường nói: bóng tối đồng lõa, sự im lặng đồng lõa, cái nhìn đồng lõa. Tôi không đồng lõa với Lee, bởi tôi là Vua, Lee là bề tôi. Vua, tôi không thể đồng lõa, chỉ có sự đồng lõa giữa những kẻ ngang hàng, đồng trang lứa. Lúc Lee đưa đề nghị... thanh quyết toán Kim Lolita cho được việc, tôi ngước mắt nhìn hắn. Cái nhìn của tôi, chỉ một mình Lee nắm bắt được ý nghĩa. Trong quá khứ, mỗi khi cần giết ai, thanh toán đối thủ nào, tôi ra lệnh cho Lee kèm theo cái nhìn như thế. Riết rồi Lee quen, hiểu ý nghĩa của cái nhìn, như chó của Pavlov hiểu "ý nghĩa" của tiếng chuông. Cũng xin thưa, cái nhìn của tôi vào những lúc ấy chẳng vương một chút nào sát khí, trái lại đầy khoan hòa từ ái, chẳng khác gì những cái nhìn bao la trời biển đầy ơn mưa móc lúc tôi đứng trên cao vẫy tay xuống thần dân, lúc tôi ngồi trên ngai nhìn xuống đám triều thần phủ phục dưới sân châu. Đố ai moi ra được bằng chứng tôi đã chủ mưu giết Kim Lolita, dù chỉ một bằng chứng cỏn con, mơ hồ. Giả dụ tên tổng thái giám Lee Piang Yang có mặt tại đây, quý Tòa cũng không khai thác được gì ở hắn, bởi hắn đã hành động như thể theo phản xạ, như thể bị thôi miên. Luật pháp xã hội các ngài không thể nào buộc tội tôi chủ mưu giết Lolita. Chỉ có tòa án lương tâm tôi, một lương tâm từ trước tới giờ mê ngủ, buộc tôi nhận tội, với chính tôi trước, với mọi người sau. Chắc quý vị đã từng xem phim *Témoin à Charge*: ông luật sư biện hộ rất hùng hồn cho nguyên cáo và kết tội bị cáo cũng hùng hồn không kém nhờ những bằng chứng giả tạo do chính bị cáo cung cấp mà vị luật sư chỉ biết là giả tạo sau khi phiên tòa kết thúc, khi cái sự đã rồi. Một luật sư nổi tiếng được bị cáo cho vào xiếc. Dĩ nhiên quan tòa sáng suốt vô tư cũng được cho vào xiếc nốt. Ấy là một tòa án còn tương đối độc lập trong một nước ngành tư pháp không bị hành pháp chi phối. Trong một nước mà chính, giáo không phân biệt, mà vua và giáo chủ là một như ở tệ quốc, mọi quyết định tòa án đều tùy thuộc *orders* của triều đình và giáo hội, sự khách quan vô tư của tòa án xin miễn bàn. Quan tòa, luật sư đều được tuyển từ những viên chức triều đình, những tín đồ trung kiên của giáo hội. Mọi phán quyết của tòa án đều... tiền định."

Phòng xử im phăng phắc. Người ta chỉ nghe tiếng giấy khua động sột soạt, tiếng máy quay phim chạy rè rè, tiếng lép bép xèo xèo ở những ngọn đuốc gắn trên tường. Phán quan trầm ngâm, tháo mục kính ra dụi mắt. Nheo nheo cặp mắt, ngài ngước nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường trước mặt. Đoạn, ngài cất tiếng:

"Mười phút nữa hết giờ làm việc hôm nay. Bị cáo muốn nói lời cuối cùng?"

"Vâng, tôi xin được nói. Trước tiên, tôi cám ơn những người đã có nhã ý đưa tôi ra phiên tòa này, một phiên tòa đặc biệt. Đặc biệt vì tính quốc tế và vì tính dân chủ. Tòa làm việc không bị ràng buộc bởi một quốc gia nào, một đảng phái nào, một chính phủ nào, một tôn giáo nào. Dễ gì bị can là tôi được thoải mái trình bày sự việc, đôi khi dài dòng làm mất thì giờ của quý Tòa. Điều đáng trân trọng hơn cả là thiện chí chịu khó để tâm nghe tôi nói của quý Tòa, một điều dưới triều đại tôi không thể có.

"Cuối cùng, tôi xin nhắn một lời về quê hương: triều đình và giáo hội bên ấy hãy vì tôi mà làm theo những lời tôi dặn dò tâm huyết trước khi tôi... qua đây. Tôi căn dặn những gì, bọn cận thần đều biết. Hãy để người đã ra đi yên nghỉ. Được vậy, tôi cũng ngậm cười mà thụ án."●

QUÊ NGHÈO*

VŨ THỤY HOÀNG

Sài Gòn, Hà Nội cũng như quê làng tôi hầu như mới lạ đối với tôi. Khác lạ vì xây cất, vì thời gian, hay vì biến đổi? Khác lạ vì mình sống ở môi trường khác biệt? Có những khác lạ vì phát triển mới, xây cất thêm, tái thiết, trùng tu, thay tên, đổi bảng hiệu. Nhưng cũng có chốn xưa nơi cũ không biến đổi mấy với thời gian, mà cũng thấy khác lạ, và trong một số trường hợp, ít ra khác hẳn với ấn tượng đã in sâu từ lâu trong đầu. Sống nhiều năm ở một nước giàu mạnh nhất thế giới rồi trở về một nước vào hạng nghèo nhất trên trái đất đã làm nhãn quan mình thay đổi, đã ảnh hưởng đến ấn tượng in sâu trong đầu.

Tôi càng mong ngóng về thăm những nơi đã cư ngụ, nhìn lại căn nhà xưa khi lớn lên, ngôi trường học cũ lúc còn nhỏ, nhìn lại cây si bên bờ ao trước cửa đình ở đầu làng mà tôi thường ra chơi với những bạn trẻ cùng lứa tuổi sau giờ học. Đó là những nơi mình có những ràng buộc quyến luyến, những kỷ niệm gắn bó.

Chuyến về thăm quê hương vì vậy gây nhiều cảm xúc sống động hơn những chuyến du lịch nước ngoài. Đến một thành phố lạ ở ngoại quốc, tôi thích thú thưởng ngoạn những danh lam thắng cảnh, đi xem những địa điểm thời danh. Cảnh có đẹp, nhưng cảnh và lòng mình không có những sợi dây ràng buộc, không có nối kết giữa hiện tại với quá khứ, nên những thưởng ngoạn thích thú chỉ diễn ra trong nhất thời rồi phai nhòa mau lẹ, như đứng ngắm một bức tranh, xem một cuộn phim. Ở nước ngoài chỉ có tò mò, không có háo hức. Còn trở lại quê hương, tôi có những trông ngóng, hăm hở và rung động khi thăm những nơi chốn mà mình đã sống và rồi xa cách trong nhiều năm. Tại những nơi này, mỗi căn nhà, mỗi con đường đều gợi lại những mẩu chuyện, những hình bóng xa xưa của một thời đã qua. Khi xem lại Hồ Gươm thơ mộng, Hồ Tây mênh mông, đường Tràng Tiền nhộn nhịp ở Hà Nội, hoặc chợ Bến Thành tấp nập, bờ sông gió mát của Sài Gòn, mình thường so sánh với thời trước để biết thay đổi ra sao, hơn trước thế nào. Những thay đổi, tiến triển đó tạo ra hứng thú, gây hào hứng cho chuyến trở về.

Trong bữa ăn tối đầu tiên sum họp gia đình, chúng tôi khoảng hai chục người quây quần quanh ba mâm cơm đặt trên nền chiếu trải dưới đất. Một số khác ngồi lẻ tẻ ở ghế kê sẵn tại phòng khách. Vài đứa cháu ngồi phệt xuống sàn nhà. Từ hồi rời miền Bắc, nay tôi mới lại có dịp ngồi xếp chân vòng tròn trên chiếu. Tôi thấy dễ mỏi lưng, nên thỉnh thoảng đổi thế ngồi: hoặc co chân cho đầu gối lên cao, hoặc cho hai chân quay về phía trái một lúc, rồi sau sang phía phải.

"Hoàng làm tí rượu hay bia nhé," người chú họ hỏi tôi.

"Không, cám ơn chú, cháu không uống rượu," tôi cười đáp.

"Thì làm cái bảy úp đi," chú mời thêm.

"Thôi, cháu chưa uống gì bây giờ," tôi lắc đầu, phân vân không biết "bảy úp" là gì. Cùng lúc ấy, đứa cháu đưa cao mấy lon nước, bảo: "Của Mỹ mà."

Tôi nhìn theo, thấy con số 7 to tướng và đỏ chót. Lòng tôi vui rộn rã, mỉm cười khi biết người Việt có lối phiên âm thật linh động: "7-Up" đọc là Bảy Úp, ở Mỹ gọi là Seven Up.

Bữa ăn hôm ấy vợ chồng chúng tôi thấy ngon miệng lạ thường.

"Su hào ở đây thật ngọt, bên Mỹ không có được mềm và ngọt như vậy," Trang khen món su hào xào với thịt lợn, có nấm hương, mộc nhĩ và hành.

"Thịt gà luộc có lá chanh ăn cũng khác. Thịt gà tươi, săn chắc, không như gà bên Mỹ. Gà bên này nuôi ở vườn, còn ở Mỹ thịt gà để đông lạnh nhiều ngày trước khi mang ra bán," tôi bảo thím Long.

Đó là những thứ chúng tôi thích đặc biệt trong bảy món. Món đu đủ tráng miệng làm tôi mê. Quả đu đủ to, vỏ vàng bên ngoài, bên trong đỏ thẫm, ăn ngọt lịm. "Bên Mỹ không thể tìm được thứ đu đủ này. Những quả đu đủ

to thế này có bán ở vài chợ, nhưng không ngọt," tôi nói với thân nhân.

Qua những bữa ăn và những buổi chuyện trò, gặp gỡ, tôi biết thêm về gia tộc, ông bà, cha mẹ cùng họ hàng, làng xã và những hoạt động của cô chú, anh chị em trong thời chiến tranh. Long đưa cho tôi mấy tấm ảnh còn giữ được của bố tôi, trong đó có ảnh ông bế tôi lúc chừng sáu bảy tháng. Đó là tấm ảnh tôi trẻ nhất giữ được tới nay. Anh Chư, anh Ngô cho tôi bản gia phả về bên nội, bên ngoại, nhờ đó tôi biết được những chi tộc gia đình.

Cô tôi kể cho nghe bố tôi hồi đi học thường ham chơi lêu lổng, mãi năm 16 tuổi mới đậu được bằng "certificat" vào giữa thập niên 1920. Khi học ở Hà Nội, ông hay ăn sáng ở quán người quen, không trả tiền mà biên sổ để bà chị trả. Còn tôi lúc nhỏ được cô cho mỗi ngày một xu để mua xôi ăn khi đi học, nhưng tôi không mua xôi, thường lục cơm nguội ăn, để tiền mua truyện về đọc. Một hôm tôi đi học không về, cô lo lắng suốt cả đêm. Từ làng tôi tới trường tiểu học Phú Thị có con sông nhỏ ngăn cách. Thường ngày có người dùng sào đẩy thuyền chở khách sang sông. Hôm đó trời mưa to gió lớn, người chở thuyền về sớm, tôi phải vào nhà người quen ngủ, sáng sau lại đi học.

Trước khi học trường Phú Thị, tôi học tại trường làng. "Ngày xưa tôi vẫn cõng ông đi học. Có lần ông không muốn học, đòi cõng về nhà bú tí bà cụ," chị Xược, người vú nuôi của gia đình tôi vui vẻ nói với tôi và Trang khi chúng tôi về thăm làng. Nghe chị kể, Trang khoái chí cười hinh hích, liếc mắt sang nhìn tôi. Tôi gặp lại chị Xược sau gần 50 năm. Chị hơn tôi mười mấy tuổi, người thấp, lưng đã còng. Chị đã theo bố mẹ tôi qua Vân Nam để bế ẵm và trông tôi hồi bố tôi đổi sang làm trưởng ga tại Á Minh Châu cho công ty hỏa xa của người Pháp. Khi bố tôi mất, chị theo mẹ tôi về làng quê. Chị đến gặp tôi mang theo người con trai lớn, khoảng 50 tuổi. Lúc theo vợ chồng tôi đi thăm mấy người trong làng, chị giữ ý đi sau tôi vài bước, mặc dù tôi mấy lần bảo chị đi ngang hàng để dễ nói chuyện.

"Anh có nhớ lần em xuống chơi nhà anh, anh em mình ra tắm ở ao trước cửa đình làng không?" Quế, người em họ nhanh nhảu nói khi tôi ghé thăm Quế. Mặc chiếc áo lính cũ màu xanh lá cây với chiếc quần dân sự, Quế vừa ở sau vườn chạy lên.

"Trông Quế còn khỏe mạnh lắm," tôi nói, mắt nhìn thân hình rắn rỏi của Quế.

"Trông vậy mà không khỏe đâu, anh. Đầu em cứ thỉnh thoảng bị nặng nặng, nhất là lúc đổi trời," Quế trả lời.

Tôi hỏi chuyện mới biết Quế đã từng đi bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh ở Lào thời chiến tranh. Trong một trận máy bay B- 52 của Mỹ dội bom, Quế bị tung người đập đầu vào một tảng đá và bị đất cát vùi lên. Binh sĩ phải moi Quế ra. Quế không chết nhưng bị đau đầu từ đấy. Quế lên tới cấp đại tá và mới về hưu được hơn một năm khi tôi về.

Lúc nói chuyện với Quế, tôi không khỏi chột dạ khi nghĩ nếu Quế được phái vào miền Nam, xâm nhập Sài Gòn, biết đâu có thể xảy ra trường hợp anh em trong nhà bắn giết lẫn nhau, bắn nhau mà không biết họ hàng thân thích của nhau.

Tôi gặp một cô gái nói năng trôi chảy, mặt sáng sủa, lanh lợi. Cô là xã trưởng, ghé lại thăm tôi. Được người nhà giới thiệu tôi mới biết cô là cháu họ. Cô khoảng 40 tuổi, ra chào đời khi tôi đã vào Nam. Tôi hỏi cô về gia đình, được cô trả lời: "Cháu không lấy chồng được vì họ nhà mình lớn quá ở trong làng, nên gặp ai cũng họ hàng cả."

Hôm chúng tôi về làng, bà con thân hữu kéo đến đông đảo. Trong số những người đến, một bà bảo Trang: "Tôi không phải họ hàng, nhưng nghe pháo nổ và nghe nói ông bà ở Mỹ về, tôi muốn lại xem người ở Mỹ thế nào. Tưởng người ở Mỹ to lớn, nhưng ông bà cũng nhỏ bé như chúng tôi."

"Chúng tôi cũng người Việt như bà mà," Trang cười, bảo bà người làng.

Chúng tôi khi ra đường thường bị một số cặp mắt tò mò nhìn theo. Miền Bắc không có nhiều Việt kiều về thăm như miền Nam, nên vào năm 1994 chúng tôi đi đâu cũng kéo theo những cái nhìn chăm chú của người ngoài phố, dù chúng tôi cố hòa mình bằng cách ăn mặc xuềnh xoàng và đi cùng người nhà khi ra ngoài. Tiếng nói, cử chỉ, dáng điệu và cách ăn mặc vẫn để lộ chúng tôi là người nước ngoài về. Lại thêm chiếc máy ảnh cầm tay nữa. Có lần tôi nghe người ngoài phố xì xào nhau "người nước tư bản."

Có người còn tưởng tôi là Nhật, hay Triều Tiên. Trang và tôi bước vào một phòng triển lãm tranh ở phố Tràng Tiền trước cửa Nhà Hát Lớn Hà Nội. Chúng tôi vừa dừng lại xem một bức tranh, cô gái coi phòng triển lãm nhanh nhẹn đến gần Trang nói nhỏ: "Chị làm

ơn thông dịch cho ông Nhật hộ em."

"Ồ, cô đừng lo. Ông Nhật này nói tiếng Việt giỏi lắm, giỏi hơn cả tôi nữa," Trang vui vẻ bảo cô gái.

Giọng nói lạ tai của nhiều người ở Hà Nội, nhất là lớp trẻ, đã làm chúng tôi thắc mắc. "Sao dân Hà Nội bây giờ nói lạ quá. Không phải giọng bắc, không phải trung, cũng không phải nam," Trang bảo tôi.

"Dân Hà Nội chính cống đâu còn mấy. Một lớp đi Nam hồi trước, rồi dân ở các tỉnh kéo về, nên tiếng nói pha trộn đủ miền, cũng như Sài Gòn vậy," tôi bảo Trang.

Chúng tôi nghe nhiều người ở Hà Nội nói giọng lơ lớ, hơi ngồ ngộ. Hà Nội hồi tôi ra đi có khoảng 200.000 dân, nay tăng lên gần ba triệu. Dân tăng vì thành phố mở rộng ranh giới, lấy thêm mấy quận lân cận, và dân ở các tỉnh đổ về. Có người bạn bảo Hà Nội ngày nay có nhiều người gốc Nghệ An và Hà Tĩnh, nên tiếng nói có phảng phất giọng Nghệ, Tĩnh.

Chúng tôi nghĩ mình vẫn còn giữ nguyên giọng Hà Nội. Khi nói chuyện với thân nhân, tôi cố dùng những chữ của miền Bắc như thịt lợn thay vì thịt heo, cái cốc thay vì cái ly. Nhưng thân nhân bảo tiếng nói của chúng tôi pha trộn nhau. "Các con quên mất tiếng Bắc, nói nhiều tiếng Nam quá!" cô tôi bảo.

Người trong nước thấy ở mình có nhiều cái khác. Mình cũng nhìn thấy nhiều cái lạ trong nước.

Hình ảnh đập mạnh ngay vào mắt tôi ở Hà Nội cũng như Sài Gòn là những đoàn người chen chúc. "Người đâu mà đông thế!" tôi nghĩ trong bụng khi nhìn người và xe cộ tấp nập trên đường từ phi trường vào Hà Nội cũng như đến Sài Gòn. Những trục giao thông chính trong hai thành phố đều quá chật chội trước những đoàn xe đạp, xe gắn máy len lỏi cạnh những chiếc xe hơi chạy ngập ngừng, xe vận tải cũ kỹ phun những vệt khói dài. Tiếng động cơ bành bạch pha lẫn tiếng còi xe pin pin. Ở khu trung tâm thành phố, người càng đông nghẹt "lúc nào cũng như đi biểu tình," theo lời một người bạn. Người đông vì dân số Việt Nam đã gia tăng mau chóng. Chừng ba chục năm là số dân tăng gấp đôi. Năm 1945 Việt Nam có hai chục triệu người. Năm 1975 có khoảng bốn chục triệu. Ngày nay xấp xỉ 80 triệu. Việt Nam hiện đứng hàng thứ 12 về dân số trên thế giới.

TRẦN MỘNG TÚ

MÙA XUÂN VÀ THƠ THANH TÂM TUYỀN

Khi em ngồi trong cửa sổ
nói chuyện với anh qua đường giây
nhìn những bông hoa Uất Kim Hương
đang nở vàng bên ngoài khung cửa

Em biết là mùa xuân đang tìm cách trở về

Khi em nói cho anh nghe
về những mầm hoa em chôn xuống đất
từ tháng mười năm ngoái
nằm ngủ suốt mùa đông
vừa rủ nhau thức dậy

Em biết là mùa xuân sắp đến

Khi em nói cho anh nghe về con dốc cạnh nhà
con dốc nhìn xuống hồ Sammamish với dòng nước trong veo
những chiếc thuyền nhỏ đang căng lên những chiếc
buồm vải trắng
giải núi xanh như một nét mày thiếu nữ
vẽ một đường dài đến tận chân mây
làm cho trái tim em đập sai một nhịp

Em biết là mùa xuân vừa bước tới

Khi em nói cho anh nghe
về những gốc đào ở trong vườn
đang ngập ngừng thở những làn hơi mầu hồng vào
khoảng không gian xanh biếc

Em biết là mùa xuân đã đến

Khi em lắng tai nghe tiếng anh ở bên kia đường giây
đọc một câu thơ của Thanh Tâm Tuyền
và khẽ nói với em một lời âu yếm

Em biết là mùa xuân đã dọn vào
ở hẳn với em.

Tháng tư, ngày đầu xuân ở Issaquah

Hà Nội nay có gần ba triệu dân, Sài Gòn trên năm triệu.

Dân số tăng vọt, thành phố lại chậm mở rộng ra ngoại ô vì những tiện nghi căn bản như đường xá, điện, nước không đến những nơi đó dễ dàng và nhanh chóng.

Người càng có vẻ đông vì thành phố nhỏ, đường chật. Tại ngã tư có đèn đường hoặc cảnh sát đứng điều khiển giao thông, người lái xe đủ loại chen sát bên nhau, có người còn cố lấn lên trên. Khi đèn xanh bật lên hay tiếng còi cảnh sát thổi "rét," các xe túa lên như kiến vỡ tổ. Nhiều xe chạy sấn sổ như muốn đâm vào xe chạy ngang, và chỉ thắng két lại khi đến sát bên nhau.

Xe đạp và xe gắn máy là phương tiện di chuyển thông dụng nhất ở Việt Nam. Nhiều chỗ giữ xe đạp và xe gắn máy ở ngay lề đường phố tại những khu trung tâm thành phố, trường học, bệnh viện, rạp hát. Hàng mấy trăm chiếc xe đạp và xe gắn máy dựng sát bên nhau thành hàng dài, choán cả lối đi bộ. Bãi giữ xe ở đây quan trọng như bãi đậu xe bên Mỹ.

Cả nước có sáu triệu rưỡi xe gắn máy vào năm 2000, tức là trung bình 12 người có một xe gắn máy. Số xe này được dự trù tăng lên tám triệu cho năm 2001 (1).

Sài Gòn có khoảng một triệu xe gắn máy vào năm 1993 so với 175.000 năm 1970 (2). Đến năm 2000 số xe gắn máy tăng lên hai triệu, cộng thêm với hai triệu chiếc xe đạp, 30.000 xe xích lô và ba gác, 250.000 xe hơi các loại (3). Với dân số trên năm triệu, Sài Gòn không có xe điện, xe buýt lại ít ỏi, nạn kẹt xe là điều không tránh khỏi. Luật lệ lưu thông không được nghiêm chỉnh tuân giữ, làm nạn kẹt xe tệ hơn.

Khu Hoàn Kiếm là trung tâm của thành phố, là trái tim của thủ đô. Hồ Hoàn Kiếm là biểu tượng của Hà Nội, như tháp Effel ở Paris, đấu trường ở Rome, đài kỷ niệm Washington ở Hoa Thịnh Đốn. Một số công thự ở đường Đinh Tiên Hoàng trông ra hồ được xây cất, hoặc tân trang, đẹp đẽ. Lúc ở khu Hồ Gươm tôi trông ngóng tiếng leng keng của xe điện mà xưa kia tôi thích nhảy lên đi. Chờ mãi không thấy, tôi hỏi mới biết xe điện không còn nữa.

Nhiều xây cất khác cũng làm tôi ngạc nhiên. Tại Hà Nội, khu Ba Đình có nhiều công sở bề thế với công viên rộng và được chăm sóc sạch sẽ. Khu Hồ Tây ngày xưa trống trải, nhà cửa lưa thưa, nay trở thành sang trọng, đắt giá. Những ngôi biệt thự nhiều tầng mới toanh, có bao lơn mỹ thuật đôi khi cầu kỳ như kiểu cung điện. Hồ Thiền Quang có bộ mặt sáng sủa hơn. Đường quanh hồ đều tráng nhựa, có đường đi dạo, có ghế ngồi nghỉ chân dưới những lùm cây lớn. Hồ nay có thêm nhà hàng khiêu vũ Thiền Quang làm trên miếng đất lấn hẳn ra ngoài hồ. Ánh đèn màu xanh đỏ trang trí của nhà hàng làm hồ sống động vào buổi tối. Một dãy xuồng màu trắng nằm sát cạnh nhà hàng. Tôi đã bơi xuồng ở đây nhiều lần hồi còn là học sinh. Hồ Bảy Mẫu thay đổi khác hẳn. Hồ trước kia hoang vu, vắng lặng, nay trở thành công viên đẹp đẽ có đường nhựa chạy quanh, người đi lại tấp nập. Trong các hồ ở Hà Nội, Hồ Bảy Mẫu sắc nước hơn cả, tuy không nổi tiếng bằng Hồ Gươm.

Có chỗ biến đổi vì phát triển hầu như không nhận ra được nữa. Tôi đi tìm kiếm con đường vào làng Phương Liệt gần ngã tư Vọng ở Hà Nội để xem lại căn nhà cũ tôi cư ngụ năm 1946. Xuống xe ở ngã tư, tôi bước vào một đường chỉ thấy những dãy biệt thự thanh lịch san sát, nhiều cái còn xây cất dở dang, đường còn lởm chởm sỏi đá và vật liệu xây cất còn vương vãi bên lối đi. Tôi đi sâu thêm một đoạn đường nữa chỉ thấy những căn nhà mới. Không thấy có dấu hiệu tìm được lối quen, lại thấy mấy thanh niên nhìn sòng sọc, tôi đành quay ra. Người tài xế bảo tôi đoạn quốc lộ 1 chạy gần Phương Liệt đã được làm lại và sửa đổi từ lâu, nên khó tìm lại được chỗ cũ nếu không phải là người ở đấy lâu năm.

Ngoài những phát triển của thời đại, có những chỗ không thay đổi mấy, nhưng mình thấy quá khác lạ vì tâm trí mình đã in sâu những hình ảnh mà nay không thấy đúng như thực tại trước mắt. Khi thăm Hà Nội, đứng nhìn làn nước trong xanh vởn rêu ở ven bờ, Trang hỏi: "Hồ Hoàn Kiếm đây ý à?"

"Hoàn Kiếm đấy!" tôi gật đầu.

"Sao nhỏ vậy?" Trang phân vân.

"Anh cũng thấy hồ nhỏ hơn mình nghĩ. Nhưng tháp Rùa đàng kia kìa," tôi trỏ tay về phía trước trả lời, rồi chỉ sang phía trái. "Còn chiếc cầu sơn đỏ chót chỗ kia là cầu Thê Húc."

"Em nhớ hồ to lắm cơ mà! Trước kia đi bộ quanh hồ mỏi cả chân," Trang chưa hết nghi ngờ.

"Mỏi chân vì lúc đó em còn là con nít," tôi cười, nói. "Rời Hà Nội, em chỉ mới chín tuổi

nên thấy hồ thật lớn trong tâm trí. Bây giờ em thấy nó khác với mình nghĩ, nhưng hồ thì vẫn vậy."

Chúng tôi đi vào một khu đường nhỏ hẹp, cửa hàng sát nhau. Đi một lúc, Trang bảo muốn đi xem khu 36 phố phường.

"Mình đang ở khu 36 phố phường đây," tôi đáp.

"Thật à?" Trang có vẻ sững người.

"Khu mình đi từ bờ hồ đến chợ Đồng Xuân và loanh quanh đây gọi là 36 phố phường đấy," tôi bảo Trang.

Khu này chật chội, đường ngắn, mỗi khúc đường là một phố. Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Hàng Giấy nằm trên cùng một đường dài, mỗi đường vài chục thước. Nhiều ngã tư có bốn bảng tên đường phố khác nhau. Khu 36 phố phường được thành lập cách nay bốn, năm thế kỷ. Còn Hà Nội đã ra đời được một ngàn năm.

Trước khi về thăm Việt Nam, tôi xem lại bản đồ Sài Gòn và Hà Nội vào một buổi tối. Tôi lẩn thẩn lấy thước đo, rồi tính theo tỷ lệ xích của bản đồ, để biết tầm rộng lớn của hai thành phố. Tôi ngạc nhiên thấy chiều dài nhất của nội thành Hà Nội chỉ chừng ba cây số từ ngã tư Vọng tới chân cầu Long Biên. Chiều dài nhất của nội thành Sài Gòn cũng khoảng bảy cây số từ cầu Thị Nghè chạy theo đường Hồng Thập Tự (nay là Nguyễn Thị Minh Khai) vào tới Phú Lâm. Tôi sững sờ hơn nữa khi so sánh chiều dài của Hà Nội và Sài Gòn với thị trấn Springfield ở vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn mà tôi cư ngụ. Đoạn đường từ nhà tôi ra khu mua bán Springfield Mall ở Virginia dài 10 cây số, chạy xe không tới 10 phút.

"Sài Gòn nhỏ hơn khu Springfield mà mình đang ở, em à," tôi kêu Trang ở bếp vào để thông báo như một khám phá mới.

"Nhỏ hơn làm sao được, anh đừng giỡn," Trang không tin.

"Nhỏ thật mà! Bản đồ rành rành đây này. Đây là loại bản đồ chi tiết, có cả những căn nhà lớn mà," tôi quả quyết. Tôi có phóng ảnh bản đồ này nhờ Phòng Bản Đồ của báo Washington Post.

"Chắc anh tính lộn," Trang nói.

"Lộn sao được. Muốn thì anh tính lại," tôi trả lời.

Tôi đo lại bản đồ, xem lại tỷ lệ xích, làm tính, rồi nói: "Đúng mà! Ngay từ nhà mình ở Hai Bà Trưng lên đường Tự Do chỉ có năm, bảy khúc đường mà thôi. Này nhé, từ góc Hai Bà Trưng-Hiền Vương, qua Phan Thanh Giản, Phan Đình Phùng, Trần Cao Vân, Hồng Thập Tự, rồi Thống Nhất là tới à. Với khoảng cách xấp xỉ một mile đó, bên này chỉ đi bộ cái rụp."

"Sao hồi đó mình thấy xa lắm? Có bao giờ chịu đi bộ đâu," Trang đáp, vẫn ngần ngừ chưa chịu tin là Hà Nội và Sài Gòn nhỏ.

"Thế mới kỳ! Em nhớ không, xưa kia mỗi lần đi Thủ Đức, mình cho là xa chứ gì? Bên này chạy xe mất 10 phút," tôi nói thêm. "Mình hồi ấy thấy Sài Gòn là to lớn và giữ mãi ấn tượng đó trong đầu, nên yên trí là nó to lớn."

Chúng tôi sau còn gặp nhiều trường hợp tương tự. Đại lộ Thống Nhất ở Sài Gòn vẫn thênh thang trong trí mình với những cuộc duyệt binh có nhiều hàng lính đi nườm nượp mà sao khi về thấy chật hẹp?

Ngôi nhà mình ở trước kia tưởng bề thế, sao nay nhỏ nhắn? Căn nhà cũ ba tầng của chúng tôi ở đường Hai Bà Trưng, Sài Gòn, nay đứng khép nép bên cạnh mấy căn nhà chung chạc mới xây. Những nhà mới này cao hơn, rộng rãi hơn, sáng sủa hơn, thay thế ngôi nhà thấp trước kia là Café Thu Hương sát sân nhà thờ Tân Định. Về xem khu cư xá Lê Đại Hành trước cửa trường đua Phú Thọ, tôi thấy những "biệt thự song lập" một tầng ở đây sao nhỏ thó!

Cuộc sống ở Mỹ, trong môi trường khác biệt, đất rộng, người thưa, kiến trúc đồ sộ, đường sá thênh thang, đã làm nhãn quan mình thay đổi, đã ảnh hưởng đến ấn tượng khắc sâu trong tâm trí. Những hình ảnh của quê hương, xứ sở mà mình thấy to lớn trước kia nay trở thành nhỏ bé khi nhìn lại, có cái nhỏ bé đến dị kỳ khiến mình đâm hoài nghi, không tin vào thực tại sờ sờ ngay trước mắt.

Về làng, tôi càng thấy lòng ngao ngán khi nhìn ngôi nhà cũ, có cột gỗ khổng khoeo chống đỡ ở phía trước. Tôi đi vào Nam năm 1954 mang theo hình ảnh trong tâm trí một căn nhà khang trang, phía trước có hàng hiên, có bệ gạch thấp chạy quanh. Đó là ngôi nhà duy nhất có trần ở trong làng, được dân làng gọi là "nhà Tây." Thợ làm ruộng cho nhà tôi, khi về nghỉ trưa, thích xin vào nằm trên nền nhà để được hưởng cái mát của nhà có trần vào những ngày nóng nực của mùa hè. Bốn mươi năm sau khi tôi trở về, căn nhà trông bé đi, xác xơ, tiều tụy. Những cột gạch phía trước biến mất. Phần mái nhô ra được chống đỡ bằng bốn cột gỗ khẳng khiu. Trần nhà không còn, mái ngói và những thanh gỗ ngang dọc

trơ rõ ra. Vế tường bên cạnh hơi siêu siêu, mấy đường gạch tróc hồ lỗ chỗ.

Nhà bị xuống cấp, đổ nát vì không được bảo trì, không có người trông giữ. Cô Liễn, em Long và một vài người trong họ đều ở Hà Nội làm việc, thỉnh thoảng mới về thăm. Trông nom hộ căn nhà là bà bác trên 80 tuổi, góa chồng, mẹ của Điệp. Cô tôi bảo trong thời chiến tranh những đồ đạc trong nhà thất tán hết, kể cả một số kỷ vật như ống đựng bút mà ông tôi dùng khi đi thi tú tài Nho học hồi đầu thế kỷ, hai giải thưởng quần vợt có hình bốn con mối mạ bạc ôm trái bóng mà bố tôi đoạt được.

"Cháu nhớ còn căn nhà tranh cạnh căn nhà này," tôi bảo cô Liễn sau khi đi xem căn nhà gạch.

Cô dẫn tôi sang bên cạnh, chỉ tay xuống mảng nền đất nhẵn có cỏ dại mọc lưa thưa chung quanh, nói: "Đây là cái nền nhà tranh đó. Cháu sinh ra ở chỗ này này."

Tôi sững người, ngậm ngùi nhìn cảnh điêu tàn của mảnh đất, nhìn chỗ tôi ra chào đời nay thành hoang phế. Lòng tôi xót xa. Xúc động dâng cao. Một giọt lệ tràn qua khóe mắt. Tôi thầm nghĩ mình thật may mắn, sinh ở quê nghèo, lớn lên trong đó mà tồn tại qua cảnh sơ khai, khổ cực. Trong gia đình cũng như trong họ hàng, nhiều người đã mất sớm. Tôi thấy mủi lòng nhìn những người vẫn còn ở trong làng. Buổi tối hôm đó Trang bảo tôi: "Về thăm làng, em thấy thương anh quá!"●

** Trích từ cuốn*
Quê Hương Thương Ghét
vừa mới xuất bản của
Vũ Thụy Hoàng

Chú Thích:

1. *Kyodo News* ngày 31/12/2000
2. *Washington Post* ngày 15/5/1994
3. *Sài Gòn Giải Phóng* ngày 25/11/2000

HỒNG KHẮC KIM MAI

TỰ TÌNH

Không thể nói thêm lời
Khi ngày tàn và cây rũ bóng
Đôi mắt ai trùng dương vời vợi
Redondo Beach
Sóng vỗ
Tuyệt tình ca

Đi mãi trong mùa thu
Cát gió
Trên xích đu Redondo Redondo
Ngôi nhà thần tiên giữa hai hàng dừa
Đảo ngược
Trái tim em hỏi anh
Bao giờ mình về cùng nhau ?

Đã lâu rồi
Trăng tắm cát như lòng ta sướt mướt
Rót rượu ân tình
Khơi ngọn trầm luân
Biển khuya khôi nguyên
Anh ôm không bao giờ quên

Nếu ta vẫn như đêm nao
Leo trăm nấc thang thẳng dốc
tít rừng mây
Redondo Beach
Anh hái muôn tinh cầu
Kết một vòng hoa, nhỏ một lệ tuôn
Môi em thơm nồng tình ca tháng chín
Giữa đời em
Đàn lên giây
Và hồn anh lịm say

Redondo Redondo
Rạt rào sóng xưa
Khua mãi đời nhau
Ai? nghệ sĩ nằm im trên cát
Lon bia lăn lóc
Đôi giày bên góc cây đàn...!

TẶNG VẬT

NGUYỄN VĂN THÀ

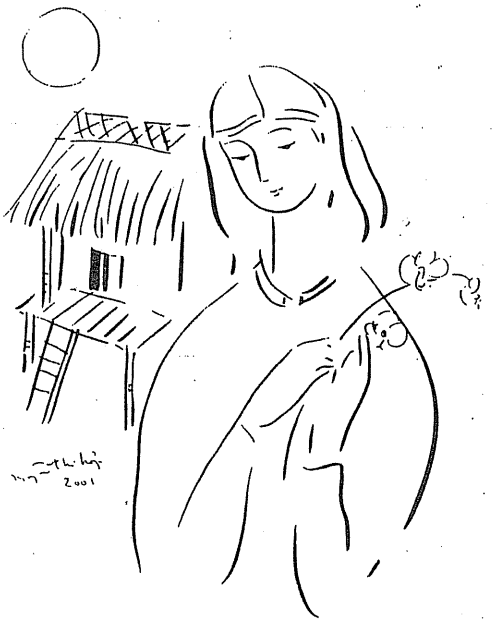

Cái bi nhiệm của phận người không phải ở chỗ con người bị ném vào giữa những hốn mang cõi thế bụi trần và hốn mang của những vì sao, nhưng ở chỗ: Từ căn nhà ngục tù của mỗi kiếp nhân sinh, chúng ta tự tạo cho mình một bản lai diện mục cứng cựa đến độ có thể đẩy lùi hư vô tính nơi mỗi người chúng ta. (André Malraux / La Condition humaine - Phận Người)

*

Nguyệt đến với tiền đồn Đa Rưng đã gần năm nay. Hồi theo đoàn nữ sinh của trường GL (trường cũ của cô) ra đây ủy lạo các chiến sĩ tiền tuyến vào dịp Noël, ra rồi ở luôn. Không biết có phải mùi quế rừng Hời mỗi tối trăng thanh bay đầy thinh không đã trói chặt Nguyệt, hay là mùi thuốc súng, hoặc là khi ra tới cái tiền đồn đứng bên bờ sinh tử này cô bỗng đã tìm được con *zéro*, như vạch tròn đốn ngộ trong bức cuối của bộ tranh thiền tìm trâu, cái vòng hư không làm bàn đạp cho những an lạc chung thân? Bernard khi biết Nguyệt đang ở ngoài tiền đồn như thế đã viết thư hỏi: *"Pourquoi? Pourquoi?"* Những hình ảnh chiến sự Việt Nam chiếu hằng ngày trên truyền hình, dù chỉ là truyền hình đen trắng, đã làm cho anh chàng kinh hoảng. Anh ta là kẻ đầu tiên dùng cái chữ *l'Apocalyse Viêtnamienne* trên báo chí Pháp; cũng là người, trước đó, đầu tiên phê bình luận án *Le rôle de la Rhétorique dans La Révolution* của Nguyệt. Bernard rất chịu lập luận của cô: Dân *Gaulois* là cái dân đại ngôn; chính cái lối thích dùng chữ đao to búa lớn đã góp phần gây nên những cuộc chiến tranh, những cuộc cách mạng phi nghĩa mà nước Pháp và thế giới phải gánh chịu. Và cái thói giết người không dao bằng miệng lưỡi đó Lenine đã kế thừa một cách xuất sắc mà chẳng mấy ai biết. Rồi cái gã họ Nguyễn cũng ăn phải bã của cái truyền thống tu từ đó, cọng với cái thói ngoa ngoét của những mụ nhà quê xứ Nghệ, đã tạo cho cái ngón tu từ chính trị mang một màu sắc đến độ tổ sư tu từ Aristoste, nếu còn sống cho tới ngày nay, chắc phải ân hận. Nguyệt thù hận với ngôn từ. Triệu triệu cái loa của đạo quân bóng tối đã tràn vào Âu châu thịnh vượng nhưng chẳng sáng suốt gì cho lắm. Giàu có lâu ngày thì hay bị lừa. Và lắm của thì lại hay thích làm cái việc thương người... bằng miệng. Hắn - cái xã hội Âu Châu phồn thịnh ấy - muốn tỏ ra hào sảng bằng lời bởi vì Hắn

không muốn mang tiếng là kẻ trọc phú; và Hắn lại đang no nê, thôi thì la hét, biểu tình vừa cho giãn gân cốt vừa cho tiêu mỡ. Và cứ thế Hắn tha hồ vấy máu người bằng những khẩu hiệu.

"Đả đảo khẩu hiệu!" "Hỡi những công dân Âu châu, hãy coi chừng lưới nhện của những khẩu hiệu!" "Xin đừng giết Tự Do bằng những khẩu hiệu tự do!" Nguyệt và một số bạn bè ít ỏi khơi khơi vác những khẩu-hiệu-chống-khẩu-hiệu như thế giữa rừng biểu ngữ hừng hực phét lác trong những tháng biểu tình bạo động của điệp trùng sinh viên vào những năm đó. Rồi cũng chẳng đi tới đâu. Khẩu hiệu như bùa lú đang dẫn con người vào tuyệt lộ mà con người nào hay. Biểu ngữ như sợi dây thòng lọng muôn tầng đang siết họng, càng ngày càng chặt, một phần thân thể còn lại của dân tộc Việt. Có điều là nơi ấy vẫn còn một chút tự do để nói, thì lại ngu đến độ hầu như chẳng nói năng được gì cả; mà có nói đi nữa thì chỉ như cô gái nhà quê ỏn ẻn vài ba câu cho có, thì làm sao cự lại nổi một tên ăn cướp mà lại già mồm như một mụ hàng tôm hàng cá, và khi cần, giảo quyệt như một tay luật sư *mafia.* Nguyệt về nước vào năm chiến cuộc bước vào thời kỳ kinh hoàng nhất, nhưng miền Nam vào những năm ấy, trên chiến trường, người ta còn thấy được cái cơ may sống sót của Tự Do.

"Thôi Bernard ở lại, Nguyệt về. Cẩn thận với cái *rhétorique,* kẻo lại giết thêm một dân tộc nữa!"

Cha Nguyệt, bác sĩ giải phẫu giỏi nhất nhì ở quân y viện Cộng Hoà. Hôm Nguyệt xuống phi trường ông còn đang bận với những thương tích. Phần cô, mới bước chân xuống phi trường cô thấy máu me đã đầm đìa lắm rồi trên từng người dân Việt: trên sắc mặt binh lính thì đã đành mà cả trên từng nụ cười của những cô chiêu đãi viên hàng không mềm mại trong chiếc áo dài màu xanh thanh bình mà dân tộc cô bao đời mơ ước. Một dân tộc mà ngàn năm nô lệ giặc Tàu, trăm năm nô lệ giặc Tây chưa thể lôi họ xuống vực sâu như cuộc chiến hôm nay. Nguyệt chỉ nhận được lời chào của cha cô qua điện thoại ở khu tiếp tân phi trường: *"Bienvenue à la saison des bénédictions!"* Cô không ngạc nhiên lắm vì cái lời chào mừng không giống ai như thế, vì cô đã được nghe kể hồi còn du học bên Pháp các bạn đồng song vẫn gọi đùa ông Ban là *Monsieur Rimbaud.* Lúc cô ngỏ ý muốn về nước, ông Ban đã đồng ý ngay. Nguyệt thoạt đầu hơi ngạc nhiên, vì thường các ông bà có con đi du học chẳng mấy ai muốn con về nước làm gì trong cái thời loạn ly này, ngoại trừ những người đã dọn sẵn cỗ bàn cho các cô chiêu cậu ấm. Ôi, cái bằng cấp của Nguyệt chẳng làm được cái nước mẻ gì, cùng lắm chỉ đi dạy học, làm báo, về mà làm chi! Ở bển mà tránh làn tên mũi đạn. Sài Gòn: Hoả tiễn, và thương tích trôi về tím đỏ giòng sông con người, ken với những mảng lục bình tím ngát sự sống. Giới thạo tin đã bắt đầu bán bất động sản, thu quén của cải, dọt. "Không nhường một tấc đất cho Cộng Sản!" "Đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn những gì Cộng Sản làm!" "Không gì quí hơn Độc Lập Tự Do." "Đánh cho Mỹ cút Nguỵ nhào!" "Huế, Sài Gòn, Hà Nội, bao nhiêu năm sao vẫn thờ ơ!" "Lại gần lại gần với nhau; ngồi gần nhau hơn; đừng bỏ tôi đi..."

Tiền đồn Đa Rưng, buổi sớm, nắng vàng bắt đầu vén dần màn sương mỏng quanh đồn và khoan thai treo trên láng cây thưa ven rừng trước mặt. Những vầng cầu vồng vẫn vương giả tuyên dương màu sắc giữa bãi chiến trường đã nát ngấu từ lâu. Mùa mưa xanh dường như không còn đủ sức khâu vá những vết thương. Người ta cứ ngỡ đang đứng giữa biên giới của thần tiên - quỉ sứ. Hôm nay trời trở lạnh như một thoáng thu Paris lọt về đây. Có cả nắng vàng sáng và thơm tho như những giòng mật đầu mùa. Gần Giáng Sinh rồi còn chi! Tiếng súng chỉ nổ đì đẹt như chỉ muốn gióng lên sự hiện hữu của con người; những con dun đất bắt đầu bò ra, bò chậm thanh bình; mấy con ốc ngo ngoe râu ngóng nắng. Lòng của Nguyệt cũng nhú lên một niềm vui như cành lan Bạch Nhược Phi sáng nay nụ đầu tiên lại bắt đầu e dè khoe hương phấn trước cửa hầm của cô. Cô nhớ lại cái đêm hôm qua, sau khi nói đủ thứ chuyện trong cái lô cốt truyền tin, Trung bỗng hỏi Nguyệt về cành lan. Cứ ngỡ anh chàng đã quên. Cái sáng sớm Trung cùng với trung đội trinh sát đi tuần tra vòng đai tiền đồn trở về, ghé qua doanh trại đại đội của cô, tìm đến cửa hầm và trao cho cô cành lan:

"Đưa cho cô cành lan trồng cho vui."

"Lan ở đâu vậy anh?"

"Hm...ở ngoài vành đai."

"Rừng Tây nguyên có những thứ lan thật lạ. Không biết loại lan này tên gì."

"Thì kiếm cho nó một cái tên."

Rồi Trung, cùng với toán lính, quay về doanh trại của đại đội anh. Nguyệt không nghĩ

anh chàng đưa cho Nguyệt cành lan với hậu ý rụt rè nào đó. Anh sinh và lớn lên ở Mỹ thì cái chuyện rét gái là cái chuyện họa hiếm; và trong cử chỉ lẫn giọng nói của anh không có vẻ gì nhút nhát cả. Chỉ là một hành vi cho, thế thôi. Cành lan, có cánh chỉ còn trơ lại cuống, có cánh bầm dập, nhưng những cánh còn lại có một màu trắng tinh khiết, lốm đốm đỏ không đều như một bức tranh trừu tượng thu nhỏ đơn giản, và hình như có cánh lem nhem cả vệt máu thật, bởi vì nơi những cánh ấy cái phối trí màu sắc không được hài hòa như những cánh khác, như một sự xúc phạm. Cô tính hỏi Trung về vệt máu, nhưng rồi nghĩ lại cũng chẳng nên hỏi mà làm gì khi chính máu từ những thân thể của những con người được tạo dựng theo hình ảnh Thượng Đế, chẳng những chảy mà còn vọt, còn tung toé quanh cô mỗi ngày, như một sự phí phạm; và một khi Trung đã không muốn nói, thì cũng chẳng nên hỏi. Chẳng phải những ẩn ngữ, những ý tại ngôn ngoại đã làm cho cuộc sống có được những mạch ngầm thú vị đó sao? Nếu không, cuộc đời lại chẳng khác gì một màn quảng cáo. Thế mà tối hôm qua Trung gọi máy mời cô qua lô cốt truyền tin bên doanh trại đại đội A của anh nói chuyện chơi. Chuyện lạ. Lính trong doanh trại đại đội B, nơi cô ở, có nói ít nhiều về anh, nhưng cả năm nay cô chỉ thỉnh thoảng gặp anh, và chỉ gật đầu xã giao. Chắc lính ở bên doanh trại của Trung cũng bàn tán về cô. Nguyệt nghĩ không biết tại sao những người lính ấy cứ nghĩ những người như Trung như Nguyệt có một cái gì đó khác thường, nếu không nói là phi thường, được nhỉ? Có phải vì một truyền thống cứ thích xưng tụng những anh hùng, liệt nữ, những vị thánh, mà không đặt nặng giá trị suy tư về chính cái tôi khốn khổ, vất vả khi đứng trước cõi thế, lẫn cõi trời.

"Cô biết không chai rượu này - Trung vừa rót rượu ra ly vừa nói - tôi cứ để đây cả mấy năm, hôm nay mời cô qua đây uống một chén cho vui, biết đâu lại không còn dịp để uống."

"Ừ, mà anh kiếm đâu ra hay vậy?"

"Con nhỏ hàng xóm bên Mỹ gởi, nhân ngày sinh nhật của tôi, cách đây đã bốn năm."

"...."

"Thiệt tội nghiệp! Trước khi tôi qua đây con nhỏ còn bắt đầu bước chân vô đại học; sau đó lại ham mê chuyện phất cờ, giăng biểu ngữ, hô phong hoán vũ; thế mà sau đó chẳng bao lâu lại đâm đầu vào cần sa ma tuý. Mới chết cách đây mấy hôm vì chích quá đô. Trong một cái xó xỉnh nào đó ở San Francisco."

"I'm sorry."

"Tôi thù mấy cái khẩu hiệu. Thiệt lạ đời, cái dân Mỹ văn minh như thế mà lại bị cái bọn xướng ca vô loài Woodstock vẽ đường chỉ lối. Chúng gào, chúng thét trong hơi khói cần sa mà người ta cứ cho chúng là những vị tiên tri thời đại mới; không nghe chúng thì chẳng khác gì dân Do Thái, theo Kinh Thánh Cựu Ước, chẳng chịu nghe lời tiên tri Giêrêmia không bằng. Con nhỏ ân hận vì đã thương lầm người, một *babykiller* như tôi. Tôi tính gởi trả chai rượu nhưng cô biết đó, trước cái chiến trường có tầm mức của một ngày tận thế như ở đây thì tất cả mọi chuyện đều trở nên vụn vặt. Con người muốn xác lập cho mình một cái phận, một bến đậu. Vũ khí, vũ lực, núi rừng, vực thẳm không làm cho người ta cô đơn, nhưng cô đơn ở chỗ người ta thấy mình bị hiểu lầm, bị bỏ rơi như một chiếc bè phận người bị chặt mọi dây neo bến đậu trong bể nhân sinh. Càng cô đơn thân phận của một kẻ bị bạn hiểu lầm; nhất là kẻ bị hiểu lầm ấy lại là một kẻ phải đổ mồ hôi, đổ máu ra để xác lập, để bảo vệ cái căn tính, cái trú sở của mình và của bạn. Cái tâm hồn dân Mỹ đa số đã đầy khói cần sa thì làm sao còn suy nghĩ cho có ngành có ngọn được. Cái đa số ấy không còn có ý niệm rõ ràng về thời gian, về lịch sử, về cái không gian, về cái thế giới nhân quần mình đang sống. Tôi thù những khẩu hiệu, những bài du ca cần sa của những đứa như Bob Dylan, John Lenon, Jim Hendrix, Joan Baez... đã góp phần tạo nên cái đa số đó. Người Pháp họ có cái câu gì mà *The ideas...*

"Les idées gouvernent le monde."

"Ừ, phải rồi. Nhất là vào cái thời đại nầy tư tưởng lại được diễn tả bằng những hình thái sinh động và những phương tiện truyền thông tối ưu.... Xin lỗi, mời cô qua chơi mà bắt cô phải nghe những chuyện của tôi."

"Chuyện của chúng ta thì đúng hơn. Anh cứ nói."

"Chúng ta? Ừ, phải đó! Uống đi Nguyệt... Chúng ta nhiều lúc sống cũng để chỉ khâu vá, hàn gắn cái hiện sinh của mình. Nếu không như thế mình không là mình. Mấy anh em ở đây cứ nghĩ tôi là một kẻ nầy, kẻ nọ, đáng trọng, nhưng cô biết đó, tôi cũng chỉ là một kẻ ích kỷ, tôi ở đây là vì tôi, chớ có vì ai đâu... Nhưng thôi, tôi cũng chẳng phân bua mà làm gì. Mỗi người ai cũng sống bằng những kinh nghiệm, bằng cái lịch sử của mình... Cô biết

không, cái cành lan tôi cho cô cách đây mấy tuần không hiểu sao lại nằm cạnh xác của một anh thượng uý cộng sản dẫm phải mìn chết gần hàng rào doanh trại của đại đội C dưới kia. Tôi cũng không biết tại sao tôi sao lại nhặt và đưa về cho cô một cành hoa đã bầm dập và vấy máu như thế. Cứ hiểu đó là một nghĩa cử, một tặng vật tình yêu, hay một cử chỉ vô nghĩa cũng chẳng sao. Tôi chỉ biết là tôi phải làm điều đó, không làm không được. Cũng như hôm nay không hiểu có cái gì đó thôi thúc tôi phải nói chuyện với cô; một lời trối trăn chăng? ... Mà này, cô đã đặt tên cho cành lan chưa?"

"Thưa anh rồi, tôi đặt cho nó là Bạch Nhược Phi."

"Chà, cụ Khổng mà còn sống chắc cụ ấy phải khuyên son thưởng cô. Mà cái nàng Bạch Nhược Phi đã nở thêm cánh nào chưa?"

"Chưa anh ạ, chỉ mới chớm nụ. Chắc cũng nay mai thôi."

"Tuyệt, nó đã có một cái tên. Và có một ngày mai."

"Bienvenue à la saison des bénédictions!"

Quân xa, trọng pháo và xe tăng của quân Bắc Việt từ sau ngày ký hiệp định Paris, nườm nượp ngày đêm băng rừng Trường Sơn xuôi nam dưới kia. Tiền đồn vẫn nằm đó như một con chốt tội nghiệp, đã tả tơi lắm rồi, nhưng không biết tại sao chưa bị gạt khỏi cuộc cờ; quân Bắc Việt vẫn còn e dè xẻ con đường vòng loanh quanh cả mấy chục cây số để tránh đồn. Nhưng cả mấy tuần nay, máy kiểm thính cài quanh khu vực quanh tiền đồn gởi về vô số chớp đỏ và tiếng chân rầm rập ngày đêm như tiếng chân của trùng trùng đao phủ đang tiến tới pháp trường. Và kẻ sắp bị hành quyết đó lại đang bị trói tay, bị giam hãm trong một nhà tù phi nghĩa nhất; phi nghĩa ở chỗ kẻ cộng sự, kẻ đã tự biến chiến lũy mà chính mình đã dựng nên thành tử huyệt cho những người ở lại; đã bỏ đi thì chớ, thậm chí còn nhổ toẹt vào mặt những con người khốn khổ vực sâu, thế mà họ vẫn tình nguyện ở lại trong cái nhà tù đó. Đã tan tành xác pháo. Và chắc sẽ còn tan nữa. Những con người trong ấy cầm chắc cái chết. Nhưng họ

HOÀNG XUÂN SƠN

CA KHÚC

... và nỗi mất mát không rời

Lạc dòng âm thức nao nao
tôi thanh giọng sáng hót chào buổi trưa
hát hát hát. như vừa
nắng mênh mang thúy chiều mưa cõi về
tôi trên cung đô mi rê
nhớ em thăng giáng cận kề phúc âm.
(tháng chín chín bẩy)

CỘI NGUỒN ĐÃ TỎ

...*"Ôi phù du*
từng tuổi xuân đã già
một ngày kia đến bờ
đời người như gió qua"...
Trịnh Công Sơn - *Phôi Pha*

Thôi bước đi về với thơ
con trăng đánh thức chuyến đò
bên kia sông trời đã tỏ
bước đi thì thầm nhỏ to

Mùa xuân thầm thì bất tận
biết nhau. xưa. đầu Hạ Trắng
sẽ đưa nhau về Mưa Hồng
hồn quyên thân ở tương phùng

Cội nguồn rưng rưng giáp mặt
hết rồi Tấn Thối Lưỡng Nan
trái tim trái tim đường mật
rung êm phủ dụ non ngàn

Một ngàn năm lời xao xuyến
đã xong Cối Tạm đi về
bước chân giang hồ mê mỏi
trên đầu mây trắng đường quê

Thôi bước đi về với thơ
với đời đời nương phím tơ...

Roxboro
hai tháng tư hai ngàn lẻ một

vẫn phải sống. Nguyệt cũng phải sống. Cô đã về nước không phải để chết."

*

Tiệc tàn. Trời đã khuya lắm rồi. Chỉ còn tiếng đại bác vọng về, chen giữa tiếng thẻ tre lóc cóc rao phở khuya. Một vài chiếc xe nhà binh chạy vội. Mọi người đã ra về chỉ ngoại trừ anh nhạc sĩ mà cha của Nguyệt vẫn rất mộ mến, tình nguyện nán lại để hái trái trứng cá cho Nguyệt, một thứ trái mà anh ta cho là đẹp và đầy sử thi tính, khiêm tốn mà rực rỡ, nhỏ nhắn mà bao trùm cả vận mệnh nước Việt. Anh ta thời gian gần đây, qua những bản du ca anh viết, và qua những phát biểu đăng trên những tờ báo của sinh viên, và của một số nhóm linh mục, sư sãi phản chiến, đã đòi xoá ba gạch đỏ trên lá cờ quẻ càn và thay vào đó một trái trứng cá đỏ tươi nằm giữa cờ vì anh ta quả quyết là chính mẹ Âu Cơ đã sinh ra trăm quả trứng dưới tán cây trứng cá đó, và anh ta còn nói là khi sinh, mẹ Âu Cơ quằn quại lâu, máu me vung vãi lên cả tán cây; cây trứng cá vốn là loài cây không quả, bỗng hiện lên vô số những trái đỏ lấm chấm như những giọt máu lâm bồn.

"Thế, thưa anh Đỗ Công San - tên của anh nhạc sĩ - hồi tôi học chiến thuật sình lầy ở bên Mã Lai tôi thấy bên ấy cũng có cây trứng cá; xin anh giải thích giùm tại sao?" - Một ông khách dân nhà binh lên tiếng hỏi.

"Dạ thưa ông, chuyện đó thì cũng chẳng có gì khó hiểu: Ông cũng biết chuyện năm mươi con theo cha Lạc Long Quân xuống biển. Biển đó là biển Đông. Thì cái chuyện đứa con nào đó lưu lạc qua Mã Lai và mang theo loại cây chứng kiến sự sản sinh giòng giống Âu Lạc cũng chẳng là chuyện khó hiểu."

"Đụ má, nước có mất nước cũng vì những thằng lẻo mép như thằng nầy!" - Ông sĩ quan lính rằn ri kia rủa thầm, chỉ rủa thầm thôi, vì anh ta cũng cả nể, Trời ạ! Nhưng đa số khách khứa lại há hốc mồm nghe, kể cả ông chủ tiệc; may đêm khuya ruồi đã đi ngủ, nếu không thì có vị cũng được dăm ba con ruồi chui vào cùng lúc với những trái trứng cá mà anh nhạc sĩ đã ném vào cái miệng sững sờ của họ.

"Sao cái anh chàng này khi nói về lai lịch, cái sử thi tính của cây trứng cá lại khẳng định một cách ngon lành vậy kìa!? Người Âu châu họ rất cẩn thận khi dùng *l'Indicatif* lúc muốn xác định ra một vấn đề gì, đã thế họ còn có *le Conditionel* ghìm giữ ngôn ngữ họ lại, và còn được trang bị cả lô những chữ để diễn tả cái chuyện *có thể, có lẽ...*, thế mà họ vẫn mang tiếng là những kẻ tàn hại thế giới bằng ngôn từ của họ. Chẳng phải chỉ dân châu Âu, một dân tộc châu Á như dân tộc Nhật, vốn có nhiều nét văn hoá chung với dân Việt, cái tiếp vĩ ngữ *đềsồ, đarồ (có lẽ, có thể)* là câu đầu môi của họ. Có phải tính hồ đồ trong khi xử dụng tiếng Việt, nhất là động từ, đã góp phần gây nên những thảm họa cho dân tộc? Người ta dễ chạy theo những chuyện chỉ có giá trị "có thể," những huyền thoại, những hỏa mù ngôn ngữ do các tay tráo trở ngôn ngữ, nhất là khi bọn quỉ quyệt đó lại khéo vận dụng một loại ngôn ngữ hàm hồ, đa nghĩa như tiếng Việt. *Les idées gouvernent le monde* - Tư tưởng lèo lái thế giới. Mà tư tưởng là những chuỗi dài các từ, các chữ được nhà tư tưởng vận dụng, nhưng trong chuỗi ngôn từ, quan trọng hơn hết chính là động từ; nó đóng vai trò vận hành của tư tưởng. Bọn mánh mung dẫn con người vào mê lộ với cái lối dùng động từ lập lờ của họ. Mẹ, cái *rhétorique* nửa mùa của cái anh nhạc sĩ nầy thật nguy hiểm!"

Cô lại cũng giống như ông nhà binh kia, chỉ rủa thầm. Sao vậy?

Ngoài ra, trước đó trong bữa tiệc, Đỗ Công San còn hát những ca khúc cá vàng Việt Nam cho khách khứa da vàng nghe. Mọi người từ anh bồi chị bếp cho đến mấy ông lớn, bà lớn há miệng nghe quên cả ly sâm banh sóng sánh hoàng kim; có vị nghe đã quá, ném luôn cả ly rượu tây sủi bọt vào tường và chép miệng than trời ước được ly rượu đế chính hiệu con nai vàng cất từ những lò Nam Trung Bắc xứ Việt uống mới đậm đà tình dân tộc. Nghe ca khúc cá vàng từ ba giòng sông đất nước mà lại uống sâm banh tận đâu đâu xứ người thì thiệt không đâu vào đâu cả. Chỉ có Nguyệt vẫn thủng thỉnh nhấp từng ngụm loại rượu mà những lần về trang trại trồng nho của bố mẹ Bernard ở Bordeaux, hai người lén xuống hầm rượu vừa nhấp vừa thưởng thức những giọt tình tí tách trong tim. Cô có lúc đã nói với Bernard: "Tây phương chỉ có hai món đáng trọng vọng đó là đàn dương cầm và sâm banh, chúng chỉ đường đến ánh sáng sự sống."

Anh chàng nhạc sĩ đu đưa trên cành và cười lích chích với Nguyệt, như một chú khỉ con. Thỉnh thoảng anh lại nhảy xuống vớ lấy đàn ghi ta thùng khảy khúc tứng từng tưng. Rồi anh ta nhai ngấu nghiến đôi kính cận, ca bài hạnh ngộ máu me. Anh kể rằng đất nước ngàn

năm nô lệ, triệu năm da vàng mũi tẹt. Anh ước mơ đi thăm hàng hàng mộ chí. Anh thương mẹ Việt Nam, thương quá sức, và tình nguyện dìu các bà qua nghìn trùng tai biến, lại còn bê cả đất mẹ thương tích lên võng để ru. Hình như ngày xưa anh ta là kẻ sinh thiếu tháng èo uột, được mẹ ru nhiều, nên ra cái điều thích chuyện ầu ơ. Và nửa cái đất nước còn lại hình như cũng giống như thằng cu, cái hĩm, rất khoái những điệu ru của anh. Ôi, cô-bé- quàng-khăn-đỏ nam nữ nào, dù đã lớn xác, mà lại chẳng thích câu ru của mẹ, của bà. Bao nhiêu trái trứng cá đỏ au, mọng nước nghe tiếng anh ta hát, mê tơi, rơi ào ào vào miệng anh chàng, và chui luôn vào thùng đàn. Người ta không còn phân biệt được tiếng ca, tiếng đàn của gã là những âm thanh đớn đau của máu hay là tiếng dịu ngọt trái trăng. Nguyệt lịm người, vì bài ca diệu vợi nào mà chẳng có máu tươi và mật ngọt; cái cô Nguyệt mới hôm nào, trước mọi ngôn phái, thi phái xứ người, vẫn lạnh như vầng trăng đông chí, và, chỉ mới lúc nãy đây, giữa bữa tiệc, hằm hè với những ngôn từ ngọt lẻm của gã nhạc sĩ, thế mà bây giờ, lại run rẩy há miệng hứng lấy những trái trứng cá đỏ tươi từ miệng anh nhạc sĩ phun ra. Và khi đã bưa, cô bước đến gần và sà vào lòng gã Trương Chi tái thế đó - lúc nầy đã ngồi bệt dưới tán cây - như rơi vào vực thẳm huỷ diệt mà nào có hay.

Khi vầng trăng rằm khuya lên ngự trên thiên đỉnh, không biết gà từ đâu giữa phố thị mà gáy vang vang.

Sáng ra người ta không còn thấy Nguyệt ở trong vườn nữa; chiếc áo dạ hội màu xanh biển thái bình bị quẳng vào sọt rác lờ nhờ những trái trứng cá Âu Cơ chưa kịp tiêu bị mửa ra. Gia đình không biết cô đi đâu.

Hỡi Titan! đối với những con mắt bất tử,
Những đớn đau của loài hay chết
Dù các vị thần bất tử ấy nhìn thấy trong cái thực tại thê thiết của chúng,
Các vị ấy vẫn chẳng chùn tay.
Thế thì cái gì sẽ là cái bù lại cho cái lòng thương xót cuộc thế của ngươi?
Cắn răng chịu đựng,
Đá tảng, kên kên, và xích xiềng,
Tất cả những thứ ấy, con người, dù kiêu hãnh, vẫn biết đau;
Thế mà ngươi lại không tỏ cái vẻ kẻ lâm chung.
Đớn đau quằn quại; nói ư? chỉ nói khi vắng vẻ,
Và rồi cứ ngại rằng trong khung xanh kia có kẻ nghe lén, nên ngươi đã chẳng cất tiếng thở dài
Cho tới khi trời kia không còn dội tiếng.

*

Titan hỡi! ngươi phải đấu tranh giữa đớn đau và cái lòng tham -sanh-uý-tử,
Trong những trường hợp hai điều đó không thể giết chết ngươi thì chúng lại xoay ra hành hạ ngươi,
Và Ông Trời bất bao dung,
Và cái Định Mệnh câm điếc tàn bạo kia,
Cái nguyên lý vận hành của Sự Ác, vì chỉ để làm trò vui, đã tạo tác
Những thứ mà Ác ta một ngày nào đó lại sẽ hủy diệt,
Cái nguyên lý đó đã khước từ ngươi cái diễm phúc được chết cho rảnh nợ:
Và cái tặng vật thê thiết mang tên Vĩnh Cửu lại dành cho ngươi - và ngươi đã ung dung đón nhận
Tất cả Sấm Sét.

*

Và lời cảnh cáo của ngươi sẽ là: Ném trả vào mặt Hắn những hành hạ mà ngươi đã chịu trên giàn khảo hình;
Ngươi đã thấy rõ trước: Phận ngươi phải hành động như thế,
Nhưng ngươi sẽ không huyênh hoang với Hắn.
Trong Thinh Lặng của ngươi có Lời Tuyên Án.
Trong Linh Hồn của Hắn chỉ thoáng một chút ân hận vô nghĩa,
Và sự gieo kinh hãi ác độc của Hắn, ai đó đã cố tháo gỡ mà chẳng nên cơm cháo gì
Đến nỗi trong tay Hắn Sấm Chớp lại vẫn run rẩy từng cơn.

*

Từ-tâm là một loại tội ác Ông Xanh đã phạm:
Chuộc lại, trong khi buông lỏng lề luật,
Trùng trùng khốn nạn nhân sinh;
Và Trời lại còn trang bị cho Con Người trí khôn để cho nó được mạnh mẽ.
Dù trên đỉnh cao kia ngươi hổn hển,
Nhưng nơi nghị lực, trong chịu đựng, và trong sự chống trả của ngươi,
Hậu thế chúng tôi đã thừa hưởng được một bài học uy dũng:
Ngươi là biểu tượng, là dấu chỉ về phần số bất phục, về sức mạnh
Cho nhân sinh khả tử chúng tôi;

Cũng giống như ngươi, Người Thế có một phần linh,

Một giòng nước khoáng bùn phát xuất từ cội nguồn tinh khiết;

Và Người Thế, một phần nào, có thể thấy trước phần số tóc tang của mình,

Sự khốn khổ, và sự phản kháng,

Và cái hiện hữu phi liên kết buồn bã của hắn.

Và Tinh Thần của Người Thế đã đương đầu với cái hiện tồn ấy - Và đối đầu luôn với cả mọi thứ sự dữ.

Một ý chí sắt đá, và một cơ tâm thẳm sâu,

Dù trong cay cực mà vẫn chối từ mọi đền bù thăng thưởng.

Lẫy lừng ở chỗ Người Thế dám thách đố,

Và dám biến Sự Chết thành Khải Hoàn.

(George Byron / Promotheus - Promotheus-người-cướp-lửa-Trời)

*

Cả hai tuần nay pháo của quân Bắc Việt đủ loại nện vào đồn. Những giàn trọng pháo trên những ngọn núi cao bao quanh bắn trực xạ vào; chúng gần đến độ có thể thấy khói bay từ các họng đại bác. Mấy chiếc phi cơ oanh tạc của không quân Việt Nam Cộng Hoà chẳng đủ sức, đủ số, để bịt miệng những họng súng đó; phải giảm số các phi vụ và phải tiết kiệm bom vì quân viện đã bị Mỹ cắt sát ván. Và cái chết nó như một trái lựu đạn đã giật chốt rồi; chỉ còn một tiếng nổ chuyển đời.

Khi đợt xung phong cuối cùng của quân Bắc tràn vào tiền đồn thì đồn đã tan tành, đúng là không còn hòn đá nào chồng lên hòn đá nào. Và tất cả đã bị thiêu rụi bởi loạt bom napal mà thiếu tá tiểu đoàn trưởng chỉ huy tiền đồn đã ra lệnh thả khi quân cộng sản Bắc Việt tràn ngập đồn. Cái cảnh hủy diệt của thành quách Giêrusalem mà Chúa Giêsu đã tiên báo và cái địa ngục của thi hào Dante vẽ ra trong *Tấn Tuồng Thần Thánh* thiệt không nhằm nhò gì so với cái cảnh tiền đồn Đa Rưng vào lúc đó. Một địa ngục đen, nát ngươu, nhầy nhụa; xác người tơi bời như một mẻ cá trích nướng ai đó đã hắt xuống cõi trần như những đồ thiu thối. Và im lặng tận cùng, cái thinh lặng nó mạnh đến nỗi có thể bóp chẹt, nhận chìm được những tiếng kèn tây xung trận và những câu xung phong hùng hổ cuối cùng "Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các đồng chí tiến lên!" "....." và cả những tiếng súng và tiếng lựu đạn ném vào các cửa hầm.

Rồi khi toán lính Bắc Việt đầu tiên xông vào hầm truyền tin cũng là hầm chỉ huy, chúng thấy một xác đàn ông cháy như một con chó thui quá lửa, hàm răng nhe ra như đang cười, nhưng cạnh cái xác cháy đó lại có thân thể một thanh nữ trần truồng và... trắng như cẩm thạch trắng, cái thân thể ấy đang trong một tư thế rướn cong hình cung lên trời, hay nói đúng hơn lên trần hầm trú ẩn, như một nỗ lực cuối cùng nhằm hứng lấy những bom đạn từ trời...

Na Uy/ Giáng Sinh 2000

Chú Thích: (Theo thứ tự xuất hiện.)

* Cái bí nhiệm... trích từ La Condition humaine - Phận Người của André Malraux, văn hào, bộ trưởng bộ văn hoá Pháp, (1901 - 1976). Nguyễn Văn Thà dịch đoạn này.

* *L'Apocalyse Viêtnamienne*: Khải Huyền Việt Nam (Khải Huyền: Cuốn sách viết về sự hủy diệt thế giới - ít ra theo nghĩa đen - trong cuốn sách cùng tên trong Kinh Thánh).

* Pourquoi: Tại sao?

* Le rôle...: Vai trò của tu từ trong cuộc Đại Cách Mạng (1789). Tu Từ: Nghệ thuật dùng ngôn từ để gây xúc động, hoặc thuyết phục người nghe (người đọc).

* Gaulois: Tiếng xưa để chỉ dân Pháp.

* Bienvenue...: Chào mừng (con) về với mùa ân phước!

* Rimbaud: (1854 - 1891) Thi sĩ Pháp, tác giả tập thơ *La saison en enfer: Mùa Hỏa Ngục, ...*

* L'Indicatif: Xác định cách của động từ

* Le Conditionel: Điều kiện cách của động từ

* Hỡi Titan...: Dịch từ bài thơ Promotheus (Người Cướp Lửa Trời Promotheus) của George Byron, thi hào Anh, (1788 - 1824). Nguyễn Văn Thà dịch.

* Titan: Siêu nhân trong thần thoại Hi lạp.

* Promotheus: Siêu nhân đã cướp lửa của Trời Zeus, cho nhân loại, bị bắt được và bị xiềng trên núi Caucase, (theo thần thoại Hi lạp). "Hắn": Nguyên Lý Sự Ác.

* Dante, Alighieri (1256 - 1321): Thi sĩ, học giả người Ý; tác giả trường ca *Tấn Tuồng Thần Thánh (Divina Comedia)* gồm ba phần: Hỏa Ngục, Luyện Ngục, Thiên Đàng. Các hình ảnh ghê sợ về hỏa ngục trong các bức tranh hỏa ngục treo trong các nhà giáo dân Công giáo, đa số, dựa trên những hình ảnh Dante tưởng tượng trong tác phẩm kể trên. Hỏa ngục, theo Kinh Thánh, không rùng rợn như người ta tưởng.

* Woodstock (festival): Đại hội quần tụ giới trẻ, hippy, năm 1969 (15.9), kéo dài trong năm ngày, có tới 400.000 người tham dự. Chống chiến tranh (Việt Nam); cổ võ tình yêu; nhạc "mới"; thử nghiệm tình dục kiểu mới, ma tuý, và các loại đạo xứ lạ (Ấn độ...)●

QUÊ HƯƠNG VÀ MỘT CÕI ĐI VỀ

Bút ký

NGUYỄN VĂN TUẤN

Trong chuyến bay của Hãng Hàng không EVA từ Los Angeles về Đài Bắc (Taipei) có hơn 75% là hành khách người Việt. Trái với những lời đồn đãi là dân Việt ta, nhất là mấy anh chị "choi choi", hay "quậy" trên máy bay; trong chuyến đi này, tôi thấy đồng hương ta rất dễ mến, họ còn lịch sự hơn cả người Tây phương mà tôi đã từng có kinh nghiệm đi chung nhiều lần. Tôi mua vé hạng bình dân (economy class), nhưng chả hiểu sao, họ lại bí mật nói riêng rằng họ đã bố trí cho tôi ngồi ghế hạng thương gia (business class). Thành ra, tôi thưởng thức tất cả các tiêu chuẩn của một thương gia. Cũng là một điềm may.

Máy bay hạ cánh xuống Đài Bắc vào lúc sáng sớm. Trong khi chờ đợi chuyến bay về Sài Gòn, tôi đi lang thang trong các quầy bán hàng miễn thuế (duty free shops) trong phi trường, và tình cờ nghe giọng Bắc lẫn Nam kỳ líu lo sau lưng. Chao ôi, ở một vùng đất xa lạ này mà nghe được tiếng nói của đồng hương làm tôi cảm thấy ấm áp làm sao! Quay lại thì thấy một đoàn tiếp viên hãng Hàng không Việt Nam, các cô thì mặc áo dài màu hồng và các anh thì mặc veston màu xanh nước biển rất đẹp mắt. Tôi thấy ai cũng xinh tươi cả, nhưng chỉ tiếc là không quen nên tôi chỉ để ý cho biết. Nhìn đồng hồ đã tới giờ làm thủ tục chuyển máy bay nên tôi vội quay lại cổng chuyển tiếp. Sau khi chờ làm thủ tục lên máy bay khoảng một giờ đồng hồ (hơi chậm vì lối tổ chức luộm thuộm), tôi lại lên một chiếc Boeing 747 khác để bay về Việt Nam.

Sau khi lên lại máy bay, người ta phát cho tôi cả ba cái mẫu giấy để điền: một mẫu dùng để khai những món hàng, quà cáp, hành lý, v.v... mang vào Việt Nam; một mẫu giấy về cá nhân mình; và một mẫu giấy giống như hộ khẩu để trình Công an khi về đến địa phương cư ngụ. Chỉ cái này thôi cũng cho thấy là thủ tục Việt Nam quả rườm rà! Tôi từng nghe nói nhân viên hải quan thường hay vòi vĩnh, kiếm tiền từ hành khách Việt kiều, nên trong khi điền đơn, tôi hỏi một chị đồng hành giá "quà" lúc này là bao nhiêu. Chị ta và một người đồng hành khác khẳng định là 5 tới 10 đô-la Mỹ mà thôi. Tuy biết thế, nhưng tôi cũng chưa biết là cho tiền bằng cách nào và ở khâu nào. Mà, thật ra, tôi cũng không có ý thực hành việc làm tiêu cực này vì thấy không có lý do gì để mình phải làm như thế.

Sau khoảng ba giờ bay, máy bay đã lượn trên không phận của Sài Gòn, tôi nhìn thấy toàn quang cảnh phía dưới đất rất ngoạn mục. Khác với các thành phố phương Tây với những tòa nhà cao chót vót và đất đai vuông vắn, Thành phố Sài Gòn phần lớn vẫn là những tòa nhà thấp và còn nhiều màu vàng hơn màu vôi trắng hay màu lấp lánh của kính. Sông ngòi màu vàng đục, phù sa thay vì màu trắng xanh lạnh người ở các nước Tây phương. Máy bay đáp xuống phi đạo, quang cảnh phi cảng Tân Sơn Nhất quả thật khiêm tốn và nghèo nàn so với những phi cảng quốc tế khác trong vùng. Phi đạo vẫn còn loang lổ, cỏ mọc lấn ra đường nhựa... Cách phi đạo vài trăm thước là những dãy nhà từng dùng để máy bay quân sự của Mỹ thời trước 1975, nay là những nơi trú ngụ của trực thăng.

Máy bay dừng hẳn bánh ngoài phi đạo, nhưng không ghé sát cửa phi trường (như ở nhiều nước phương Tây), có lẽ vì do thiếu phương tiện kỹ thuật (?). Xe buýt đã đến tận cửa máy bay sẵn sàng chở hành khách vào phi trường. Vừa bước ra máy bay, đã cảm thấy nóng và ẩm ướt. Nhưng sự phục vụ của nhân viên trong phi trường rất nhanh chóng; thành

ra chỉ trong vòng ba phút, tôi đã có mặt trong phi cảng với máy điều hòa không khí, rất dễ chịu. Cảm giác về quê sau nhiều năm trời lưu lạc làm tôi hơi bồi hồi, xúc động...

Xúc động chẳng bao lâu, tôi lại phải đương đầu với thực tế mang chút phũ phàng: làm thủ tục nhập cảnh. Khi đến trình hai anh chị cảnh sát hải quan, họ đuổi tôi đi chụp hình vì tôi không có hình (vậy mà chả ai dặn dò gì tôi về cái khoản này cả). Tôi đến chỗ chụp hình cũng như hàng chục khách khác cùng cảnh ngộ, phải xếp hàng dài thượt. Cô chụp hình, mặt lạnh như đá và hình như đã quá quen với công việc, ra lệnh cho tôi ngồi xuống và bấm máy chụp vang lên tiếng "cốp". Trong lúc xử lý tấm ảnh, cô ta nói, qua giọng Bắc kỳ trong trẻo, nguyên văn: "Đưa hai chục ngàn đây chứ!" Tôi loay hoay đưa cô ta 20,000 đồng và hỏi hình này để làm gì thì lại gặp câu trả lời không mấy thân thiện: "Ai biết được, hỏi mấy ông ấy đấy!" Tôi lại xin cái kẹp bấm để đóng hình vào giấy, cô ta ném cái kẹp bấm xuống bàn làm vang lên một tiếng "rầm" và chả nói chả rằng gì cả. Tôi cám ơn cô ta và quay lại xếp hàng trình hải quan.

Anh công an hải quan nhìn qua Giấy thông hành mang quốc tịch Úc của tôi và hỏi có vẻ một chút ngạc nhiên: "Anh đi từ Mỹ?" Tôi như đoán được sự thắc mắc chính đáng của anh ta và đáp: "Dạ, tôi mang quốc tịch Úc, nhưng làm việc ở Mỹ." "À, thì ra là thế. Anh làm gì ở Mỹ," anh ta tò mò hỏi. "Dạ, tôi làm nghề dạy học." Anh ta chẳng hỏi gì thêm và đưa Giấy thông hành của tôi cho cô đồng nghiệp ngồi bên cạnh để kiểm tra hay làm gì đó, và tiếp tục làm việc với hành khách khác. Sau khoảng ba phút, cô công an hải quan trả lại Giấy thông hành, và tôi phải đi nhận hành lý. Tôi chẳng cho "quà" gì cả, và anh ta cũng chẳng hỏi gì thêm.

Cả phi trường chỉ có một cái máy di chuyển hành lý (baggage carousel), mà hôm đó có cả ba chuyến bay từ ngoại quốc vào nên rất ư là bận rộn. Quang cảnh nhận hành lý có thể nói là rất hỗn loạn. Có nhiều đồng hương mang theo cả 10 bao hành lý to lớn! Nhiều người kéo nhầm hành lý của người khác, nhưng lại không bỏ lại carousel, khiến cho hành khách mặt mài hớt hải chạy tới chạy lui đi tìm hành lý. Có khách còn nhảy lên cái carousel và đi tìm hành lý, mặc cho carousel đang quay vòng vòng! Trước những cặp mắt kinh ngạc của người nước ngoài, tôi cảm thấy thật... xấu hổ cho người Việt hải ngoại của mình. Trong khi đó, nhân viên phi trường chỉ đứng nhìn!

Đến khu xét kiểm tra hành lý, anh nhân viên hải quan nhìn qua thấy một thùng sách và một đống tạp chí y khoa, anh hỏi: "Anh có giấy phép mang sách báo này không?" Tôi hơi ngỡ ngàng và đáp: "Dạ không. Nhưng đây là sách báo khoa học tôi mang vào cho trường đại học ở đây mà!" Anh ta giải thích là nhà nước có chính sách này, và đề nghị tôi báo cho người của trường ra nhận, vì anh ta không dám cho tôi mang sách vào. Cũng chả sao, vì chả gấp gì. Tôi nghĩ vậy và đồng ý với đề nghị của anh ta. Điều khá phi lý là anh ta cho tôi đem vào những sách nằm trong va-li cá nhân! Anh ta xem qua vài cuốn sách cá nhân, cầm chai rượu và vài cây thuốc lá, hỏi mấy câu bâng quơ như "Anh mới về à," "Anh đi nước ngoài bao lâu rồi," "Anh sẽ ở Việt Nam bao lâu", v.v... nhưng hoàn toàn không vòi vĩnh "quà cáp" gì cả. Nhưng phía sau lưng tôi, một tiếng nói khá lớn vang lên

"Giời ơi, đã cho đằng kia rồi, mà còn cho đằng này nữa sao?" Tôi tò mò quay lại nhìn thì thấy một ông cụ đang gắt gỏng, dằn giỗi với nhân viên hải quan về một món hàng gì đó. Hình như không muốn trở ngại, nhân viên hải quan lặng lẽ và vội vàng xếp lại hàng và cho ông cụ ra ngoài. Phần tôi, chỉ sau năm phút, tôi đã ra khỏi cổng hải quan và tay bắt mặt mừng với mấy đứa em đang đứng chờ ở ngoài từ... 10 giờ sáng!

Quang cảnh phi trường cực kỳ nhộn nhịp, có pha chút hỗn loạn, người đông đến nỗi chen chân khó lọt. Tiếng gọi nhau ơi ới, tiếng khóc sụt sùi của những người ra đi và người tiễn đưa; những nụ cười giòn tan, những cái bắt tay thân tình của người về và người ra đón, làm tôi liên tưởng đến bài thơ "Những bóng người trên sân ga" của thi sĩ Nguyễn Bính, trong đó có đoạn: *"Những cuộc chia lìa khởi từ đây / cây đàn sum họp đứt từng dây / những lời bèo bọt thân đơn chiếc / lần lược theo nhau suốt tháng ngày."*

Xe đò ơi, những vất vả ngày ấy

Trong chuyến đi ba tuần này, tôi quyết định đi từ Sài Gòn về Kiên Giang (và ngược lại) bằng xe đò thay vì bao xe du lịch. Ai cũng khuyên tôi không nên đi xe đò, vì sẽ gặp nhiều phiền phức và nhọc nhằn lắm. Có người bạn còn đem tin tức trên báo chí về một vụ cướp bóc trên một chuyến xe nào đó để dọa tôi.

TẠ KÝ

RUỒI VÀ EM

LTS. Bài này được nhà thơ Tạ Ký sáng tác trong trại cải tạo Xuân Lộc khoảng năm 1976, do họa sĩ Trịnh Cung, người cùng trại, đọc lại theo trí nhớ, vào tháng Ba năm 2001.

Ruồi từ hố tiêu bay lên
Tiếng ruồi lao xao như sóng gợn
Mắt ruồi nâu làm nhớ tóc Tây phương.
Ruồi đậu trên giây thép gai như chuỗi hạt huyền
Anh tặng em ngày cưới.
Ruồi đậu trên giây thép gai như những nốt nhạc
Giây thép gai kể nhạc không đều
Làm sao em hát.
Có bầy én về không phải để báo tin Xuân
Vì anh biết mùa Xuân đã chết
Có bầy én về tìm ruồi trên giây thép
Chuỗi hạt huyền vỡ tan
Anh gọi tên em mấy lần.

Nhưng tôi thì lại muốn tìm lại dư vị xe đò ngày xưa nên dứt khoát bỏ ngoài tai những lời khuyên cản ấy.

Sau khi lưu lại Sài Gòn một đêm không ngủ được vì nao nức về quê, sáng hôm sau tôi thức sớm, tay sách hành lý, vai mang ba lô, ra Xa Cảng Miền Tây để mua vé. Buổi sáng mới tinh sương mà hàng quán quanh Xa Cảng đã tấp nập người đi lại và buôn bán. Mấy anh chàng xích lô có lẽ thấy tôi nặng vai, nên không ngừng "gạ" tôi đi xe họ. Đi dọc theo chợ Bình Chánh, tôi để ý thấy vài khẩu hiệu rất cũ như *"Đảng Cộng Sản Việt Nam Quang Vinh Muôn Năm!", "Bác Hồ Vĩ Đại Sống Trong Lòng Sự Nghiệp Cách Mạng Của Chúng Ta"...* vẫn còn xuất hiện lẻ tẻ đây đó, dưới làn nước sơn phai màu (hình như không ai buồn bỏ công sơn phết lại, và chắc cũng chẳng ai lẩm cẩm để ý đọc như tôi). Qua cổng, đi vào phía trong, tôi thấy Xa Cảng vẫn nhộn nhịp như ngày nào, nhưng sạch sẽ hơn nhiều so với thời trước 1975 hay thời bao cấp. Xe cộ đậu rất thứ tự và theo tên từng tỉnh. Dò theo tên của tỉnh mình, tôi tìm tới bến xe về Kiên Giang rất dễ dàng. Bến xe Kiên Giang có bốn chiếc đang đậu chờ khách. Có ba loại xe chính: xe 12 chỗ ngồi (tức xe van bên Úc và Mỹ), xe 25 chỗ ngồi (tức xe mini-bus) và xe lớn hơn khoảng 50 chỗ ngồi (tức xe bus). Nhìn chung quanh tôi thấy phần đông là xe hiệu Hyundai và kế đến là Toyota.

Vừa tới nơi, đã có ba bốn anh lơ xe hay cò gì đó mời mọc đi xe của họ. Họ quảng cáo đủ thứ, đưa ra những "điểm mạnh" của xe mình, để hấp dẫn hành khách. Nào là xe có video chiếu phim chưởng và ca nhạc, xe có máy lạnh, xe chạy tốc hành (express), xe mới chỗ ngồi rộng rãi, tài xế chịu chơi, v.v. và v.v... Cần nói thêm là thời bao cấp xưa tôi đã phải năn nỉ họ, chứ làm gì có chuyện họ chào mời tôi! Quả là trong cơ chế của nền kinh tế thị trường, người khách hàng cũng được đối xử tương đối công bằng hơn.

Tôi chọn chiếc xe 25 chỗ ngồi, không có video nhưng có máy lạnh và tốc hành. Anh lơ xe sốt sắng xếp hành lý của tôi vào xe, và niềm nở dẫn tôi lên ghế ngồi, trong khi miệng anh liên tục tuôn ra những lời nói hết sức ngọt ngào: *"Em biết anh là Việt Kiều, anh nên ngồi ghế trên thoải mái hơn. Xe em chở Việt kiều hoài hà, biết tính hết trơn. Giá chỉ có 40,000 đồng thôi hà, số lẻ đối với anh mà."* Tôi hỏi giá của các ghế khác thì anh nói là 38,000 đồng. Tôi quyết định mua giá 40,000 đồng và cho anh ta thêm 5,000 đồng. Anh ta liền đon đả dẫn tôi đi uống cà phê trong khi chờ khách. Cũng cần nói thêm, một chuyến bao xe từ Sài Gòn về Kiên Giang tốn khoảng 800,000 đồng tới 1,200,000 đồng, tùy theo xe ở Sài Gòn (đắt hơn) hay xe ở tỉnh (rẻ hơn), nhưng mua vé xe đò chỉ tốn khoảng 30,000 tới 50,000 đồng, tức chỉ khoảng 3% tới 5% giá bao xe. Tôi nhẩm tính số tiền còn lại có thể giúp đỡ được nhiều người và cảm thấy vui với cái "hà tiện" của mình ...

Tôi lên xe chờ. Nhìn chung quanh hành khách bạn, tôi thấy xe đò này đúng là dành cho dân nghèo tỉnh lẻ. Cả xe có khoảng 15 người, mà phân nửa là các cụ bà, cụ ông, còn lại là các anh chị học sinh, sinh viên, dân thường hay cán bộ đi công tác. Các cụ thì lỉnh

kỉnh mang theo bao bị đủ thứ đồ ăn, bánh mì; các anh chị học sinh thì sách báo trên tay, đang hăng hái bàn về kỳ thi tốt nghiệp vừa rồi và ăn nói đùa giỡn liên tục như chỗ không người; một hai anh cán bộ hay bộ đội đang say sưa với tờ *Tuổi Trẻ* cuối tuần. Nhìn mấy anh chị học sinh này đùa giỡn, tôi cảm thấy như mình sống lại thời tuổi trẻ hai ba mươi năm về trước. Hồi đó, tôi cũng đi từ quê lên Sài Gòn rất thường xuyên, và cũng đùa giỡn như vậy. Tôi thấy không còn cảnh gà vịt trên xe đò như ngày xưa nữa. Tôi thở phào nhẹ nhõm, chuẩn bị tinh thần cho chuyến đi dài. Theo thời khóa biểu, rời bến lúc 8 giờ sáng, nhưng tôi coi đồng hồ đã 8:20 mà xe vẫn chưa chuyển bánh. Đột nhiên, có một chị nhân viên điều hành bến cảng đến đuổi tài xế phải rời bến. Anh tài xế dùng dằng, chị ta nói vài câu nữa, anh ta phải rời bến. Nhưng trước khi rời, anh ta văng tục, chửi đổng: *"Đ. M., mướn chỗ đậu tốn tiền, thì phải cho chút thì giờ đón khách chớ. Làm gì đuổi hoài vậy."*

Xe bon bon rời Xa Cảng đi về hướng Long An. Theo yêu cầu của khách, anh tài xế mở nhạc. Tiếng hát của một cô các sĩ, mà sau này tôi mới biết là Phi Nhung, vang lên trong trẻo, tình tứ và ướt át, làm hài lòng nhiều hành khách. Nàng ca phần lớn những bài nhạc có giai điệu boléro mà ngày xưa (trước 75) có người cho là "nhạc sến," và sau này có thời được xem là "nhạc đồi trụy" hay "phản động."

Trên chuyến xe năm nào xuôi về miền Tây
Tôi quen một người em gái
Mái tóc buông bờ vai ánh mắt say hồn ai
Lòng tôi vẫn chưa mờ phai
Đường về miền Tây xa qua bao nhiêu phà bắc
...
Xe lướt nhanh trên đường xa mờ ruộng mương
Cây xanh rợp che muôn hướng
Ai chỉ qua miền Tây dẫu chỉ đôi lần
Mà không luyến lưu đầy vơi ...

Xe chạy khoảng nửa giờ thì tới cầu Bình Điền và bị kẹt xe, vì cầu đang xây và tất cả các xe phải dùng cầu "lâm thời" chỉ một đường lane. Nói là tốc hành, nhưng trên đường, khi thấy ai về miền Tây, anh lơ xe cũng đón hết. Anh ta có một giác quan rất nhạy bén, chỉ cần nhìn qua là biết khách đi miền Tây hay không. Mỗi lần gặp khách như thế, anh miệng thì hét "Đi miền Tây hả, lên đi!" và tay thì giúp hành khách lên xe. Nói là xe có máy lạnh, nhưng tôi chả thấy tài xế dùng nó bao giờ trong suốt chuyến đi. Mà thật ra, cũng chả cần dùng máy lạnh, vì gió mát đồng quê có lẽ còn mát hơn cả cái lạnh bệnh hoạn của máy lạnh. Vả lại, cửa xe đóng mở liên tục thì có máy lạnh nào phục vụ đầy đủ cho một chiếc xe rộng như thế!

Đi khoảng một đoạn và nhìn qua cách lái xe của anh tài xế "chịu chơi" này, tôi mới thấy mình sai lầm khi chọn ngồi gần ghế anh ta. Thoải mái, rộng rãi thì có đấy, nhưng kinh hồn vì những lần anh qua mặt xe khác và đối đầu xe đối diện. Mang tiếng là quốc lộ, nhưng thật ra, con lộ từ Sài Gòn về miền Tây chỉ có hai đường lane, vừa đủ cho hai xe chạy ngược chiều. Vì thế, khi muốn vượt qua mặt, tài xế phải dùng đường lane phía bên kia. Có nhiều lúc, hai xe đi đối diện nhau trên cùng một đường lane chỉ cách nhau vài thước, tức sự chết chóc có thể xảy ra, nếu tài xế không lách kịp vào đường lane của mình. Đó là chưa kể đến các xe gắn máy, xe đạp, xe du lịch, v.v... đi gần như loạn xạ trên lộ. Có nhiều lúc, tôi chỉ nhắm mắt không dám nhìn vào những lúc qua mặt. Tuy nhiên, tôi để ý thấy mấy tay tài xế cũng có tình đồng nghiệp lắm. Chẳng hạn như tài xế xe hàng (tải) luôn luôn lịch sự nhường đường cho các xe hành khách, bằng cách ra dấu cho tài xế nên qua mặt hay không.

Tôi tìm cách bắt chuyện, và hỏi anh tài xế sao anh lại "gan" qua mặt xe khác một cách nguy hiểm vậy. Tuy mới vừa thốt ra những lời nói tương đối "giang hồ" lúc nãy ở bến xe, vậy mà anh ta tỏ ra rất mềm dẻo với tôi: *"Em phải chạy như vậy anh à, nếu không nó sẽ lấn mình xuống ruộng sao."* Tôi ngạc nhiên và hỏi thêm tại sao "nó sẽ lấn mình xuống ruộng," thì anh ta lại nói *"Phải cho nó biết mình có bản lãnh thì nó mới chịu nhường!"* À ra thế! Tôi nói với anh ta là chắc chả có ai gấp gáp gì đâu, anh cứ chạy từ từ. Anh ta chỉ cười, không phản đối, nhưng lời nói của tôi chả có hiệu lực gì hết.

Xe chạy vừa tới bến phà Mỹ Thuận, mùi thịt nướng thơm ngào ngạt đã lấn chiếm các giây thần kinh của tôi. Chưa thưởng thức xong mùi vị quê hương, tôi đã phải đương đầu với một "đội quân" bán đủ loại thức ăn uống mời gọi. Đội quân này vừa đi Honda, vừa đi bộ, luôn miệng rao hàng. Họ còn nhảy lên cả xe để thuyết phục hành khách mua thức ăn của họ. Thức ăn thì ôi thôi đủ thứ: cơm xườn, chả lụa, nem chua, bánh tráng ngọt, nước ngọt, nước suối, trái cây... đủ thứ cả. Có lẽ họ thấy cái mác "Việt kiều" của tôi, nên tôi bị đội quân này chiếu cố tận tình. Trò chuyện cùng một em, tôi nói tôi không phải Việt kiều mà là

học sinh từ Sài Gòn về quê; em nói *"Xạo hoài anh hai ơi, anh tưởng như tụi tui hổng có mắt vậy. Mua dùm em đi!"* Tôi cũng nhân cơ hội mà nói đùa, mua vài món trái cây làm quà.

Nhưng bực bội và khó chịu nhất vẫn là đội quân bán vé số. Họ nài nỉ... dai không tả được. Ngày nay, hầu hết các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long đều có tổ chức xổ số. Vì vậy, ngày nào cũng có chương trình xổ số trên đài truyền hình. Các tỉnh tranh nhau in những tấm vé số màu mè, hoa hòe chẳng kém gì so với thời trước 1975. Đội ngũ đi bán vé số cũng tăng theo tỷ lệ thuận một cách nhanh chóng. Đội quân bán vé số này không những có mặt ở bến phà, mà còn ở các quán ăn uống và nơi công cộng. Họ là học sinh, công tư chức, v.v... Nhưng tôi cũng nghe nói có nhiều người chỉ sống vào nghề bán vé số, thậm chí có người làm giàu cũng bằng nghề này. Tôi chợt nghĩ mai đây, khi cầu Mỹ Thuận xây xong (lúc đó đã khoảng 80% hoàn tất), những người này sẽ làm nghề gì.

Từ trên phà, nhìn xa xa chút, tôi thấy một khu nhà xây toàn bằng ngói đỏ. Hỏi ra mới biết là khu "Làng Tây," tức là khu nhà dành cho chuyên viên và nhân viên xây cầu người nước ngoài (Úc, Mỹ, Tân Tây Lan, Anh, v.v...) ở. Anh bạn đi đường còn nói cho tôi biết là làng này được xây hoàn toàn theo mô hình của Úc. Cứ mỗi cuối tuần là các anh chàng chuyên viên này đi du lịch trong các khu vườn trái cây ở Mỹ Tho và Vĩnh Long. Vì thế, Việt Nam đã có khá nhiều ông rể người Úc, Mỹ, Anh, Tân Tây Lan từ cái công trình này.

Phà Mỹ Thuận chạy nhanh và phục vụ khá hữu hiệu. Tình trạng chờ phà như ngày xưa hầu như không có. Không đầy 15 phút, phà đã qua phía bên kia sông và xe lại lên đường. Xe tôi không đi ngang phà Cần Thơ mà lại đi hướng phà Vàm Cống. Phà này có qui định khác với phà Mỹ Thuận. Ở đây, hành khách phải mua vé (1000 đồng mỗi người) để qua phà. Phà Vàm Cống yêu cầu hành khách xuống xe trong khi xe lên phà, nhưng Mỹ Thuận không có qui định này. Mặc dù vậy, tôi thấy gần 50% khách không chịu xuống xe, chắc ngại rời máy lạnh. Phà Vàm Cống chạy chậm hơn phà Mỹ Thuận, và sông cũng dài hơn, nên tốn cả 25 phút mới qua tới bến phía bên kia bờ. Trên phà, tôi lại một lần nữa bị "khủng bố" bởi mấy em bé bán vé số và thức ăn. Tôi có tính không cầm lòng được trước những khó khăn của người khác, nên lần này, sau khi nghe một em bé năn nỉ là em cần tiền đóng học phí gì đó (chả biết câu chuyện thật hay giả, nhưng qua ánh mắt của em tôi có cảm giác là thật), tôi đã mua cả 80,000 đồng tiền xổ số và thế là "tai họa" đến với tôi ngay: chỉ trong vòng năm phút, cả một đội quân bán vé số đến năn nỉ xin mua. Tôi hoảng quá và trốn lên xe cho yên thân, trước cái cười thông cảm của anh tài xế.

Xe vừa qua phà Vàm Cống, anh tài xế cho ghé lại quán Ba Mỹ để hành khách ăn uống, giải lao và làm vệ sinh cá nhân. Tôi cũng theo bà con ăn một tô hủ tiếu Mỹ Tho ở đây. Ngon không tả được! Anh bộ đội ngồi trên ghế phía sau tôi trên xe, nãy giờ im lặng đột nhiên lân la đến làm quen với tôi. Qua trò chuyện một chút, tôi được biết anh ta là một Trung úy hải quân, nguyên quán Quảng Nam, và đang đóng quân ngoài đảo Phú Quốc, một huyện thuộc tỉnh Kiên Giang. Ngày xưa, tôi từng ra đảo này nghiên cứu, ước tính sản lượng cá biển nhiều lần, nên cũng nhân dịp hỏi anh về tình hình ngoài đó, và được nghe nhiều chuyện thú vị. Tôi nhắc đến những địa danh quen thuộc và các hãng nước mắm danh tiếng ngoài đó làm anh ta rất ngạc nhiên. Anh ta tìm hiểu về cuộc sống ở nước ngoài và hỏi tôi có muốn về Việt Nam làm gì cho quê hương không. Anh ta còn đi xa hơn tò mò hỏi ngày xưa tôi đi vượt biên hay đoàn tụ gia đình. Tôi nói thật là tôi đi vượt biên. Anh ta cười, vỗ vai tôi, và đùa: *"Ngày xưa có người xem anh là phản động đó nhé."* Tôi cũng đùa lại là *"Ngày xưa làm gì có chuyện tôi dám léo hánh đến gần anh."* Vẫn biết anh ta đùa, nhưng tôi cứ suy nghĩ hoài câu nói đó. Mấy chữ "phản động" hay "phản cách mạng" đã làm cho biết bao người phải lận đận lao đao, tán gia bại sản...

Đường từ Vàm Cống về Kiên Giang càng lúc càng hẹp lại. Nhà cửa hai bên đường chỉ cách mặt đường xe chạy một, hai thước. Tôi thấy thật là nguy hiểm cho các em học sinh và người đi bộ bên lề. Anh tài xế tay luôn bóp kèn inh ỏi, ấy vậy mà người đi xe đạp vẫn tỉnh bơ, coi như không có gì phía sau mình! Tôi nghe nói, và cũng không ngạc nhiên, rằng tai nạn xảy ra trên con lộ này hầu như hàng tuần. Đến thị trấn Tân Hiệp thì đường xá lại càng hẹp hơn (chỉ vừa một chiếc xe qua lại theo tiêu chuẩn bên này); đã vậy, dân chúng buôn bán lấn chiếm lề đường một cách... tự nhiên, làm cho xe đi lại càng thêm nguy hiểm.

Nhưng đường từ Tân Hiệp về Rạch Sỏi

được xây lại rất bằng phẳng và tương đối rộng rãi hơn, nhưng cũng không kém phần nguy hiểm. Giữa đường từ Tân Hiệp về Rạch Sỏi, bỗng nhiên xuất hiện một chị thấp người, lanh lẹ, với microphone, và một bao bị gì đó lên xe. Chị ta chuẩn bị giàn máy xong xuôi và cầm microphone bắt đầu nói chuyện. Chị ta nói chuyện rất lưu loát, có duyên và thu hút. Theo dõi một lúc, tôi mới biết chị ta là một nhân viên tiếp thị (saleswoman) của một hãng bán thuốc Tây. Sau khi giới thiệu thuốc xong, chị ta bèn mở bao ra và cho khách hàng xem hàng. Tôi thấy cũng có nhiều khách mua thuốc của chị ta. Sự tiếp thị ở Việt Nam ngày nay quả thật là phong phú!

Nói chung, tôi đã có một chuyến đi xe đò thú vị, nhưng cũng mất hồn. Thú vị vì đã biết thêm "văn hóa" của xe đò, sinh hoạt khó khăn của hành khách từ tỉnh lẻ lên Sài Gòn. Kinh hoàng vì những nguy cơ tưởng như chỉ xảy ra trong chớp mắt. Tôi chợt nhớ đến một bài nhạc rất thịnh hành có tựa đề *Xe đạp ơi* của đôi uyên ương ca nhạc sĩ Phương Thảo và Ngọc Lễ (ở Việt Nam), và thay đổi chữ "xe đạp" thành "xe đò" mà vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa của chuyến đi:

Xe đò ơi, những vất vả ngày ấy
Nhớ thương hoài chẳng nguôi...

Đường từ Sài Gòn về Kiên Giang chỉ khoảng 250 cây số, nhưng phải tốn mất năm giờ (bằng xe du lịch) tới bảy giờ (bằng xe đò) đi đường. Tôi thầm tính, nếu đường xá được xây lại như bên Úc hay Mỹ, tôi chỉ tốn cao lắm là ba giờ lái xe! Chả biết bao giờ Việt Nam ta mới có một xa lộ tiêu chuẩn để dân miền Tây đi lại dễ dàng và an toàn hơn.

Những nẻo đường quê hương của "một cõi đi về"

Xuống bến xe Rạch Sỏi, tôi định đón xe lam về quê, nhưng đã có bà con hay tin và mang xe Honda ra đón. Tôi lại lên xe đi một mạch 15 cây số nữa. Trên đường về nhà, hai bên là ruộng lúa vàng óng. Một vài nơi bà con đang gặt hái, và phơi lúa ra ngoài lề đường lộ. Một cảnh quê thanh bình. Thỉnh thoảng có một quán cóc xiêu vẹo bên đường với tấm bảng chào hàng được viết nguệch ngoạc "Lẩu dê," "Lẩu mắm." Có lẽ đây là những nơi xả hơi của nông dân sau một ngày làm việc trên đồng áng. Xe đi ngang qua xã Minh Lương và Chắc Kha, tôi để ý thấy nhà cửa hai bên đường mọc lên khá nhiều. Con đường từ Rạch Sỏi đến Chắc Kha này xem ra cũng chẳng có gì lớn hơn hay trơn tru hơn so với thời gian của hơn 20 năm trước đây. Hình như Nhà nước chỉ trùng tu lại, chứ không có kế hoạch mở rộng ra, có lẽ vì hai bên đường là ruộng của dân. Nhưng với đà phát triển này, thì việc mở rộng con đường về phía Giồng Riềng và từ đó đi Cần Thơ tưởng cũng cần thiết.

Từ Chắc Kha về làng tôi (khoảng năm cây số) có thể đi bằng hai phương tiện hoặc bằng xe gắn máy, hoặc bằng đò trên sông. Ngày xưa, mỗi lần nghỉ hè, tôi thường cuốc bộ từ đây về nhà, nhưng nay cái lựa chọn đó không còn nữa. Cuộc sống thiếu vận động của Tây phương đã làm cho thân thể tôi trở thành yếu đuối, đã biến tôi thành [nói như ngôn ngữ trong làng] một "công tử bột," chắc gì bây giờ tôi cuốc bộ nổi năm cây số!

Con đường từ xã Chắc Kha về nhà tôi ngày xưa là đường đất nay được đổ đá nhựa lổm chổm. Tôi hỏi thăm và được biết Nhà nước tỉnh có kế hoạch xây đường nhựa với bề ngang sáu thước, để vừa cho hai xe du lịch có thể đi lại ngược chiều thoải mái; nhưng sản phẩm cuối cùng chỉ là con lộ có bề ngang chỉ 3.5m! Một sự ăn cắp của công trắng trợn. Nghe nói ty Công chánh tỉnh đang "điều tra" về sự thất thoát này.

Xe đi qua một vài cây cầu có vẻ vừa mới xây lại nhưng bằng một kỹ thuật rất thô sơ và chắp vá. Cần nói thêm là những cây cầu này nguyên là cầu xi-măng bị phá hoại trong thời chiến tranh trước đây. Đã gần 25 năm trôi qua mà dấu vết chiến tranh vẫn còn lảng vảng đâu đó.

Song song theo con lộ là con sông BTĐ. Tôi chú ý phía dưới sông có một đám cưới rất vui nhộn. Các cụ ông cụ bà ngồi trên một chiếc ghe tam bản hút thuốc lá hay nhai trầu bỏm bẻm, và [tôi đoán là] các bạn của cô dâu chú rể đi trên vài chiếc vỏ tắc ráng (loại thuyền dài khoảng 4,5 thước có gắn máy đuôi tôm). Tuy ở quê, nhưng cách ăn mặt của họ không khác gì một đám cưới ở bên Tây phương: anh chàng rể mặc áo veston; cô dâu áo dạ tiệc; bạn bè cũng veston, ca-ra-vát (nam), áo dài hay váy (nữ); nhưng cũng có một số chỉ quần tây áo trắng... Màu y phục đám cưới cộng với những mâm lễ vật được phủ bằng vải đỏ làm khung cảnh dưới sông thật sặc sỡ. Lâu lắm rồi mới được nhìn lại một đám cưới dưới quê như thế này. Tôi bảo người nhà dừng xe lại để chụp vài tấm ảnh làm kỷ niệm.

(Còn tiếp)

NGƯỜI MỸ TỰ HÀO

HOÀNG NGỌC LỄ

Bước vào tuổi 50, tôi bắt đầu được hưởng quy chế sáu tuần nghỉ hè mỗi năm. Định làm một chuyến sang Bắc Mỹ thì một người bạn lại viết thư sang báo cho biết là vợ chồng anh cùng với cô con gái sẽ sang Thụy Sĩ thăm chúng tôi hai tuần. Thế là cuộc Mỹ du đành phải hoãn lại để tiếp đón và đưa gia đình bạn đi thăm đó đây.

Khi nhận được thơ của bạn thì chúng tôi có điện thoại lại để đề nghị bạn kéo dài chuyến Âu du thêm một hai tuần thì mới có thì giờ để có thể đi thăm viếng một vài danh lam thánh cảnh nổi tiếng như Roma, Paris, Venise..., nhưng anh bạn cho biết rằng cả hai vợ chồng anh đều đi làm cho hãng tư nên không có quy chế nghỉ hè và đi lâu qúa thì sợ mất việc...

Chuyến American Airline tới Geneve trễ hơn 45 phút như dự báo nên chúng tôi thấp thỏm, hồi hộp trông chờ. Cuối cùng rồi thì vợ chồng bạn và cô con gái cũng xuất hiện ở cổng ra với vẻ vui mừng nhưng đượm đôi chút mệt mỏi. Cái hình ảnh đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là cả gia đình anh bạn ăn bận sang trọng quá! Bạn thì complet veston còn vợ con thì cả hai đều mặc soirée giống như vừa rời khỏi một dạ tiệc khiêu vũ. Đứng trước bạn, chúng tôi có vẻ lạc lõng, nhỏ nhoi, thấp hèn và xa lạ với chiếc quần jean và cái áo polo bạc màu. Gia đình bạn trang trọng và lịch sự quá! Đã vậy trên hai tay của mẹ con bạn mỗi người còn một bó hoa tươi mua từ một phi trường chuyển tiếp. Chúng tôi hơi mắc cỡ về thái độ sơ sài và giản tiện của mình. Cứ nghĩ rằng bạn từ phương xa tới còn mệt mỏi thì việc ưu tiên hàng đầu là đón bạn về tắm rửa nghỉ ngơi rồi sau đó mới bắt đầu "tửu phùng tri kỷ" nhập lễ. Ai ngờ bạn chi tiết và lễ nghĩa quá, khiến chúng tôi thấy bỡ ngỡ và vợ tôi phải mở lời phân trần này nọ. Thấy chúng tôi có vẻ đơn sơ quá, gia đình bạn cảm thấy phần nào hụt hững mà đã thiếu sự thân tình ngay buổi đầu gặp mặt sau mấy chục năm xa cách.

Trên đường về nhà, bạn ngỏ ý muốn đi vòng qua thành phố Genève để vản cảnh và khi tới trụ sở UN (United Nations) = Trụ sở Liên Hiệp Quốc thì bạn trố mắt ngạc nhiên hỏi:

"Ủa tưởng trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Nữu Ước kia mà! Chắc đây là chi nhánh?"

Rồi khi qua ngang những tòa nhà cao ủy như cao ủy LHQ về tị nạn, trụ sở trung ương Hồng Thập Tự quốc tế... bạn đều thắc mắc và cuối cùng kết luận một cách dễ dàng rằng như vậy là các văn phòng chính đều ở Mỹ và các nước đều có văn phòng phụ. Kể cả Genève.

Từ khu LHQ chúng tôi đã thấy một vòi nước khổng lồ trắng xóa rung rinh đỉnh trời như thiên bút phê vân (bút trời vẽ mây) vậy đó và bạn đòi đưa tới coi bằng được. Bạn có vẻ ngạc nhiên thích thú lắm trước một vòi nước khổng lồ được phun cao tới 122 m.

"Công nhận vòi nước phun cao thật và đẹp quá! Bên Mỹ tớ chưa thấy! À mà tại tụi Mỹ nó không thích chứ nếu nó thích thì nó có thể làm cao gấp 2,3 cũng được."

Trước cảnh đẹp mê hồn này, tôi đã hứng tình làm bài thơ tặng bạn.

Xanh xanh sóng nước, mây trời
Genève cảnh đẹp tuyệt vời dừng chân
Jet d'eau (1) thiên bút phê vân
Cầu Léman đó phù vân bao đời!

ONU (2) tiếng khóc bồi hồi
Chia đôi đất nước bao đời thương đau
Xa xa thập đỏ phất cao
Bao tòa cao ủy thi nhau chan tình

Genève thành phố nghĩa tình
Biết bao phiên họp hòa bình bang giao
Genève cảnh đẹp biết bao
Đàn thiên nga trắng lượn trao ân tình

Rồi chúng tôi ghé qua mộ của ông vua hề Charlot. Ngôi mộ thô sơ khiêm nhường nằm trong một khoảng đất rộng mênh mông nằm soai soải hướng về ngọn Mont Blanc quanh năm ngọn phủ tuyết trắng xóa. Quan sát ngôi mộ với cây gậy và chiếc mũ rộng vành bằng đồng đen treo cắm bên mộ. Bạn nói:

"Ô mà Charlot là người Mỹ kia mà! Tưởng là ông ta chết và chôn ở Hollywood? Chắc đây là mộ giả! Thế mới biết khắp nơi đều ưa chuộng và qúy mến ông ta."

Về tới nhà bạn bảo:

"Chỗ đậu xe bên này nhỏ quá! Bên kia chỗ

nhỏ nhất cũng phải rộng gấp hai!"

"Nhà bên này sao mà cũ kỹ quá! Phòng khách quá hẹp và cái gì cũng nhỏ bé quá!"

Nghỉ ngơi đôi ba phút rồi vợ chồng bạn kéo ra từ những chiếc va li khổng lồ, nào là máy quay phim, máy chụp hình ký hiệu số, máy cuộn tóc và cả những loại nước xúc miệng, những loại kem chống nắng và đặc biệt là mấy chai rượu chát Cali từ vùng nho Bering Hill.

Trong bữa cơm tối thân tình biết bao nhiêu chuyện kể. Chuyện quê hương xa xôi, chuyện ngày xưa tôi cùng bạn học chung lớp. Rồi chuyện gia đình bạn, chuyện gia đình tôi. Mừng cho bạn có một đời sống sung túc trong một nước đại cường, tiên tiến mà theo lời bạn cái gì cũng nhất.

Công việc của bạn là lái xe chở mướn cho một hãng bán mỹ phẩm và đồ hóa chất cho các tiệm *nail* và uốn tóc còn vợ bạn thì làm nghề *nail*. Lợi tức của vợ chồng bạn nếu làm cả ca đêm ca ngày thì nhiều tháng lãnh tới ba, bốn ngàn đô mà lại làm chui không phải khai thuế. Xã hội thì phụ tiền trợ cấp nhà giá rẻ và mỗi tháng hơn trăm bạc tem phiếu. Đối với bạn như vậy là nhất không nơi nào bằng.

Giữ lúc câu chuyện của vợ tôi với vợ bạn đang đến hồi sôi nổi mặn nồng và những miếng mồi đã bắt đầu thấm môi thì tôi với bạn cũng bắt đầu tửu phùng tri kỷ. Hai chai rượu chát của bạn đem biếu đã gần cạn. Bạn thì uống vang pha với đá còn tôi thì không thể vì không quen. Rồi hai chai rượu cũng hết, tôi mở tới chai Margaux, một trong những chai rượu quý tôi đã mua sẵn từ một cave nổi tiếng ở Thonon đãi bạn. Rượu mới mở nắp đã tỏa mùi thơm nồng. Tôi nâng niu ly rượu và uống từng ngụm nhỏ để tận hưởng vị chát thoang thoảng của chateau Margaux còn bạn thì xin một ly lớn và cho vào một cục đá bằng nắm tay sau đó mới rót rượu vào. Uống thử một ngụm, bạn chê rượu nhạt quá và không thơm như rượu của Mỹ. Biết ý bạn, sau khi hết chai chateau Margaux, tôi đem loại rượu bàn (vin de table), một loại rượu rẻ tiền nhưng có nồng độ cao hơn một chút ra đãi và bạn khen là chai này uống thơm và ngon hơn chai khi nãy.

Ba ngày nghỉ ở nhà tôi thấm thoát qua mau và sau đó chúng tôi tháp tùng bạn qua thăm kinh thành ánh sáng Paris. Để có nhiều giờ nghỉ ngơi và có nhiều dịp chuyện trò tâm sự, chúng tôi chọn đi TGV (xe lửa siêu tốc), đoạn đường từ Vevey tới Paris dài 700 cây số, xe chạy hết ba tiếng kể cả thời gian ngừng đón khách ở Vallorbe và Dijon. Tới Paris, chúng tôi đề nghị đưa bạn thăm những thắng cảnh đẹp và nhất là những địa danh đã từng nghe trong văn học như Mont Parnasse, Chatel St Denis, bateau mouche sông Seine, Sorbone, khu Latin, tháp Effelt...

Cũng như ngày bạn từ Mỹ đáp máy bay qua thăm chúng tôi, mỗi khi gia đình bạn ra đường đều ăn mặc như ngày đại lễ. Bạn thì complet veston, vợ và con gái robe soirée lê thê kéo dài, hai bên vai thì nào là máy quay phim chụp ảnh. Nhìn gia đình bạn tôi cứ đinh ninh như lạc vào khu giải trí Đầm Sen hay Suối Tiên của VN, lúc nào cũng có những cặp tân hôn diện đẹp với những ông thợ chụp máy móc nặng vai. Chính vì việc ăn diện của bạn mà chúng tôi không thể đi thăm viếng nơi này, nơi kia như mong muốn được vì gò bó, chậm chạp quá! Hình như bạn thu hình khắp mọi nơi. Bạn trở thành ông thợ chụp chuyên nghiệp hơn là người du lịch nhàn tản bộ hành.

Vì tới Paris vào buổi chiều nên chúng tôi ghé vội qua khu phố tàu để ăn dằn bụng rồi mới đi vãn cảnh. Khu phố tàu quận 13 Paris quá nhỏ bé so với những phố tàu như San Francisco hay Los Angeles nên nơi đây đã không giữ được chân bạn lâu. Chúng tôi ăn qua loa mỗi người một tô bún bò Huế, một hai dĩa bánh "khoọc" của Huế rồi trực chỉ xuống bờ sông mua vé *bateau mouche* làm một vòng *Paris by night* trên sông Seine. Sông Seine thật an hòa, êm đềm trôi theo triều nước sáng lên, chiều xuống và phủ phục hai bên bờ là những lâu đài tráng lệ của cả hàng ngàn năm văn vật. Ngôi thánh đường Notre Dame de Paris đã được xây dựng từ bao đời, xa xa ngọn tháp Eiffel lay động thấu trời xanh, khải hoàn môn rực cờ bay chiến thắng và những toà nhà tráng lệ, nguy nga hùng vĩ theo kiểu cách xa xưa. Bạn tôi không có giờ nói chuyện và tìm hiểu mà chỉ thu chụp như sợ rằng sẽ không có dịp để thu chụp lại những tấm hình kỷ niệm của một lần dạo bước qua đây. Paris tôi đã một lần đưa em qua đây:

Sông Seine giòng nước trong xanh quá
Soi chiếu hình em trong bóng anh
Dưới hàng liễu rũ, trăng che khuất
Phủ kín ân tình trong bóng đêm.

Paris huyền ảo màu sương trắng
Choáng ngộp nụ hôn, chặt tay ôm
Ấm tình anh muốn yêu em mãi
Cho thỏa lòng thương, thỏa nhớ mong.

Chúng tôi đưa bạn tới Louvres, trèo lên tháp Eiffel để nhìn khắp Paris kinh thành ánh

sáng và tới đêm thì vô cửa vũ trường Lido. Lido không có vẻ quyến rũ bạn vì cái dáng vẻ bề ngoài nhỏ bé của nó chứ không bề thế như ở Hollywood nên bạn đã không mạnh dạn lắm khi bước chân vào. Trong vũ trường có lẽ bạn là người chụp hình duy nhất và mặc dù trật tự viên đã yêu cầu bạn không được chụp hình nhưng bạn vẫn lén lút gỡ flash để chụp những pha trình diễn mông, vú ngoạn mục.

Thấy Paris không quá hấp dẫn bạn, chúng tôi rút ngắn thời giờ và đưa bạn đi thành phố nổi Venise, Ý. Một thành phố được liệt vào kỳ quan thứ bảy của thế giới. Venise cũng như Paris chỉ hấp dẫn được bạn ngày đầu khi còn hoàn toàn xa lạ. Những ngày sau thì thường bạn xuất hiện trong thành phố như một ông thợ chụp hình chuyên nghiệp mà không cần biết, cần nghiên cứu về chiều sâu của nó. Trong khi các nhà khoa học, khảo cổ, kiến trúc trên thế giới vẫn đang nức lòng khám phá mỗi ngày một điều mới lạ về thành phố này...

Riêng tôi không thể cầm lòng mà thốt lên:

Kìa trông cảnh đẹp như tranh
Mênh mông sóng nước, xanh xanh mây trời
Venise thành phố bao đời
Kỳ quan thế giới muôn lời vang ca!

Xa mờ đền thánh Marco
Chân chìm đáy nước, tháp nhô đỉnh trời
Gondole (1) khách chở liên hồi
Nhấp nhô sóng vỗ, mây trời bao la

Bềnh bồng bạc trắng xa xa
Mờ trông thành phố khuất xa cuối trời
Tưởng rằng ngập nước, mây trời
Ngờ đâu phố vẫn muôn đời "lênh đênh!"

Những ngày sau chúng tôi đi Roma, Milan nhưng chỉ đi một cách hời hợt để cho bạn tôi thăm qua loa và chụp hình. Bạn hình như không quá quan tâm tới nền văn hóa lâu đời, đặc thù kiến trúc và các tác phẩm của thành đô muôn thuở này. Đã biết bao nhiêu văn nhân, thức giả lên tiếng rằng để có thể lướt qua bảo tàng viện nghệ thuật Roma và thư viện Vatican cũng phải mất một năm trong khi đối với bạn tôi thì hai ngày đã là quá nhiều.

Nơi mà bạn tôi chụp hình nhiều nhất là tòa thánh Vatican và đấu trường La Mã Colosso. Bạn chụp hết cuộn phim này, tới cuộn phim khác. Nhịn lòng không được, tôi buột miệng hỏi:

"Chụp gì mà chụp nhiều thế! Để đâu cho hết!"

"Cả đời mới có dịp đi chơi xa, chụp nhiều về hù thiên hạ cho sướng thân!"

"À, ra là thế!"

"Đấu trường La Mã có cổ kính và có bề dày lịch sử nhưng đâu có to lớn bằng mấy sân đấu bóng bầu dục bên Mỹ!"

"Âu châu nó là lục địa già cỗi rồi! Làm sao mà so sánh với anh trai trẻ lại siêu cường như Mỹ được?"

"Đường phố bên này chật chội quá! Bên Mỹ chỗ nào cũng bốn, năm lane."

Đại khái đi đâu thì cũng chỉ có những câu trao đổi qua lại vu vơ, bề ngoài như vậy mà không hề có những câu hỏi và bàn luận tới bề dày lịch sử của những thắng cảnh những thắng tích đã thăm viếng và thấy bạn không quá hứng khởi nên chúng tôi rút ngắn để về lại Vevey nghỉ ngơi trước khi bạn về lại Mỹ.

Thấm thoát hai tuần lễ nghỉ hè tại Âu châu của bạn đã gần kề và trong một bữa cơm chiều bạn đã tâm sự với tôi rằng: Đi chơi thì sung sướng thật nhưng nghĩ lại ngày sắp phải về đi cày thì thấy mệt mỏi quá! Phần hai tuần nghỉ hè không có lương nên mai mốt cả hai vợ chồng phải gồng mình để đóng *bill*.

Thăm viếng Âu châu, bạn có cái nhìn sai lệch nhưng tự cao, tự đại như người Mỹ chính gốc vậy đó! Hai mươi năm trời sống bên Mỹ mà bạn thay đổi mau quá! Đối với bạn thì cái gì của Mỹ cũng là nhất, giàu nhất và to nhất! Chắc vì phải cầy hai job để trả bill xe, bill nhà nên bạn đã không có thời giờ để theo dõi và để được biết rằng nước Mỹ của bạn cái gì cũng nhất. Tệ đoan xã hội cũng nhất! Trẻ em phạm tội cũng nhất! Trẻ em dưới 16 tuổi mang bầu cũng cao nhất và đại cường quốc của bạn trong ngày hôm nay, bước vào đệ tam thiên niên kỷ vẫn còn tới hơn 40 triệu người không có bảo hiểm xã hội và bệnh tật...

Bạn đi rồi, tôi còn lại bốn tuần hè và chắc tôi sẽ thực hiện ý định Mỹ du để viếng thăm đất nước siêu cường giàu có của bạn mà cái gì cũng nhất. Uổng một điều là sẽ không có bạn đưa tôi đi vì bạn không có được những ngày nghỉ có lương. Tôi sẽ không còn được nghe thêm những cái nhất của Mỹ do câu chuyện bạn kể mà chỉ được nhìn, được thấy bằng chính con mắt học hỏi và khách quan của mình. Dù sao cũng mừng cho bạn đã trở thành một công dân của một đại cường trong đó cái gì cũng nhất. Ước gì sau này với tuổi gần lục tuần của bạn, bạn sẽ có được sáu tuần lễ nghỉ có lương và có đủ loại bảo hiểm xã hội, bệnh tật cần thiết mà mỗi khi đi chơi xa không cần phải đem theo những loại thuốc phòng hờ lỉnh kỉnh!

Vevey (Thụy Sĩ) hè 2000.

BÁN MẶT CHO ĐẤT, BÁN LƯNG CHO TRỜI

(Tiếp theo bài CHỢ VÒM, số 143)

LAN HƯƠNG

Hiện tượng quả đất đang ấm lên làm các nhà khoa học điên đầu suy tính, làm bao nhiêu quốc gia thiệt hại cả về người về của, nhưng dân đi chợ Vòm thì hoan hỷ đón nhận, như một thứ tặng phẩm vô giá của thiên nhiên. Các nhà khoa học tính rằng dân ở Nga được tặng ba độ trong vòng 25 năm. Ôi, thế là tha hồ mà đứng chợ, tha hồ mà bươn trải, giá rét đã bị buộc mất hai chân trong vòng 25 năm tới!

Một trong những kẻ thù của dân chợ Vòm chính là giá rét. Khi cái rét tụt quá 25 độ âm là dân ở đây phải báo động, mọi biện pháp chống rét đều được huy động tối đa, nhưng vẫn phải hát điệp khúc suýt xoa vì rét suốt buổi. Và dù vậy, cũng chẳng ai nghỉ buổi chợ nào vì rét cả. Những ngày bán buôn, người ta vẫn đi từ năm giờ sáng và những ngày nhận hàng người ta vẫn ở ngoài đường đến chín, mười giờ đêm. Chợ những hôm rét thường tan sớm hơn thường lệ, cả người bán lẫn người mua đều muốn chạy trốn cái rét.

Ai cũng biết Nga là xứ lạnh, nhưng lạnh như thế nào thì phải hỏi những người bán ở chợ Vòm mới thấu được cái giá buốt của nước Nga. Nếu một người chỉ đi bộ năm mười phút trên đường rồi chui tọt vào metro hay lên ô tô buýt thì mùa đông nước Nga cũng khá dễ chịu. Giá lạnh vừa mới kịp chui qua lớp áo lông đầy sụ, chứ chưa kịp ngấm vào người anh ta!

Nhưng với người đứng chợ Vòm thì khác, họ phải đứng từ tám đến mười tiếng ngoài trời, ngay dưới tuyết rơi thì dù mặc đến hai lớp áo lông với năm bảy lớp áo ấm thì giá buốt vẫn kịp tóm được họ mà ngặm nhấm, hành hạ.

Những hôm trời lạnh, một ngày làm việc mệt bằng ba bốn ngày thường. Phần lớn năng lượng phải sử dụng để... nhẩy luôn chân. Chỉ cần đứng yên mươi mười lăm phút đã thấy cái buốt luồn vào đến lưng, chân mất dần cảm giác, nên suốt cả ngày cứ phải nhảy chân sáo liên tục. Khổ nhất là đôi tay. Găng tay ấm ở chợ có rất nhiều loại, nhưng đi những đôi găng đó người ta bị mất cảm giác, không đếm được tiền, không xếp được hàng cho ngay ngắn, nên người bán hàng đành cắn răng để tay trần. Cái lạnh chỉ chờ có vậy, sau vài phút đã biến những đôi tay mềm mại thành những đôi tay đá xù xì. Cứ nhìn tay những người bán hàng ở đây, chẳng cần phải là các nhà sinh vật học cũng sẽ hiểu ngay vì sao voi có lớp da dầy và sần sùi, xấu xí như thế. Chung quy cũng giống dân chợ Vòm thôi, da bị nứt nẻ hết lớp nọ đến lớp khác mà thành... da voi. Những chàng sinh viên trắng trẻo, thư sinh nhất sau mấy đợt lạnh đứng chợ cũng thành cửu vạn chính hiệu. Ở đây dân bán hàng thật bình đẳng, ai cũng tất bật, bụi bặm, tay đầy chai chẳng còn cái ranh giới của dân đi học và công nhân, chẳng còn phân biệt được những chàng công tử chỉ quen cầm bút và các anh nông dân quen cầm cuốc từ nhỏ.

Mùa đông, không ai ngồi trong container để tránh rét cả, cái lạnh tích tụ cả đêm trong cái thùng sắt tưởng như quánh lại như tủ đá, chỉ chui vào đó mấy chục phút là người run lên bần bật. Các bà, các chị có cẩn thận đặt bao nhiêu lớp phấn hồng hảo hạng lên má thì vẫn cứ lộ ra mầu xám bên dưới, chẳng có cái đẹp nào chịu được cái rét ngoài chợ Vòm. Cái lạnh làm da của ai cũng xạm lại, khô ráp, đi cả buổi trong khu chợ không tìm thấy một mỹ nhân. Có lẽ vì thế ở đây, người ta không nói đến cái đẹp, không quan tâm đến làm đẹp, mà để tâm đến sự tiện lợi và sức khỏe nhiều hơn. Một anh bán hàng than thở, vết thương nhỏ trên mặt anh đã hơn một tháng mà không thể lành được, cứ sau một ngày đứng ở chợ, giá buốt lại làm nó khô cứng lại, nứt ra thêm, bao nhiêu công chăm sóc cả đêm cũng không đủ làm nó

mềm ra. Mấy chị bán hàng thủ thỉ mách nhau những mẫu áo nào ấm nhất, những nơi bán giầy cỏ tốt nhất. Nếu có ai nhắc họ, "mặc những kiểu áo ấy người đẹp mặc cũng thành... thùng phi di động!" thế nào họ cũng xua đi, "ối dào, đã ra chợ Vòm thì đẹp thế nào được mà giữ!"

Những ngày rét, mấy quầy hàng ăn đông đúc hẳn. Những người dè dẻn nhất cũng đôi ba lần cho phép mình đi mua chè hay café nóng nhấm nháp. Hai tay ôm cốc chè nóng dù chỉ là loại cốc nhựa dùng một lần rồi vứt- vẫn cứ thấy đôi tay ấm áp nhẹ nhõm, thật là hạnh phúc. Những giọt nước chè kém may mắn rớt khỏi cốc, chỉ rơi tới vạt áo đã bị đóng thành băng. Người ta nói đùa, những hôm lạnh các cô nàng "mít ướt" nhất cũng chẳng dám khóc. Nước mắt vừa rơi ra đã đóng thành băng, chẳng mấy chốc mắt sẽ dính chặt lại! Chẳng biết sự thể có như vậy không, nhưng quả thật không có ai khóc ở chợ cả.

Người đi chợ Vòm thích nhất những hôm nhiệt độ dao động từ âm năm đến âm mười độ. Trời vừa sạch, lại không bị nóng quá khi phải khuân vác nhiều.

Không phải chỉ mùa rét dân đi chợ Vòm mới khổ vì ông trời. Những ngày hè nóng trên 28 độ cũng khổ chẳng kém gì rét. Trời rét người ta còn tìm cách mặc ấm được, chứ những hôm nóng khô rang người ta không biết chạy trốn vào đâu. Dân bán hàng ngồi lặng lẽ, cố gắng giảm tối đa các chuyển động để đỡ nóng.

Ở Nga trời khá khô, dưới ánh nắng gay gắt của mùa hè người như đi trên chiếc chảo gang nung nóng. Nhưng chỉ cần bước vào bóng cây, cái nóng dường như đã lùi đi rất xa. Ở chợ Vòm rộng hơn một km vuông không hề có bóng cây nào. Mấy năm trước ở đây còn sót lại vài cái cây con ở một góc chợ. Nhưng rồi cây ở gần container bị chủ "công" tưới nước sôi cho chết để có chỗ bày hàng, cây ở giữa đường thì bị người ta dựa những bịch hàng nặng trĩu nên bị đổ. Giờ đây, cả chợ chỉ còn toàn cây... sắt thép để che nắng. Vòm cuốn liên hoàn bằng nhựa tổng hợp và tôn che trên các khu chợ giúp cái nắng không lọt xuống được, nhưng cái nóng càng hầm hập bên trong, không có chỗ nào để thoát ra. Các "công" ở đầu dẫy được hưởng chút gió trời nên tuy nóng nhưng không đến nỗi ngột ngạt lắm, còn phần lớn các công nằm ở đoạn giữa phải chịu cái nóng hết sức oi ả, cái nóng làm người ta thấy bực bội, bứt rứt không yên. Các chủ "công" tự khắc phục hoàn cảnh bằng cách chốc chốc lại đổ ào ra đường một chậu nước, nhưng cũng chỉ được một lát, không khí đã lại nóng hầm hập. Khách mua hàng chỉ đi trong dãy "công" chừng nửa tiếng, khi bước ra đã nhăn nhó, mồ hôi nhễ nhại. Người bán hàng phải ngồi trong cái không khí ngột ngạt ấy suốt từ sáu giờ sáng đến sáu bảy giờ tối nên ai cũng dễ cáu. Những bà cụ già khó tính người Nga vừa đòi thử hàng đến lần thứ hai đã nhận được những lời chẳng mấy thiện cảm: "Chúng tôi chẳng có cỡ nào cho bà đâu," hay "Thế cụ có định mua không đấy?" Vào mùa rét, người Việt nhìn người Nga mặc phong phanh hơn hẳn nhưng không có vẻ gì co ro, mà thấy thật thán phục. Đến mùa hè tình thế đã thay đổi hẳn, người Nga thấy người Việt vui vẻ cười nói giữa cái nóng trên 30 độ mà lắc đầu lè lưỡi, còn họ ngồi thở không ra hơi. Vào những ngày nóng, ai cũng tự cho phép mình "nới lỏng" những chuẩn mực về ăn mặc. Người Nga tự cho phép mình hạn chế các loại vải trên người đến mức tối đa, còn người Việt tự cho phép mình vứt bỏ các loại giầy dép nặng nề vẫn buộc phải mang cho ra người lịch sự, để mang những đôi dép nhựa vừa thoáng vừa nhẹ. Chẳng thế mà dép nhựa ở Nga được gọi là "dép Việt Nam." Mấy năm nay dân Nga cũng học người Việt mùa hè mang dép nhựa cho thoáng mát, nhờ thế ngành nhập khẩu dép nhựa vào Nga đang hết sức phát đạt.

Bình thường, ở Việt Nam giữa đợt nắng như thiêu ấy được một cơn mưa rào thì không có gì sung sướng bằng. Nhưng ở chợ Vòm này hình như các quy luật tưởng như bất biến đều bị xô lệch cả. Những cơn mưa cứu cánh cũng biến thành một cực hình. Lần này nạn nhân của chúng là đôi tai. Những hạt mưa bé nhỏ là vậy mà rơi trên mái "công", mái vòm cuốn bằng tôn cộng hưởng thành một chuỗi âm thanh hết sức chói tai, liên tiếp đập vào đầu người nghe khiến những người nhiều lời nhất cũng phải tạm im lặng vì không đủ sức "cạnh tranh" với mưa. Mưa rơi lúc mau, lúc khoan, lúc trầm, lúc thánh thót hết sức điệu đàng, nhưng lúc nào âm thanh cũng ở mức dành cho tai voi, nên đối với tai người hơi bị quá tải. Những người hay bị đau đầu thường cẩn thận lấy bông bịt tai lại. Các chủ "công" đầu dãy lúc nắng được hưởng đặc ân nhận gió trời, nên những lúc mưa lại phải cuống quýt dọn hàng vào để tránh mưa hắt. Ông trời quả là công bằng, bắt ai cũng phải có lúc khổ để nhớ trên

đầu còn có... ông trời.

Luật lệ của chợ

Chợ Vòm có cuộc sống riêng với những luật lệ đặc biệt, nó bắt những ai đã gia nhập vào xã hội ở đây phải tuân thủ cái "lệ làng" của mình. Luật lệ của chợ Vòm không được ghi ở bất cứ cuốn sách nào. Cũng chẳng ai bắt phạt những người trái lệ, nhưng ai cũng tự răm rắp tuân theo cái luật lệ vô hình ấy rất miệt mài, tự giác.

Luật lệ của chợ Vòm gồm những gì?

Hai người bạn cũ lâu ngày gặp nhau, một người trách móc:

"Mày biến đi đâu lâu thế, sao không thấy đến chơi, hay ít nhất cũng gọi điện chứ?"

"Dân chợ Vòm rồi mà! Vừa bận vừa không tiện đi chơi đâu cả."

Người Việt ở Nga thường thức dậy vào lúc tám giờ rưỡi sáng và đi ngủ vào khoảng từ mười hai đến một giờ đêm. Phần lớn các công ty Việt Nam làm việc đến bảy giờ tối, như vậy dân đi làm công sở về đến nhà sớm nhất cũng đã 20 giờ, đó là chưa kể phần lớn dân đi làm công sở thường phải làm thêm giờ không công cho đến khi hết việc mới ra về và họ chỉ có mặt ở nhà sau 21 giờ đêm. Nhưng dân chợ Vòm thì sống theo một thời gian biểu hoàn toàn khác. Họ phải đi ngủ từ 20-21 giờ tối để năm giờ sáng hôm sau đã có thể thức dậy đi ra chợ. Với thời gian biểu đặc biệt như vậy, nên dân chợ Vòm dù quanh năm chẳng đi đâu khỏi thành phố vẫn thường "biệt tăm" trong các cuộc vui của bạn bè.

Khác với dân làm công ty mỗi tuần được nghỉ hai ngày tha hồ dưỡng sức, tha hồ ngủ, thỉnh thoảng hứng chí còn tổ chức đi dã ngoại hay lang thang vô bổ trong các cửa hàng nên chẳng biết quý những giờ phút được nghỉ ngơi. Dân chợ Vòm cả năm chỉ được nghỉ mỗi một ngày Tết, nên có giờ phút nào rảnh là lăn ngay ra ngủ. Ngủ trong metro, ngủ gà gật bên bịch hàng, về đến nhà ăn xong bát cơm nguội lại lên giường đánh một giấc rồi mới dậy chuẩn bị bữa ăn tối thịnh soạn cho bõ công cả ngày nhịn đói. Nhưng chẳng phải lúc nào công việc cũng cho phép người ta được gà gật. Chợ Vòm đúng là một thương trường cạnh tranh gay gắt buộc những người buôn bán ở đây phải động não luôn luôn, chỉ chậm một ngày, người ta có thể mất vài chục ngàn đô la, nên không ai cho phép mình tách khỏi công việc, dù chỉ ít hôm. Người ta đến chợ Vòm không chỉ đơn giản để đứng bán hàng. Những người chọn chợ Vòm để lập nghiệp sống với vui buồn, lo âu của chợ. Người ta cố gắng lắng nghe từng biến chuyển của chợ, cố đoán xem chợ cần gì, mong ước gì, như một kẻ si tình lắng nghe ý muốn người yêu của mình. Nhưng chợ chẳng phải một cô gái ngây thơ dễ lung lạc, chợ Vòm như một thiếu phụ chẳng còn trẻ trung xinh đẹp, nhưng bù lại có một gia tài đáng giá, và nàng rất biết giá trị của mình. Nàng bắt những kẻ đến cầu hôn vừa phải hết lòng với mình, vừa phải thông minh, cần mẫn để tự đi tìm lấy kho báu cho riêng mình. Thế nên những kẻ đã phải lòng nàng - hay đúng hơn là phải lòng kho vàng của nàng- cứ cắm cúi bám lấy khu chợ, chăm chú tìm kiếm cái kho báu mà nàng cẩn thận cất giấu ở khắp nơi. Nhưng dân chợ Vòm xem ra cũng còn may hơn nhưng kẻ đi tìm chủ nghĩa cộng sản, ít nhất họ còn biết mình đi tìm cái gì. Những ai không may mắn, chẳng tìm được gì cũng không có cớ gì để trách nàng chợ Vòm, bởi nàng đưa ra luật chơi tuy hà khắc, nhưng công bằng cho tất cả mọi người, họ chỉ có thể tự trách mình không thông minh, hay trách trời không cho họ cơ hội mà thôi.

Tất cả mọi người đến khu chợ khắc nghiệt này đều có cùng một mục đích: làm giầu. Người ta cân đong đo đếm nhau bằng số tiền có trong túi, còn mọi thước đo khác ở ngoài đời đều không có giá trị. Những người đầu đã hai thứ tóc và những đứa trẻ vừa rời ghế nhà trường ở đây có thể vỗ vai nhau cười nói bình đẳng. Dân đi học trước kia, dân đi lao động hay dân đi du lịch sau này mới sang cũng đều nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ buôn bán đặc sệt. Ở đây người ta thật bình đẳng cạnh tranh với nhau. Những thứ bùa hộ mạng thông thường như bằng cấp, con ông cháu cha, xuất thân từ thành phố hay nông thôn, bị vô hiệu hóa. Có lẽ sự bình đẳng để thể hiện tài năng kinh doanh của mỗi người đã giúp người Việt ở đây dễ gần hơn, hồ hởi với nhau hơn những nơi khác. Có thể ở nơi khác, người ta "càng quen càng lèn cho đau," người Việt với nhau càng bán đắt hơn, thì ở đây nếu đi mua lẻ, có thể tin cậy đến các quầy của người Việt mà không sợ bị mua hớ, bởi ai cũng biết, giầu nghèo không phải nhờ bắt chẹt đồng hương một vài đồng mà nên. Những người cùng kinh doanh một mặt hàng ở đây vẫn chơi với nhau rất niềm nở, thậm chí còn kể tuồn tuột cho đối phương nghe về giá cả, bạn hàng của mình.

Chẳng phải người ở đây thánh thiện hơn những nơi khác, chỉ đơn giản, bí quyết thành công ở đây không phải những mẹo vặt hay khôn lỏi, mà phải thực sự là thế mạnh hay tài năng của mỗi người.

Bí quyết thành công

Những người làm ở chợ Vòm những ngày đầu kể lại, "ngày ấy buôn bán dễ lắm, làm gì cũng ra tiền, sờ đâu cũng ra tiền, lãi suất hàng nào ít nhất cũng 50%. Một ngày bỏ túi 1000 đô không phải chuyện khó." Cũng vì mức lãi xuất cao như vậy, nên người ta đổ ra chợ Vòm, từ hơn một trăm "công" lúc ban đầu chỉ sau sáu năm, cả khoảng đất trống mênh mông mấy km mét vuông trước đây, giờ không còn chỗ nào trống. "Tấc đất, tấc vàng," người ta tận dụng mọi khoảng trống, mọi mặt bằng để xây thêm quầy bán hàng, bàn bán hàng, thậm chí cả những bức tường treo hàng cũng đều có giá. Chủ chợ dĩ nhiên không kịp đếm tiền bỏ túi. Nhưng không phải ai đến chợ Vòm cũng đều thành công cả. Những người làm ở đây đánh giá chỉ có khoảng 10% dân chợ Vòm gây dựng được chút vốn liếng thành những ông chủ nhỏ, 70% vừa đủ ăn, đủ tiêu với chút để dành, 30% vẫn phải "giật gấu vá vai," tằn tiện lắm mới tạm đủ sống, hoặc không đủ sống. Tiền bạc ở đây không chẩy vào túi chủ nhân như vào cái hom giỏ, vào rồi ở nguyên trong đó. Nó chẩy vào túi người ta, rồi đến một lúc nào đó lại chẩy đi mất như chiếc ống bương dẫn nước của đồng bào miền núi, cứ đầy lại tự lật lên, đổ nước đi tiếp, chẳng bao giờ quay trở lại nữa.

Nhưng cũng có thật nhiều người tay trắng đã làm nên cơ nghiệp ở đây. Mỗi người mỗi cách, chẳng ai giống ai.

Chị M. kể chuyện, chị ra chợ từ cuối năm 96, khi đó chợ còn khá ít "công", giá bán chợ đen một "công" ở chỗ đẹp lên tới mười ngàn đô la (giá khởi điểm của mỗi "công" chỉ có 2500-3000 đô la). Bù lại hàng hóa bán lãi xuất rất cao, bán buôn cũng được 30-50% lãi, còn bán lẻ thì được 100% là chuyện thường. Chị chỉ có 300 đô la làm vốn, thế mà sau ba tháng hè mua đầu chợ bán cuối chợ chị đã để ra được năm ngàn đô la. Nhưng càng ngày người mua càng ít, kẻ bán càng nhiều, mức lãi suất càng thấp xuống. Có những loại hàng bán buôn chỉ lời được 5-8%, thậm chí chỉ 2% cũng phải bán để khỏi tồn kho. Những người mua đầu chợ, bán cuối chợ thu nhập không đáng bao nhiêu, sau khi trừ tiền thuê chỗ chỉ còn lại đủ ăn là đã may lắm rồi. Chị M. quyết định sang tận Trung quốc mua hàng về Nga. Ít vốn, chị chỉ "đánh" (nhập hàng) vài bịch lẻ gửi qua các công ty chuyển hàng của Trung quốc. "Đánh" nhỏ kiểu này, chị nói, hóa ra lại kinh tế nhất vì có thể thay đổi mẫu mã nhanh, ít bị tồn và không cần thuê kho lớn. Sau hơn bốn năm chiến đấu với chợ, giờ chị đã có vốn vài trăm ngàn đô la. Nhưng chị vẫn giữ kiểu đánh hàng lẻ, vài kiện một, không bao giờ tham vọng đánh cả container hàng lớn như các chủ hàng khác. Thị hiếu ở chợ thay đổi đến chóng mặt. Một mặt hàng đang ăn khách có thể tiêu thụ nhanh chóng vài container hàng một ngày với mức lãi xất 30-40%, nhưng một hai ngày sau nó đã mất nhu cầu, dù giảm mức lãi suất xuống 5-7% cũng bán rất trầy trật. Đó là lý do tại sao ở chợ này không thể tìm thấy mặt hàng nào trái mùa hay hết mốt. Thật đơn giản, các chủ hàng phải loại bỏ ngay những hàng không chạy, nếu không họ sẽ bị lỗ.

Sau cơn khủng hoảng tài chính tháng 8 năm

KHÁNH HÀ

TUYẾT

trắng ngợp trời
trắng mênh mông
con quạ đen một mình
trên ngọn thông
ngơ ngác
tiếng quạ quang quác
rừng cây bạc đầu
mặt đất chìm sâu
bao la trắng
mặt trời hé mắt
vén rèm mây
vũ trụ như mới bắt đầu
một ngày trắng tinh
triệu năm qua
không còn dấu vết

98, mức lãi suất ở chợ Vòm còn tụt xuống thấp nữa. Những mặt hàng cao nhất thì đạt được 15-20%, còn đa số hàng chỉ đạt mức 5-10 %. Rất nhiều người đã phải rời khỏi chợ vì không chịu nổi các chi phí ở đây. Những ai còn trụ lại được và phát triển, phần lớn đều là những người đã tạo được một dây truyền khép kín từ gốc đến ngọn. Nếu họ không trực tiếp sản xuất thì cũng là những người tự đến tận các nhà máy bên Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ hay Ba Lan để đặt hàng. Từ hè năm 2000, rất nhiều người Việt đã sang Trung Quốc trực tiếp đặt hàng. Điều đáng nói là người ta không phải sang một vài ngày đặt hàng rồi trở về, mà ở lại thường xuyên như một văn phòng đại diện thường trực bên đó. Chỉ có điều, "văn phòng" cũng là phòng ở, nhân viên cũng là ông chủ.

Anh G. sang Nga từ mùa đông năm 96 để kinh doanh mặt hàng mây tre đan của Việt Nam. Sau hơn một năm thử đi chào hàng qua các cửa hàng của Nga, các ốp của người Việt, cuối cùng anh đã chọn chợ Vòm để lập nghiệp. Và quyết định của anh quả đã không sai. Từ hai bàn tay trắng, sau bốn mùa bán hàng ở chợ Vòm, giờ anh đã có bốn cửa hàng trong chợ với số vốn luân chuyển hàng trăm ngàn đô la. Khác với chị M. chỉ "đánh" số lượng nhỏ để kịp thay đổi mẫu mã, anh G. ngược lại, tìm cách mở rộng quy mô bán hàng của mình tối đa để có thể hạ giá bán, cạnh tranh với những người "đánh" nhỏ hơn trong lĩnh vực của mình. Anh đã biến doanh nghiệp của mình thành một "đại gia" mây tre đan từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

Có thể nói, kinh doanh ở chợ Vòm phần đông đều mang mầu sắc những đại gia đình. Trước đây người Việt ở Nga thường kinh doanh theo nhóm bạn bè, chứ ít khi mang cả gia đình sang đây lăn lộn chợ búa. Sau cuộc khủng hoảng 98, mời người từ Việt Nam sang Nga trở nên vừa dễ dàng, vừa rẻ (chỉ mất chừng 1000 đô la) nên ai cũng tìm cách đưa người nhà sang cùng bán hàng. Những gia đình "neo" người nhất cũng gồm hai vợ chồng cùng lo chuyện buôn bán. Những gia đình có nhiều điểm bán hàng có thể đưa sang chín, mười người. Những ai không có điều kiện đưa người nhà sang thường ở với nhau để dễ bề quản lý tiền và hàng hóa. Chợ Vòm thật xứng đáng được gọi là khu chợ quốc tế, vì người Nga ở đây là một thiểu số ít ỏi, còn người nước ngoài thì thật đa dạng. Có thể tìm thấy ở đây đại diện từ những nước rất bé nhỏ như Nepal, Sri-Lanca, Xiri, Miến Điện, Băngladét, đến Afganistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam. Các nước cộng hòa cũ thuộc Liên Xô ở đây có có đủ mặt từ Ucraina, Moldovia, đến Belarusia, Grudia, Tadjikistan, Kazakstan, Armenya... Có lẽ vì thế mà ở đây người ta có thể hiểu được mọi loại tiếng Nga với đủ kiểu ngọng ngịu.

Cứ quan sát mỗi cộng đồng người nước ngoài ở đây, cũng có thể biết được khá nhiều điều về bản tính của mỗi dân tộc cũng như vai trò của mỗi cộng đồng ở nước Nga này. Người Trung Quốc thường tụ lại với nhau thành từng khu. Dù là khu mới mở hay nằm ở cuối chợ, thì chẳng bao lâu sau khu của người Trung Quốc cũng trở nên đông đúc, phát đạt nhất. Nhìn từ xa người ta đã biết ngay đâu là khu của người Trung Quốc nhờ những hàng đèn lồng đỏ chói với những dây trang trí đỏ vàng đặc trưng. Ở các khu chợ này, ban quản lý làm việc theo luật của giới giang hồ, chẳng ai dại gì mà trêu chọc vào "người của chợ." Nhưng người Trung Quốc lại là một ngoại lệ. Họ chẳng những dám đòi hỏi, mà còn dám đánh bảo vệ chợ khi bị đối xử bất công. Ban quản trị chợ ở đây rất sợ cộng đồng người Trung Quốc, hay nói đúng hơn thì họ sợ tính đoàn kết của người Trung Quốc ở đây. Ngược lại, người Việt Nam không có được tính đoàn kết, nhưng lại có sự nhạy bén khó ai sánh bằng. Các "công" nằm ở các vị trí đẹp, nghĩa là nằm ở đầu dãy, gần đường đi, nơi bán được nhiều hàng... ở các chợ, hầu hết đều thuộc về người Việt. Chẳng phải tự nhiên khu chợ "KT" của người Việt trở thành khu bán buôn quan trọng bậc nhất ở quần thể chợ Vòm này. Sự nhạy bén của người Việt đã giúp họ luôn có được những mặt hàng đúng thị hiếu, giá cả rẻ nhất để thu hút người mua đến, dù khu chợ này bao giờ cũng... bẩn và xấu nhất ở đây.

Thời kỳ tích lũy tư bản xưa kia của các nước phương Tây đã diễn ra trong nỗi thống khổ của dân chúng, còn thời kỳ tích lũy tư bản bây giờ của người Việt mình đã diễn ra trong sự cố gắng và hy sinh của mỗi người. Chẳng biết mười lăm, hai mươi năm nữa khi tầng lớp "Tư bản" kiểu Việt Nam hình thành có ai còn nhớ đến khu chợ khởi đầu này không? Và điều quan trọng nhất, chẳng hiểu "quan tính" trong mỗi người có lấn át hết phần "nhân tính" dễ thương của họ thủa hàn vi hôm nay không? Mong sao nó vẫn còn.

QUẬN CAM

Giới thiệu tác phẩm Đi Về Nơi Hoang Dã của Nhật Tuấn

Đi Về Nơi Hoang Dã đã được nhà văn Nhật Tuấn viết xong từ năm 1988 nhưng mãi đến năm 1990 mới ra mắt bạn đọc trong nước, nhưng sau đó đã bị dìm trong quên lãng. Ở hải ngoại, tác phẩm đã được in lần thứ tư, nhưng đây là lần đầu tiên được một số cơ quan truyền thông Miền Nam California hỗ trợ tích cực trong việc tổ chức giới thiệu tác phẩm đến độc giả tại Quận Cam và được trực tiếp phát thanh qua làn sóng điện, tại Hội Quán Little Saigon Radio chiều ngày 7 tháng Tư 2001.

Nhà văn Nhật Tuấn sanh năm 1942 tại Hà Nội. Ông vào Thanh Niên Xung Phong ở ngoài Bắc và gia nhập bộ đội Cộng Sản lúc mới 17 tuổi. Ông hai lần được gởi vào chiến trường miền nam, gọi là đi B. Nhật Tuấn cũng từng là cán bộ khảo sát đường mòn Hồ Chí Minh trên rặng Trường Sơn. Có lẽ kinh nghiệm khảo sát rặng Trường Sơn đã giúp cho ông có cái nhìn trung thực để viết về núi rừng trong cuốn Đi Về Nơi Hoang Dã.

Nhật Tuấn viết văn không sớm nhưng mới tác phẩm đầu tay ông đã được giải thưởng và nổi tiếng. Tác phẩm của ông gồm có: *Con Chim Biết Chọn hạt Bão Rớt, Tín Hiệu Của Con Người, Biển Bờ, Lửa Lạnh, Đi Về Nơi Hoang Dã, Niềm Vui Trần Thế, Con Khủng Long Cuối Cùng.* Ông cũng có viết chung với nhà văn Nhật Tiến trong một tập truyện ngắn với tựa đề là *Quê Nhà, Quê Người* xuất bản năm 1992. Sau cuốn Đi Về Nơi Hoang dã, nhà văn Nhật Tuấn bắt đầu gặp vấn đề với nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam.

Nhà văn Nhật Tiến đang phát biểu

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nói về những bất thường liên quan đến tác giả, tác phẩm và sự bất thường luôn cả buổi ra mắt sách này. Ông đã gặp được nhà văn Nhật Tuấn từ ở trong nước qua cơ duyên văn nghệ vì nhà văn Nhật Tuấn vốn là em ruột của nhà văn Nhật Tiến. Ông cho rằng tác phẩm Đi Về Nơi Hoang Dã được xem là tác phẩm tiêu biểu của Nhật Tuấn nhất là khi ông sử dụng ngôn ngữ tiểu thuyết để nói về chế độ Cộng Sản Việt Nam, về những người lãnh đạo CSVN mà không cần thiết phải chỉ đích danh. Độc giả khi đọc xong Đi Về Nơi Hoang Dã thì đã có thể hiểu tác giả muốn nói gì ám chỉ ai qua những nhân vật trong truyện.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong cũng nhận rằng tác phẩm Đi Về Nơi Hoang Dã là một tác phẩm văn chương chống chế độ Cộng Sản một cách sâu sắc. Ông cho rằng nhà văn Nhật Tuấn không đánh thẳng vào chế độ như những người cầm bút khác ở Việt Nam khi được Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh "mở trói" vào năm 1986. Một loạt các nhà văn Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Ma Văn Kháng, Tiêu Dao Bảo Cự... đã dùng tác phẩm của mình vạch trần những sai lầm của lãnh đạo một cách mạnh bạo, chua cay... Nhưng với Nhật Tuấn, ông đã viết dưới một dạng thức khác xa xôi hơn không ám chỉ ai nhưng đọc giả khi đọc đều biết ông muốn nói đến ai...

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa với tư cách là một đọc giả nhìn thấy tác phẩm của Đi Về Nơi Hoang Dã có đầy đủ những kịch tính có thể thực hiện thành một cuốn phim hay dựng thành một vở kịch. Trong tác phẩm chỉ có năm người đàn ông bị đẩy về nơi hoang dã với nhiệm vụ khảo sát một con đường lên một vùng núi cao, một con đường đi không bao giờ tới, nhưng vẫn phải đi một cách mù quáng theo những mệnh lệnh sai bét của lãnh đạo ở một nơi xa.

Trong dịp này, nhà văn Nhật Tiến cũng đã lên diễn đàn cảm tạ sự hiện diện của cử

tọa. Ông cũng nói nhà văn Nhật Tuấn từ trong nước đã gởi điện thư ra cho biết tác giả rất cảm động khi được độc giả ngoài nước đón nhận tác phẩm Đi Về Nơi Hoang Dã của ông mà ông tưởng chừng nó chỉ được đón nhận khi ông lìa đời. Ông Nhật Tiến cũng nói lẽ ra tác giả nói chuyện trực tiếp và trả lời những câu hỏi của cử tọa hôm nay qua điện thoại nhưng vì những lý do tế nhị nên không thực hiện được.

Đêm Nghệ Thuật Du Tử Lê

Gần 500 khán giả miền Nam California đã được dịp tham dự một đêm nghệ thuật phối hợp với nhiều bộ môn như hội họa, điêu khắc, đồ gốm, cắm hoa cùng với một chương trình thơ nhạc thính phòng Du Tử Lê do Hội Những Người Trẻ Nghiên Cứu Văn Học Việt (Viet Youth Study Culture Association/Vysca) tổ chức tại nhà Regent West vào tối ngày thứ Sáu 13 tháng Tư năm 2001 trong Mùa Lễ Phục Sinh.

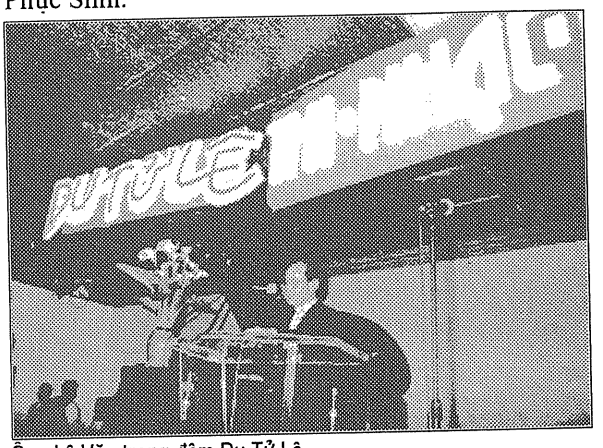

Ông Lê Văn trong đêm Du Tử Lê

Đầu tiên, khách đến phòng triển lãm để thưởng thức cuộc triển lãm mùa xuân với khá nhiều tác phẩm của một số họa sĩ nổi tiếng trong Cộng Đồng Người Việt hải ngoại như tranh của Cao Bá Minh, Đinh Cường, Đinh Ngọc, Khánh Trường, Nguyễn Đình Thuần, Rừng, Vũ Đức Thanh. Một số tác phẩm của Du Tử Lê được viết trên gốm nung, trên gỗ với thủ bút của thi sĩ... Ngoài ra còn có triển lãm Cắm Hoa theo chủ đề do ông Thể Trần thực hiện được khán giả rất thích. Trong phòng triển lãm cũng có trưng bày một bức tượng bán thân khá to do điêu khắc gia trẻ tuổi Ưu Đàm thực hiện và một số tranh vẽ nhà thơ Du Tử Lê do nhiều họa sĩ tên tuổi vẽ.

Và chủ điểm của Đêm Nghệ Thuật Du Tử Lê là một chương trình thơ nhạc thính phòng Du Tử Lê qua ánh nến lung linh, với phần điều khiển chương trình của MC Phạm Long và Orchid Nguyễn, sinh viên của trường Đại Học Riverside đảm nhận.

Nguyễn Nam Quan, sinh viên cũng là chủ tịch hội VYSCA đã ngỏ lời chào mừng quan khách hiện diện đông đảo khích lệ cho nhóm trẻ VYSCA trong việc phát huy văn hóa và văn nghệ Việt Nam.

Nữ Luật Sư Phạm Đào Bạch Tuyết với tư cách là một người thưởng ngoạn đã lên sân khấu nói vài nét về nhà thơ Du Tử Lê. Bà cho biết thi sĩ Dụ Tử Lê đã làm thơ từ hơn 30 năm qua. Người thưởng thức thơ của thi sĩ Du Tử Lê từ trước đến nay có thể nhìn thấy những khuynh hướng trong thơ của Du Tử Lê qua các loại thơ Tình, thơ về Mẹ, thơ về Quê Hương và gần đây nhìn thấy thơ của Du Tử Lê hướng về Tâm Linh.

Ông Lê Văn đã nói về một khía cạnh khác: Hứng nhạc trong thơ Du Tử Lê. Theo ông Lê Văn thì trong thi ca Việt Nam có rất nhiều thi sĩ nổi tiếng, nhưng chắc chắn chưa có một thi sĩ Việt Nam nào có thơ được phổ nhạc nhiều như thi sĩ Du Tử Lê. Ông nói rằng có đến ba trăm bài thơ của Du Tử Lê đã được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc từ trước 1975 cho đến gần đây.

Tiếp theo là những tác phẩm phổ nhạc được trình bày qua các tiếng hát Tuấn Ngọc, Anh Dũng, Lê Uyên, Dạ Nhật Yến, Trần Thái Hòa, Đinh Ngọc, Vương Đức Hậu, Nguyễn Thị Nhuận và em bé Đan Vinh đến từ Florida, với tiếng đàn của nữ dương cầm thủ Thụy Khanh.

Cũng trong đêm thơ nhạc thính phòng này, một CD có tựa đề *Ka Khúc Của Lê 2* đã được nhiều khách mua.

Có thể nói chương trình Du Tử Lê với thơ nhạc họa khá phong phú và lạ mang đến cho khách thưởng ngoạn trong cùng một chương trình có thể thưởng thức nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. Đây là một sáng kiến hay tuy khá tốn kém và mất nhiều công sức đối với người tổ chức. Hy vọng nhóm trẻ VYSCA sẽ thành công hơn nữa trong những lần tổ chức khác.

Trịnh Cung: Như Một Lời Chia Tay

Mấy tháng trước đây họa sĩ Trịnh Cung từ Việt Nam đã sang Hoa Kỳ với ý định thực hiện một chuyến đi vừa thăm gia đình vừa

sáng tác. Nhưng bỗng dưng ông lâm trọng bệnh, phải giải phẫu tại bệnh viện Fountain Valley vào tháng Ba/01, và số ngày tháng còn lại coi như là một cuộc thử thách với tử thần. Ông quyết định về Việt Nam sống tại Nha Trang, bên cạnh mẹ già và trong khung cảnh nơi mình đã được sinh ra và lớn lên, để hoàn tất, theo lời ông, "một kịch bản mới bất ngờ" của đời mình. Bạn bè đã tổ chức một buổi họp mặt xem tranh, nghe nhạc vào tối ngày 01 tháng Tư 2001 tại phòng sinh hoạt của nhật báo Người Việt, Westminster, một buổi xem "như một lời chia tay."

Từ trái: Các họa sĩ Hồ Thành Đức, Nguyên Khai, Mai Chửng, Trịnh Cung và Nguyễn Văn Hùng

Họa sĩ Đinh Cường từ Washington D.C, điêu khắc gia Mai Chửng từ Dallas, nữ họa sĩ Trương Thị Thịnh từ San Jose, Tạ Tỵ từ San Diego và rất nhiều họa sĩ, văn nghệ sĩ miền Nam California đã đến tham dự một cuộc họp mặt thân tình cảm động này. Họa sĩ Trịnh Cung bộc lộ sự xúc động sâu xa của ông và ông cho biết với những chân tình mà bằng hữu và đồng hương đã dành cho ông làm cho ông lên tinh thần để sẵn sàng chiến đấu với con bệnh ngặt nghèo.

Trịnh Cung tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế và là thành viên của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam vào giữa thập niên 60 ở Sài Gòn. Ông đã tham dự nhiều cuộc triển lãm hội họa trong và ngoài nước, và đã đoạt được nhiều giải thưởng quốc nội cũng như quốc tế.

Các bức tranh treo trên tường hôm nay là những bức do Trịnh Cung sáng tác nhiều năm trước đây, nằm rải rác trong tay nhiều sở hữu chủ khác nhau, nay tất cả đều vui lòng cho mượn lại để góp mặt trong buổi chào từ biệt này. Âm nhạc trong buổi này toàn do các bạn trẻ thực hiện, trong đó có các con của họa sĩ Trịnh Cung, Vương Hương (dương cầm), Luân Vũ (vĩ cầm). Đó là một chương trình hòa nhạc và ca hát phong phú nửa cổ điển, đánh dấu sự trưởng thành của thế hệ sau về nghệ thuật cũng như tinh thần tiếp nối bước đi của thế hệ trước.

Tưởng niệm Trịnh Công Sơn

Một nhóm thân hữu gồm nhạc sĩ, ca sĩ và những người hoạt động thanh niên và Du ca trước kia ở Việt Nam đã tổ chức một buổi tưởng niệm nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (qua đời ngày 1 tháng Tư tại Việt Nam), vào tối ngày 3 tháng Tư, 2001, tại phòng sinh hoạt của nhật báo Người Việt, Quận Cam. Dù dư luận không hoàn toàn thuận lợi cho buổi tưởng niệm, số người tham dự đã đông đảo một cách không ngờ, mặc dù việc tổ chức và thông báo khá gấp rút.

Nhạc sĩ Du ca Nguyễn Đức Quang điều khiển chương trình, giới thiệu họa sĩ Trịnh Cung, một người bạn thân của Trịnh Công Sơn từ ngày còn trẻ nói về cuộc đời của nhạc sĩ họ Trịnh. Từ lâu Trịnh Công Sơn đã nổi tiếng trong sự nghiệp âm nhạc của mình và đã trở thành một khuôn mặt của quần chúng, nhưng nhiều chi tiết về đời sống, nhiều uẩn khúc của tâm tư, nếu không có những người bạn thân như Trịnh Cung bộc bạch ra thì người đời không thể nào biết được.

Với cái nhìn của một đàn anh suốt đời sống với âm nhạc, nhạc sĩ Phạm Duy đã nhận định về tính chất cũng như vai trò của Trịnh Công Sơn trong nền âm nhạc Việt Nam. Cảm động nhất là khi Phạm Duy trưng dẫn những câu hát của Văn Cao và của họ Trịnh để nói về nỗi cô đơn của người nghệ sĩ, ông đã nức nở khóc. Đó là những giọt nước mắt của một nghệ sĩ lớn nhỏ xuống, như là một niềm cảm thông thiên thu cho cái tài hoa cũng như nỗi cô quạnh của người sáng tác.

Nến và trầm được đốt như một nghi lễ đơn giản nhưng riêng biệt. Nhìn làn khói trầm thơm cuồn cuộn bay trước bức chân dung Trịnh Công Sơn do họa sĩ Hồ Thành Đức vẽ, mọi người yên lặng nhớ tới câu hát trong bản Ta Ru Ta Ngậm Ngùi của Sơn: *Hương trầm vẫn còn đây ta thắp nốt chiều nay...*

Ngoài Khánh Ly, các ca sĩ Lệ Thu và Lê Uyên là những người hát nhạc Trịnh Công Sơn thành công nhất, tối nay hai nghệ sĩ này đã hát với tất cả tâm tình, với tất cả kỷ niệm thời trước kia ở miền Nam. Sau những vật đổi sao dời tại Việt Nam sau 1975, không khí ca hát tối nay đã gợi lại một cách thành thật nhất cái không khí văn nghệ của ba mươi năm

trước, khi người nhạc sĩ sáng tác cũng như kẻ trình bày nhạc phẩm còn đang ở trong độ tuổi sung mãn của của cuộc đời mình.

Phạm Phú Minh và Hồ Thành Đức nói về các kỷ niệm riêng tư với Trịnh Công Sơn, trong đó trường hợp và động lực sáng tác một số bản nhạc nổi tiếng của Sơn đã được nhắc tới, do những thổ lộ có tính cách tâm tình của nhạc sĩ trước kia.

Buổi tưởng niệm đã diễn ra rất trang nhã, thân mật và ấm cúng, có lẽ do mọi người đều đến với Trịnh Công Sơn trong mối chân tình, thành thật yêu mến một tài năng hiếm có của nền âm nhạc Việt Nam.

VIỆT NAM

Thi sĩ Tạ Ký đã được cải táng

Theo đúng dự định, việc cải táng mộ của thi sĩ Tạ Ký đã được thực hiện ngày 5 tháng Tư 2001, đưa hài cốt ông từ An Giang về nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức. Một số bà con và bạn bè, đặc biệt trong giới văn nghệ, đã hiện diện tại nghĩa trang trong lễ cải táng. Sau đây là điếu văn của nhà thơ Tường Linh, người cùng quê, đọc trong buổi lễ.

ĐIẾU VĂN

Đọc tại lễ cải táng di hài cố thi sĩ Tạ Ký

(1928 - 1979)

Kính bái hương hồn nhà thơ Tạ Ký

Hai mươi hai năm qua bà con ở quê nhà Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũng như tất cả bằng hữu của nhà thơ Tạ Ký ở Sài Gòn hay ở các nơi gần, xa khác đều chung một nỗi nhức nhối triền miên về trường hợp tạ thế, về phần mộ của nhà thơ. Mọi người chỉ biết một cách mơ hồ về năm mất chứ không biết rõ ngày tháng; mơ hồ về địa điểm an giấc ngàn thu và càng không biết gì về phần mộ của nhà thơ tài hoa quý mến.

Những người thân nói chung của Tạ Ký mỗi lần ngồi lại với nhau đều ngậm ngùi hỏi nhau về những điều "mơ hồ" nói trên. Câu hỏi xuất phát từ lương tâm của những người còn sống nhưng qua 22 năm vẫn không có được câu trả lời. Và mỗi lần như thế, bao giờ cũng có bao giờ, một không khí hoài niệm, buồn thương lại trùm lên cuộc gặp. Tuy không nói ra thành lời nhưng người nào như cũng tự trách mình chưa làm được một việc nghĩa cuối cùng với người chí thân đã khuất, chưa hành xử trọn đạo lý "nghĩa tử nghĩa tận" với cố nhân!

Người quá cố chịu cô đơn nơi đất lạ suốt 22 năm! Bao người thân canh cánh bên lòng nỗi buồn đau, ray rứt cũng suốt 22 năm!

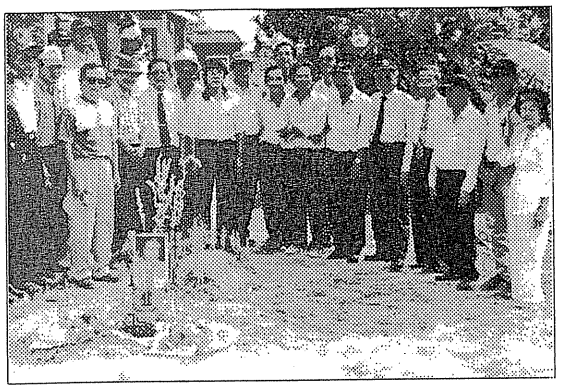

Quang cảnh cải táng mộ Tạ Ký

Nhưng rồi ngày hôm nay, trong thời điểm tiết Thanh minh, những người đại diện cho tất cả bà con, bằng hữu của nhà thơ Tạ Ký đã đến được nơi này như nhận một phần thưởng tâm linh rất đỗi thiên liêng dành cho những ai "có công đi thì có đến; có lòng tìm thì có gặp." Chúng tôi đã đến quá chậm! Những nén hương tâm thành đã được cắm quanh mồ nhà thơ quá cố thân yêu. Ôi!những nén hương đã "đốt" âm thầm từ 22 năm qua, phút này mới cháy!

Kính thưa hương hồn nhà thơ Tạ Ký,

Chúng tôi đọc lại từng di cảo của nhà thơ để rồi sửng sốt đến lặng người và tự hỏi: Phải chăng thi nhân là những người vốn có thêm một giác quan tiên tri linh mẫn? Bởi vì từ lúc sinh thời, Tạ Ký đã viết những câu thơ như đang ung dung sửa soạn cho một chuyến trở về cát bụi:

Thân cát bụi chẳng còn chi hối tiếc

Nhưng lòng riêng khao khát chút Tình thương

Và càng chứng tỏ mức độ ứng nghiệm kỳ lạ khả năng tiên tri ấy của Tạ Ký:

Đóa mộng vàng son rã cánh bên thềm

Tôi cô độc bước chân về nghĩa địa

(Bài thơ viết trước khi về)

Kính thưa hương hồn tác giả SẦU Ở LẠI và CÔ ĐƠN CÒN MÃI

Qua di cảo, chúng tôi nghe rõ tiếng nói của nhà thơ và đã hiểu... Hôm nay chúng tôi lặn lội đến đây để trân trọng xin được cung chuyển di hài của nhà thơ Tạ Ký quý mến trở về an nghỉ ổn định tại nơi mà từ đó nhà thơ đã ra đi, một chuyến đi định mệnh hồi cuối năm 1978. Nhà thơ sẽ nằm thanh thản bên cạnh nhiều đồng hương, thân hữu đã quá cố và được gần gũi những người thân còn sống. Từ hôm nay, những người thân nói chung xin hãy giải lời than tiên tri của Tạ Ký:

"Tôi cô độc bước chân về nghĩa địa"

để nhà thơ được an nhiên nơi cõi vĩnh hằng.

Xin thâm tạ đất và người Chợ Mới - An Giang đã bảo bọc một hình hài bất hạnh suốt 22 năm qua.

Xin cảm ơn mọi tấm lòng trước cũng như sau đã dành cho nhà thơ quá cố Tạ Ký.

An Giang - Sài Gòn ngày 05/04/2001
(12/03 Tân Tỵ)
Tường Linh
(Phụng soạn)

Thơ THẾ HỒNG LAM

CHÉN RƯỢU ĐẦY RÓT LÊN MỘ THI NHÂN

Dâng tặng hương hồn nhà thơ TẠ KÝ
(Nhân ngày cải táng, chuyển mộ từ Chợ Mới-An Giang về nghĩa trang Gò Dưa-Thủ Đức, ngày 5 tháng 4 năm 2001)

1. Rượu đầy tôi mời ông
Coi như một thời ông cũng lưu vong
Lạc loài miền Tây tạm trú
Bỏ lại bạn bè anh em trần gian làm nơi ở trọ
Nhân sinh bẻ nửa câu thơ
Điều này ông đã biết.

2. Bao nhiêu năm rồi có buồn lắm không
Trách nhau làm chi thắm thiết tấm lòng
Anh em bạn bè vẫn luôn hoài tưởng
Kiếm tìm tin nhạn bên song
Nay gặp nhau rồi (dẫu rằng ly biệt)
Dẫu rằng âm dương thê thiết
Mộ chí hương trầm
Rượu lệ xè cay Điều này ông đã hay.

3. Bạn bè anh em tứ tán Đông Tây
Nghiệp dĩ một đời viết lách
Có thằng gác bút
Không tu mà sống như sư
Cười như bụt
Có những mệnh phụ phu nhân thất đáy lưng ong
Vừa khéo nuôi con lại khéo thờ chồng
Một thời thủy chung son sắt
Chờ chồng cải tạo bao năm
Cũng có những nàng thắt đáy lưng ong
Đẹp người xấu nết
Điều này ông đã biết.

4. Đã từ lâu rồi không còn làm thơ được nữa
Hôm nay vì ông tôi lại múa bút đôi vần
Cứ ngỡ thuở xưa thả thơ bên lằn tên mũi đạn
Mài kiếm dưới ánh trăng
Phơi thơ trên lửa
Rượu thơ hâm nóng men đời
Mới thấy được nàng thơ chung thủy
Nàng chảy thành sông ta bơi
Tắm mát anh em bằng hữu
Điều này ông đã biết.

5. Này ông TẠ KÝ ơi
Rồi ông sẽ gặp VŨ HOÀNG CHƯƠNG, ĐỖ PHỦ
Thơ gặp Thơ mở hội TAO ĐÀN
Tình nghìn xưa muôn sau vẫn thế
Nếu có gặp LÝ BẠCH, HÀN MẶC TỬ
Cho tôi gởi cả yầng trăng làm quà Thế Kỷ
Bởi trần gian đã hết rồi mộng mị
Điều này ông đã hay.

6. Nghiêng chai thêm chén nữa
Rượu uống hoài chưa say
Tôi ực vào tâm khảm
Rượu hay là lệ đây
Lệ đầy ta say khướt
Không phải là đắng cay
Tôi mừng mộ ông xây
Tôi khóc ông có hay
Điều này ông có biết.

7. Ngày năm tháng tư năm hai nghìn lẻ một
Đời tôi vẫn bình thường - Lòng tôi chừng thảng thốt
Đưa đám tang nhạc sĩ TRỊNH CÔNG SƠN
Bên này thân hữu ông
Ngậm ngùi lời truy điệu!
Bên kia bằng hữu Trịnh
Cùng công chúng tiếc thương
Vương trong lời vĩnh - quyết!
Những con người tài hoa
Bỏ mặc đời phù phiếm
Tôi mừng mà xót xa
Điều này ông đã biết.

8. Trong nghĩa trang Gò Dưa Thủ Đức
Có mộ ông "TÔN TẤN giả điên:
Gõ bút thần hóa thành thơ Hạ giới
Chính là Bùi Giáng tiên sinh
(Dẫu chẳng chờ không đợi)
Mộ Bùi thi sĩ bên mộ nhà thơ Tạ Ký
Cũng từng một thuở vong niên
Quấng đời phù phiếm lụy phiền
Câu thơ trần thế Láng giềng Cảnh âm.

9. Ngọn khói nào tỏa hương ngát hư vô
Ngọn khói nào tỏa hương Lòng nhân thế
Tôi vắt thơ thành lệ
Hòa trong chén rượu này
Chén rượu đầy rót lên mộ Thi nhân.

Ngày 15 tháng 4 năm 2001 Sài gòn - Việt Nam
Thế Hồng Lam

ĐỌC TÁC PHẨM HIỆN TƯỢNG NGUYỆT BIỀU CỦA GIÁO SƯ ĐỖ MẠNH TRI

TRẦN PHONG VŨ

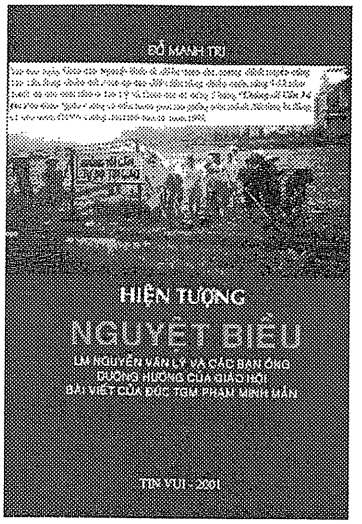

Hiện Tượng Nguyệt Biều của giáo sư Đỗ Mạnh Tri do nhà Xuất bản Tin Vui ở nam California, Hoa Kỳ ấn hành vừa ra mắt độc giả cuối tháng 3-2001. Đây là một tác phẩm giá trị mang tính thời sự ghi lại những suy tư và nhận định chung quanh cuộc đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo của linh mục Ta-đê-ô Nguyễn Văn Lý, giáo dân Nguyệt Biều, một số linh mục bạn và những người ủng hộ ông.

Sách chia làm hai phần chính. Ngoài mấy trang thay lời nói đầu là phần suy tư và nhận định trong 120 trang của giáo sư Đỗ Mạnh Tri xuyên qua ba tiểu mục: *1/ Đọc thư của đức Tổng Giám mục Phạm Minh Mẫn. 2/ Đường hướng của Giáo hội. 3/ Tiếng Kêu Nguyệt Biều: lm Lý và các bạn ông.* Để bổ túc cho tiểu mục 2, tác giả trích đăng lại hai bài viết của ông trong những năm 1991 và 1994. Nửa sau tác phẩm là phần phụ lục gồm những Lời Kêu Gọi, những chứng từ liên quan tới cuộc đời và quá trình tranh đấu cho tự do tôn giáo của lm Lý và hai mục tử bạn ông, đó là các lm Phan Văn Lợi và Nguyễn hữu Giải. Cũng trong phụ lục, ngoài việc trích đăng lại bức thư của đức tgm Phạm Minh Mẫn, tác giả còn đưa vào năm bài viết, một của lm Trần Xuân Tâm, một của bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, một của giáo sư Nguyễn Chính Kết và hai của cá nhân chúng tôi. Cuối cùng mấy vần thơ của lm Phan Văn Lợi và hai bài thơ cảm tác của Ngô Minh Hằng, Hồ Thiên Nga cùng với một số hình ảnh: lm Lý chụp chung với với thượng tọa Thích Chân Trí, Cụ Lê Quang Liêm, thượng tọa Thích Thiện Hạnh, thượng tọa Thích Thái Hòa và hình lm Lý đang làm ruộng với giáo dân Nguyệt Biều.

*

Để tránh cho độc giả những ngộ nhận có thể có về tư cách và lập trường của người viết, trong mấy trang thay lời mở đầu tác giả đã trình bày sơ qua quan điểm của ông trong khi nhận định và phê phán người cùng những sự việc liên quan tới cuộc đấu tranh của lm Nguyễn Văn Lý. Điều cần lưu ý là khi viết cuốn sách này giáo sư họ Đỗ chỉ nhân danh cá nhân ông mà thôi: *"Tôi sẽ dùng nhiều chữ 'tôi' để nói lên rằng đây chỉ là ý kiến của tôi, và tôi chỉ đại diện cho tôi."* Đi vào nội dung, trước hết, Đỗ Mạnh Tri đọc Thư của đức tgm Phạm Minh Mẫn đề ngày 13-2-2001, vì ông coi lá thư này của người cầm đầu tổng giáo phận Sài Gòn như cái mốc quan trọng cho thấy đã đến lúc cần phải *'nhìn lại và đánh giá hiện tượng*

Nguyệt Biều' (trang 5). Sau khi nêu lên những câu hỏi về tư cách người viết thư cùng một vài hành vi của đức cha Nguyễn Như Thể, tgm giáo phận Huế một phần dư luận hiểu là ngài mặc nhiên ủng hộ cuộc đấu tranh của lm Lý cùng với sự kiện lm Lý coi sự im lặng của hàng giáo phẩm như một sự im lặng đồng tình, giáo sư họ Đỗ viết: *"Sự lên tiếng của đc Mẫn* **phủ định ý nghĩa tích cực có thực hay được gán cho sự im lặng đó,** *ít ra với bản thân ông. Mà vì ông là tgm Sàigòn, sự lên tiếng này phải được coi như một cái mốc đáng kể. Cái mốc ấy chấm dứt một giai đoạn. Nó bó buộc những người trong cuộc phải chọn lựa rõ ràng. Riêng đối với người công giáo, lá thư của tgm Sàigòn cho thấy* **không thể không có đối thoại thẳng thắn giữa người công giáo với người công giáo trước hoàn cảnh đất nước."** (trang 8). Tiếp theo tác giả lần lượt phân tích nội dung bức thư qua hai trọng điểm: 1/ Giáo hội: dấu chỉ hay phản chứng? 2/ Làm sao phân biệt được tiên tri thật với tiên tri giả?

Tuy với một văn phong hết sức từ tốn và nhã nhặn, nhưng qua những luận điểm vững chắc kèm theo những dẫn chứng cụ thể rút ra từ Thánh kinh, từ lịch sử Giáo hội, người đọc cũng nhận ra những bất đồng quan điểm nền tảng của tác giả, với tư cách một nhà tư tưởng cũng như tư cách người tín hữu Công giáo, đối với những gì chứa đựng trong bức thư của đức tgm Phạm Minh Mẫn. Chúng ta hãy bình tĩnh đọc những giòng cuối sau đây trong phần này của giáo sư họ Đỗ: *"Bài viết nhằm phê phán lm Lý. Nhưng thay vì nói thẳng lm Lý, tgm Sàigòn lại đứng trên bình diện cao xa như để truyền đạt những giáo huấn chính thống.* **Nhưng lối lý luận và suy tư thần học trục trặc. Số là kết luận ở đây không rút ra từ suy tư và lý luận. Kết luận đã có sẵn trước, nó đã điều kiện hóa, mà vì thế, bóp méo suy tư và lý luận.** *Nếu không có chuyện lm Nguyễn Văn Lý, nếu đức cha chỉ viết một lá thư mục vụ về việc tìm những tia sáng soi đường để cùng nhau tiến bước giữa một thế giới vô phương hướng, tôi trộm nghĩ đức cha sẽ không viết như thế"* (trang 26).

Qua tiểu mục thứ hai bàn về điều gọi là *Đường Hướng của Giáo Hội,* Đỗ Mạnh Tri nêu lên một nhận định khá mới mẻ, theo đó ông đặt vấn đề: **Một Hướng** nhưng có **Nhiều Đường**. Điều này không chỉ hiện hữu trong Giáo hội Công giáo mà còn là mẫu số chung của mọi tôn giáo, mọi tập thể. Dù vậy theo tác giả: *"Người Công giáo chính là giáo hội Công giáo, một cộng đoàn* **tổ chức,** *lẽ cộng đoàn lớn nhất tại Việt nam có tổ chức. Điều chắc chắn:* **GHCG là tổ chức lớn nhất tại Việt nam, không thuộc Mặt Trận Tổ Quốc** *của đảng cộng sản Việt nam."* (trang 27-28) Nơi trang kế tiếp, ông thẳng thắn nhận định: *"Thực tế, chỉ có một điểm hiệp nhất nơi người Cg Việt Nam: Đức Tin. Ngoài ra, không thực sự có một thái độ hay đường lối thống nhất trong cách đối phó với chế độ toàn trị (...) Nếu có, độc tài đã rơi từ lâu rồi! Gh Cg xây dựng trên niềm tin, có tổ chức chặt chẽ, lại liên đới với Cg toàn cầu. Với những nhân tố quan trọng như thế, Gh có thể có một đường lối tại Việt Nam. Nhưng thực tế, vẫn chưa có..."*

Để minh chứng điều này, tác giả đã trưng dẫn nhiều văn kiện, thư chung của Gh tại ba miền đất nước cũng như của HĐGM sau ngày 30-4-75. Xuyên qua những sự kiện, những tài liệu có được trong tầm tay, tác giả cho thấy ngoại trừ giai đoạn sau đại hội VI từ cuối năm 1989 đến năm 1995, tức là thời gian đc Nguyễn Minh Nhật được bầu vào chức vụ Chủ Tịch HĐGMVN và đức cha Lê Phong Thuận làm Tổng thư ký, gần như trong suốt thời gian trước và sau đó, Gh tỏ ra rất yếu vì không có một lập trường rõ rệt và dứt khoát trước chính sách o ép của nhà nước cộng sản đối với Cg và các tôn giáo, nói chung. Để nắm bắt được quan điểm của tác giả cần đọc lại bài viết nhan đề *"Hiệp Nhất & Dứt Khoát, Tiếng Nói của Hàng Giáo phẩm Việt Nam"* do ông viết ngày 12-3-1991 được trích đăng nơi trang 88. Trong bài viết này, tác giả đã nêu lên rất nhiều sự kiện chứng tỏ lập trường dứt khoát và trong sáng của đức cha Nhật đối với nhà nước cộng sản và những vấn đề trong Gh. Dưới đây là mấy sự kiện được tác giả trưng dẫn qua cuộc phỏng vấn của phái viên báo *Eglises d'Asie* ngày 4-12-1990. Được hỏi về lối sống đức tin của người Cg Việt nam, với tư cách chủ tịch HĐGMVN, đức cha Nguyễn Minh Nhật nói: *"Tôi hết sức cảm phục đồng bào Cg của tôi. Họ khỏe khắn, hăng hái, vui tươi. Họ tỏ ra can đảm, mạnh bạo và trung thành.* **Họ đã cho thấy điều đó năm 1988, lúc chính quyền muốn làm khó dễ và phủ nhận chuyện tuyên thánh cho các vị Tử Đạo VN."** Lên tiếng về lập trường của đức cha đối với lm Chân Tín, ngài nói: *"Chính tôi đã gặp cha Chân Tín. Tôi nghĩ rằng cha đã nói sự thật* **và nhiều người Cg tán thành tiếng nói của cha...."** Riêng về cái gọi là Ủy ban Đoàn kết Cg Yêu Nước, đức cha Nguyễn Minh Nhật thẳng thắn tuyên bố: *"Ủy ban này nắm giữ tờ báo Cg độc nhất tại Việt Nam: tờ Công giáo & Dân tộc.* **Nhưng cả hai, Ủy ban và tờ báo, phải được coi là những cơ quan của nhà nước. Những bài viết trong báo đó luôn luôn bênh vực đường lối**

của nhà nước và thường phê phán Gh và không cho người đọc một ý thức đúng đắn về Gh Việt nam..." (trang 100-101)

Nói về những năm trước và sau đại hội VI, nhất là trong thời gian đức giám mục Nguyễn Sơn Lâm giữ chức vụ Tổng thư ký HĐGM, giáo sư Đỗ Mạnh Tri đã đưa ra nhiều văn kiện, tài liệu chứng tỏ lập trường yếu ớt nếu không muốn nói là bọc xuôi theo sự dẫn giắt của đảng và nhà nước cộng sản, những kẻ nắm trong tay chiếc thòng lọng nhằm lèo lái, trấn áp các tôn giáo tại VN. Sau khi đăng lại nguyên văn Bản Đúc Kết Hội Nghị Thường Niên 2000 của HĐGMVN với chữ ký của Đức cha TTK Nguyễn Sơn Lâm, tác giả viết: *"Một điều quan trọng ông Trưởng ban Tôn giáo nói tại Hội nghị đã bị Đc Tổng thư ký HĐGMVN 'quên' nhắc tới, nhưng hẳn phải có một giám mục nào tiết lộ, tin này mới lọt ra ngoài: Tờ Eglises d'Asie, số 318 ra ngày 01-11-2000 loan tin:* **'Ban Tôn Giáo Chính Phủ yêu cầu các Giám mục đình bản tập san chính thức của HĐGM, vì bị coi như bất hợp pháp'.**" Bài báo ghi nhận: *"Trong cuộc gặp gỡ với các giám mục vào dịp Hội nghị thường niên của HĐGMVN, ông Trưởng ban Tôn giáo đã nói với các vị nên chấm dứt tờ HIỆP THÔNG, cơ quan chính thức của HĐGMVN, và là tập san độc nhất hiện có của Giáo hội Việt Nam. Ông tuyên bố rằng việc in và phổ biến tập san đó như hiện nay là bất hợp pháp...."*

Nhân sự kiện này, tác giả đã nhắc lại là trong kiến nghị gửi nhà nước từ năm 1992, HĐGM đã thẳng thắn yêu cầu *"được có một nguyệt san để thông tin liên lạc và phổ biến Thánh kinh, giáo lý."* Trong kiến nghị ba năm sau, một lần nữa HĐGM lại nhấn mạnh rằng: *"Từ khi thành lập đến nay qua 15 năm, HĐGMVN* **chưa có một tờ báo chính thức** *nào, và đã qua nhiều năm đề nghị mà vẫn chưa được đáp ứng, khiến cho dư luận trong và ngoài nước chưa thật tin vào chính sách tự do tín ngưỡng của chính phủ"* (trang 47-48). Kèm theo phần chuyển ngữ, tác giả còn cẩn thận đưa nguyên văn pháp ngữ của tờ *Eglises d'Asie* vào phần chú thích bên dưới. (Ghi chú thêm của người đọc sách: Tưởng cũng cần nhắc lại: đây là bản kiến nghị dưới thời đức cha Nguyễn Minh Nhật làm Chủ tịch. Như thế để có được tờ Hiệp Thông dù chỉ được phát hành 3 tháng một kỳ, Gh đã phải tranh đấu trong nhiều năm. Ấy vậy mà chỉ vì một lý do vu vơ, nhà nước đã ra lệnh khai tử mà oái oăm thay những người có trách nhiệm trong Gh lại ngậm miệng làm thinh!)

Trước khi kết thúc tiểu mục thứ hai, tác giả đặt câu hỏi: *"Hô hào dấn thân phục vụ xã hội, nhắc tới thân phận những người khốn khổ bần cùng, những trẻ em nghèo đói, những nạn nhân lũ lụt, những phụ nữ bị bạc đãi v.v.. thật là phải đạo. Nhưng chỉ có thế? Đã bắt đầu nhận diện triệu chứng của con bệnh, tại sao không tiếp tục? Chẳng hạn, tại sao không nghĩ tới những người bị giam giữ tù đày cách trái phép? Nhất là tại sao không chẩn bệnh, truy nguyên gốc rễ của những tệ nạn kia? (....) Đường lối của Gh như HĐGM đã chỉ ra, trên nguyên tắc, đó là SỐNG, LÀM CHỨNG và LOAN BÁO TIN MỪNG. Vậy cụ thể, đâu là đường lối của Gh để SỐNG, LÀM CHỨNG và LOAN BÁO TIN MỪNG tại Việt nam, lúc này?"* (trang 54)

Qua tiểu mục ba cũng là phần cốt lõi của tác phẩm với tiêu đề *Tiếng Kêu Nguyệt Biều: linh mục Lý và các bạn ông*, Đỗ Mạnh Tri đã lần lượt đi sâu vào nhiều khía cạnh của vấn đề, từ những lời đồn đoán về đời tư lm Lý tới yếu tính và cung cách điều động cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo của ông. Trước chuyện thiên hạ rỉ tai là cha Lý có vợ con, tác giả viết: *"...Cứ coi như chuyện đó có thực. Nếu thật có thực thì tôi lại mừng cho ông và càng cảm phục ông. Chẳng biết ông đã xử sự ra sao, nhưng hẳn ông đã giải quyết vấn đề một cách hợp tình hợp lý, nhất là xứng hợp với trách vụ linh mục của ông. Có thế giáo dân mới tiếp tục mến phục ông và chính quyền mới tránh dùng chuyện đó để khóa miệng ông (...) Cảm phục vì ông không bị kẹt. Tại Việt Nam có bao nhiêu nhà tu hành vì bị kẹt mà im lặng, hay tệ hơn, làm tay sai cho chính quyền độc tài?* **Người thực sự có vấn đề mà không để cho vấn đề trói buộc mình khi cần tranh đấu cho lẽ phải là người can đảm đáng cảm phục.**" (trang 60)

Đề cập cung cách phát động và nuôi dưỡng cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo của lm Lý, tác giả đã không ngần ngại thẳng thắn nêu lên những nhược điểm của người mục tử can trường nhưng tính tình quá bộc trực này. Vì bộc trực nên ông đã nói trước làm sau đưa tới những dị luận chung quanh việc ông tuyên bố tuyệt thực vô hạn định ngày 4-12. Tin này được loan truyền rộng rãi trên mạng lưới internet toàn cầu. Nhưng rồi chỉ một ngày sau lại cải chính vì các bạn lm và giáo dân của ông can ngăn! Về điểm này, Đỗ Mạnh Tri viết: *"Tính tức khắc và toàn cầu của mạng lưới thông tin hiện đại không tha thứ ta khi ta vận dụng nó không cẩn thận. Cũng như Lời Kêu Gọi Số 2 vừa tung ra đã có LKG số 2 được sửa lại và bổ sung cho Lời Giải Thích..."*

Nói về khía cạnh tích cực của hành vi làm trước nghĩ sau của lm Lý, tác giả nhận định:

"Nhưng làm trước nghĩ sau không nhất thiết là xấu. Có khi lại tốt. Phản ứng tức khắc có thể biểu lộ cái gì chân thực. Người ta thường nói: sự thật phát ra từ miệng lưỡi người điên và trẻ nhỏ. Vì không suy nghĩ đắn đo nên nói thật điều mình thấy, nghĩ. Phản ứng tức khắc còn có thể là phản ứng của linh tính, chỉ cho ta việc tốt phải làm, ý tốt nên thực hiện (...) Nếu suy tính bàn bạc lm Lý đã không có cử chỉ biểu lộ tính cương quyết triệt để, rất đặc biệt trong thái độ đấu tranh của ông. Hà Sĩ Phu từng nhận xét rằng, trong chế độ này, đã đấu tranh là phải chấp nhận **sống như đã chết rồi"** (trang 62). Với lm Nguyễn Văn Lý, khẩu hiệu **"Tự do tôn giáo hay là chết!"** luôn gắn liền với cuộc vận động đấu tranh của ông.

Cuối trang 63, Đỗ Mạnh Tri bày tỏ lòng khâm phục của ông đối với cuộc đấu tranh của lm Lý, tuy vậy ông vẫn công bằng và sáng suốt nhận ra những nhược điểm không thể tránh nơi người mục tử này. Ông viết: *"Nhìn cuộc đấu tranh Nguyệt Biều từ ngoài và từ xa, tôi hết lòng biết ơn và cảm phục ý chí đấu tranh có tính dứt điểm cho tự do tôn giáo. Tuy nhiên, về phương thức hoạt động, thấy thiếu tổ chức. Hình như lm Lý và các bạn ông hay có những sáng kiến đột xuất, rồi tùy cơ ứng biến, sai thì sửa, vừa làm vừa sửa. Có lẽ đối với cách dấn thân liều lĩnh của họ, đây là cách làm việc hữu hiệu nhất khi luôn luôn bị công an dòm ngó, đe dọa?"* Ở một đoạn khác nơi trang 69-70, tác giả *Hiện Tượng Nguyệt Biều* còn có những nhận xét độc đáo về con người và yếu tính cuộc đấu tranh của người mục tử gan dạ này như sau: *"Tôi không được hân hạnh biết lm Lý nhưng đọc những gì ông viết và theo dõi cuộc đấu tranh của ông, tôi thấy nơi ông một nét nổi bật: ông rất quê. Quê theo nghĩa cao đẹp. Bộ óc thông minh, lý luận không làm phai nhạt nơi ông tính bộc trực, ông vẫn giữ được dạng chất phác mộc mạc của người nhà quê (...) Không phải ngẫu nhiên mà giáo dân Nguyệt Biều không chỉ theo cha Lý, họ chiến đấu bên cạnh ông. Không gì nói lên điều đó bằng những hình ảnh giáo dân Nguyệt Biều hiên ngang làm ruộng, gieo lúa giống với tấm biểu ngữ cắm giữa ruộng: CHÚNG TÔI CẦN TỰ DO TÔN GIÁO. Quê. Quê như quê nhà, quê hương. Hiện nay đám dân quê này là bạn đấu tranh gần gũi nhất, đáng tin cậy nhất của vị lm nhà quê Nguyễn Văn Lý."*

Nói về tính phục thiện của người lm nhà quê này, tác giả viết: *"Chính lm cũng biết mình có nhiều thiếu sót không thể tránh"* vì thế trong LKG số 3, lm Lý thành khẩn thú nhận với tâm tình tạ lỗi như sau: *"Trong khi tôi quá nóng lòng muốn làm sao cho các giáo hội sớm có tự do thật sự, tôi đã thẳng thắn phân tích các vấn đề,*

PHAN XUÂN SINH

NGÀY TRỞ LẠI QUÊ NHÀ

ta bàng hoàng nhìn lại quê xưa
những cận cảnh xóa mờ trí nhớ
chiều bến sông có gì chia cách
nước lặng lờ ngoảnh mặt làm ngơ

vẫn nơi đây một thuở mong chờ
bước chân em nhẹ nhàng trên sỏi
nghe như nát cõi lòng mong nhớ
chiếc hôn đầu gửi lại Nam Ô

cũng tận tình ghế đá mãi chờ
ghì chặt em, vòng tay cứng ngắt
sợ để, những ngày nào vụt mất
không còn em guốc nhịp trên đường

phố thức dậy một sớm tinh sương
ta lững thững chờ em trước ngõ
cửa đóng then cài còn ngủ trễ
em vô tình làm khổ ta chi

chẳng ngờ em bứt áo ra đi
ta đần độn chẳng hề hay biết
mòn mỏi trông chờ, em biền biệt
thiên hạ cười, cúi mặt dị ồm

nên bây giờ nhìn lại dòng sông
để thấy thấm tình kia mỏi mệt
ta như chim tìm về cố thổ
nhìn lại em tan tác một đời

vẫy tay chào, Đà Nẵng ta ơi
mừng biết mấy một ngày trở lại
mắt lơ láo làm sao tìm được
dấu tích ngày in dấu chân em?

có thể tôi không đủ thì giờ để cân nhắc, tìm các từ diễn đạt thích hợp, hoặc có những cơn bệnh quá nan y buộc lòng phải dùng đến con dao giải phẫu thực tâm không ai muốn, hoặc trong ngôn ngữ đấu tranh, cũng cần có giọng văn mạnh mẽ, mà bất đắc dĩ có làm va chạm thương tổn đến một số chức sắc nào đó trong giáo hội nào đó, thì tôi thật lòng kính xin mọi người thành tâm thiện chí bỏ qua các thiếu sót không thể tránh của tôi, vì như tôi đã nhiều lần khẳng định, thực sự tôi chỉ là một linh mục nhỏ bé mà thôi."

Tiếp theo, Đỗ Mạnh Tri đã nhấn mạnh tới sự tiếp nối tinh thần cố tgm Nguyễn Kim Điền trong con người đấu tranh Nguyễn Văn Lý. Trong phần chú thích nơi trang 72-73, tác giả đã cho in lại một chứng từ ngắn của lm Lý với tiêu đề: *GƯƠNG MỤC TỬ: Thái Độ Đứng Đắn, Can Đảm Của Đức Cố TGM Philipphê Nguyễn Kim Điền,* trong đó thuật lại câu trả lời nhà cầm quyền CSVN của đức cha Điền khi họ yêu cầu ngài chỉ thị cho lm Lý phải chấp hành lệnh quản chế. Câu trả lời đã đi vào lịch sử ấy như sau: *"Lm Lý có đủ quyền và ý thức chấp hành luật pháp nhà nước theo tự do của lm Lý. Nếu lm Lý sai phạm thế nào thì nhà nước cứ căn cứ trên pháp luật chính đáng mà thi hành.* **Còn tôi làm sao tôi lại tự chặt tay chặt chân tôi được."**

Sau khi trưng dẫn nguyên văn lá thư do 38 lm ký tên ngày 20-9-94, trong số có cha Lý, cha Giải để gửi lên đức cha Nguyễn Như Thể phản đối việc lm Tổng đại diện ứng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên, cũng như lá thư do lm niên trưởng Lê Văn Đẩu ký tên ngày 20-12 cùng năm bày tỏ thái độ bất tín nhiệm lm Tổng đại diện vì đã ứng cử vào Hội đồng nhân dân, tác giả nhắc lại sự kiện lm Phan Văn Lợi một trong những người đứng bên cạnh cha Lý, bị nhà nước mời ra làm việc liên tiếp từ ngày 21-4 đến 27-4-98 về tội phát tán Tin Nhà, làm báo Bạn Đường (mời độc giả đọc chi tiết trong phần phụ lục, từ trang 119 đến trang 149).

Nhấn mạnh tới tính quan trọng và độc đáo trong cuộc đấu tranh của cha Lý và giáo dân Nguyệt Biều, giáo sư Tri viết: *"Lm Lý và giáo dân Nguyệt Biều đòi đất thiệt. Nhưng họ không đòi như mọi người (....) Đòi đất ở đây là đòi lại một đất nước, Đất nước này từ thành thị đến thôn quê, từ núi rừng đến sông ngòi biển cả đã thành của riêng một nhóm người. Người Việt Nam đã bị trục xuất và lưu đày trên chính quê hương đất nước của mình. Mà đất nước đâu có phải chỉ là đất với nước. Đất nước chính là thân hình của một nếp sống vật chất, tinh thần cha ông ta tác tạo và ta có quyền, có bổn phận bảo tồn, sửa đổi, canh tân. Đòi mấy sào ruộng nhà thờ Nguyệt Biều, không phải chỉ vì đó là ruộng. Mà vì đó là* **ruộng nhà thờ.** *Và đòi ruộng nhà thờ là đòi* **chỗ đứng của nhà thờ** *trên đất nước này. Đòi chỗ đứng cho một tôn giáo. Và đòi chỗ đứng cho một tôn giáo là* **đòi chỗ đứng cho mọi tôn giáo."** (trang 79-80)

Trong đoạn thay lời kết, giáo sư họ Đỗ viết: *"Hiện thời, tại Việt Nam chỉ có đoàn giáo dân nhỏ bé vô tên tuổi, mấy lm bạn thực sự đứng bên lm Lý. Từng ấy, liệu có đủ để lay động cả một dân tộc? Tại sao không? Trên đất nước này thiếu gì những con người không cần hy vọng mới ra tay, không cần thành công mới vào việc! Thử tưởng tượng ông thất bại! Nhưng dù ông thất bại ông cũng đã thành công rồi:* **ông đã cắm một cái mốc mới trên con đường dẫn tới tự do. Cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ sau Nguyễn Văn Lý không thể như trước Nguyễn Văn Lý nữa."**

*

Trên đây là tóm tắt sơ lược quan điểm, nhận định của giáo sư triết học Đỗ Mạnh Tri gói ghém trong tác phẩm *Hiện Tượng Nguyệt Biều*. Để nắm bắt được trọn vẹn tâm tình tha thiết cùng những ý tưởng sâu lắng của tác giả, người đọc bắt buộc phải đọc chính tác phẩm giá trị này của ông. Tưởng cũng cần nhấn mạnh là ngoài phần chính chúng tôi vừa lược trình trên đây, tác giả còn gạn lọc để đưa vào phần phụ lục cuối tác phẩm *Hiện Tượng Nguyệt Biều* một số tài liệu cũng như bài viết quan trọng, trong đó ngoài những chứng từ liên quan tới cuộc đấu tranh của các lm Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Hữu Giải, Phan Văn Lợi, bức thư của đức tgm Phạm Minh Mẫn, đặc biệt còn có năm bài viết trong đó có bài *Lên Tiếng Cho Sự Thật: Trách Nhiệm Đối Với đoàn Chiên* của linh mục Trần Xuân Tâm và bài *Ngôn Sứ Thời Đại* của giáo sư Nguyễn Chính Kết.

Nói tóm lại, Hiện Tượng Nguyệt Biều là một tác phẩm giá trị, tường thuật lại khá đầy đủ và trung thực một vấn đề thời sự nóng bỏng trên đất nước chúng ta hôm nay: Cuộc Đấu Tranh Cho Tự Do Tôn Giáo nằm trong toàn bộ cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền của dân tộc Việt Nam, mà bất cứ ai còn thiết tha tới tương lai đất nước không thể bỏ qua.●

** Ấn phí đề nơi bìa sau: 10 mỹ kim. Tìm mua tại các tiệm sách Việt ngữ khắp nơi hoặc liên lạc với nhà Xuất bản TIN VUI qua số điện thoại: (949) 495-6752*

ĐI VỀ NƠI HOANG DÃ: MỘT THIÊN ĐƯỜNG MÙ CỦA TRÍ TUỆ

HOÀNG KHỞI PHONG

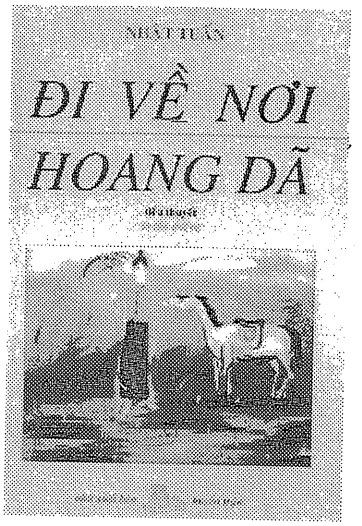

Đi Về Nơi Hoang Dã * là một tác phẩm được nhà văn **Nhật Tuấn** hoàn tất vào cuối năm 1988. Tôi phải ghi lại thời điểm hoàn tất này vì trước đó hai năm, trong tư cách Tổng Bí Thư Đảng CSVN, ông Nguyễn Văn Linh đã tuyên bố: *"Cởi trói cho văn nghệ"*. Lời tuyên bố này không khác gì một lời thú nhận: những người làm văn học nghệ thuật ở Việt Nam trước đó đã bị trói. Thời gian bị trói này đối với các văn nghệ sĩ có đảng tịch đã bắt đầu từ chiến khu Việt Bắc, nghĩa là từ giai đoạn phôi thai của Hội Văn Nghệ giữa thập niên 40.

Đi Về Nơi Hoang Dã lần đầu tiên do nhà xuất bản Văn Học (miền Nam) tại Sài Gòn xuất bản vào năm 1990. Trong lần in này nhà xuất bản phát hành 10.000 cuốn, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi đã không còn một cuốn nào nơi những kệ sách. Ngay lập tức nhà xuất bản Văn Học xin tái bản, nhưng từ đó tới nay cuốn sách này không bao giờ có ấn bản mới ở trong nước. Năm 1995, nhà xuất bản Việt Nam tại hải ngoại in lại cuốn sách này, và mới đây nhất nhà xuất bản Huyền Trân cho tái bản lần thứ hai tại hải ngoại. Đó là chưa kể có những cuốn được in lại tại đây mà không đề nhà xuất bản, chỉ đề giá bán và địa chỉ để mua là một hộp thư. Nhật Tuấn mở đầu cuốn tiểu thuyết của ông như sau:

"Chúng tôi gồm năm người đàn ông, một ông già và bốn gã đàn ông lực lưỡng sẵn sàng làm chồng các cô gái khỏe mạnh, làm cha những đứa bé chập chững, làm chủ những gia đình vào chiều đông xám lạnh như chiều nay hẳn đang quây quần quanh bữa cơm nóng sốt.

Vậy mà đằng đẵng bao năm nay, chúng tôi bị quăng lên những đỉnh núi quanh năm mây phủ, không có cả đến một tiếng chó, một bãi phân trâu, cái thứ ở dưới miền đồng ruộng kia, ta bắt gặp nhan nhản ngay khi chưa bước chân vào cổng làng...".

Đó là những câu mở đầu cho cuốn sách. Nó mở ra cho người đọc một chân trời kỳ bí lạ lùng. Cái lạ lùng bí hiểm không phải do không gian núi cao rừng thẳm của câu chuyện, mà khởi đi từ các nhân vật trong tác phẩm này. Không một nhân vật nào trong cuốn sách có tên riêng, bởi vì mỗi một nhân vật như điển hình cho một lứa người trong xã hội. Ông già là *"Thủ Trưởng"*, với bốn gã đàn ông lực lưỡng dưới quyền, được Nhật Tuấn gọi bằng những biệt hiệu *"Thằng Hộ Pháp, Thằng Cấp Dưỡng, Thằng Học Giả"* tượng trưng cho ba mẫu người và nhân vật chót cùng là *"Tôi"* như là một nhân chứng cho những xung đột diễn ra giữa những nhân vật nói trên. Chính vì là nhân

chứng nên nhân vật tôi này điển hình cho mọi tầng lớp nhân dân, anh như một khán giả duy nhất của vở kịch có bốn diễn viên. Anh dửng dưng với mọi đấu đá, anh đứng ngoài những tranh chấp, và sau cùng anh cũng là người có lòng nhân nhất trong toàn bộ câu chuyện.

Năm người đó do hoàn cảnh tạo thành một toán thám thính trên một địa bàn rừng núi, cho một con đường sẽ làm, và những thành thị sẽ mọc lên từ rừng xanh, núi đỏ bên cạnh con đường như một mạch máu chảy qua tim.

Ông già *"Thủ trưởng"* là một người đã có thời làm to, từng có uy quyền, ông có vợ nhưng không có con nối dõi, do đó dường như ông không tha thiết lắm với gia đình. Vì có chức, có quyền, ông được đề cử đi dậy một khóa bồi dưỡng văn hóa cho các cán bộ trung cấp của Đảng, và chính tại đây ông có quan hệ bất chính với một nữ học viên đang giữ chức vụ Trưởng Phòng, vì quá ham thi hành công tác tốt, vì muốn leo lên những chức vụ cao hơn, đến khi ngoảnh mặt lại thì đã quá thì, đã xấp xỉ bốn chục. Trong những buổi tối người nữ học viên trưởng phòng đã quá thì được ông kèm thêm, và rồi bà ngã vào vòng tay của ông, trong một đêm ngoài trời đầy gió lớn. Và rồi bà có bầu. Để giữ kín thể diện và địa vị cho chính mình và cho ông, bà buộc bụng thật chặt, tự sinh lén trong phòng, rồi nhẫn tâm đem hài nhi sơ sinh bỏ vào thùng giấy vệ sinh. Nào ngờ có người phát giác và thế là chưa kịp mãn khóa ông đã bị đưa lên mạn Bắc, làm lại công tác thám sát thực địa, một công tác ông đã làm từ khi còn trai tráng. Phần hai mẹ con bà Trưởng Phòng phải vào sinh sống trong một nông trường tập thể tuốt luốt tại miền Nam.

Từ đây ông không còn được lên giọng kẻ cả, ban phát ơn huệ cho người dưới, mà làm gì còn kẻ dưới, giờ đây ông chỉ còn có bốn anh thanh niên lực lưỡng, lúc nào cũng sẵn sàng phát rồ. Liên hệ duy nhất của ông với cuộc đời, với quyền lực là cái máy liên lạc vô tuyến, nối liền vị trí của ông với cấp trên không bao giờ lộ mặt. Cấp trên chính là Trung Ương, là Đảng như một quyền lực vô hình trong toàn bộ câu chuyện.

Dưới ngòi bút của Nhật Tuấn ông già thủ trưởng có thể coi là đại diện ngay tại chỗ của Đảng, và Đảng thì ở xa, xa tuốt tận mây xanh. Đảng không bao giờ sai, con đường Đảng đã vạch ra cho toán thám sát trên bản đồ, tất nhiên phải đúng trên thực địa không thể trệch một ly.

Ông già thủ trưởng luôn mồm nói tới đạo đức cách mạng, nói đến *"mình vì mọi người"* nhưng lại dấu mì chính, thịt hộp trong ba lô để ăn riêng. Ông căn dặn mọi người dưới phải đứng đắn với phụ nữ, khi vào ngủ trọ trong nhà dân chúng. Thế nhưng Thằng Cấp Dưỡng có lần cùng ông vào ngủ trọ trong nhà dân, nhìn thấy cái đồng hồ dạ quang đeo tay của ông như một con giời bò trên thân thể bà chủ nhà, trong đêm đó nó còn nghe được tiếng thở hổn hển, gấp gáp của ông thủ trưởng. Ông chính là hình ảnh điển hình của cán bộ Đảng từ trung cấp trở lên. Chức càng cao thì thái độ khệnh khạng kẻ cả càng nhiều, mặt trái càng tởm, càng làm cho con người nhìn nhau tệ hại hơn, xã hội u tối hơn.

Sau cùng dưới ngòi bút Nhật Tuấn, con người dẫu sao vẫn là con người, tuy có bị guồng máy nghiền nát thành những mảnh vụn thịt xương vẫn cứ là con người, vì những mảnh vụn thịt xương này vẫn đa mang một góc nhỏ tâm hồn. Ông già thủ trưởng cũng vậy, ông đóng kịch suốt một đời, ông giả dối quanh năm suốt tháng. Thế nhưng có một lúc nào đó con người nguyên thủy của ông phải ló ra, dẫu chỉ là một hành động thoảng qua, cũng đủ làm cho người đọc ấm lại, thương sót một con người bị xô đẩy. đẽo gọt đến độ thường nhật không còn hình dạng con người.

Bốn người thanh niên còn lại đại diện cho xã hội bị cai trị, bị đè nén. Do những hoàn cảnh khác nhau, mỗi người có một bi kịch riêng.

Trước tiên là *"Thằng Học Giả"*. Nhân vật này sinh ra trong một gia đình buôn bán giầu có, lại là con một. Trước khi Hà Nội bị tiếp thu, anh là người muốn gì được cha mẹ chiều nấy. Anh có tất cả những gì một thanh niên Hà Nội thời đó mong muốn: Xe gắn máy, đồng hồ, máy hát và tiền rả rích trong túi. Tiền lẻ tiêu vặt trong một túi, tiền chẵn trong một túi khác, để khi hứng lên anh có thể làm những việc ngông cuồng của tuổi trẻ. Anh đã chán lối sống thừa mứa kiểu *"ăn giò nhả bã"* lên tận cổ.

Khi Hà Nội bị tiếp thu, anh ngợp trong hào quang cách mạng. Anh đọc sách quá nhiều và mơ ước được thật sự tham dự vào cuộc cách mạng lớn của dân tộc. Cuộc cách mạng đó khởi đi bằng cách ghét cay ghét đắng lối sống của những người không sản xuất, chỉ mua đi bán lại mà giầu có ngồi mát ăn bát vàng. Cuộc cách mạng đó khởi đi bằng cách triệt hạ một số giai cấp trong xã hội, mà giai cấp tư sản mại bản của bố anh đứng đầu trong bảng phong thần. Cách mạng dậy cho anh việc đầu tiên là do thám của dấu trong nhà. Chính anh chỉ điểm nơi chôn cất số vàng cả đời bố anh dành dụm được, cho cán bộ kiểm kê tài sản tịch thu.

Đêm đó bố anh treo cổ tự tử. Mẹ anh rú lên là anh đã giết chết bố anh.

Anh có một người yêu mà anh gọi là cô nàng búp bê, và anh tin là cô nàng hiểu việc anh đã làm. Anh biết rất rõ về giai cấp anh đã xuất thân, nên tình nguyện dấn mình vào công tác thám sát thực địa, những mong một ngày về có được một chút sự nghiệp, tranh thủ được một chức vụ nào đó trong guồng máy quyền lực, rồi từ từ bò lên cao hơn. Sau một ngày quần quật phát quang, anh thường hay chúi đầu vào những quyển sách, anh tự học tiếng Nga mỗi ngày 10 từ, và mỗi khi có liên lạc tới, anh là người nhận được thư nhà nhiều nhất, những lá thơ của cô bé búp bê. Cho tới khi anh nhận được thiệp cưới của người yêu, anh trở thành một con người khác. Tàn nhẫn, thủ đoạn, nham hiểm hơn bất kỳ ai trong cả năm người. Tuy nhiên đã có lần anh thú nhận: *"Tao đã bắt đầu cái đó... bằng cách giết bố tao"*. Cái đó là cái sự nghiệp quỷ quái nào đó nằm thật sâu trong đầu thằng học giả.

Nhân vật kế tiếp là *"Thằng Hộ Pháp"*. Anh là nông dân, là bần cố nông chính hiệu. Anh không được đi học, nên mọi hành động, nghĩ suy thuần do phản ứng tự nhiên. Dường như anh có óc, nhưng *"Thằng Học Giả"* coi bộ óc đó là *"óc bã đậu"*. Anh có mặt trong đoàn người vì anh bị tên xã đội trong làng, bắt quả tang đang làm tình với vợ tên xã đội. Anh bị bắn hụt, ngay đêm đó anh bỏ làng mà đi. Anh xung vào đoàn người như thể tìm một nơi nào đó hoang dã, tự trồng lúa mà ăn, xúc cá tôm trong suối, săn bắn thú rừng. Không cần mua bán đổi chác, không bị hoạnh họe về hộ khẩu, không lo mất tem phiếu... Khác với *"Thằng Học Giả"* hay triết lý về cuộc đời, con người và tình yêu, *"Thằng Hộ Pháp"* làm gì có chữ nghĩa, có đầu óc. Song cả người anh là khối cơ bắp cuồn cuộn đã hấp dẫn phụ nữ hơn những lời triết lý vụn, thành thử phụ nữ lăn xả vào anh.

"Thằng Cấp Dưỡng" là nhân vật thứ tư của toán. Anh này cũng cốt nông dân, nhưng anh hơn *"Thằng Hộ Pháp"* vì anh biết chữ. Vì là cháu họ của ông già trưởng toán, vả lại yếu ớt nhất trong đoàn, nên anh chỉ phải lo nấu ăn cho cả toán, không phải phát quang như ba người còn lại. Anh biết thật rõ con người thật của *"Thủ Trưởng"*, nhưng bản tính lành, lành như con giun, anh cắm cúi lẽo đẽo theo sau các bạn, tận tâm lo miếng ăn cho các bạn.

Nhân vật sau cùng là *"Tôi"*, có thể coi là nhân chứng, là khán giả duy nhất của vở kịch. *"Tôi"* lớn lên trong viện dục anh, tuổi thiếu niên của anh chắc chắn không có nhiều hoa bướm. Anh lớn lên như cỏ dại bên đường, nhưng là một loại cỏ lành. Anh lớn lên như những hoa đồng cỏ nội. Anh vô tư như con sáo. Anh là người có lòng lành, trong veo như nước suối trong nguồn chảy ra. Đời sống trong viện dục anh dậy cho anh sống theo thói quen *"Bấc đến đâu, dầu đến đấy"*. Anh làm cho người đọc thấy cho dù xã hội có bị tha hóa tới đâu chăng nữa, quyền lực có làm con người méo mó dị dạng tới đâu chăng nữa, phần thiện trong con người vẫn còn thoi thóp sống. Anh học hành lỡ dở, thế nhưng cách ứng xử của anh trong mọi tình huống cho thấy con người vốn bản thiện.

Lấp ló đằng sau năm nhân vật chính, cuốn sách có một nhân vật vô hình đầy quyền lực. Đó chính là cái máy liên lạc vô tuyến của ông thủ trưởng. Mỗi khi ông ta lên máy, cử chỉ nghiêm trang, đĩnh đạc, lầm lì, bí ẩn hệt như là những tu sĩ cử hành thánh lễ. Mỗi khi lên máy xong thường có những chỉ thị, khi thì là những lời nhắn nhủ ân cần, khi thì khích lệ hứa hẹn, và rất nhiều lần là những mệnh lệnh khô khan, cứng ngắc ẩn nấp dưới những khẩu hiệu vẽ ngay lên trên mũ.

Vô hình chung cái máy chính là Đảng và ngược lại Đảng là cái máy, nên vì vậy mà Đảng vô hồn, lạnh lùng, tàn ác mà không cảm nhận được sự tàn ác. Những cái máy không thể nghe được, và cũng bất kể những tiếng khóc than của con người. Qua cái máy đó *"Tính Ác"* đã lan tràn đến khắp mọi nơi, cho dù anh có lên trời, hay xuống tận đất đen.

Cái đích kế tiếp của toán thám sát là bản *"Mù U"*. Tôi ngờ rằng cái tên bản này không có thực trong đời sống, không có trên thực địa. Dường như Nhật Tuấn đã không tình cờ khi chọn tên này. Dường như cái tên có một gợi ý nào đó về cái đích trước mặt. Tất nhiên nhà văn có thể lầm lẫn khi chọn tên, nhưng Đảng thì không thể nào sai sót. Do đó trên bản đồ không có một vùng núi lửa với những vách đá dựng đứng như những bức tường, nhưng trong thực tế khi phát giác ra vùng núi này, thằng học giả cho biết cứ như là quang cảnh mặt trăng trong các phim tài liệu. Vì phải vượt qua những vách đá cheo leo như thế, có lần thằng học giả suýt rơi xuống vực sâu, may mà được thằng hộ pháp không ý thức được sự nguy hiểm ngàn cân treo sợi tóc, nhoài hẳn người ra bờ vực cứu mạng. Sau khi cả hai thoát chết, qua ngòi bút Nhật Tuấn, nhân vật tôi nói với thằng học giả:

"Thôi thế là thoát, cũng may không thằng nào chết"

Nó cười cay đắng:

"Giá chết cho một thành phố mọc lên ở đây

thì cũng đáng chết"

Ông toán trưởng đứng cạnh nó, có lẽ thấy cần phải lên giây cót tinh thần cho bọn tôi, ông bảo:

"Các cậu vẫn chưa tin tưởng hả? Nhất định con đường sẽ mở qua đây, nhất định sẽ mọc lên một thành phố và nếu cậu nào hy sinh, rất có thể người ta sẽ dựng bia lưu niệm."

"Nếu vậy xin thủ trưởng cho khắc lên dòng chữ: "Nơi đây một con người đã chết cho một vinh quang vô ích."

Thế rồi một biến cố lớn xẩy ra: Ông già thủ trưởng bị rắn cắn. Khi nhân vật xưng tôi mang được thuốc trị rắn cắn về thì đã quá chậm, ông già thủ trưởng đã chết. Thằng Cấp Dưỡng mất túi tiền, Thằng Hộ Pháp đã trở về với toán thám thính, sau khi thất bại trong lần trốn về tính mang chị vợ anh xã đội đi khỏi làng.

Trong ngày cuối cùng đi thám thính thực địa, Thằng Cấp Dưỡng đi ngược lại con đường, anh muốn tìm lại cái gói tiền anh đã đánh mất dọc đường. Chỉ còn Thằng Học Giả và nhân vật tôi vươn dao xốc tới, theo hướng mà Thằng Học Giả đã vẽ trên bản đồ, và đã lấy phương giác trên địa bàn. Xế chiều hôm đó nhân vật xưng tôi phát giác là họ trở lại điểm khởi hành buổi sáng. Anh quăng dao bỏ cuộc thì Thằng Học Giả bỗng cười lên sằng sặc. Dứt cơn cười thằng này tuyên bố cả bọn đã tới đỉnh Hua Ca. Dường như nó đã tỉnh cơn mơ quyền lực.

Dưới đây là những dòng chót của nhà văn Nhật Tuấn trong tác phẩm này:

"Chúng tôi còn lại bốn người.

Không khói nhang, không bát cơm quả trứng, ông toán trưởng đã được chôn ngay sau đó trên đỉnh núi mà thằng học giả gọi nó là đỉnh Hua Ca. Nó đọc một bài diễn văn rất cảm động và sụp xuống khóc nức nở trước mộ ông. Mai sau nếu có lúc nào nhắc tới ông toán trưởng, đằng sau cặp kính trắng rất có thể của một giáo sư viện trưởng, liệu nó còn giữ được những giọt nước mắt chân tình ấy không? Riêng tôi thầm hứa, sẽ đưa bằng được cái gói nhỏ của ông đến tận tay hai mẹ con bà Trưởng Phòng dạo trước mà ông dặn dò.

Trong đêm cuối cùng trên đỉnh núi, chúng tôi lại đốt một đống lửa ngồi quây quần như những ngày trước. Không ai hé răng một lời. Tất cả đều ngồi thẫn thờ trước ngọn lửa đang bốc cao kéo theo những tàn đỏ đuổi nhau và mất hút vào trong bóng đêm. Mọi việc giữa bọn tôi rồi cũng qua đi như thế. Sáng mai tôi sẽ xuống núi, sẽ nói với nàng Sao rằng Suối Thần trên đỉnh núi Hua Ca chỉ có trong huyền thoại, tuy nhiên không vì thế con người không thể thực bụng yêu nhau..."

Đọc tới dòng chót của cuốn sách, trước tiên tôi biết được vì đâu cuốn sách này không bao giờ được tái bản trong nước. Rất may cho Nhật Tuấn, nó đã kịp ra đời, ít nhất là một lần ngay trên quê hương của nó. Nhưng ít người để ý một điều: Cuốn sách không bao giờ được nhắc tới ở trong nước. Không có vụ khen, chê tác phẩm này, không một dòng chữ nào được nhắc tới tác phẩm này. Lẽ ra nó tạo được một tiếng vang rền như sấm, nhưng vì không một tờ báo nào được phép đề cập tới nó, nên tiếng động tác phẩm này gây được, hệt như tiếng một hòn sỏi ném xuống ao bèo. *Bởi vì nó đã đụng tới tất cả những gì trước đó không ai dám đụng đến.* Nó thách thức tất cả những con người đã trơ như đá, đã vững như đồng, đã có trái tim hóa thạch, đã có những cặp mắt bị hai miếng da che kín ở thái dương, nên góc nhìn hẹp như là một kẽ hở giữa hai ngón tay.

Tôi nghĩ tới những cuốn sách khác, và những tác giả đã một lần cắt đứt sợi giây trói lẩn sâu vào trong da thịt. Họ viết trong khi máu từ những vết thương vô hình nơi cổ tay chẩy ngược về tim. Vì đó là những vết thương vô hình, nên không bao giờ ngậm miệng được. Nếu như giờ đây có nhiều người đã quay ngược đầu lại, đã chìa tay ra chịu trói lần thứ hai, tôi vẫn khâm phục như thường. Tôi ngẫm lại những cây bút của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, và hiểu thêm một điều tại sao có những nhà văn vùng lên trong một giai đoạn rồi thôi. Bởi trên đầu các nhà văn này, lúc nào cũng có một lưỡi gươm vô hình treo lủng lẳng, nơi cổ những nhà văn này lúc nào cũng lấp ló một sợi giây thòng lọng xiết hờ.

Tôi vô cùng cám ơn các nhà văn đã cống hiến cho người đọc những tác phẩm hay, bất kể đó là nhà văn trong nước hay hải ngoại. Điều quan trọng là những tác phẩm này phải đi được vào lòng người, viết vì nỗi đau của con người, chứ không phải viết theo nghị quyết, theo chỉ thị từ trên đưa xuống, hay viết để chiều theo thị hiếu của con người. Trong tinh thần đó, tôi cám ơn nhà văn Nhật Tuấn và tác phẩm *Đi Về Nơi Hoang Dã"*. Ông đã đứng dậy cùng với nỗi đau của chính ông, hòa tan trong nỗi đau của mọi con người. Nhưng quan trọng hơn cả, đây là một tác phẩm văn chương thật hay của văn học Việt Nam hiện đại.●

** Tiểu thuyết của Nhật Tuấn, Huyền Trân tái bản, 280 trang, giá US$12.00, ngoài Hoa Kỳ US$15.00. Liên lạc: Huyền Trân, P.O. Box 1670, Garden Grove 92842, USA. Ngân phiếu đề tên Thuan Do.*

CHUNG QUANH MỘT CD VỪA PHÁT HÀNH:

K. KHÚC CỦA LÊ, 2

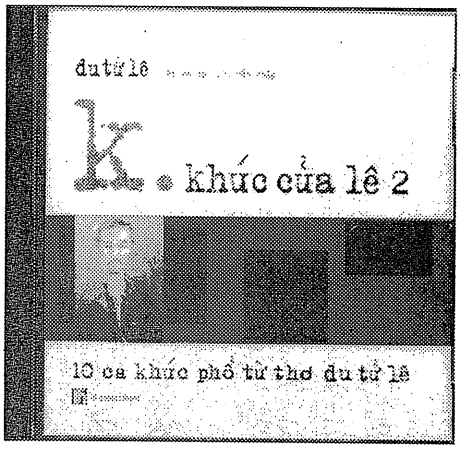

"Theo tôi, CD 'K. Khúc Của Lê' # 2 là một CD được nâng niu, trân trọng đúng mức. Là người từng thực hiện CD nên tôi biết, chỉ xét riêng về phương diện kỹ thuật không thôi, tôi cũng đã thấy sự tốn kém CD này. Thí dụ phần hòa âm của Nhạc sĩ Duy Cường, âm thanh của Kỹ sư Mike Mikuka và phòng thâu Gopher Baroque, lại thêm phần Premastering bởi John Vestman của cơ sở John Vestman Mastering..."

Đó là phát biểu của Nhạc sĩ Đăng Khánh, Giám đốc đài phát thanh VOVN ở Houston, Texas, trong lần viếng thăm quận Cam mới đây.

Nhạc sĩ Nguyên Bích, tác giả ca khúc nổi tiếng "Hiến Chương Yêu" do Đinh Ngọc trình bày, đang được yêu thích tại hải ngoại và trong nước, cũng bày tỏ sự ngạc nhiên, thích thú sau khi ông được một người bạn cho nghe CD này.

Nhạc sĩ Nguyên Bích tin rằng, nếu so sánh CD "K. Khúc Của Lê 2" với CD "K. Khúc Của Lê 1" phát hành cuối năm 1998, thì ngay những người yêu nhạc khó tính cũng sẽ hài lòng:

"Bởi vì họ sẽ tìm dược trong CD mới đó, những ca khúc hiếm quý như "Kiếp Sau Xin Giữ Lại Đời Cho Nhau" của Phạm Duy; sáng tác từ những năm đầu thập niên 70, với tiếng hát Anh Dũng; ca khúc "Hạnh Phúc Buồn" của Hoàng Thanh Tâm (ở Úc châu) với tiếng hát Quốc Việt. "Hạnh Phúc Buồn" của Hoàng Thanh Tâm từng làm người não lòng với những câu như: *"Sông chẳng thể không trôi về biển lớn - người bên bờ, buông tóc thả cho mây- nên suốt kiếp tôi vẫn là đứa trẻ, buồn vui theo chiếc kẹo ở tay người..."*

Với CD "K. Khúc Của Lê 2," người nghe, có thể cũng sẽ có cảm giác "nổi gai ốc" như nữ ca sĩ Phương Hồng Quế đã có, khi cô tới phòng thâu, tình cờ nghe Anh Khoa hát "Cõi Mẹ Về," của Lê Văn Thành (ở Canada.) Một ca khúc nói về người mẹ đã qua đời, thỉnh thoảng lại trở về trong giấc mơ của con bà, để: *"Đắp lại con tấm chăn, vuốt lại con mái tóc;"* hoặc ca khúc "Viện Cớ" của Nguyễn Linh Quang qua tiếng hát Đăng Siêu (cả hai đều ở Paris,) với những câu như: *"Tìm viện cớ đời cho toàn mặt nạ- nên trái sầu chín mọng lúc đang xanh- tình lửa ngọn nghìn sau thôi cháy đỏ- củi than nay chỉ đợi phút tro tàn."*

Người nghe cũng có thể sẽ phải lao lung tự hỏi mình, khi nghe những ca khúc như "Xin Rửa Tội Tôi" của Nguyên Bích, Tuấn Ngọc trình bày; "Lệ Buồn Nhớ Mi" của Đăng Khánh, Thanh Hà hát; hay "Dòng Suối Trăm Năm," của Trần Duy Đức, Trần Thái Hòa diễn tả, với những câu như:<I> "Chẻ đôi sông, núi đêm bưng mặt- mưa quấn khăn vào sâu ấu thơ- chẻ đôi thân thế mù tăm, tích- ta nghĩa trang nào chôn, cất nhau?"

Những người yêu nhạc hoặc có một trình độ thẩm âm cao, cũng sẽ bị bất ngờ một cách thích thú với hai ca khúc "Còn Mong Người Về" nhạc Đỗ VyHạ (ở Massachussets,) và "Ta Tiếc Thiên Đàng Sớm Lập Xong" của Phạm Gia Cổn; và sẽ hiểu, tại sao nữ danh ca Lệ Thu lại đòi hát 2 ca khúc này...

Trước khi bước vào mỗi ca khúc, người nghe cũng được dẫn nhập bằng một đoạn tùy bút ngắn do chính Nhà thơ Du Tử Lê viết, đọc như những mồi lửa tình cảm ngậm ngùi khêu tỏ. Đó là "một tác phẩm, trong một tác phẩm," nói theo Giáo sư Y khoa, Bác sĩ Nguyễn Văn Tuấn; người nổi tiếng thế giới nhờ công trình nghiên cứu chống bệnh loãng xương. Nhưng ông cũng là người từng viết xuống rằng ông là một "tỵ nạn âm thanh" trong nhiều năm qua vì hiện tượng băng nhạc sản xuất xô bồ...

Trong một bài viết trên báo Ngày Nay, Houston, số đề ngày 1 tháng 1 năm 2000, được nhiều báo trích đăng, khi đề cập tới những đoạn tùy bút dẫn nhập cho từng ca khúc của Du Tử Lê, họ Nguyễn ghi nhận: "Trong 'K. Khúc Của Lê,' thính giả sẽ không phải nghe những lời thơ tủn mủn về cuộc sống, hay những lời kể lể triết lý vụn vặt về tình yêu, mà là những vẫn thơ có độ minh triết cao, thể hiện tính khai phá những phức tạp mâu thuẫn, và đa chiều về một thế giới đầy ngẫu nhiên. Thính giả sẽ phải làm quen với những ví von như: hạnh phúc là những giỏ hoa được làm thành bởi những lời nói dối, và tình yêu là những chiếc bóng..."

Vẫn theo Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn, thì mỗi CD "K. Khúc Của Lê" là một tập hợp ba hình thái văn nghệ là: văn chương, thi ca và âm nhạc.

"Theo tôi, nó giống như ba tác phẩm trong một tác phẩm vậy," họ Nguyễn kết luận.

Muốn có CD "K. Khúc Của Lê 2" xin liên lạc với các trung tâm bán lẻ băng nhạc, hoặc Trung tâm Ca Dao Productions, 10493 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683, USA, tổng phát hành. Quý thính giả cũng có thể gọi cho Ca Dao qua số điện thoại miễn phí: 1-888-548-5921.

THUỐC NGHỆ
TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NAN Y

ĐẶC TRỊ:

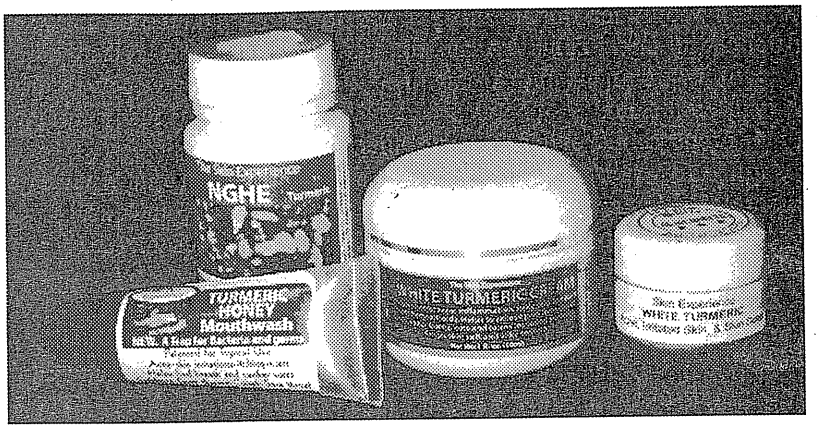

Bao tử viêm loét, no hơi, đi cầu bón hay phân sống - Hôi miệng - Ho kinh niên - Suyễn - Viêm họng - Lở môi, miệng, lưỡi - Sưng nướu răng. Ngứa - Phong - Sunburn - Viêm mũi - Viêm lỗ tai. Mụn cám, Mụn mủ, Mụn nhọt ở các chỗ kín - Da mặt xanh - Da mặt sần - đỏ - Lỗ chân lông lớn. Tóc rụng - Da đầu nổi mụn nhọt, ngứa, gầu. Nhức đầu kinh niên - Đau nhức thấp khớp.

Cô BÍCH VÂN sau nhiều năm tự chữa trị lành các chứng bệnh nói trên đã phát minh ra nhiều cách chữa trị mới rất hiệu nghiệm đã được nhiều người khen tặng.

THUỐC ĐƯỢC BÀO CHẾ THEO CÔNG THỨC MỚI RẤT DỄ UỐNG

Ngoài ra, Nhà phát minh còn sáng chế một dụng cụ đặc biệt tốt hơn thuốc Viagra cho ***các ông bị yếu sinh lý*** **"Patent Pending"**. Đây là tin vui, nếu như các thứ thuốc trên thị trường và Bác sĩ chuyên môn không hiệu quả! Hãy liên lạc và tham khảo trực tiếp.

Ai đau khổ lâu năm vì các chứng bệnh trên hãy gọi ngay:

CÔNG TY SKIN EXPERIENCE

1615 Forest Hill Ct., Crofton, MD 21114

CÔ BÍCH VÂN - Tel: (301) 858-9448

VISA - MAS. - 100% Guarantee Money Back

Xin đón nghe Talk Show trên đài VNCR 106.3 FM lúc 1 giờ trưa vào April 19-26, May 3-10/01.

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở
  - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

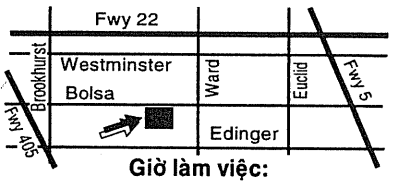

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẦU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim